ĐA HIỆU 94

*Một lời thề giang sơn **Tổ Quốc***
*Trước oai linh **Danh Dự** giống nòi*
*Quốc biến thất phu dành **Trách Nhiệm***
Nghìn năm dân Việt sử sách soi

Hoàng Văn An K20



Ban Chấp Hành Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
Ban Biên Tập Đa Hiệu

Chân thành cảm tạ:

Quý Giáo Sư,
Quý Chiến Hữu,
Quý Thân Hữu,
và Đại Gia Đình Võ Bị

đã ủng hộ tài chánh và đóng góp bài vở để thực hiện Đặc San Đa Hiệu 94.



ĐA HIỆU 94

■ *Chủ đề:*
Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm
■ *Tổng phát hành:*
Hội Võ Bị Bắc California
■ *Phát hành:*
Ngày Thứ Bảy 23 tháng 7 năm 2011
■ *Chủ nhiệm kiêm Chủ bút:*
CSVSQ Nguyễn Văn Chấn K9
■ *Trị sự kiêm thủ quỹ:*
CSVSQ Trương Thành Minh K28
■ *Hộp thư tòa soạn:*
ĐA HIỆU MAGAZINE
P.O. BOX 235
Mt. Eden, CA 94557
Tel: 510-303 7963
■ *Email*: dahieu09@gmail.com
■ *Website:* www.dahieu.com
■ *Hình bìa:* **TỔ QUỐC-DANH DỰ-TRÁCH NHIỆM**

● *trong số nầy*

Trong số nầy 4
Tôn Chỉ & Điều Lê Đăc San Đa Hiêu 6
Lá Thư Tổng Hội 7
Thông Báo..... 10
Tổ Quốc-Danh Dự-Trách Nhiệm *Nguyễn Quốc Đống K1 3*.. 11
Ngày quốc Hận 30 tháng 4.. - *Đỗ Ngọc Nhận K3* 24
Tổ Quốc-Danh Dự-Trách Nhiệm - *Ban Biên Tập* 29
Ngày Saigon đổi tên - *Nguyễn Đông Giang K19* 35
Vui buồn Võ Bị - *Phạm Văn Tiền K20* 37
Còn một quê xa để nhớ về - Nguyễn *Đông Giang K19*..... 50
Tháng Tư đen - *thơ Mạc Phi Hùng* 52
Những kỹ niệm khó quên - *Nguyễn Huy Hùng K1*..... 55
Món qùa vô giá - *Tường Thuý K20B* 75
Khóa 17 VBQGVN...- *Song Vũ* ..... .83
Chú Quế - *Vương Mộng Long* 105
Bài thơ tặng Mẹ - *Nguyễn Hội K20*..... 115
Lực lượng Fulro....- *Trần Ngọc Toàn K16* 116
Hà Phong Giao - *Đặng Văn Cần C22* 123
Thương qúa quê tôi - *Vi Vân K20B* 135
Ba vì sao lạc - *Kathy Trần* 137
Bài tình ca ngày đó.....- Vi Vân K20B 146
Nhạc Nợ tang bồng - *Nguyễn Văn Bồng K13* 157
Hừng Đông Nhớ Bạn - *Thơ Lê Thượng Đô K20*..... 158
Một ván cờ tướng - *Trần Tuấn Ngọc K28* 160

Nốt thăng trầm - *Vương Mộng Long K20* 168
Em đến thăm anh - *Thơ Lê Anh* 206
Phượng Hồng vào hạ - Tường Thúy K20B 207
Tội Nghiệp - *Thu Nga K18B* 217
Đỉnh trời Lâm Viên -*Thơ Quốc Nam K22* 225
Vợ Chồng lục đục cũng tại...-Tô Văn Cấp K19..... 228
Thất thế sa cơ - Nguyễn Chánh Trực K20 ..... .241
Quyển Ngoại Sử...chiến tranh VN -*Ng. Đạt Thịnh* 277
Tháng ngày cuối trong cuộc chiến... -*Từ Vấn K12*..... 282
Sinh Hoạt Võ Bị khắp nơi 298
Buổi Sinh hoạt VB Detroit- *Đổ Minh Nguyệt K23B* 298
Đại Hội K22 VB "46 Năm Hội Ngộ" - *Quốc Nam* 301
Hội VB Houston Mừng Xuân - *Ng. X. Thắng K25* 305
Tin Vui 312
Tin buồn và cảm tạ 313
Báo cáo tài chánh..... .321
Lời cuối 331



Đặc san Đa Hiệu

A/ Tôn chỉ:

Để Đa Hiệu giữ đúng được truyền thống phục vụ tập thể Võ Bị và toàn thể độc giả, một số qui định sau đây được áp dụng:

1. Những bài viết có nội dung cổ võ hay tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản trực tiếp hay gián tiếp đều tuyệt đối không được chọn đăng.

2. Những bài viết không phù hợp với Lập Trường, Tôn Chỉ và Mục đích của TH/CSVSQ/TVBQGVN sẽ không được chọn đăng.

3. Nội dung bài viết cho Đa Hiệu cần phải khách quan, không đả kích, phỉ báng đời tư của bất cứ một cá nhân nào dù trong tập thể Võ Bị hay ngoài. Phê bình và nhận xét về tư tưởng, lập trường, chứ không chi tiết hóa đời tư của bất cứ một ai.

B/ Điều lệ:

1. Bài viết ngoài bút hiệu, xin ghi rõ tên thật, khóa (nếu là CSVSQ), số điện thoại, địa chỉ email và địa chỉ cư ngụ để tòa soạn tiện liên lạc. Nếu không muốn đăng tên thật, xin ghi chú rõ ràng. Để tránh những lỗi lầm đáng tiếc, xin quý vị đánh máy có bỏ dấu, và đính kèm (attached) theo email. Vì nhân sự giới hạn, những bài viết không bỏ dấu và các bài gửi qua đường bưu điện sẽ không được chọn đăng.

2. Đa Hiệu có toàn quyền đăng hay không đăng những sáng tác độc giả gửi đến.

3. Đa Hiệu chỉ đăng tin mừng hay phân ưu do Liên Hội, Hội hay đại diện khóa gửi đến tòa soạn bằng email.

Ban Biên Tập Đa Hiệu

LÁ THƯ TỔNG HỘI

Kính thưa:

Quý NT, NĐ, và Quý Bạn.

Quý GS/VHV và HLV/QSV.

Quý Độc Giả và Thân Hữu.

Quý Chị PNLV và Phu Nhân Võ Bị.

Cùng các cháu TTNĐH.

Đa Hiệu 94 đến tay quý vị vào lúc Ban Chấp Hành Tổng Hội đương nhiệm vừa qua một năm hướng dẫn và điều hành Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN. Ngay sau khi được Đại Hội Đồng Đại Hội Toàn Cầu thứ 17 họp tại thị xã Westminster Nam Califonia ngày 4 tháng 7 năm 2010 giao trách nhiệm lãnh đạo Tập Thể Võ Bị, Ban Chấp Hành đương nhiệm đã được thành lập trong một thời gian ngắn nhất, chú trọng đến việc củng cố và phát triển cơ chế của Tổng Hội qua việc bổ nhiệm các vị Tổng Hội Phó đặc trách vùng tại Hoa Kỳ, đặc biệt là các vị Tổng Hội Phó đặc trách vùng Âu Châu, Úc Châu và Canada. Với mục đích củng cố các tổ chức hiện tại để phát triển và xây dựng, qua Văn Thư số 008/BCH/TH ngày 01 tháng 12 năm 2010, Tổng Hội đề cập việc phát triển Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu là ưu tiên; nhằm tiếp nối sự nghiệp đấu tranh của cha anh – những người đã anh dũng chiến đấu chống cộng sản trong suốt hơn hai thập niên, đem lại tự do và no ấm cho nhân dân miền Nam từ năm 1949 cho đến tháng tư 1975; với mục đích hướng dẫn và trang bị cho thế hệ trẻ Việt Nam Hải ngoại một tinh thần yêu nước, yêu quê hương, có lập trường Quốc Gia Dân Tộc vững chắc cùng hoà nhập với các phong trào đòi dân chủ của các thanh niên sinh viên Trung Đông đang lan

rộng trên toàn cầu. Dựa vào các phương tiện truyền thông trên Internet, qua các mạng lưới Social Network như Face Book, Twitter, MySpace, v...v... đem luồng gió mới trong sinh hoạt dân chủ đến Việt Nam, góp phần giải thể chính quyền cộng sản, xây dựng một nước Việt Nam Tự Do, Dân Chủ với đầy đủ Nhân Quyền.

Trong công tác đấu tranh, người CSVSQ/TVBQGVN luôn lấy lý tưởng Quốc Gia Dân Tộc, Truyền Thống Võ Bị và phương châm TỔ QUỐC - DANH DỰ và TRÁCH NHIỆM của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa làm kim chỉ nam hướng dẫn cho mọi hoạt động. Người Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN từ khi còn thụ huấn cũng như khi đã tốt nghiệp, được tung ra bốn phương trời để thực thi ý nguyện tang bồng hồ thỉ, quyết hy sinh vì Tổ Quốc, "không tìm an lạc dễ dàng, mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm", chịu đựng mọi gian khổ trong những năm dài chinh chiến. Biết bao sĩ quan xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đã bỏ mình nơi chiến địa trong các chiến dịch hành quân diệt địch hoặc tảo thanh cộng quân trên khắp các vùng chiến thuật của miền Nam Việt Nam trước đây. Các sĩ quan của TVBQGVN luôn luôn lấy DANH DỰ của người CSVSQ/TVBQGN để hành động khi tại ngũ cũng như khi rời quân ngũ, lúc ở trong nước hay khi ra hải ngoại, lúc tung hoành dọc ngang nơi chiến địa hay khi thất thế sa cơ trong ngục tù cộng sản. Mỗi người luôn hiên ngang giữ gìn phẩm cách và tiết tháo của người CSVSQ/TVBQGVN. Vào những ngày tháng chót của cuộc chiến, các sĩ quan chỉ huy các quân binh chủng ưu tú của QL/VNCH cũng như các đơn vị bộ binh xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, đã chiến đấu cho đến giây phút cuối cùng.

Gương anh dũng của các Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN vị quốc vong thân, quyết không hàng địch của các sĩ quan khóa đàn anh và những hành động can trường của các sĩ quan khóa đàn em, các khóa nhỏ mới ra trường cũng chiến đấu rất mãnh liệt, biểu lộ một tinh thần phục vụ cao độ, quyết hy sinh cho Tổ Quốc, thật đáng được ghi

vào quân sử .

Thưa quý Niên Trưởng và Niên Đệ,

Sau 36 năm chấm dứt cuộc chiến do cộng sản cưỡng chiếm miền Nam, các cựu SVSQ/TVBQGVN trong nước cũng như nơi hải ngoại vẫn cảm thấy TRÁCH NHIỆM còn đè nặng trên vai của người cựu SVSQ/TVBQGVN nói riêng và quân nhân QLVNCH nói chung vì con đường phục vụ Tổ quốc còn dang dở. Trên tám mươi triệu đồng bào ruột thịt vẫn phải sống dưới chế độ bạo tàn của cộng sản. Đa số nhân dân vẫn sống nghèo khổ, xã hội bị băng hoại, tệ nạn xã hội và tham nhũng lan tràn, lãnh thổ và lãnh hải bị chia cắt và dâng hiến cho ngoại bang; nhất là gần đây, Trung Cộng ngang nhiên xâm phạm chủ quyền lãnh hải Việt Nam qua việc 3 tàu của Trung Cộng đã xâm nhập vào hải phận Việt Nam một cách trắng trợn, coi thường Luật Biển Quốc Tế, gây phẫn nộ cho người dân trong nước cũng như đồng bào hải ngoại, nên đã có những cuộc biểu tình phản đối Trung Cộng trong những ngày qua, ngay tại Sài Gòn và Hà Nội. Hiện nay quyền tự do căn bản của con người vẫn chưa được phục hồi, nguy cơ mất nước đang làm cho tất cả con dân Việt Nam ở quốc nội cũng như tại hải ngoại đều lo âu, trăn trở. Là những CSVSQ/TVBQGVN, chúng ta hãy đoàn kết, đề phòng trước mọi âm mưu chia rẽ, cùng tạo sức mạnh trong công cuộc tranh đấu cho Tự do, Dân Chủ và Nhân Quyền cho Việt Nam.

Kính chào toàn thể Quý Vị.

Santa Clara ngày 4 tháng 7 năm 2011

CSVSQ Nguyễn Văn Chấn K9

Tổng Hội Trưởng TH/CSVSQ/TVBQGVN.





Thông Báo

ĐẠI HỘI K20 KỶ NIỆM "48 NĂM HỘI NGỘ"

Ban Đại Diện K20 Nguyễn Công Trứ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam trân trọng thông báo:

Khóa 20 Nguyễn Công Trứ sẽ tổ chức Đại Hội K20 kỹ niệm **"48 NĂM HỘI NGỘ"** vào ngày 3 đến 4 tháng 9 năm 2011 tại thành phố Santa Ana, miền nam California, Hoa kỳ.

Thiệp Mời và Chương Trình đã được gởi đến toàn thể gia đình Cựu SVSQ/K20/TVBQGVN, đồng thời thông báo trên diễn đàn K20 Nguyễn Công Trứ vào tháng 7.

Hẹn gặp trong ngày **"48 NĂM HỘI NGỘ K20"**

Mọi chi tiết xin liên lạc:

Đại Diện Khóa:	***Trưởng Ban Tổ Chức:***
Lê Tấn Tài	**Nguyễn Hữu Mạnh**
1145 Loupe Avenue	**3495 Wimbledon Way**
San Jose, CA 95121	**Costa Mesa, CA 92626**
(408) 578-5270 Nhà	**(714) 454-2303 Nhà**
(408) 489-4479 Cell	**(714) 306-2303 Cell**



"TỔ QUỐC-DANH DỰ-TRÁCH NHIỆM" ĐỐI VỚI NGƯỜI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Đống, K.13

Ngày 12-6-2011

"Tổ Quốc-Danh Dự-Trách Nhiệm" là những chữ luôn được các quân nhân của QLVNCH ghi khắc trong tâm khảm. Đó chính là ngọn đuốc soi đường cho họ trong cuộc chiến bảo vệ miền Nam tự do chống lại cuộc chiến xâm lược của Bắc quân CS (Năm 1956, Bộ Chính Trị Đảng CSVN công bố Nghị Quyết 16 ra lệnh tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, và cuộc chiến này khởi sự năm 1957). Là những người trai thời loạn, các Sinh Viên Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam luôn ý thức được trọng trách của mình đối với tổ quốc. Trường Mẹ đã hun đúc cho chúng ta một lý tưởng cao đẹp: đó là "lý tưởng quốc gia, dân tộc" mà không một cựu SVSQ nào được quyền quên. Nhiệm vụ của người Cựu SVSQ Võ Bị chính là: bảo quốc (bảo vệ đất nước chống mọi cuộc xâm lăng từ bên ngoài lãnh thổ) và an dân (xây dựng cuộc sống tự do, dân chủ, ấm no, hạnh phúc cho người dân). Trong thời điểm hiện nay, người Cựu SVSQ/TVBQGVN nghĩ gì về ***"Tổ Quốc-Danh Dự- Trách Nhiệm"*** và phải có những hành động nào thích hợp?

Là công dân một quốc gia, tất nhiên chúng ta phải có bổn phận đối với quốc gia đó: xây dựng và bảo vệ quốc gia của mình để nó tiếp tục sống còn và tăng trưởng. Năm 1945, Hồ Chí Minh (HCM) đã cho du nhập vào Việt Nam một chủ thuyết ngoại lai; đó là thuyết Mác-Lê chủ trương phải đấu tranh giai cấp, tiêu diệt giai cấp địa chủ và tư sản trong xã hội VN hầu giành quyền lãnh đạo đất nước cho giai cấp vô sản (công nhân và nông dân), để thành lập một nước Việt Nam theo chủ nghĩa xã hội và từng bước sẽ tiến lên chủ nghĩa Cộng Sản. Các đảng phái quốc gia không CS đã bị HCM và tay sai tiêu diệt từ từ. Hiệp Định Geneve chia đôi VN ký ngày 20-7-1954 giúp Cộng Sản Việt Nam (CSVN) có cơ hội chiếm được nửa nước và thành lập 1 nước Việt Nam Cộng Sản; đó là nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại miền Bắc. Miền Nam thiết lập 1 nước theo thể chế Cộng Hòa, lấy tên là Việt Nam Cộng Hòa. Kể từ đó, hai miền có 2 quan niệm khác nhau về Tổ Quốc. Tại miền Bắc, CSVN ra sức nhồi sọ người dân về một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Họ đồng hóa "tổ quốc VN" với "chủ nghĩa xã hội", và tuyên truyền "yêu nước là phải yêu chủ nghĩa xã hội". Ý niệm về tổ quốc VN đã hoàn toàn thay đổi. Các giá trị cổ truyền của văn hóa dân tộc Việt được thay thế bằng các giá trị mới như: đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản... Học thuyết Mác-Lê là học thuyết căn bản của Quốc Tế CS, nhắm tới việc thành lập 1 thế giới đại đồng, chủ trương Tam Vô: vô tổ quốc, vô gia đình, vô tôn giáo, nên hoàn toàn xa lạ với các giá trị truyền thống của dân tộc Việt. Bộ đội CS được giáo dục là phải "Trung với Đảng" và khẩu hiệu của Công An CS ngày nay là "Còn Đảng là còn ta". Tổ quốc VN không còn chỗ đứng trong xã hội này. Miền Nam VN trái lại thiết lập 1 thể chế dân chủ, tự do. Cả 2 chế độ Cộng Hòa, thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm với nền đệ Nhất CH và thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sau này với nền đệ Nhị CH đều chủ trương bảo tồn văn hóa Việt, bảo đảm 1 cuộc sống tự do, dân chủ cho người dân; trái hẳn với thể chế độc tài, toàn trị tại Bắc VN.

Tổ quốc VN được hiểu như tổ quốc của những công dân Việt tự do, có quyền tự do tư tưởng, phát biểu ý kiến, lập hội, bầu cử và ứng cử...

Kể từ khi quốc gia VNCH được thành lập sau ngày đất nước bị chia đôi năm 1954, ý niệm chính về "Tổ Quốc-Danh Dự và Trách Nhiệm" được gắn liền với ý thức "chống Cộng". Người Việt quốc gia nhận rõ HCM và Đảng CSVN chỉ là tay sai của Phong Trào Quốc Tế CS nên cả triệu đồng bào miền Bắc đã hy sinh bỏ quê cha, đất tổ tại miền Bắc, di cư vào Nam để cùng nhân dân miền Nam xây dựng 1 chế độ tự do, dân chủ, không độc tài. Yêu nước đối với người công dân của chế độ mới VNCH chính là "xây dựng 1 chế độ tự do, dân chủ, tôn trọng nhân quyền", là "chống CS độc tài, khát máu, giết hại dân lành không gớm tay qua các cuộc cải cách ruộng đất, phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, tiêu diệt tư sản..." Người dân miền Bắc di cư vào Nam phải chịu nhiều hy sinh, gian khổ để xây dựng một cuộc sống mới khởi sự từ con số không. Người dân miền Nam cũng phải cố gắng hết mình trong việc giúp một số đông đồng bào của mình thích ứng với cuộc sống mới. Tất cả đều phải chịu nhiều hy sinh trong giai đoạn đầu của 1 quốc gia non trẻ, và người dân đều ý thức trách nhiệm nặng nề của mình. Tuy nhiên CSVN không để chúng ta được yên trong việc xây dựng cuộc sống mới tại miền Nam. Vì chúng phải hoàn thành nghĩa vụ đối với Quốc Tế CS, phải biến VN thành 1 quốc gia CS, nên chỉ 2 năm sau khi Hiệp Định Đình Chiến Geneve được ký kết, chúng đã cho tiến hành "cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam" bằng võ lực (khởi sự vào năm 1957). Những thanh niên ưu tú của miền Nam đều phải trực tiếp tham gia cuộc "bảo vệ tổ quốc VNCH" chống lại cuộc xâm lăng đẫm máu của Bắc quân CS. Họ nhập ngũ và trực diện chiến đấu với kẻ thù từ miền Bắc XHCN. Một số đã tình nguyện vào Trường Võ Bị Quốc Gia VN để được huấn luyện thành các cấp chỉ huy ưu tú của QLVNCH. Cuộc chiến đấu gian khổ của quân, dân miền Nam VN nói chung, và

của các Sĩ Quan xuất thân từ Trường VBQGVN nói riêng kéo dài trong 21 năm, và đã duy trì được cuộc sống tự do, dân chủ của miền Nam trong suốt thời gian này.

Vì hoàn cảnh trớ trêu của lịch sử, miền Nam VN rơi vào tay quân xâm lược miền Bắc CS vào ngày 30-4-1975. Chế độ tự do, dân chủ của VNCH chấm dứt trong tức tưởi. 5 vị tướng của QLVNCH, và rất nhiều quân, cán, chính của miền Nam ý thức được họ đã không hoàn thành được trách nhiệm bảo vệ tổ quốc, bảo vệ người dân, nên đã chọn hình thức tuẫn tiết để bảo toàn danh dự. Đó là các tướng: Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú, Lê Nguyên Vỹ, Trần Văn Hai, Lê Văn Hưng, Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Thượng Sĩ Bộ của Trường Truyền Tin Vũng Tàu, Trung Tá Long dưới chân Tượng Đài Chiến Sĩ Thủy Quân Lục Chiến tại Saigon... Đây là những tấm gương sáng về "lòng yêu nước tha thiết, về ý thức trách nhiệm cao độ, và về cách bảo toàn danh dự đáng kính". Hẳn chúng ta vẫn từng ngưỡng mộ lòng can đảm của các võ sĩ Thần Đạo của Nhật Bản ngày xưa. Khi danh dự của họ bị xúc phạm, họ sẵn sàng tự mổ bụng, chọn cái chết để rửa sạch mối nhục. Các phi công của phi đoàn Thần Phong Nhật Bản trong Thế Chiến Thứ Hai cũng can đảm lái máy bay lao vào hạm đội kẻ thù tại Trân Châu Cảng năm 1945. Việc tuẫn tiết của các anh hùng trong QLVNCH vị quốc vong thân vào ngày 30-4-1975 sẽ mãi mãi được người dân VNCH ghi nhớ và tri ân.

Ngày 30-4-1975 còn khởi đầu 1 trang sử vô tiền khoáng hậu của người Việt quốc gia yêu chuộng tự do, dân chủ. Họ ý thức không thể sống nổi dưới 1 chế độ độc tài sẵn sàng hy sinh quyền lợi của người dân cho quyền lợi của các giới chức lãnh đạo trong Đảng CSVN, và họ quyết tâm ra đi dù phải hy sinh mọi tài sản và ngay cả thân mạng. Trang sử vượt biên, vượt biển tỵ nạn CS bắt đầu. Những trang sử đầy máu và nước mắt của thuyền nhân trên biển và của những người vượt biên bằng đường bộ khiến cộng đồng thế giới tự do kinh hoàng. Họ mở rộng vòng tay đón nhận

những người Việt tỵ nạn CS, cho chúng ta và con cháu một con đường sống. Nhiều năm sau ngày 30-4-1975, từ 1978 đến giữa thập niên 80, nhiều làn sóng người Việt tỵ nạn CS đến định cư tại các quốc gia tự do khắp 5 châu. Cộng đồng những người Việt tỵ nạn CS được hình thành, và mỗi ngày một tăng trưởng.

Sự thành lập 1 cộng đồng người Việt ngoài VN gồm đa số là những nạn nhân của CS: những người đã bị CS cướp đoạt hết tài sản, bị tống đi các vùng "kinh tế mới" khô cằn, bị nhiều năm lưu đầy trong các trại tù "học tập cải tạo"... đã tạo nhiều ảnh hưởng đến cách suy nghĩ, cảm xúc cũng như cách sống của người dân trong nước và tại hải ngoại. Những năm đầu tiên, CSVN tức giận gọi những người bỏ nước ra đi vào ngày 30-4-1975 và những người vượt biên, vượt biển trốn chạy khỏi VN sau đó là những kẻ "phản bội Tổ quốc" (chúng đồng hóa tổ quốc VN với chủ nghĩa xã hội, nên ai chối bỏ chủ nghĩa xã hội đều bị gán tội phản quốc). Chúng cho công an, bộ đội biên phòng canh gác gắt gao các vùng biên giới và những vùng bờ biển, ngăn chặn thuyền vượt biển, bắt người vượt biên và vượt biển, giam tù họ trong các trại lao động khổ sai, cướp tiền và vàng họ mang theo trong người... Những biện pháp hung hãn này cũng không ngăn chặn được các làn sóng người bỏ nước ra đi tỵ nạn CS. Mọi thành phần trong xã hội tìm cách bỏ nước ra đi: từ quân cho đến dân, từ trí thức đến người lao động... Những mỹ từ của chế độ mới như: nhân dân làm chủ, chuyên chính vô sản, con người mới xã hội chủ nghĩa, tận diệt giai cấp bóc lột... không giữ chân được người dân, không đem lại niềm tin cho họ. Họ không thể chấp nhận một "tổ quốc xã hội chủ nghĩa" xa lạ với những giá trị dân tộc truyền thống của họ. Sau nhiều năm gian nan cực khổ để có một đời sống tạm ổn định tại các nước tạm dung, người Việt tỵ nạn CS tại hải ngoại bắt đầu tham gia vào đời sống chính trị ở địa phương. Các hội đoàn lúc đầu chỉ mang tính chất ái hữu dần dần trở thành các hội đoàn

tranh đấu, mang màu sắc chính trị rõ nét hơn. Họ xác nhận căn cước tỵ nạn chính trị của mình, khẳng định họ có mặt ở hải ngoại tại các nước tự do vì lý tưởng quốc gia, dân tộc, vì lý tưởng tự do, dân chủ chứ không phải vì lý do kinh tế. Cộng đồng hải ngoại do họ xây dựng nên ngày một vững mạnh về ý thức chính trị lẫn kinh tế, trở thành một đối lực quan trọng của CSVN.

Trong hoàn cảnh mới này, CSVN bắt buộc phải thay đổi quan niệm và chính sách hoạt động của chúng đối với cộng đồng người Việt hải ngoại. Chúng thôi không gọi những người Việt bỏ nước ra đi là "những kẻ phản quốc, chạy theo đế quốc Mỹ để ăn bơ thừa, sữa cặn" nữa. Chúng gọi họ là "khúc ruột ngàn dặm, là Việt Kiều yêu nước". Thực ra họ đâu phải là Việt Kiều. Việt Kiều là công dân Việt Nam mang quốc tịch VN đang sống tại ngoại quốc, vẫn còn bị chi phối bởi chính phủ VN. Còn người Việt bỏ nước Việt ra đi tỵ nạn CS, sau nhiều năm sinh sống và làm việc tại các nước tạm dung, họ đã trở thành công dân của các nước này, mang quốc tịch mới, đâu còn là công dân của VN nữa mà gọi họ là Việt Kiều. Tháng 3, 2004, CSVN còn ban hành Nghị Quyết 36, một chính sách quy mô để một mặt thu phục nhân tâm tại hải ngoại, kêu gọi người Việt nước ngoài nghĩ đến tổ quốc VN mà đem tài lực, nhân lực về xây dựng đất nước; mặt khác chúng tìm cách đánh phá những thành phần kiên quyết chống Cộng, làm họ nản lòng, không dám tham gia vào các hoạt động chống Cộng tại hải ngoại nữa. Trong các sinh hoạt cộng đồng, chúng ta chứng kiến những việc từ trước đến nay chưa hề có. CSVN cho tay sai tìm cách xâm nhập vào các tổ chức cộng đồng, đoàn thể của người Việt hải ngoại. Chúng kêu gọi người Việt nước ngoài đem vốn về VN đầu tư. Chúng bỏ vốn cho các tổ chức kinh tài tại hải ngoại phát triển hoạt động. Chúng cử các phái đoàn từ thiện đi khắp nơi kêu gọi chúng ta mở lòng từ tâm giúp người già neo đơn, giúp trẻ em nghèo, mồ côi, tật nguyền, giúp xây trường học, giếng

nước, cầu đường tại VN... Chúng kêu gọi trí thức trẻ trong cộng đồng về VN giúp nước và giúp dân... Chúng kêu gọi người Việt hải ngoại "về nguồn". Chúng gọi quê hương VN là "chùm khế ngọt" để thức tỉnh lòng yêu tổ quốc VN của họ. Tóm lại CSVN gian manh, không đề cập đến "tổ quốc xã hội chủ nghĩa" của chúng nữa, mà chỉ còn nhắc nhở đến "tổ quốc VN" thôi. Biết bao người đã bị lừa, đã quên hết những năm tháng bị đọa đầy trong các nhà tù lớn, nhỏ của CS, quên hết tội ác diệt chủng của chúng đã khiến hàng trăm ngàn người dân vô tội phải chết thảm trong rừng sâu hay trên biển cả... Họ ồ ạt quay về VN, đem nhiều tỷ đô la dâng cho bạo quyền CS, giúp chúng thoát hiểm, sống còn, và ngày nay vẫn ngự trị trên đầu, trên cổ người dân VN.

Người dân Việt hải ngoại nghĩ gì trong hoàn cảnh này? Các cựu SVSQ Võ Bị nghĩ gì "về khái niệm tổ quốc, về trách nhiệm, và về danh dự" trong hoàn cảnh đổi mới này? Có một số người nghĩ rằng quốc gia VNCH đã mất, không còn tồn tại nữa, đã trở thành lịch sử. Hiện tại bây giờ chỉ còn một nước VN, tuy là một nước VN Cộng Sản nhưng vẫn còn là nơi chôn nhau, cắt rốn của họ, nơi họ còn biết bao người thân sinh sống, nơi an nghỉ của tổ tiên, nơi họ có biết bao kỷ niệm của thuở ấu thơ, của thời trưởng thành... Thậm chí họ còn không dám bày tỏ lòng yêu kính đối với lá cờ vàng, ba sọc đỏ, tượng trưng cho quốc gia VNCH ngày xưa. Một cựu quân nhân QLVNCH, cũng là một nhà báo nổi tiếng của chế độ miền Nam, còn khuyên người Việt hải ngoại "nên cất giữ cờ vàng ở trong lòng, chứ không nên đem nó trưng ra trong các cuộc biểu tình tại hải ngoại!" Thật là một thái độ vô ơn, đã bị nhiều đồng hương Việt tỵ nạn phản đối kịch liệt. Chúng ta cần ghi nhớ một điều. Tuy người Việt bỏ nước ra đi đã mất tất cả, mất nhà cửa, người thân, mất cả quê hương nhưng họ vẫn còn giữ được linh hồn của tổ quốc trong tim. Biểu tượng của tổ quốc VNCH chính là lá cờ vàng, ba sọc đỏ. Những gì mà người Việt tỵ nạn CS làm để bảo vệ và tôn vinh lá quốc kỳ này chính là những

gì họ làm cho "tổ quốc VNCH" của họ. Sao có thể nói là tổ quốc của họ đã mất? Đây chỉ là lối nói ngụy biện của bọn CS gian manh và bè lũ tay sai nằm vùng tại hải ngoại.

Trong nhiều năm qua, chúng ta chứng kiến sự trưởng thành về mọi mặt của cộng đồng người Việt tỵ nạn CS. Họ khuyến khích con cháu gia nhập vào dòng chính: tích cực tham gia bầu cử và ứng cử tại địa phương. Họ tham gia các cuộc biểu tình chống sự hiện diện của các viên chức CS, chống các cuộc trình diễn của văn công CS, chống sự xâm nhập của CS và tay sai trong mọi hoạt động: kinh tế, văn hóa, văn nghệ, xã hội... Họ chịu hy sinh thì giờ, tiền bạc và công sức để chống lại sự thâm nhập của CSVN. Họ biến cộng đồng thành một thành trì chống Cộng vững chắc, cương quyết bảo vệ vùng đất tự do cuối cùng cho họ và con cháu. Để tỏ lòng tôn kính đối với biểu tượng của tổ quốc VNCH, lá cờ vàng, ba sọc đỏ, họ đã hợp sức vận động các giới chức dân cử tại địa phương (các hội đồng thành phố, các quốc hội tiểu bang...) thông qua các nghị quyết công nhận và vinh danh cờ VNCH. Chiến dịch Vinh Danh Cờ VCH khởi đầu vào tháng 2, 2003 và vẫn còn đang tiếp diễn tại Hoa Kỳ. Người Việt tỵ nạn CS còn kiên quyết hạ cờ máu CS ở bất cứ nơi nào nó được treo lên. Biến cố Trần Trường tại thủ đô của người Việt tỵ nạn CS, Little Saigon, Nam California, vào năm 1999 đã chứng tỏ người Việt hải ngoại không để CSVN xâm chiếm đất sống tự do của họ. Các trường học, cơ sở thương mại, bệnh viện... treo cờ VC, sau khi được giải thích, họ đều cho hạ cờ VC và treo cờ vàng, ba sọc đỏ của người Mỹ gốc Việt. Nơi nào dám cho hạ cờ quốc gia để đón tiếp người của VN Cộng Sản thì bị đồng hương biểu tình phản đối kịch liệt (biến cố hạ cờ quốc gia tại Vietnam Center, thành phố Saint Paul, tiểu bang Minnesota tháng 11, 2003). Người Việt tỵ nạn CS còn góp công, góp sức và tiền bạc để xây dựng các Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Việt-Mỹ hay Chiến Sĩ Việt-Úc, nơi lá cờ vàng, ba sọc đỏ của VNCH được ngạo nghễ tung bay ngang với cờ của quốc gia

sở tại (Hoa kỳ và Úc châu...) Tóm lại, đối với người Việt tỵ nạn CS, tổ quốc của họ vẫn là "tổ quốc VNCH" được tượng trưng bằng lá cờ vàng, ba sọc đỏ.

Xác định được vấn đề "tổ quốc" trong hoàn cảnh mới của mình rồi, người Việt hải ngoại nói chung, và các cựu SVSQ Võ Bị nói riêng phải xác định tiếp "trách nhiệm" của mình. Ngày nay cuộc chiến Quốc-Cộng đã sang một trang mới, không còn diễn ra trên chiến trường, mà diễn ra trên nhiều mặt trận khác, rất đa dạng, đòi hỏi chúng ta phải dốc toàn tâm, toàn lực để chiến thắng kẻ thù chung: bọn CSVN gian manh, khát máu. Vậy chúng ta phải làm gì trong cuộc chiến đa dạng này?

Thứ nhất, chúng ta phải tích cực hỗ trợ cho các tổ chức cộng đồng và hội đoàn trong các hoạt động bảo vệ lá cờ vàng, ba sọc đỏ; bảo vệ cộng đồng chống sự xâm nhập của CS và tay sai. Chúng ta cương quyết không đi xem các chương trình văn nghệ có sự hiện diện của ca sĩ từ trong nước ra, của các văn công VC, của các ca sĩ hải ngoại thường xuyên về VN trình diễn. Chúng ta không tiếp nguồn sống cho các cơ sở phát hành băng, đĩa VC, sách báo VC, không mua hàng tại các cơ sở kinh tài của VC, không mua hàng của các cơ sở làm ăn buôn bán với VC. Nhiều cá nhân và hội đoàn đã từng vì hô hào biểu tình chống văn công VC, chống các bầu văn nghệ mời văn công VC ra hải ngoại trình diễn mà bị kiện cáo tại tòa.

Tổng Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN đã nêu 1 tấm gương sáng trong việc kêu gọi các thành viên trong Tổng Hội tích cực yểm trợ Quỹ Pháp Lý cho 7 thành viên đang bị kiện, tại Fort Worth Texas. Các anh em Võ Bị đã và đang nhiệt tình đóng góp hỗ trợ đồng hương và đồng môn trong vụ kiện này.

Thứ hai, chúng ta cũng cần thanh lọc hàng ngũ của chính mình, nhận diện kẻ nội thù có thể đang nằm ngay trong hàng ngũ của chính chúng ta. Chúng tìm cách chia rẽ, phân hóa hàng ngũ của chúng ta, mà rất nhiều khi vì cầu

an, vì cả nể, vì muốn giữ hòa khí, tình tự đồng môn, chúng ta đã không dám thẳng tay với những kẻ nội thù này. Nhận diện chúng không khó lắm, nhưng đối phó với chúng lắm khi thật khó khăn vì chúng ta còn để tình cảm hơn là lý trí chi phối hành động của chúng ta. Thử nghĩ, ở ngoài mặt trận, nếu chúng ta nương tay với kẻ thù, chúng có tha cho ta hay không? Hễ không chiến đấu thì thôi, còn chấp nhận chiến đấu thì phải chiến đấu kiên quyết mới nắm phần thắng. Thật là nực cười cho lý luận của những kẻ chủ trương "không nên chống Cộng quá khích, phải chống Cộng ôn hòa để kéo chúng về phía mình, phải cộng tác với chúng để cảm hóa chúng, phải hòa hợp, hòa giải với chúng để xây dựng đất nước và cải thiện đời sống của người dân..." Chiến đấu chống Cộng nửa vời kiểu này sẽ không bao giờ thắng được chúng, và sẽ không mang lại thành quả như chúng ta mong muốn.

Thứ ba, chúng ta nhất quyết không giúp cho kẻ thù có phương tiện củng cố quyền lực và tiếp tục làm giàu trên đầu, trên cổ nhân dân VN. Các hình thức tiếp máu cho chế độ chẳng hạn gửi tiền về đầu tư ở Việt Nam, về VN du lịch, ăn chơi... chúng ta tuyệt đối không thể làm.

Vấn đề danh dự của khối người Việt tỵ nạn CS tại hải ngoại cũng cần nêu ra ở đây. Ngày xưa chúng ta đã liều chết bỏ quê hương, xứ sở ra đi, và đã được chính quyền cũng như người dân các nước tạm dung cho tỵ nạn chính trị, tránh sự bức hại của ngụy quyền CS. Ngày nay không lẽ vì chút lợi nhỏ mà chúng ta chối bỏ căn cước tỵ nạn của mình, sẵn sàng trở về quê hương cộng tác với ngụy quyền CS. CSVN chẳng hề thay đổi. Chúng vẫn xác định nền tảng của chế độ chính trị của chúng là chủ thuyết Mác-Lê, và chúng vẫn sẽ tiếp tục con đường tiến lên chủ nghĩa CS. Chúng vẫn coi Trung Cộng là quan thầy, và vẫn tiếp tục thái độ khiếp nhược đối với nước láng giềng xấu xa phương Bắc. Như vậy chỉ có một số người Việt hải ngoại thay đổi cách nhìn đối với bọn tà quyền VC mà thôi. Họ nói "CSVN ngày nay đã

thay đổi rồi; chúng không còn là Cộng Sản nữa; trước sau gì CSVN cũng phải bị đào thải, không nên nôn nóng mà phải thức thời chuẩn bị cho 1 xã hội hậu CS đa đảng, đa nguyên v...v..." Là người Việt tỵ nạn chính trị tại hải ngoại, chúng ta không thể nói và làm những gì gây hại cho chính nghĩa quốc gia. Chúng ta cũng quyết không làm những gì có lợi cho chế độ CS tại quê nhà, làm giảm nhẹ tội ác mà chúng đã gây ra cho đất nước và dân tộc Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử VN, chúng ta thấy một điều rất rõ nét; đó là "tinh thần yêu nước của dân tộc VN". Lòng yêu nước của người dân VN đã giúp họ chấp nhận mọi hy sinh trong những khoảng thời gian rất dài; nhiều lần đánh bại kẻ thù phương Bắc; không bị Tàu đồng hóa sau cả ngàn năm Bắc thuộc; vẫn giữ được nền độc lập sau gần 100 năm bị thực dân Pháp đô hộ. Lịch sử VN là lịch sử chống ngoại xâm. Chính CSVN đã lợi dụng lòng yêu nước của dân tộc VN để lôi cuốn người dân miền Bắc vào cuộc chiến xâm lăng miền Nam (1957-1975), lấy chiêu bài là "giải phóng miền Nam khỏi sự xâm lược của đế quốc Mỹ, giành độc lập cho tổ quốc VN". Sự tuyên truyền dối trá này đã khiến người dân 2 miền phải vướng vào cuộc chiến đẫm máu nhất trong lịch sử nước nhà, cuộc chiến Quốc-Cộng đã khiến nhiều triệu quân và dân 2 miền Nam và Bắc mất mạng, một cuộc chiến vẫn còn để lại những vết thương không thể lành được trong lòng người dân Việt dù chiến tranh đã chấm dứt 36 năm rồi. Chưa bao giờ người Việt lại bị chia rẽ trầm trọng như ngày nay: người dân Việt hải ngoại tỵ nạn CS thì quyết không đội trời chung với CS, quyết không hòa hợp, hòa giải với chúng dưới bất cứ hình thức nào. Trong khi đó có một số người Việt dù biết CSVN gian ác và biết là không thể sống chung với chúng, vì quyền lợi, vẫn cộng tác và cam tâm làm tay sai cho chúng.

Sau khi nhờ lợi dụng được lòng yêu nước của người dân, và chiếm được quyền hành cai trị trên toàn lãnh thổ,

CSVN đã hiện nguyên hình là một lũ buôn dân, bán nước. Chúng liên tục nhượng đất, nhượng biển và đảo của VN cho Tàu Cộng khiến đất nước mất dần những phần đất quý báu mà tổ tiên ta phải tốn bao xương máu mới có được và bảo vệ được. Dân chúng trong nước phẫn nộ biểu tình chống hành động xâm lược của Trung Cộng ngoài Biển Đông thì CSVN cho công an đàn áp thẳng tay. Người dân Việt tại hải ngoại vì yêu nước Việt, có cảm thấy phẫn nộ trước thái độ hung hăng của Trung Cộng và thái độ khiếp nhược của VC cũng chỉ biết biểu tình phản đối chúng trước các tòa đại sứ hay lãnh sự quán. Ngoài ra họ còn biết làm gì hơn, vì tổ quốc VN đã bị bọn cướp CSVN chiếm mất. Họ đã không còn cách nào bảo vệ tổ quốc một cách hữu hiệu nữa! Trách nhiệm "bảo vệ tổ quốc" bây giờ lại nằm trong tay bọn bán nước VC thì hiểm họa mất nước là điều không thể tránh! Cái mà chúng ta có thể làm được bây giờ là hết lòng hỗ trợ cho các phong trào dân chủ trong nước; khuyến khích giới trẻ trong nước can đảm đứng lên nhận nhiệm vụ của mình, không khiếp sợ bạo quyền CS nữa, và sẵn sàng làm tất cả để một phong trào cách mạng tương tự như cuộc cách mạng Hoa Lài tại Bắc Phi và Trung Đông có cơ hội nảy sinh.

Tóm lại, khối người Việt tỵ nạn CS nói chung và anh em Cựu SVSQ Võ Bị nói riêng tại hải ngoại ngày nay ngoài trách nhiệm đối với quê hương thứ hai, là miền đất tạm dung của chúng ta và con cháu trong thế giới tự do, chúng ta vẫn còn trách nhiệm đối với tổ quốc VN, là quê cha, đất tổ của rất nhiều người trong cộng đồng. Tại hải ngoại, chúng ta chỉ là một thiểu số đang được hưởng cuộc sống tự do, dân chủ. So với hơn 80 triệu người dân Việt đang sống lầm than, thiếu tự do trong nước, chúng ta may mắn hơn họ rất nhiều. Do đó chúng ta vẫn còn có trách nhiệm đối với họ. Điều chúng ta tha thiết mong mỏi và phải cố gắng làm cho được, đó là tiếp tục cuộc tranh đấu vì tự do, dân chủ và nhân quyền cho người dân Việt trong nước. Đa số chúng

ta tuổi đời đã cao, sức khỏe suy yếu sau nhiều năm chinh chiến và nhiều năm bị đọa đầy trong các nhà tù CS. Nếu muốn thành công trong cuộc chiến cuối cùng này, chúng ta cần giữ vững niềm tin, không chao đảo trước sự mua chuộc hay tấn công của kẻ thù. Chúng ta cũng cần giáo dục giới trẻ trong cộng đồng để họ ý thức được trách nhiệm trong việc tiếp bước cha chú, tranh đấu cho một Việt Nam tự do, dân chủ, không Cộng Sản. Con đường chúng ta đi còn dài và còn nhiều gian khổ, nhưng nếu cố gắng, chúng ta sẽ tới nơi. Ngọn đuốc soi đường của chúng ta chính là Lý Tưởng của Trường Mẹ, đã được khẳng định nhiều lần trong Bản Nội Quy của Tổng Hội. Đó là: "cương quyết không chấp nhận hòa hợp, hòa giải với CSVN; quyết tâm hướng mọi hoạt động vào việc giải thể Đảng CSVN, thực hiện giấc mơ quang phục quê hương VN, đem lại cuộc sống tự do, dân chủ và hạnh phúc cho người dân Việt".

Nguyễn Quốc Đống, K.13



Ngày Quốc Hận
30 Tháng 4 Năm 1975
Lần Thứ 36

Tâm Huyết của Một Trí Thức Thế Hệ Trẻ Trong Nước

Cách đây 36 năm, dự kiến Miền Nam Việt Nam (MNVN) sẽ sụp đổ, vào ngày 27-04-1975, các sinh viên VN du học tại Paris đã tổ chức ngày để tang cho MNVN. Trong dịp này, thi sĩ Ngôn Nguyễn đã sáng tác một bài thơ rất xúc động:

"Ôi đau đớn tiễn linh hồn Tổ quốc

Ôm hình hài lá cờ Vàng Ba Sọc

Chít khăn sô cả dân tộc bịt tang
Ối! Miền Nam nỗi đau xót kinh hoàng
Trời!!! Dậy tiếng kêu vang bị Bức Tử
Biến đổi màu bao linh hồn viễn xứ
Trang Quốc Sử nhuộm máu hồng tươi
Chữ Tự Do trước mắt đã chết rồi
Vành khăn trắng nỗi đau ngày Quốc Hận"

Thực vậy, biến cố ngày Quốc Hận 30-04-1975 đã mang lại hậu quả vô cùng khắc nghiệt, gần 30 triệu đồng bào MNVN lâm vào cảnh cực kỳ điêu linh thống khổ, nhà tan cửa nát, con mất cha, vợ mất chồng, chồng mất vợ, kẻ bỏ xác trong ngục tù, người làm mồi cho hải tặc hay bị chôn vùi trong lòng biển cả. Tội ác của CSVN độc tài toàn trị đối với dân tộc chồng chất suốt 36 năm qua không bút nào tả xiết. Hậu quả là đất nước băng hoại tụt hậu thê thảm. "*So với các nước lân bang trong vùng Đông Nam Á, VN ngày nay cần 18 năm để đuổi kịp Indonesia, 34 năm với Thái lan và 197 năm với Singapore.*" (Lời tâm huyết của Nguyễn Nguyễn, thế hệ trí thức trẻ 8x trong nước)

Người ta thường nói: "*Đối tượng quan sát thay đổi tuỳ theo vị trí của người quan sát*". Cuộc CTVN lại vô cùng phức tạp cho nên có rất nhiều góc cạnh để quan sát. Kết quả là tuy cùng một sự việc, nhưng lại nảy sinh nhiều quan điểm khác nhau, có khi mâu thuẫn nhau về nguyên nhân đưa đến thảm họa MNVN rơi vào tay cộng sản. Thật là mỉa mai, mãi 35 năm sau ngày Quốc Hận 30 tháng 4 năm 1975, chúng ta mới nghe được cựu Ngoại trưởng Hoa kỳ Henry Kissinger thú tội trong cuộc hội thảo tại Bộ Ngoại giao Hoa kỳ ngày 29-09-2010. Lời thú tội ấy được tóm gọn như sau: "***Sự thảm bại tại Việt Nam năm 1975 là do Hoa kỳ chớ không phải VNCH***"

Lê thành Nhân, tác giả bài viết KISSINGER ĐÃ ĐẤM NGỰC THÚ TỘI (ngày 28-10-2010) nhận định như sau về lời thú tội trên của Kissinger: "*Nhân dân Việt Nam và thế giới công chính đã chờ đợi câu nói đó từ 35 năm rồi, nay mới được thốt ra từ chính cửa miệng của Henry Kissinger, vào một thời điểm và tại một địa điểm có tính toán. Bởi vậy, nó có một giá trị vô cùng quan trọng. Nó trả lại danh dự cho hàng triệu chiến sĩ tự do của VNCH, từ người dân đen đến cấp lãnh-đạo cao nhứt. Nó giải oan cho hàng triệu linh hồn người Việt đã hi sinh cho Tự do. Nó trả lại DANH DỰ VÀ CHÍNH NGHĨA cho toàn thể Quân Dân VNCH từng bị bọn phản chiến và truyền thông bất lương bôi lọ.*" (hết trích dẫn)

Là những cựu quân nhân Quân Lực VNCH (QLVNCH), cựu Cảnh Sát Quốc Gia (CSQG) cựu thành viên lực lượng bán quân sự (LLBQS) VNCH, chúng ta hãy bày tỏ niềm hãnh diện đã can trường chiến đấu với nhiều hy sinh xương máu dưới ngọn cờ chính nghĩa tự do của VNCH. Biến cố đau thương 30-04-1975 đưa đến cuộc thất trận của MNVN, không có nghĩa là cuộc chiến tranh chống cộng sản xâm lược của quân dân MNVN là một cuộc chiến tranh phi nghĩa. Những sự kiện sau đây chứng minh lập luận đứng đắn ấy:

1. Lịch sử cận đại 36 năm VN dưới chế độ toàn trị, hà khắc, tham nhũng, ngu dốt của CSVN chứng minh rằng thời gian MNVN dưới chính thể VNCH tuy ngắn ngủi chỉ có 21 năm, nhưng là thời kỳ rất quang vinh, nhân dân được hưởng tự do dân chủ hạnh phúc thực sự, MNVN lúc bấy giờ không thua kém bất cứ quốc gia lân bang nào trong khu vực. Sự hy sinh của hàng trăm ngàn chiến sĩ QLVNCH, hàng triệu chiến sĩ vô danh MNVN cho cuộc chiến đã không uổng phí.

2. Cuộc chiến mà VNCH phải đương đầu là một cuộc chiến tranh có chính nghĩa, bởi đó là cuộc chiến tranh tự vệ mà VNCH phải đương đầu chống lại cuộc chiến tranh

xâm lược của quốc tế cộng sản mà CSVN thực chất chỉ là tay sai được ủy nhiệm để đưa dân tộc vào vòng nô lệ của cộng sản. Chủ trương triệt hạ người quốc gia thâm độc ấy vẫn tiếp tục cho đến nay hòng khống chế người Việt quốc gia hải ngoại xuyên qua nghị quyết 36 của đảng CSVN.

3. Bản chất của đảng CSVN và hệ thống truyền thông nô dịch là **lừa bịp**. Phương pháp toàn trị của CS là **bạo lực và thủ đoạn** về tư tưởng cũng như hành động. Chiêu bài "giải phóng MNVN" đánh Mỹ cứu nước là sự lừa bịp trắng trợn. Tư tưởng Hồ chí Minh là loại tư tưởng vọng ngoại, bán nước phản dân tộc. Sự việc đảng CSVN dâng đất dâng biển cho Trung cộng nay đã hiển nhiên không thể chối cãi. Nông dân bị cướp đất canh tác, công nhân bị bóc lột, tín đồ các tôn giáo bị xách nhiễu cấm cản. Tham nhũng, bán nước, bán đất cầu vinh lan tràn. Mâu thuẫn nội bộ đảng CS mỗi ngày một sâu rộng vô phương hàn gắn. Truyền thông nô dịch lừa bịp của đảng CS đã không còn lường gạt được ai. Nhân dân VN đã mất hẳn niềm tin vào chế độ CS...

4. Sự khác biệt giữa người CS và người quốc gia trụ ở điểm then chốt là: người CS không có tổ quốc, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cũa tổ quốc mình để phục vụ cho quyền lợi của cộng sản quốc tế; còn người quốc gia chúng ta thì đặt quyền lợi tối thượng của dân tộc mình, của tổ quốc mình lên trên hết.

5. Phong trào nhân dân nổi dậy chống độc tài, áp bức, bóc lột, lường gạt, để đòi tự do dân chủ đã bộc phát mạnh mẽ và thành công tại Tunisia, Ai cập, đang lan sang các nước như Libya, Algeria, Syria, Yemen v.v... Phong trào ấy cũng đang âm ỉ lan rộng bén rễ khắp năm châu kể cả Trung cộng và Việt Nam. Độc tài toàn trị CSVN chắc chắn không thể đảo ngược lại xu thế khát vọng tự do dân chủ để sinh tồn của nhân loại vào tiền bán thế kỷ 21 này.

Để kết luận, chúng ta hãy mượn ý và lời tâm huyết của Nguyễn Nguyễn, một trí thức thế hệ trẻ (8x) từ một blooger trong nước kêu gọi mọi người hãy cùng nhau đánh đổ bức tường truyền thông nô dịch lừa bịp của CSVN, bởi vì truyền thông luôn đóng vai trò quan trọng để thay đổi xã hội. Chúng ta hãy hành động thiết thực và đồng loạt bằng cách đưa tin tức chân thực đến với mọi người trong cũng như ngoài nước. Nguyễn Nguyễn viết lời tâm huyết như sau: "***Tôi mong muốn những trí thức ở hải ngoại hãy giúp đỡ trí thức trong nước bằng những tài liệu, giáo trình của các đại học tân tiến trên thế giới qua internet để người muốn học có cơ hội tiếp cận. Chúng ta sẽ có một lực lượng mạnh nếu đoàn kết... Hãy cùng tôi tích cực dọn đường cho sự thay đổi của Việt Nam. Vì chính chúng ta, vì Việt Nam, để không còn nỗi nhục nhược tiểu, để không có cảnh phụ nữ VN phải đi lấy chồng ngoại, trẻ em Việt bị mua bán, bị đẩy vào các nhà chứa, để trí thức Việt không còn phải tha phương cầu thực, nông dân, công nhân không phải vất vả và còng lưng trả nợ cho kẻ cầm quyền. Chúng ta hãy hành động. Tự cứu mình và cứu những người khác nữa. Vì tương lai, xin tất cả hãy tìm cách liên kết với nhau trong tình dân tộc***" (hết trích dẫn)

CSVSQ Đỗ Ngọc Nhận K3



TỔ QUỐC - DANH DỰ - TRÁCH NHIỆM

Ban Biên Tập

Châm ngôn này của QLVNCH được áp dụng từ 1966 vào lúc mà toàn diện quân phục, phù hiệu, cấp hiệu, quân kỳ của quân đội được thay đổi. Trong cuộc duyệt binh và diễn hành năm ấy tại Sài Gòn, những lá quân kỳ cải tiến đủ mầu sắc, các bộ quân phục đại lễ của các quân trường, đoàn nữ quân nhân, những chiến phục mầu ngụy trang, tất cả theo kiểu mẫu và mầu sắc mới tạo nên một sắc thái lạ mắt và hùng dũng của một quân lực đang lớn mạnh và bắt đầu dành những chiến thắng lớn sau một giai đoạn suy thoái trầm trọng.

Sáu chữ ngắn gọn nói trên đã được các chiến sĩ VNCH noi theo trong thời gian chiến tranh khi phục vụ các đơn vị, ngoài chiến trường cũng như tại hậu phương. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, nước VNCH mất vào tay CSVN, đại đa số các quân nhân Miền Nam vẫn giữ được tinh thần vì Tổ Quốc, Danh Dự và Trách Nhiệm dù sống dưới chế độ thống trị chuyên chính của đảng CSVN hay đã định cư tại các nước tự do dân chủ Tây Phương. Trong số này, các cựu sĩ quan xuất thân Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt là một trong những lực lượng nòng cốt trong mặt trận tranh đấu cho tự do dân chủ ở Việt Nam của cộng đồng người Việt yêu nước chống chế độ CSVN.

Khi còn chiến tranh chống CSVN trong nước, các sĩ quan tốt nghiệp Trường VBQG là những người chiến đấu can trường dưới khẩu hiệu vì Tổ Quốc, Danh Dự và Trách Nhiệm. Chúng ta đã cầm súng, không quản ngại nguy nan cùng gian khổ để bảo vệ tổ quốc và dân tộc. Dù khó khăn, dù gặp những nghịch cảnh hay những cám dỗ, tiêu cực, phần lớn chúng ta vẫn giữ vững danh dự của quân đội, đơn vị và cá nhân, góp phần vào uy danh của đất nước và quân lực ta trên thế giới.

Trong các lễ mãn khóa, mỗi người đã giơ tay tuyên thệ để nhận lãnh trách nhiệm đối với tổ quốc và dân tộc. Trong những năm tháng phục vụ quân đội, chúng ta được coi như đã thi hành được trách nhiệm ấy một phần lớn. Nhưng chúng ta chưa hoàn tất vì nhiều trở lực đưa đến ngày 30/4/1975.

Tuy nhiên không ai dám tự nhận là mình đã làm xong nghĩa vụ đối với Tổ Quốc, bảo vệ hữu hiệu Danh Dự của quốc gia và quân lực, và đã làm tròn trách nhiệm được nhân dân và quốc gia trao phó. Chỉ có các tử sĩ đã gục ngã vì chống lại kẻ thù trên chiến trường hay trong lao tù và những người đã mất một phần thân thể vì súng đạn của địch mới có quyền tự nhận mình đã thực hiện trọn vẹn châm ngôn nói trên. Nhiều người chúng ta đổ trách nhiệm chính đối với việc mất nước vào tay CSVN cho chính phủ Mỹ. Điều ấy đúng nhưng chưa đủ. Người ta nói "tất cả các quân nhân

còn sống sót đến sau ngày 30/4/1975 nhất là hàng sĩ quan từ cấp úy đến cấp tướng, đều chịu trách nhiệm nhiều hay ít về việc để cho VNCH bị sụp đổ, không thể đổ lỗi toàn bộ cho người Mỹ."

Người cựu SVSQ trường VBQG đã tự khẳng định lòng yêu nước của mỗi người. Khi còn chiến tranh, chúng ta đã hết lòng chiến đấu cho sự trường tồn và tương lai tươi sáng của Tổ Quốc. Ngày nay, dù đang sinh sống ở nước ngoài, người cựu SVSQ/VBQG nào cũng nhớ đến đất nước và dân tộc gốc gác của mình và sẵn sàng làm những gì tốt đẹp nhất cho quê hương cũ. Ý nguyện này hiện hữu đương nhiên trong tim óc chúng ta. Về phần này, hầu hết chúng ta đều đã thực hiện được.

Nay chúng ta đang tranh đấu trong hoàn cảnh mới chưa cần đến súng đạn. Mục tiêu của chúng ta không phải chỉ là tái lập nước VNCH cũ, mà là xây dựng một đất nước Việt Nam thống nhất, dân chủ, độc lập và thịnh vượng, nhân dân Việt Nam được tự do không còn bị áp bức dưới một chế độ độc tài của bất cứ thế lực nào.

Anh em chúng ta đang ở nước ngoài. Những ai còn thấy mình vẫn là một phần tử còn giữ bản chất và truyền thống của một quân lực một nước độc lập, dân chủ, một nền văn minh có văn hóa đặc thù, có chính nghĩa dù đã bị giải thể, thì châm ngôn Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm, hẳn vẫn là tâm niệm cho mỗi cá nhân chúng ta. Cuộc tranh đấu này đang gặp nhiều khó khăn và thách thức của cả thù lẫn bạn, trong đó khó khăn và thách thức đến từ bạn có tác động nghiêm trọng và nan giải hơn.

Chúng ta còn có danh dự cá nhân cần phải bảo vệ, nhất là khi chúng ta là những quân nhân. Ngoài lãnh vực cá nhân, chúng ta còn phải bảo vệ danh dự của tập thể như của quân trường đã dạy dỗ chúng ta nên người sĩ quan, của đơn vị phục vụ cũng như của quân đội. Khi còn chiến đấu ở trong nước, những nghĩa vụ này được thực hiện với ít khó khăn hơn so với ngày nay khi chúng ta đã ra sống ở nước ngoài.

Trước cộng đồng người Việt tại các nước chúng ta định cư chúng ta cần làm thế nào để có thể bảo vệ được danh dự của tổ chức cựu SVSQ Trường Võ Bị là điều đương nhiên. Nhưng chúng ta phải đối diện với những khó khăn khi giao tiếp với các cộng đồng sắc tộc khác và với người dân bản xứ. Những người không cùng máu mủ, văn hóa và truyền thống Việt Nam có thể chú ý đến cách hành động của chúng ta để đánh giá tất cả cộng đồng người Việt ở địa phương và dân tộc Việt Nam. Vì thế người cựu quân nhân VNCH phải thận trọng gấp hai lần so với các giới khác thuộc cộng đồng Việt Nam để tự giác cũng như ngăn ngừa những hành động có thể làm thiệt hại đến danh dự chung của chúng ta.

Khi còn đất nước và quân lực, chúng ta có hoàn cảnh và điều kiện để dễ dàng thực hiện những mục tiêu đề ra trong châm ngôn. Lúc ấy chúng ta có hệ thống tổ chức, kỷ luật nghiêm khắc và lãnh đạo chặt chẽ giúp chúng ta phương tiện và hậu thuẫn để hoàn thành nghĩa vụ, có khối quần chúng đông đảo đứng bên cạnh chúng ta để yểm trợ và phê phán.

Còn hiện tại ở hải ngoại, chúng ta không những không có những thuận lợi ấy, mà còn phải đối phó với những khó khăn lớn lao do tình thế sinh sống trong môi trường tự do dân chủ ở nước ngoài tạo ra. Điều đáng tiếc là phần lớn những khó khăn ấy lại do chính các phần tử phe ta, các đồng ngũ và những người có chung những hoài bão và mục tiêu tranh đấu.

Hiện diện tại nước người, chúng ta phải làm nhiều hơn khi còn ở trong nước nếu muốn phục vụ Tổ Quốc một cách thiết thực và hữu hiệu. Chúng ta phải đối phó với tình trạng kém am hiểu của dân bản xứ đối với nếp sống riêng của người Việt cùng là những hành động yêu nước của chúng ta. Trong khi ấy, bạo quyền CSVN với khả năng dồi dào về tài chánh đang tích cực quấy phá chúng ta, ngăn cản chúng ta làm những việc vì quyền lợi tối cao của Tổ Quốc. Điển hình là vụ Trung Cộng lấn chiếm đất đai và khủng bố ngư dân Việt Nam gần đây.

Là người Việt Nam làm ăn ở nước ngoài trong hoạt động nghề nghiệp và giao tiếp, dễ phát sinh những sự xích mích, va chạm, vi phạm luật lệ gây ra những tiếng tăm di hại cho danh dự của cộng đồng người Việt hải ngoại cũng như cho dân tộc Việt Nam. Cùng một hành động xấu ở Việt Nam được coi là tầm thường không đáng kể. Nhưng nếu xảy ra ở nước ngoài, việc làm ấy có thể tác hại trầm trọng cho danh dự của con người Việt Nam.

Chúng ta cần mạnh dạn bảo vệ danh dự của đất nước khi thấy có những việc làm sai trái của các đồng hương. Phải ra sức ngăn chận, những hành vi trái luật lệ hay nếp sống xã hội. Thái độ tiêu cực, "mặc kệ", e dè của tập thể chúng ta sẽ ảnh hưởng tai hại đến danh dự của cộng đồng.

Chủ điểm quan trọng nhất đối với các cựu SVSQ Trường VBQG chúng ta là hai chữ Trách Nhiệm. Khi còn chiến đấu chống CSVN ở trong nước, nhân dân, thực tại đời sống, hệ thống tổ chức và kỷ luật vừa khuyến khích vừa bắt buộc chúng ta phải thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với quốc gia dân tộc, với đồng bào, với quân đội và thuộc cấp. Nay sang định cư ở nước ngoài, những tưởng trách nhiệm ấy được thu gọn trong giới hạn cá nhân đối với xã hội mình đang sinh sống mà thôi. Nhưng vì mục tiêu đấu tranh cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ và phát triển, chúng ta lại phải nhận lấy những trách nhiệm tương tự nhưng trong điều kiện khó khăn hơn rất nhiều. Đất nước hưng vong, kẻ sĩ như chúng ta phải gánh một phần trách nhiệm.

Cộng đồng người Việt ở hải ngoại là một tập thể lỏng lẻo, chia tam xẻ tứ, hoạt động chỉ dựa vào tinh thần phục thiện và tự giác và gần như không có kỷ luật hay chế tài nào. Mục tiêu và đường lối nào cũng rất hay, rất đẹp. Nhưng vì nạn chia rẽ và đố kỵ đã làm cho những mục tiêu, đường lối ấy trở nên xa xôi và ảo tưởng tuy rằng chúng ta có sức mạnh đáng kể nếu không bị phân tán. Có thể nói cộng đồng người Việt yêu nước ở hải ngoại chỉ cần đoàn kết được dù lỏng lẻo là đã có đủ thế lực làm cho chế độ CSVN phải ghê sợ và có đủ tiềm lực để thúc đẩy cuộc tranh đấu loại

bỏ nền chính trị độc đảng chuyên chính của CSVN để đi đến thành công sớm hơn rất nhiều.

Tổ chức Tổng Hội Cựu SVSQ Võ Bị Quốc Gia là đoàn thể còn giữ vững một mối trong khi nhiều tổ chức cùng gốc cùng ngọn khác bị chia rẽ thành từ 2 đến bốn năm hệ phái xung đột với nhau. Người cựu SVSQ Võ Bị Quốc Gia nên lấy đó làm niềm kiêu hãnh tự hào.

Hẳn ai cũng đã thấy rõ trách nhiệm lớn nhất trong số những trách nhiệm hiện nay của chúng ta là chủ động xây dựng mối đoàn kết trong cộng đồng. Người cựu SVSQ Võ Bị có mặt trong đa số các đoàn thể của cộng đồng. Nếu lấy cái gọi là Tình Tự Võ Bị làm keo sơn gắn bó thì chúng ta có thể làm được một vài việc gì đó đáng kể để thể hiện tinh thần trách nhiệm này. Một trong những hành động có thể thực hiện là các Cựu SVSQ Võ Bị cương quyết phản kháng, không tham gia hay ủng hộ những việc làm có tính cách chia rẽ chống đối nhau quá đáng gây dị nghị và tiếng xấu cho tập thể người Việt giữa hai hay nhiều tổ chức, đoàn thể trong cộng đồng mà mình là thành viên. Đồng thời tích cực ủng hộ những việc làm có mục đích đoàn kết, chống chia rẽ.

Trách nhiệm nặng nề và vô cùng khó khăn này đòi hỏi mỗi cựu SVSQ Võ Bị một quyết tâm và cố gắng rất lớn lao với truyền thống cao cả của Trường VBQGVN. Nhưng có lẽ trách nhiệm trước mắt và tối thiểu của mỗi Cựu SVSQ là đừng làm bất cứ việc gì có thể làm nguy hại cho khối đoàn kết của Tổng Hội VBQG, chỉ vì những hiểu lầm nhỏ nhen, ích kỷ, ganh ghét, hiếu thắng.

Đó là một cách vinh danh châm ngôn "Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm" trọn vẹn nhất.

Ban Biên Tập Đa Hiệu



NGÀY SÀIGÒN ĐỔI TÊN

Thân tặng đồng bào Việt Nam lưu vong - nđg

Từ ngày Sài gòn đổi tên
Nỗi đau vật vã, oằn mền trang thơ
Trở tay không kịp ván cờ
Choàng cơn ác mộng, bơ vơ xứ người

Từ ngày Sài gòn mất tên
Thi ca bật dậy, tiếng rền thiên thu
Xưa đi chinh chiến xa mù
Nay đổi di trú, đi tù núi cao
Còn em vượt biển năm nào
Biển xanh đâu nở, mà sao chẳng về?
Hay là em nặng lời thề
Quê hương đỏ khói, chưa về làm chi

Sài gòn từ thủa mất tên
Bàn dân thiên hạ, trở nên khác thường
Đi thì nhớ ở thì buồn
Đã đi vẫn ở, ở tuồng như đi
Em ơi còn nói được gì
Lỡ tay buông súng, tức thì mất tên

Sài gòn từ thưở đổi tên
Nhặng ruồi đươc bật, đèn xanh bay vào
Cùng ma cùng quỷ lao xao
đỏ trời vì những, vị sao lạ đời
Hỡi ơi vật đổi sao dời
Núi sông xưa lạ mất rồi, sao em ?
Sài gòn, ơi hỡi cái tên
Thơ ta vẫn mãi, gọi em bên trời.

Cali - NGUYỄN ĐÔNG GIANG K19



Vui Buồn Võ Bị

(Viết cho ngày họp mặt khóa 20 Nguyễn Công Trứ, 48 năm sau ngày nhập trường)

Ai lên xứ hoa đào đừng quên mang về một cành hoa
Cho tôi bớt mơ mộng chiều chiều nhìn mây trôi xa xa
Người về từ hôm nao mà lòng còn thương vẫn thương
Bao nhiêu năm tháng cũ mà hồn nào thôi vấn vương
Giờ nầy nhìn sương khói mà thầm mơ
Màu hoa trên mắt ai.....

(Hoàng Nguyên)

Đà Lạt là nơi sinh của nhiều loài hoa quý, hoa Anh Đào nở rộ mùa Xuân cùng Mimosa, Penseé, Tulipe và những cụm hoa lan rừng. Hãy nhớ đừng quên mang một vài cành hoa tặng người yêu khi về phép. Đà Lạt là nơi chúng ta chập chững bước vào đời quân ngũ với nhiều ước vọng tương lai, mãi mãi vẫn còn in sâu trong ký ức mỗi một cựu Sinh Viên Sĩ Quan xuất thân từ mái trường Võ Bị. Đà Lạt

của một thời đáng yêu và đáng nhớ!

Ai lên xứ hoa đào dừng chân bên hồ nghe chiều rơi!. Nghe hơi gió len vào hồn người chiều Xuân mây êm trôi. Thông reo bên suối vắng lòng dạt dào bao ý thơ. Đà Lạt thành phố sương mù đã một thời là của tôi, của anh, của chúng ta, của những trai Võ Bị ê a nhịp bước quân hành. *Bạn ơi! Quan hà xin cạn chén ly bôi, ngày mai tôi đã, đã đi xa rồi, thành đô yêu dấu vắng bước chân tôi, giữa đoàn hùng binh có tôi đi hàng đầu, chỉ về là khi nước non vui bình yên*. Mãi mãi là bài hát không thể nào quên của những buổi cơm chiều đầu đời Tân Khóa Sinh ngồi thẳng lưng, quần áo thùng thình, đầu trọc nhẵn lờ quờ, ăn uống hấp tấp vội vàng, đi đứng theo thế vuông góc cùng những lời xỉ vả vô tội vạ, đầy nước mắt nơi phạn điếm vào những buổi cơm chiều.

Đà Lạt với những cô nữ sinh xinh đẹp của Bùi thị Xuân, Couvent Des-oiseaux, Lyceé Yersin...*em cao nguyên má đỏ môi hồng, ở đây buổi chiều quanh năm mùa Đông* đã một thời làm chúng ta mê mệt si tình đêm nằm thao thức, mơ mộng viễn vong... Đà Lạt thành phố thơ mộng của núi rừng cao nguyên với đồi thông ngút ngàn và nhiều thác nước uy nghi hùng vĩ. Cam Ly, Pren, Suối Vàng, Gougah, hồ Than Thở, Xuân Hương, khu phố Hòa Bình, những con đường ngoằn ngoèo dốc thẳng gập ghềnh, cùng khí hậu tươi mát quanh năm đã từng đắm say trong lòng biết bao lữ khách! *"Đà lạt của người tôi yêu. Từng con phố dài như dốc chiều, có mưa phùn giăng theo sương núi và quanh hồ đôi bóng dập dìu. Đà Lạt của người yêu nhau, như con suối và trăng gối đầu. Như hơi lạnh đan trong quan khói. Và giáo đường hai đứa bên nhau! Đà lạt của người trăm năm. Em chim quyên bay xuống đồng bằng. Đem đồi thông vi vu tiếng thở và hoa đào nở giữa hàng cau..!"* (Nghiêu Minh)

Khóa 20 Nguyễn Công Trứ nhập trường cuối năm 1963 và mãn khóa ngày 20-11-1965. Chúng ta những thư sinh vừa rời khỏi ghế nhà trường theo tiếng gọi non sông lên đường

làm lịch sử. Thời gian 2 năm quá ngắn so với một đời người, nhưng lại là thời gian khá dài đáng nhớ nhất của đời lính chúng ta với những ngày tháng thương yêu, đùm bọc lẫn nhau trong gian khổ. Những bài tập chiến thuật, địa hình, những đêm dạ hành, những buổi học văn hoá cùng những lần bị phạt huấn nhục hành xác từ các niên trưởng đàn anh, những đêm dã chiến đầy gian nan vất vả. Làm sao chúng ta có thể quên được cái cảm giác của ngày được phép dạo phố đầu tiên của người SVSQ Võ Bị sau thời gian bị giam hãm kềm kẹp tứ bề. Những khuôn mặt hốc hác phờ phạc sau ngày dạo phố cuối tuần, cùng khung cảnh mệt mỏi rã rời, trộn lẫn nắng nhạt chiều tàn khu doanh trại, nhưng vẫn hăng hái cho một ngày thứ hai đầu tuần "chào cờ" đầy sôi động. Tất cả là những kỷ niệm để đời.

Bốn mươi tám năm là một quãng đường dài. Những mái tóc xanh ngày xưa bây giờ đã bạc. Những đôi chân và đôi tay rắn chắc hàng trăm cái nhảy xổm hít đất bây giờ đã yếu. Nhiều khoảng không gian trong ký ức đã bị phủ dày dưới lớp bụi thời gian. Tuy nhiên những địa danh quen thuộc ngày nào mãi mãi vẫn còn tiềm ẩn sâu trong ký ức của mỗi một SVSQ xuất thân cùng một mái trường mẹ. Đồi 1515 nơi tọa lạc của một quân trường, miếu Tiên Sư, ấp Thái Phiên thênh thang với cánh đồng carot, bắp cải, nặc nồng mùi phân cá, đồi Bắc nơi tiền đồn chúng ta thường xuyên canh gác hàng đêm. Nào Lapé Nord, Lapé Sud, đồi 1441 bên bờ hồ Than Thở, đồi 1605 những đêm dã trại lạnh thấu xương mùa Đông buốt giá. Nhiều bản làng dân tộc thiểu số núi rừng với các ngày lễ hội chiêng trống hàng năm bên ánh lửa bập bùng, đỉnh Lâm Viên, núi Trinh Nữ cao sừng sững giữa trời, sương mù che phủ quanh năm, nơi thử sức cuối cùng sau 8 tuần lễ huấn nhục để bắt đầu cho một ngày mới **"Quỳ xuống Tân Khóa Sinh! Đứng dậy Sinh Viên Sĩ Quan!"** trong một đêm giá lạnh âm u hồn tử sĩ tại Vũ Đình Trường. Phố Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, khu chợ Hoà Bình,

và nhất là cổng sau Tôn Thất Lễ nơi chúng ta thường trốn phố đêm qua ngõ Chi Lăng...và hàng trăm địa danh khác sẽ ở lại với chúng ta cho đến giây phút cuối của đời người...



Bởi vì những nơi đó, trên mỗi con đường, trong từng viên gạch, nơi những bãi cỏ xanh mướt tại Vũ Đình Trường trong những buổi chào cờ sáng thứ hai, những căn phòng ta học khu nhà H, dãy nhà 3 tầng thẳng tấp chia làm 4 khu batiments gọn ghẻ xinh đẹp nơi ta ở, phạn điếm chúng ta ăn, những bản nhạc chúng ta nghe...vẫn còn lảng vảng đâu đó hình ảnh của bạn, của tôi, của các niên trưởng đàn anh đầy tình nghĩa ôm ấp thương yệu, chia ngọt xẻ bùi trong những ngày buồn vui lẫn lộn **"thao trường đổ mồ hôi chiến trường bớt đổ máu!."**

Trong suốt 21 năm chiến đấu kiên cường, quân dân Việt Nam Cộng Hòa không có con đường nào khác hơn, không có chọn lựa nào khác hơn là phải chung lưng chiến đấu bảo vệ từng con đường, khu phố, từng ngọn núi, con sông của đất mẹ, bảo vệ quyền được nói những điều chúng ta suy nghĩ, quyền được sống nơi chúng ta muốn sống, quyền đi nhà thờ, đi chùa, quyền được hát bài hát chúng ta thích. Người Sinh Viên Sĩ Quan của Trường Võ Bị Quốc Gia chúng ta

cùng chung nhịp bước quân hành với các quân trường bạn, đã đóng gớp máu xương vào cuộc chiến đầy chính nghĩa nhưng cũng đầy hy sinh gian khổ đó. Các bạn khóa 20 Nguyễn công Trứ chúng ta, cùng biết bao niên trưởng của các khóa đàn anh khác, đã lần lượt nằm xuống để tô thắm cho đất mẹ Việt Nam, để nền tự do dân chủ được đơm bông kết trái! Nhưng tiếc thay chí lớn không thành, ước vọng đã sớm tan tành mây khói, anh hùng trong một lúc sa cơ đã trở nên người thiên cổ. Xưa nay chinh chiến mấy ai về!

Ngày chúng ta mãn khóa cũng là lúc chiến trường miền Nam đang cực kỳ sôi động, bọn Cộng Sản Hà Nội với sự tiếp tay của tập đoàn cộng sản quốc tế, lợi dụng tình hình chính trị sau cuộc đảo chánh nền đệ nhất Cộng Hòa với cái chết oan uổng của anh em vị Tổng Thống, và thảm cảnh thanh trừng nội bộ của các tướng lãnh, đã là cơ hội tốt để chúng tung toàn bộ lực lượng chính quy xâm nhập miền Nam. Cuộc đổ bộ tại bờ biển Đông Bắc Đà Nẵng ngày 7-3-1965 của 3500 TQLC Hoa Kỳ đã mở một trang sử mới cho một giai đoạn mới trong cuộc chiến Việt Nam, Mỹ thực sự cầm súng dàn trận chiến đấu với xe tăng, đại bác không còn chỉ đơn thuần là cố vấn. Chiến trận đã xảy ra khắp nơi và những tin tức dồn dập từ các chiến trường, những mất mát bất ngờ quá sớm của các khóa đàn anh đi trước, đã để lại trong lòng mỗi một chúng ta nhiều nỗi buồn thương tiếc khôn nguôi. Nhưng chúng ta không nản chí, một Nguyễn Anh Vũ thủ khoa khóa 18 Nhảy Dù, Lê Văn Quế người đại đội trưởng đáng kính trong hệ thống tự chỉ huy Đại Đội F Biệt Động Quân, Võ Thành Kháng thủ khoa khóa 19, niên trưởng Nguyễn Văn Hùng Thủy Quân Lục Chiến...và hàng chục niên trưởng khác đã hy sinh trên mọi miền đất nước trong các trận chiến thử lửa đầu tiên, mặc dầu ***"chí tuy còn mong tiến bước, nhưng sức không kham nỗi đoạn đường, chúng ta cần được dắt dìu. Hỡi các chiến sĩ trận vong!"***

Toàn thể khóa 20 chúng ta đồng hát khúc ca quân hành

Đoàn sinh viên ta xiết chặt dây thân ái. Gieo khắp đó đây những mầm sống vui. Đoàn sinh viên ta vui bước lên. Dù gian nan bao nhiêu khó khăn, đi lên, đi!. Ta đoàn Sinh Viên Võ Bị Việt Nam!. Chúng ta không cầu an lạc dễ dàng mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm. Khóa 20 chúng ta tiếp tục lên đường với tất cả nhiệt tâm của người trai thời chinh chiến. Chúng ta hăng hái tranh nhau tình nguyện về các binh chủng hùng mạnh nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Sự tuyển chọn có giới hạn và không ít các bạn trong chúng ta đã thất vọng vì không đúng theo sở thích và nguyện vọng của mình.

Binh chủng Nhảy Dù 50, Thủy Quân Lục Chiến 25, Biệt Động Quân 50, Lực Lượng đặc biệt 10 trong đó có 3 bạn biệt phái thám báo Quân Đoàn II, tất cả không còn chỗ trống. Số còn lại chia đều về các sư đoàn bộ binh trên 4 vùng chiến thuật. Chúng ta đã có mặt ngay trên chiến trường sau 42 ngày thử thách khóa 23 Rừng Núi Sình Lầy tại trung tâm huấn luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ, có nhiều bạn nôn nóng bỏ học nữa chừng về trình diện đơn vị gấp để được ra ngay ngoài mặt trận, dù có bị phạt cũng chẳng sao! Chúng ta là những hiệp sĩ thiếu kinh nghiệm trên chiến trường. *"Em hỏi anh bao giờ trở lại! Anh trả lời mai mốt anh về. Anh trở về hàng cây nghiêng ngã, có khi là hòm gỗ cài hoa. Anh trở về bằng chiếc băng ca, trên trực thăng sơn màu tang trắng em ơi!"*

Võ Phú Hữu Đại Đội A là người tử nạn duy nhất của khóa khi còn là SVSQ, bạn đã bị đuối sức trong bài thực tập "Vượt sông ứng chế" giữa lòng hồ Than Thở. Còn Đỗ Bá Sư đoàn 5 Bộ Binh là người tử trận đầu tiên tại chiến trường sau chỉ một tuần về trình diện đơn vị. Nguyễn Thành Trọng, Huỳnh Văn Dinh, Nguyễn Thanh Vân... Sư đoàn 18, Nguyễn Đình Khiêm Sư đoàn 7, Thuận Văn Chàng, Đỗ Đức Thành, Lê Phát Lộc, Trịnh Tiến Hùng, Phan Văn Na...Nhảy Dù, Nguyễn Quang Minh A, Lê Xuân Lộc, Nguyễn Văn

Khương, Nguyễn Tuấn Kiệt, Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Hoa..TQLC, Hoàng Đại Đồng, Đoàn Văn Chớ, Đỗ Cơ Danh... Biệt Động Quân, Phan Gia Lâm, Nguyễn Tâm Hồng, Trịnh Văn Hơn...Sư đoàn 1. Trương Đình Bảy...Sư Đoàn 2...Tất cả các bạn đó đã là những người sớm đền xong nợ nước. Chúng ta những người may mắn còn lại, không có chọn lựa nào khác hơn là vẫn tiếp tục chiến đấu và hy sinh cho đến những trận chiến sau cùng.

Chúng ta hãnh diện về thành tích nhiều chiến công nơi trận mạc và tài chỉ huy của các bạn Hoàng Mão, Lại Thế Thiết, Nguyễn Thái Bửu, Nguyễn Văn Măng, Huỳnh Bá An những cánh chim đầu đàn của khóa. Những Trần Công Hanh, Nguyễn Văn Nghiêm, Nguyễn Trọng Nhi, Trương Văn Vân, Lê Hữu Chí...Nhảy Dù, Phạm Cang, Nguyễn Văn Sử, Nguyễn Cao Nghiêm, Lê Quang Liễn, Phạm Văn Tiền... TQLC. Vương Mộng Long, Quách Thưởng, Trịnh Trân, Đỗ Đức Chiến, Lê Tấn Tài, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Hữu Mạnh, Lê Thanh Phong, Nguyên Lương Hào, Trương Đình Hà...Biệt Động Quân. Trần Lương Tín, Vũ Quý Ánh, Phạm Hưng Long, Phạm Gia Quang...Sư đoàn 5, Nguyễn Bích, Võ Công Danh...Thiết Giáp, Đoàn Minh Phương, Hà công Hách...tất cả đều may mắn tồn tại và chiến đấu trong những điều kiện bất lợi cho đến trận chiến sau cùng. Hòang Đình Đạt cựu SVSQ Tham mưu Tiểu Đoàn Đại Đội H, sĩ quan tiếp liệu trung đoàn của Sư Đoàn 18 Bộ Binh và nhiều bạn khác đã hy sinh vào ngày lịch sử bi hùng 30-4 của dân tộc. Tôn Thất Trân, Huỳnh Túy Viên dù nằm trong tay giặc nhưng vẫn tỏ ra tiết tháo của một cấp chỉ huy gan dạ, nên đã bị địch kết án tử hình trong những ngày đầu bọn giặc cưởng chiếm miền Nam. Còn nhiều bạn khác cũng đã làm rạng danh cho khóa bằng ý chí sắt đá kiên cường, dù đã trở thành người thương binh trong cuộc chiến, Quách Vĩnh Trường là một điển hình đặc biệt sau khi giải ngũ đã tiếp tục đến trường, tốt nghiệp thủ khoa Cao học Luật tại Đại Học Sài Gòn, Phạm Văn Yêng luật sư, Trương Dưỡng ngồi

xe lăn, Trần Thanh Quang với bàn tay còn lại vẫn tiếp tục thành đạt nơi xứ người, Nguyễn Trọng Nhi mặc dầu đến Mỹ muộn màng cũng đã trở thành bác sĩ, Vương Mộng Long tù cộng sản 13 năm, định cư năm 1993 cũng đã tốt nghiệp University of Washington năm 2003 với cấp bằng B.A Social Sciences & Communication và còn rất nhiều bạn khác nữa...

Khóa 20 chúng ta hơn một phần ba đã lần lượt hy sinh và đổ máu trong cuộc chiến đấu cho tự do và dân chủ để bảo vệ miền Nam. Chúng ta đã làm hết sức mình trong cương vị chỉ huy thuộc nhiều đơn vị khác nhau. Sau khi đất nước thân yêu bị giặc cưỡng chiếm, cả dân tộc rơi vào vòng nô lệ của chủ nghĩa Cộng sản độc tài, hàng ngàn chiến sĩ QLVNCH trong đó không ít anh em cùng khóa chúng ta bị đày đọa trong lao tù hay bỏ thây ngoài biển cả mênh mông hoặc mất tích trên đường vượt thoát tìm tự do.

Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào chúng ta cũng ngẩng đầu cao hãnh diện, gìn giữ tiết tháo của một cấp chỉ huy. Lữ đoàn 147 TQLC với các tiểu đoàn tác chiến được chỉ huy bởi các bạn khóa 20 chúng ta, đã để lại sự cảm mến của nhiều đơn vị bạn, ngay cả trong những giờ phút bi thương nhất của lịch sử. Những gì xảy ra tại bãi biển Thuận An trong những ngày tháng Ba Gãy Súng năm 1975, đã chứng tỏ các bạn ta đã hoàn thành tốt đẹp phương châm **"Tự Thắng để Chỉ Huy"** thề sống chết thủy chung với binh sĩ thuộc quyền.

Và chúng ta, bầy chim xanh sống còn sau nhiều trận bão tố cuồng phong, đã may mắn tìm lại nhau, sau gần nữa thế kỷ xa cách, từ lúc thủ khoa Quách Tinh Cần giương cung tên bắn đi khắp 4 phương trời tượng trưng cho chí tang bồng hồ thỉ của người sĩ quan xuất thân từ trường Võ Bị trong ngày lễ mãn khóa. Người SVSQ xuất thân từ trường mẹ, đã vượt qua mọi khó khăn để tổ chức nhiều lần hội ngộ.

Từ các thành phố Úc Châu, Âu Châu hay tại nơi Hoa Kỳ chúng ta đang sống. Riêng khóa 20 Nguyễn Công Trứ

đã nhiều lần hội ngộ mỗi hai năm, San José, Santa Ana, Houston... qua nhiều đời hội trưởng. Một Tổng Hội Trưởng Đinh Văn Nguyên E/20 sống và hết lòng với tập thể Võ Bị đã từ bỏ anh em quá đột ngột khi chưa hết một nhiệm kỳ. Một Nguyễn Hữu Thọ, người đại diện khóa đầu tiên may mắn thoát nạn cộng sản định cư sớm tại Hoa Kỳ, dù chỉ còn là một thương binh với chiếc chân giả nhưng rất giàu tình đồng đội, đã nhiều lần về Việt Nam lặn lội khắp nơi hầu giúp đỡ bạn bè trong cơn khốn khó từ các trại tù cải tạo trở về. Anh đến với mọi người với tấm lòng chân thật hào sản đáng quý. Ở đời mấy ai được như anh!

Rồi Nguyễn Hữu Phước, Nguyễn Thanh Đức, Trần Kim Bảng, và nay là Lê Tấn Tài. Tất cả các anh đã làm rạng danh tình tự Võ Bị. Những cuộc họp mặt không ngoài mục đích là tạo điều kiện gặp nhau, tương trợ nhau nhất là thăm hỏi nhau trong giai đoạn cuối của một đời người. Chúng ta đến với nhau từ một tấm lòng nhân ái, từ con tim thổn thức cùng với quá nhiều kỷ niệm đáng yêu của một thủa quân trường. Đó là những cơ hội để hành khúc Võ Bị được hát vang lên trong niềm kiêu hãnh, để bạn bè cùng một tiểu đội, trung đội, đại đội, cùng khóa trong tiểu đoàn, liên đoàn; tưởng đã nghìn trùng cách biệt, cuối cùng đã xúc động ôm lấy nhau, và trong những lần như thế, những giọt nước mắt cũng nhỏ xuống để tưởng nhớ các bạn đồng môn vừa mới ra đi hay đã yên nghỉ từ lâu trong lòng đất mẹ, đã chết trong lao tù cộng sản, chết âm thầm trên biển cả mênh mông, hoặc đang sống khó khăn tủi nhục nơi quê nhà.

Những cái bắt tay thật chặt cùng những biệt danh ngày nào Thầy Tử Lộ, Trần Gia Né, Ni cô Diệu Kiệt, Tài Nhậu, Sơn Sữa, Bích Ngựa, Cảng Moto, Đoàn Kim Sơn Đạo Dừa., Trần Đồng Tý, Hai Ngựa, Chân Mốm, Minh Carré, Tri Gù, Nguyễn Phúc Nham (Long), Gà toi Nguyễn Ngọc Tới...sẽ được nhắc đến trong mừng mừng, tủi tủi sau gần nữa thế kỷ may mắn còn gặp lại nhau. Những tiếng "Đ M!" được

liên tục phát ra trong ứa lệ nghẹn ngào, À thì ra mầy còn sống! Hơn 48 năm qua cá nhân người viết bài nầy xin tạ lỗi với bạn Nguyễn Ngọc Tiền C/20, bị hàm oan vì cái tên cúng cơm "Tiền Bụng" mà các bạn đã ưu ái dành cho tôi. Chuyện của Quít làm mà Cam phải chịu! Lỗi do tôi mọi đàng.., tôi cũng chỉ có tiếng mà không có chút miếng nào, nỗi oan Thị Kính! Hòang Gia Tiến, Lê Ngọc Răng, Ngô Văn Tuận, Phạm Văn Tiền, Nguyễn Ngọc Tới cũng một thời chúng ta cùng nhau đều bước không mỏi mệt đi tìm người mình thương *"Từng con phố dài như dốc chiều, hai bên đường* hoa *Penseé nở và tiếng cười như tiếng thông reo!"*

Nhiều, rất nhiều bao chuyện cũ ngày nào cùng biết bao kỷ niệm tưởng như đã nghìn trùng xa cách, giờ đây đã được khơi dậy trong lòng chúng ta bằng nhịp đập con tim và tiếng lòng thổn thức. Cả Liên đoàn SVSQ Đại Đội F năm đầu tiên trừ một ít bạn quá giỏi, thành phần còn lại điểm văn hóa kém nhất vì đề thi toán Lý hóa "hốc búa" của thầy Trương Đình Ngữ. Nhờ Papa Phát kéo lại trong bài thi toán Giải tích, như Papa thường nói "chẳng có ma gì!". Xin ghi nhận bạn Đỗ Đức Chiến Đại Đội "A" là người có điểm cao nhất về quân sự, còn văn hóa thuộc Quách Tinh Cần Đại Đội "E".

Khóa chúng ta đã qua nhiều đời chỉ huy trưởng, nhưng có lẽ thời Thiếu Tướng Trần Tử Oai và Trung Tá Thành với biệt danh Trung tá "Em" là đáng nhớ nhất. Cờ đen, cờ đỏ được thay phiên nhau trong 8 đại đội thuộc Liên Đoàn SVSQ mà đặc biệt nhất cờ đen thường được dành ưu tiên cho 2 Đai Đôi F&H. Mỗi lần nhân được cờ đen là đai đôi phải bồng súng cầm tay chạy vòng quanh sân trường. Đây là đề tài gây nhiều tranh cãi và bất bình giữa hai vị đại đội trưởng, đại úy Nguyễn Đình Tạo và Phạm Quang Mỹ.

Đại Đội F với đội bóng tròn vô địch Liên Đòan SVSQ cùng các hảo thủ Nguyễn Bích, Nguyễn Hữu Ba, Nguyễn Văn Nghiêm, Đoàn Văn Chớ, Nguyễn Văn Liễu, Nguyễn

Văn Măng, Phạm Văn Tiền, Dương Đình Chính, Nguyễn Phúc Long...một thời làm đảo điên các danh thủ Đại Đội H. Bên cạnh đó còn có Phạm Cang vua leo núi Lâm Viên, vô địch hầu hết các giải điền kinh của khóa.

Làm sao có thể quên được nhiều đêm cuối tuần dạ hành băng rừng, vượt suối thâu đêm suốt sáng. Chúng ta phải đi diễn hành đều bước với chiếc áo đi mưa giữa trời nắng chang chang nóng bức. Xin chia xẻ buồn nhiều hơn vui với Sinh Viên Sĩ Quan Đại Đội Trưởng Trương Dưỡng Đại Đại Đội F, đã bị cách chức thật oan ức và phải chịu hình phạt trọng cấm chỉ vì đại đội đi không đều bước từ bãi tập trở về.

Bốn mươi tám năm, nữa thế kỷ một đời người, thoáng nhanh qua như cơn mộng ảo. Những ngày tù tội ta đã nhường cơm xẻ áo cho nhau, làm sao có thể quên được. Bên cạnh Phạm Cang, Lê Quang Liễn bất khuất hiên ngang cùng nhiều bạn tù khác, bất chấp hiểm nguy đã tổ chức đình công phản đối chế độ cay nghiệt của nhà tù, nên đã dẫn đến biến cố đau thương lịch sử đẩm máu của Trại Cải Tạo Bình Điền tháng Tư 1979. Chúng ta còn niềm kiêu hảnh nào hơn với Vương Mộng Long, Đặng Quốc Trụ, Nguyễn Văn Nghiêm, Trương Văn Vân tổ chức vượt trại nhiều lần, tìm sự sống mong manh trong cái chết là điều chắc chắn. Các bạn ta đã thực sự là những người hùng "Can trường trong chiến bại"

Các bạn ơi! Hãy ôm nhau mà giữ lấy những bảo vật quý hiếm nầy, hãy cố gắng mà tìm đến nhau đi kẻo trể, chiều hôm tới rồi! Bạn Nguyễn minh Trí vừa mới từ giã anh em vài tháng trước đây, nay được tin Nguyên Quang Minh F vừa mới mất tại quê nhà, sẽ còn ai nữa sẽ tiếp tục khi túi thời gian còn lại quá ít ỏi hiếm hoi. Xin ghi nhận công lao về một thứ tình người tuyệt vời của các bạn khóa 20 NCT về trường hợp Trương Đình Hà G/20 tứ cố vô thân nơi xứ lạ quê người với cơn bạo bệnh, các bạn đã tìm đến tận miền Missouri xa xôi mang về trong vòng tay ôm ấp của khóa..

Xin ngưỡng mộ trước tấm lòng vàng của bạn Nguyễn Thanh Đức, và nhất là gia đình anh chị Nguyễn Phú Hữu cùng đại diện khóa Lê Tấn Tài. Hình ảnh bạn Tài ngồi bên giường bệnh để cắt móng tay, móng chân cho bạn Hà đã làm nhiều người cảm động, rơi nước mắt!! Và cả khóa chúng ta tại miền Bắc Cali đã lo chu đáo cho bạn mình đến giờ phút cuối cùng, nghĩa tử là nghĩa tận với đủ nghi thức của một cựu SVSQ xuất thân từ trường Võ Bị.

Không những thế khóa chúng ta còn có những người vợ, những bà mẹ tuyệt vời, dù rằng các bạn ta đã ra người thiên cổ. Chị Hoàng Đình Đạt, Chị Vũ Tiến Tường (Maria Châu), Chị Nguyễn Bá Kỳ, Chị Trần Tấn Hòa, Chị Đinh Văn Nguyên, Chị Trần Văn Hải, Chị Trịnh Tiến Hùng, Chị Trần Văn Thọ, Chị Lê Ngọc Ẩn, Chị Hoàng Thúc Kháng, Chị Trần Văn Trương, Chị Nguyễn Thành Nhu... đã là tấm gương sáng cho người phụ nữ Việt Nam, suốt đời ôm ấp, chung thủy, nâng niu và trân trọng những kỷ niệm quý hiếm của chồng, nên đã thường xuyên đến với khóa chúng ta trong mỗi lần hội ngộ. Không những thế các chị còn thường xuyên đóng góp, giúp đỡ gia đình của nhiều người cùng chung hoàn cảnh nhưng rất khó khăn tại quê nhà ngay cả thân nhân của các bạn đã khuất. Gia đình cha mẹ của bạn Huỳnh Văn Dinh, cụ bà mẹ của Nguyễn Quốc Chính. Xin ghi nhận công lao của bạn Hoàng Đình Hiệp và cả khóa chúng ta hết lòng lo cho gia đình bạn Huỳnh Túy Viên với số tiền gây quỹ trên 10 ngàn Mỹ kim để sớm được định cư sang Hoa Kỳ nhưng kết quả không đạt được vì chị Viên đã mất, tuy nhiên với số tiền đó chúng ta cũng vẫn tiếp tục gởi hết về cho các con anh. Bên cạnh đó chúng ta cũng lo cho mồ mả bạn Nguyễn Đức Nhị được tươm tất đàng hoàng theo yêu cầu của gia đình bạn ta ở quê nhà. Trần Đức Du, Lê Thương Mẫn, Nguyễn Đắc Kiên, Trần Văn Tài... sống hết lòng và tròn bổn phận đại diện cho khóa tại quê nhà.

Chúng ta vẫn hướng lòng mình với anh em bằng những

quà Tết hàng năm, với các bạn và các chị gặp hoàn cảnh khó khăn, không những chỉ riêng trong khóa mà còn nới rộng thêm ở nhiều khóa khác. Phải thành thật công nhận rằng khóa 20 chúng ta đã thể hiện được tấm lòng của tình bằng hữu. Chúng ta đã làm được nhiều điều tốt qua lòng nhiệt tâm và tận tụy của đại diện khóa Lê Tấn Tài. Tất cả chỉ vì "Tình tự Võ Bị" dù ở hải ngoại hay tại quê nhà, chúng ta luôn gắn bó với nhau như tình anh em ruột thịt, chúng ta dìu dắt nhau cho đến cuối cuộc đời.

Với các bạn dù đã tử trận hay đã từ trần, chúng ta xin dâng một nén nhang thơm cầu xin các anh về chứng giám tình đoàn kết của khóa chúng ta trong ngày hợp mặt, ngày Đại Hội Khóa 20 kỷ niệm "48 Năm Hội Ngộ" 3-4 tháng 9 năm 2011 tại miền Nam California, Hoa Kỳ.

Chúng ta đã hay đánh rơi nhiều thứ quý giá trong cuộc đời nầy nhưng có những thứ chúng ta sẽ không bao giờ mất và luôn giữ trong tim. **Đó là tình chiến hữu, tình đồng môn cùng khóa, cùng trường và khát vọng Dân Chủ cho dân tộc Việt Nam.**

Chúc các bạn thêm một lần nữa, ngày họp khóa 20 Nguyễn Công Trứ thành công.

Cựu SVSQ Phạm Văn Tiền F/20



Sông Hàn Đà Nẵng

CÒN MỘT QUÊ XA ĐỂ NHỚ VỀ

Mến tặng Bà con QNĐN – nđg

Có một việc, suốt đời không quên được
Như mỗi người lưu lạc, nhớ quê xa
Như anh ra đi, để lại quên nhà
Chắc chắn nhớ thương, theo anh ròng rã

Anh chẳng biết gì, nói với quê xa
Dù đêm mơ, đến ba lần bốn lượt
Đà nẵng bây giờ, có còn như trước?
Sông Hàn của anh, còn chuyến đò đêm?

Sông Hàn của anh, còn chuyến đò khuya?
Cầu ai bắt ngang, đò em còn, mất?
Đêm xưa qua sông, mưa bay lất phất
Anh mãi đến giờ, còn lạnh trái tim

Anh mãi đến giờ, còn lạnh với quê
Dù xa xưa vốn nghèo khô cằn cỗi
Gần Mỹ khê, nên quanh năm gió thổi
Ấm lạnh theo anh, suốt cuộc đời nầy

Anh chẳng biết gì, nói với quê hương
Dù nhiều đêm, anh nhớ thương đứt ruột
Mùa đông Cali, nằm nghe giá buốt
Rét mướt bên nầy, lạnh giá bên kia

Anh chẳng còn gì, nói với em xưa
Thời mình thương nhau, tuổi đời chưa lớn
Vâng lời mẹ cha, em theo chồng sớm
Tuổi non sương , anh cũng vội thất tình

Từ Cali, cố hình dung lại quê xa
Dù quá lâu, anh chưa về An hải
Cách núi ngăn sông, anh đâu có ngại
Đừng hỏi vì sao, anh chưa vội trở về

Chẳng bao giờ, quên được cố hương
Làm sao quên, nơi chôn nhau cắt rốn
Hà thân ơi! nơi nuôi anh khôn lớn
Hỏi làm sao, anh không nhớ cho đành .

NGUYỄN ĐÔNG GIANG



Tháng Tư Đen

Mùa xuân ấy tháng Tư về tang tóc
Lũ Hồng Hà úng thóc Cửu Long Giang
Lửa Trường Sơn tàn rụi kén tơ tằm
Bầy sâu dại ngập đồng ngô ruộng bắp.

Từ phương bắc bọn cùng hung cực ác
Vẩy búa liềm xua chết chóc vào nam
Lũ người không tim óc chẳng linh hồn
Đi cướp bóc dưới chiêu bài giải phóng.

Cả Miền Nam đang thanh bình vui sống
Trở thành mồi cho Cộng sản xâm lăng
Vận nước non đang phải lúc suy tàn
Bao nghĩa sĩ hùng anh đành tuẫn tiết.

Lá cờ máu vấy khung trời nước Việt
Địa ngục đầy nhung nhúc quỉ sa tăng
Cả nước non ngơ ngác nỗi kinh hoàng
Toàn dân tộc đắm chìm cơn quốc nạn.

Lũ giặc nước trong điên rồ mù quáng
Dìm giống nòi vào biển máu thê lương
Nhắm mắt đi theo chủ nghĩa ngông cuồng
Biến xã hội thành nhà tù vĩ đại.

Tháng Tư đen vì Miền Nam chiến bại
Trước kẻ thù gian xão với phi nhân
Tháng Tư đen vì bè lũ vô thần
Theo Các Mác quên cha ông nguồn gốc.

Tháng Tư đen vì hồn thiêng tổ quốc
Phải tủi hờn chua xót khóc non sông
Tháng Tư đen vì con cháu Tiên Rồng
Phải quằn quại trong xích xiềng nô lệ.

Tháng Tư đen vì đàn con của mẹ
Phải chia lìa cơn quốc phá gia vong
Tháng Tư đen vì yêu dấu Sài Gòn
Phải đau đớn mang tên loài nghiệt súc.

Tháng Tư đen vì chín tầng địa ngục
Đã đọa đày úp xuống mảnh giang sơn
Tháng Tư đen vì u uất căm hờn
Của dân tộc chìm trong làn sóng đỏ.

Tháng Tư đen, Tháng Tư đen còn đó
Là nhát thù chém xuống giữa con tim
Là vết thương đau nhức xé hằng đêm
Trong tâm khãm những tấm lòng yêu nước.

Tháng Tư đen không bao giờ quên được
Là lời thề trên mỗi bước lưu vong
Đến bao giờ chưa trả hận non sông
Thì cuộc sống chỉ toàn là cay đắng.

Mạc Phi Hoàng

NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN VỀ NGÀY QUÂN LỰC 19 THÁNG 6



Nguyễn Huy Hùng K1

Cả gia đình Tôi tới định cư tỵ nạn Cộng sản Việt Nam tại Hoa Kỳ, vào đầu tháng 8 năm 1992 theo diện Tù Chính Trị (danh sách H-10), đến nay cũng được mười tám năm rồi. Các cháu nội, cháu ngoại của Tôi đã tiếp theo nhau vào Đại học. Có người đã tốt nghiệp và đã đi làm, có người còn đang tiếp tục học nửa chừng, có người sắp sửa hết chương trình Trung học, có người mới vào Tiểu học. Bạn bè của các cháu, có người là Hoa Kỳ chính gốc da trắng, cũng có người là Mỹ gốc Việt sinh ra và lớn lên tại Hoa Kỳ hay gốc các sắc tộc khác, đến nhà chơi trong những dịp Lễ hoặc kỷ niệm sinh nhật, biết Tôi là cựu Sĩ quan trong Quân lực Việt Nam Cộng Hoà ngày xưa, nên thường đưa ra những câu hỏi rất đơn giản và thành thật, yêu cầu Tôi giải thích cho họ rõ về 2 điểm mà họ thường thắc mắc sau đây:

1.- Ngày Quân Lực 19 tháng 6 là ngày kỷ niệm của Quân đội nước nào vậy?

2.- Việt Nam Cộng hoà đã tan rã không còn, tại sao các Ông vẫn hàng năm tổ chức ngày kỷ niệm Quân lực

làm chi vậy?

Tôi đã trả lời cho những người bạn của các cháu, một cách tổng quát đơn giản cho qua truyện. Nhưng họ không chịu, nhất định yêu cầu Tôi phải soạn ra những câu trình bầy chi tiết hơn, để họ có thể dựa vào đó giải thích cho các bạn khác cũng thường thắc mắc muốn tìm hiểu như họ. Vì thế, Tôi đã phải cố gắng vận dụng trí nhớ, cũng như tham khảo các ngày tháng năm chính xác trong 3 cuốn sách dưới đây, để soạn thành một tài liệu hướng dẫn đơn giản, nhưng tạm đầy đủ để làm vui lòng họ. Các sách ấy là:

1.- Bộ Quân sử Quân đội Việt Nam, Quyển IV, nói về Quân lực Việt Nam Cộng Hoà giai đoạn hình thành 1946 -1955, do Phòng 5 Bộ Tổng Tham mưu QLVNCH sưu khảo, biên soạn và phổ biến ngày 6 tháng 8 năm 1972 tại Saigon.

2.- Việt Nam Niên biểu 1939-1975, Tập A và Tập B, của Chánh Đạo, do nhà xuất bản Văn Hoá phát hành năm 1996 tại Hoa Kỳ.

3.- Việt Nam Niên biểu Nhân vật chí, có ghi gần 900 tác nhân lịch sử cận đại từ 1848 tới 1975, cũng của Chánh Đạo, do nhà xuất bản Văn Hoá phát hành năm 1997 tại Hoa Kỳ.

Những điều Tôi trình bầy được gói ghém trong 3 mục chính sau đây:

I.- Vì sao có Quân lực Việt Nam Cộng Hoà (QLVNCH)?

II.- Vì sao chọn 19 Tháng 6 làm NGÀY QUÂN LỰC?

III.- Những kỷ niệm khó quên của riêng Tôi về ngày Quân lực VNCH.

Nay thấy nhiều Hội đoàn đã tổ chức các Đoàn Hậu Duệ, để hướng dẫn các thế hệ trẻ nhập cuộc hoạt động thay thế các Thế hệ Cha Ông tiếp tục công cuộc đấu tranh hỗ trợ cho đồng bào Việt Nam ở trong nước vùng lên lật đổ bạo quyền Việt Cộng, giành lại Tự do, Dân chủ, Nhân quyền, Bình đẳng cho mọi người. Do đó, Tôi thấy cũng là một việc làm rất hữu ích là nhờ các cơ quan truyền thông tiếp tay phổ biến rộng rãi tài liệu này, để bất cứ ai muốn tìm hiểu về NGÀY QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HOÀ

19 THÁNG 6, đều có sẵn tài liệu xử dụng mỗi khi cần đến, đỡ tốn công mất thì giờ tìm tòi sưu tập.

Với tuổi già, bệnh hoạn, trí nhớ bị suy yếu vì 13 năm chịu cảnh tù đầy lao động khổ sai trong các trại cải tạo của Việt Cộng sau 30-4-1975, nếu có điều nào ghi lại bị thiếu sót thì mong quý vị độc giả còn minh mẫn bổ túc giùm, Tôi chân thành cảm tạ.

I.- VÌ SAO CÓ QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA?

11.- Quan niệm chung về nhu cầu cần có Quân Lực.

Khi có một tập thể đông đảo người cùng chung nguồn gốc, hoặc nhiều Sắc tộc khác nhau nhưng sống bên nhau hoà thuận, theo cùng một chí hướng ước vọng giống nhau, đồng tâm hiệp lực sản xuất phát triển, để cùng có một cuộc sống ấm no hạnh phúc ngày một tân tiến hơn, thì nhóm người đó đương nhiên trở thành một DÂN TỘC và gọi nhau là ĐỒNG BÀO.

Khoảng KHÔNG GIAN trên Trái Đất mà Dân Tộc đó chiếm giữ và làm chủ, cũng đương nhiên được coi là LÃNH THỔ QUỐC GIA riêng của họ, không một Dân tộc nào khác được quyền xâm phạm, giành giật.

Trong cuộc sống tập thể đông đảo như vậy, nhu cầu duy trì trật tự bảo vệ an toàn cá nhân cho mọi người trong nội bộ Quốc gia, cũng như chống lại các THẾ LỰC NGOÀI DÂN TỘC muốn xâm lấn, uy hiếp, trấn lột cuộc sống bình an của Dân Tộc mình là cần thiết, nên đương nhiên cần phải có một lực lượng chuyên nghiệp võ trang hùng mạnh gọi là QUÂN ĐỘI hay QUÂN LỰC để chuyên lo.

Vì khoảng Không gian 3 chiều của mỗi Quốc gia gồm có: phần ĐẤT, phần TRỜI, và phần BIỂN, do đó muốn bảo vệ được hữu hiệu thì Tổ chức Quân đội cũng phải có đủ 3 loại Quân Chủng chuyên biệt khác nhau là: LỤC QUÂN, KHÔNG QUÂN, và HẢI QUÂN, để có thể hỗ tương nhau điều hành cuộc chiến tùy theo nhu cầu của mỗi hoàn cảnh tình huống khác nhau.

12.-Bối cảnh nào Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà được thành lập?

Suốt 61 năm, nước An-Nam bị Thực dân Pháp đô hộ (sau 1945 khi giành lại được Độc lập tên nước mới gọi là Việt Nam), các Triều đình nhà NGUYỄN kế tiếp nhau không được phép có Quân đội riêng, chỉ có Lực lượng Cảnh vệ trang bị vũ khí thô sơ gọi là LÍNH LỆ, LÍNH DÕNG, chuyên canh gác các Dinh thự, bảo vệ an ninh, hầu hạ Vua và các Quan chức trong Triều đình. Tại các Phủ, Huyện hành chánh thống thuộc Hoàng Triều có Lính Cơ. Trực thuộc các phủ Thống Sứ (Bắc Kỳ), Khâm Sứ (Trung Kỳ) và Thống Đốc (Nam Kỳ) có lực lượng địa phương mà tại Bắc Kỳ là các đơn vị Lính Khố Xanh. Lực lượng chính quy của phủ Toàn Quyền Pháp tại Đông Dương là các Trung Đoàn Bộ Binh hoặc Pháo Binh Thuộc Địa (Regiment d'Infanterie ou Artillerie Colonial) thường được gọi là Lính Khố Đỏ.

Sau khi Thế giới Đại Chiến II chấm dứt, Việt Nam giành lại được Độc lập cho Quốc gia thì Quân đội Quốc gia Việt Nam mới được thành lập.

Sau khi quân Phiệt Nhật đầu hàng vào ngày 15 tháng 8 năm 1945, Liên Hiệp Quốc cử các lực lượng quân sự của Trung Hoa Dân Quốc và Anh Quốc vào lãnh thổ Đông Dương để giải giới quân Nhật, và tiếp giúp cho các Dân tộc bản xứ (Annam, Lào, Cao Miên) tái lập Quốc gia độc lập thoát khỏi ách đô hộ của Pháp.

Trên lãnh thổ Việt Nam, các Đoàn thể chính trị Quốc gia không theo Cộng sản, hoà hợp với nhóm Việt Minh Cộng sản của Hồ Chí Minh để thành lập chính phủ Liên Hiệp điều hành đất nước. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh với tư cách Chủ tịch Chính phủ Liên Hiệp đại diện đứng ra tuyên bố NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HOÀ ĐỘC LẬP, không còn lệ thuộc vào Pháp nữa. Nhưng đến ngày 6 tháng 3 năm 1946, Hồ Chí Minh lại lợi dụng danh nghĩa Chủ Tịch Chính phủ Liên Hiệp, phản bội Tổ Quốc Việt Nam bằng cách ám muội ký với Sainteny

(Đại diện Pháp) đang sống tại HàNội, Bản Hiệp Định Sơ Bộ 6-3-1946, chấp nhận cho Pháp đổ quân lên trấn đóng tại nhiều Thành phố lớn tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam kể cả Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, sau khi Pháp đã chiếm và đóng quân tại phần lớn các tỉnh thuộc miền Nam Vĩ Tuyến 16 của Việt Nam vào cuối tháng 1 năm 1946.

Đến ngày 19 tháng 5 năm 1946, Hồ Chí Minh và phe Việt Minh của hắn chính thức đón tiếp quân Pháp đổ bộ lên thành phố cảng Hải Phòng và tiến lên HàNội, bằng cách cho quân Việt Minh hộ tống bảo vệ an ninh lộ trình và treo cờ đỏ sao vàng khắp ngang cùng ngõ hẻm để gọi là phô trương thanh thế giả để cho quân Pháp tưởng rằng Hồ Chí Minh và Việt Minh đang được toàn dân Việt Nam ủng hộ mạnh mẽ. Việc làm này bị các đảng và Đoàn thể chính trị Quốc gia không Cộng sản trong Chính phủ Liên Hiệp phản đối, nên phe Việt Minh trong chính phủ Liên Hiệp phải gian xảo ra quyết định chỉ thị toàn dân treo cờ là để "MỪNG SINH NHẬT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH" (sic!). Các tài liệu tham khảo của các nhà nghiên cứu trên toàn Thế giới, nhất là các tang chứng hồ sơ hành chánh của chính quyền Pháp về Hồ Chí Minh và Cha của hắn ta (một cựu quan lại bị cách chức vì tội tham nhũng say rượu đánh chết dân lành) đều cho người ta biết rõ rằng ngày 19-5 không phải là ngày sinh của Hồ Chí Minh. Cái mưu xảo quyệt này của bọn Việt Cộng chẳng làm hại gì cho tinh thần quân lính của Pháp, nên Chính quyền Pháp đã lặng thinh không thèm có ý kiến gì cả. Chỉ có người dân chân chất Việt Nam bị mắc lừa mà thôi.

Sau hơn 7 tháng quân Pháp được công khai an toàn đóng quân và củng cố vị trí an ninh ngay giữa các thành phố lớn, nhiều điều xích mích đã xẩy ra về chia chác quyền hành cai trị giữa Việt Minh và Pháp, ngay trong các thành phố đã không được giải quyết ổn thoả. Nên tối ngày 19 tháng 12 năm 1946, Hồ Chí Minh và phe nhóm Việt Minh đã phát động cuộc tấn công các địa điểm trú quân của quân Pháp tại tất cả các thành phố đang có quân Pháp trú đóng.

Nhưng rất tiếc vì trang bị vũ khí thô sơ, tổ chức quân chưa hoàn chỉnh nên Việt Minh đã bị thua phải bỏ các thành thị rút vào "bưng" để tiếp tục tiêu thổ kháng chiến. Quân Pháp toàn thắng, bắt đầu tái dụng các Quan lại thời đô hộ cũ, và nhóm con lai Pháp, lập hệ thống Hành chánh cai trị, giúp dân chúng tái tạo cuộc sống bình thường tại các Đô thị. Chiến tranh tiếp tục lan tràn qua các tỉnh kế cận Hà Nội, đến các vùng nông thôn, dân chúng phải sống giữa 2 gọng kềm VIỆT MINH và PHÁP, vô cùng thảm thương bi đát.

Trước hoàn cảnh đó, các Nhân sĩ Việt Nam thương nước yêu nòi và thành viên các Đảng phái Quốc gia Không Cộng sản, thoát chết sau vụ Việt Minh tàn sát hồi đầu năm 1946, ngồi lại với nhau tìm giải pháp ôn hoà giành lại Độc lập cho đất nước mà không phải phung phí xương máu của Dân tộc vì chiến tranh, đã đi đến kết luận vận động mời Cựu Hoàng Bảo Đại đang lưu vong tại Hồng Kông, đứng ra thương thuyết với Chính phủ Pháp, tái dựng QUỐC GIA VIỆT NAM ĐỘC LẬP THỐNG NHẤT cả 3 miền, trong KHỐI LIÊN HIỆP PHÁP.

Ngày 19 tháng 8 năm 1947, Cựu Hoàng Bảo Đại từ Hồng Kông tuyên bố bằng lòng đứng ra tiếp xúc điều đình với Chính phủ Pháp. Cuộc vận động kéo dài mãi tới ngày 5 tháng 6 năm 1948, trên chiếc tầu biển DUGUAY TR-OUIN neo tại Vịnh HẠ LONG, Cựu Hoàng Bảo Đại mới tới để chứng kiến Thiếu tướng NGUYỄN VĂN XUÂN Thủ Tướng và mấy vị ĐẠI DIỆN CÁC MIỀN BẮC TRUNG NAM thuộc Chính phủ Trung Ương Lâm thời Việt Nam Thống Nhất, cùng Ông BOLLAERT (đại diện Chính phủ Pháp) ký bản HIỆP ƯỚC HẠ LONG, công nhận QUỐC GIA VIỆT NAM ĐỘC LẬP, THỐNG NHẤT CẢ 3 MIỀN BẮC - TRUNG -NAM, trong KHỐI LIÊN HIỆP PHÁP.

Cờ Quốc gia Việt Nam mới là Nền Vàng với Ba Sọc Đỏ nằm dài chính giữa (*theo hình Quẻ Càn của Bát quái trận đồ*), **và Quốc Ca là bài "Tiếng Gọi Thanh Niên"** nhạc của Lưu Hữu Phước *(nguyên là bài "Sinh viên hành khúc" nhưng lời ca được sửa đôi chỗ. Bài "Sinh viên hành khúc"*



nguyên thủy gồm 3 đoạn đã được các Sinh viên Viện Đại học Hà Nội trình bầy hợp ca lần đầu tiên trong buổi trình diễn văn nghệ ngày 15-3-1942 tại hội trường Viện Đại học, để gây quỹ giúp các bệnh nhân nghèo trong các Bệnh viện nơi Sinh viên Y khoa thực tập.) Hiện nay, cả Quốc kỳ và Quốc Ca nói trên vẫn được người Việt lưu vong tỵ nạn Cộng sản coi là biểu tượng Quốc gia gốc của mình. Đặc biệt Quốc Kỳ Việt Nam *(nền vàng ba xọc đỏ)* còn được Ủy ban Văn Hoá Liên Hiệp Quốc và nhiều Thành phố, Quận, Tiểu Bang Hoa Kỳ ra Nghị Quyết chính thức công nhận là Quốc kỳ nguyên thủy của Cộng đồng người Mỹ gốc Việt, treo song hành với Quốc kỳ Hoa Kỳ tại các nơi công cộng, suốt dọc các đường phố chính trong khu thương mại đông cửa hàng do người Mỹ gốc Việt làm chủ, vào những ngày kỷ niệm như Quốc hận 30 tháng 4, Quân Lực VNCH 19 tháng 6, và thường xuyên quanh năm suốt đêm ngày tại các đài tưởng niệm Chiến binh Hoa Kỳ-Việt Nam Cộng hoà trên toàn Hoa Kỳ. Ngoài ra, trong cuộc Diễn hành Văn hoá Quốc tế hàng năm do Liên Hiệp Quốc tổ chức tại New York nơi có trụ sở của Liên Hiệp Quốc, thì đoàn Đại diện dân tộc Việt Nam tham dự là Cộng đồng người Mỹ gốc Việt với rừng Quốc kỳ VN *(nền vàng ba sọc đỏ)*.

Một ngày sau khi ký Hiệp Ước Hạ Long, tức là ngày 6 tháng 6 năm 1948, Quốc Trưởng BẢO ĐẠI chỉ thị Thiếu Tướng Nguyễn văn Xuân Thủ Tướng Chính phủ Trung Ương của nước Việt Nam Thống Nhất cả 3 Miền, xúc tiến việc

thành lập QUÂN ĐỘI QUỐC GIA VIỆT NAM (QĐQGVN), khởi sự bằng việc tổ chức TRƯỜNG SĨ QUAN VIỆT NAM HIỆN DỊCH tại Huế *(tiền thân của Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, sau này vào thời Đệ Nhất Cộng Hoà tại miền Nam do ông Ngô Đình Diệm làm Tổng Thống, lại cải danh thành TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM, có giá trị tương đương với các trường Võ bị Lục quân Saint Cyr của Pháp và West Point của Hoa Kỳ)* để đào tạo cấp Chỉ huy, trước khi thành lập các ĐƠN VỊ TÁC CHIẾN và CƠ SỞ QUẢN TRỊ YỂM TRỢ TIẾP VẬN HÀNH CHÁNH QUÂN ĐỘI.

Ngày 1 tháng 6 năm 1949, Khóa Sĩ Quan Hiện dịch đầu tiên tốt nghiệp tại Huế, được đặt tên là Khoá BẢO ĐẠI (sau 1956 đổi tên là Khoá Phan Bội Châu) cung cấp cho Bộ Quốc Phòng chính phủ Việt Nam 53 THIẾU ÚY hiện dịch. Đồng thời 4 TIỂU ĐOÀN VIỆT NAM đầu tiên cũng được khởi sự thành lập tại 2 miền Nam và Bắc Việt Nam: -Tiểu đoàn 1 VN (Bặc Liêu), -Tiểu đoàn 2 VN (Thái Bình), -Tiểu đoàn 3 VN (Rạch Giá), -Tiểu đoàn 4 VN (Hưng Yên). *(Bản thân người viết được cái vinh dự là một trong số 53 Sĩ quan Hiện dịch tốt nghiệp Khoá đầu tiên nêu trên, và được bổ nhiệm về Tiểu đoàn 2 VN tuyển mộ thành lập tại Hànội và Hải phòng từ ngày 1-6-1949, huấn luyện xong vào khoảng tháng 10-1949 tập trung tất cả về HàNội, và khởi sự xuất phát đi hành quân tại các vùng Bắc Ninh, Hoà Bình, Đông Triều, Hưng yên, rồi tiến sang tỉnh Thái Bình trụ quân tại đó ít lâu sau lại di chuyển về Sơn Tây, Hà Đông...).*

Đến tháng 6 năm 1950, với sự thoả thuận của QUỐC HỘI PHÁP và sự thông báo chính thức của CHÍNH PHỦ HOA KỲ đồng ý cung cấp viện trợ Quân sự cho Việt Nam, Thủ Tướng TRẦN VĂN HỮU mới chính thức công bố thành lập QUÂN ĐỘI QUỐC GIA VIỆT NAM CHỐNG CỘNG SẢN, với quân số 60,000 người, chia ra phân nửa CHỦ LỰC QUÂN và phân nửa PHỤ LỰC QUÂN.

Sau khi thi hành Hiệp Ước Đình Chiến Genève tháng 7 năm 1954, không có tổ chức Tổng tuyển cử thống nhất 2 miền Bắc và Nam Việt Nam như quy định. Tại miền Nam

Việt Nam, nhân dân đồng lòng qua một cuộc "Trưng cầu Dân ý truất phế Quốc trưởng Bảo Đại" để thành lập nước VIỆT NAM CỘNG HÒA và ủy nhiệm ông NGÔ ĐÌNH DIỆM làm Tổng Thống, ông này đã quyết định cải danh QUÂN ĐỘI QUỐC GIA VIỆT NAM thành QUÂN ĐỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ.

II.- VÌ SAO CHỌN 19 THÁNG 6 LÀM NGÀY QUÂN LỰC?

Suốt từ khi Quân Đội Quốc Gia Việt Nam được thành lập dưới thời Quốc trưởng BẢO ĐẠI, qua thời Ông NGÔ ĐÌNH DIỆM làm Tổng Thống đổi tên là Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà. Đến khi giới quân nhân lên cầm quyền danh hiệu này được đổi lại là Quân Lực VNCH. Cả 2 vị Nguyên thủ Quốc gia này đều chỉ thị Bộ Tổng Tham Mưu nghiên cứu đề nghị một NGÀY KỶ NIỆM RIÊNG CHO QUÂN LỰC, để hàng năm tổ chức biểu dương lực lượng cho mọi người thấy được sự lớn mạnh của Quân Lực Việt Nam, và ghi nhớ công ơn các TỬ SĨ *(Quân đội và Đồng bào các giới)* đã VỊ QUỐC VONG THÂN để bảo vệ Tự do Dân chủ Nhân quyền Phồn vinh Hạnh phúc cho Dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ Thống nhất của Quốc gia Việt Nam. Nhưng chưa cuộc nghiên cứu nào được hoàn tất, thì các biến cố thay đổi lịch sử thời đại đã tiếp theo nhau xẩy ra trên đất nước Việt Nam thân thương của chúng ta.

Cho tới ngày 19 tháng 6 năm 1965, QLVNCH chính thức nhận viết một trang sử mới, lãnh trách nhiệm với toàn DÂN đứng ra thành lập Chính phủ điều hành quản trị đất nước theo hình thức JUNTA *(Có Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia, Chủ Tịch giữ vai trò QUỐC TRƯỞNG, và Ủy ban Hành pháp Trung ương, Chủ Tịch giữ vai trò Thủ Tướng)*, **rồi cải tiến nền ĐỆ NHẤT CỘNG HOÀ** *(theo mô thức Hoa Kỳ, Tổng Thống đích thân điều hành chính phủ)* **sang nền ĐỆ NHỊ CỘNG HOÀ** *(theo mô thức Pháp, dưới Tổng Thống và Phó Tổng Thống có thêm Thủ Tướng điều hành chính phủ)*, **thì Tướng NGUYỄN VĂN THIỆU, Chủ Tịch**

Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia, mới ban hành văn kiện chính thức quy định ngày 19 THÁNG 6 là ngày kỷ niệm hàng năm của Quân lực Việt Nam Cộng Hoà.

III.- NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN CỦA RIÊNG NGƯỜI VIẾT, VỀ NGÀY QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HOÀ 19 THÁNG 6.

Mỗi lần kỷ niệm NGÀY QUÂN LỰC 19 THÁNG 6, mỗi người tùy theo hoàn cảnh riêng đều ghi nhớ những kỷ niệm khác nhau. Phần cá nhân Tôi được may mắn phục vụ lâu năm trong các Cơ Sở Trung Ương, thống thuộc Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH tại Saigon, nên ghi nhận được nhiều kỷ niệm đặc biệt, mà các chiến hữu phục vụ tại các địa phương, cũng như các Đồng bào ít quan tâm đến các sinh hoạt QUÂN ĐỘI không thấy được. Vậy Tôi xin kể ra đây để Qúy độc giả cùng chia sẻ những điều thích thú đó:

A.- 19 tháng 6 năm 1966, kỷ niệm NGÀY QUÂN LỰC lần đầu tiên, cũng là ngày kỷ niệm một năm hoạt động của Chính phủ NGUYỄN CAO KỲ, nên ĐẠI HỘI ĐỒNG QUÂN LỰC e ngại nếu tổ chức rềnh rang giữa Thủ đô Saigon, thì có thể bị BÁO CHÍ và các NHÓM ĐỐI LẬP phê phán là phung phí, kiêu binh, nên đã tổ chức rất khiêm tốn trong lãnh địa của Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH *(Trại Trần Hưng Đạo, Tân Sơn Nhất)*. Một số Đơn vị đại diện Hải, Lục, Không quân thuộc Chủ lực Quân, Địa phương quân, Nghiã quân, và Cảnh sát Quốc gia, được điều động về tham dự trong tinh thần đoàn kết HUYNH ĐỆ CHI BINH thắm thiết. *(Lúc đó Tôi là Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Trung Ương Địa phương quân và Nghĩa quân, trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH tại Saigon, do Đại tá Trương Văn Xương làm Chỉ huy trưởng.)* Đặc biệt trong cuộc duyệt binh này, có một hình ảnh rất ngộ nghĩnh dễ thương không bao giờ quên được là, Tướng VĨNH LỘC cùng Bộ Tham mưu Quân đoàn II từ PLEIKU về tham dự, ai cũng choàng ra ngoài bộ quân phục chiếc áo SẮC PHỤC THƯỢNG miền Cao nguyên Trung phần Việt Nam, và ngồi trên lưng

những con ngựa vùng Cao nguyên nhỏ thó, chớ không ngồi trên những chiếc xe Chỉ huy có cần Ăng-ten như các vị Tư lệnh khác.

B.- Năm 1967, để cùng toàn dân hân hoan đón mừng NỀN ĐỆ NHỊ CỘNG HOÀ sắp ra đời vào tháng 10, NGÀY QUÂN LỰC kỷ niệm lần thứ 2 được tổ chức rầm rộ trên Đại lộ TRẦN HƯNG ĐẠO, suốt từ dọc Bến Bạch Đằng trước Bộ Tư lệnh Hải quân, qua Công viên Quách Thị Trang trước chợ BẾN THÀNH Saigon vào tận CHỢ LỚN. Một đặc điểm đáng ghi nhớ về ngày kỷ niệm Quân lực lần thứ 2 này là, việc xây dựng đồng loạt những Tượng đài THÁNH TỔ các Quân Binh Chủng và Ngành chuyên môn trong QLVNCH, Địa phương quân - Nghĩa quân, và Cảnh sát Quốc gia, tại tất cả các Công viên lớn trong Thủ đô SAIGON, để Đồng bào và Du khách ngoại quốc có dịp ghé Saigon chiêm ngưỡng chụp hình kỷ niệm. Việc xây dựng các Tượng đài này còn có mục đích quan trọng khác là chiếm hết các công viên lớn, để các nhóm chống đối Chính phủ hồi đó, không còn nơi dựng các đài kỷ niệm hay hình tượng các cuộc tranh đấu và các nhân vật họ tung hô, thần thánh hóa.



Tượng danh Tướng Trần Nguyên Hãn, Thánh Tổ Binh

chủng Truyền Tin QLVNCH xây dựng tại công viên ngay phiá trước chợ Bến Thành, Saigon.

C.- Sau Quốc hận 30-4-1975, vào ngày 19 tháng 6 năm 1988 tại Saigon đã xẩy ra một sự việc thật quan trọng không bao giờ quên được là, CỘNG ĐỒNG NGƯỜI CÔNG GIÁO VIỆT NAM không được phép tổ chức lễ quy mô, trọng thể để vinh danh hơn 1OO VỊ TỬ ĐẠO VIỆT NAM ĐƯỢC PHONG THÁNH theo lệnh của Toà Thánh Vatican, chỉ vì ngày 19 tháng 6 là ngày kỷ niệm của QLVNCH thuộc Chế độ Saigon cũ. *(Đây là lời của Đại diện Chính quyền Cộng sản địa phương giải thích cho một vị Linh Mục cư ngụ tại Nhà Thờ 3 Chuông (Saint Thomas) Phú Nhuận, Saigon. Ngài đã nói lại cho biết nhân dịp Tôi ghé thăm và tâm tình về các truyện thời sự).* Vị Linh mục khả kính này quen Tôi từ hồi còn bị giam chung trong Trại Z30D quận Hàm Tân tỉnh Thuận Hải. Ngài nguyên là Giáo sư thuộc một Dòng tu của Thiên Chúa Giáo tại Thủ Đức trong lãnh thổ tỉnh Gia Định, bị giam cả chục năm trời chỉ vì một tội "âm mưu vượt biên" mà chính quyền địa phương gán cho Ngài. Thực ra Ngài không bao giờ có ý định vượt biên, mà chỉ cải trang mặc đồng phục cán bộ Việt Cộng, để di chuyển được dễ dàng đến các nơi xa xôi hẻo lánh gặp "con chiên" thừa hành Mục vụ theo chức năng Linh mục mà thôi.

D.- Suốt 18 năm qua, định cư tỵ nạn Cộng sản tại khu Little Saigon Quận Orange Nam California (Thủ đô tinh thần của người Việt tỵ nạn Cộng sản), có dịp được tham gia nhiều kỳ tổ chức Lễ kỷ niệm NGÀY QUÂN LỰC 19 THÁNG 6, Tôi đã ghi nhận được một số kỷ niệm xúc động không sao quên được sau đây:

D1- Năm 1994, Tổng Hội Ái hữu Chiến tranh Chính trị QLVNCH Hải ngoại tại Nam California, được các Hội đoàn Ái hữu Quân đội các Quân Binh chủng khác ủy nhiệm đứng ra phối hợp tổ chức NGÀY QUÂN LỰC tại GARDEN GROVE PARK, rất rầm rộ, có phi cơ bay trên nền Trời Quận Orange kéo theo Đại kỳ Việt Nam Cộng Hoà *(nền vàng 3*

sọc đỏ), có Cựu chiến binh Hoa Kỳ nhẩy dù xuống ngay vị trí hành lễ mang theo Quốc kỳ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà. Buổi lễ được rất đông Đồng hương tỵ nạn CSVN hưởng ứng tham dự, điều này chứng tỏ rằng TÌNH QUÂN DÂN CÁ NƯỚC VIỆT NAM CỘNG HOÀ chưa hề phai lạt sau bao nhiêu năm lưu vong. Một hiện tượng khác cũng rất đặc biệt là, lần đầu tiên được cả chục vị Tướng nguyên thuộc Hải, Lục, Không quân QLVNCH và Phu nhân, đang cư ngụ tại các vùng thuộc Quận Orange, Quận Los Angeles, và Quận Riverside cũng đến tham dự. *(Lúc đó Tôi là Phó Chủ tịch Ngoại Vụ của Ban Chấp hành Tổng Hội Ái hữu Chiến tranh Chính trị Hải ngoại tại Nam California, do cố Trung tá Nguyễn Ngọc Thông làm Chủ tịch Tổng hội.)*

D2- Năm 1995, Hội Ái hữu Cựu Sinh viên Sĩ quan Trường Võ bị QGVN Nam California, đến lượt được giao trách nhiệm phối hợp tổ chức NGÀY QUÂN LỰC, đồng thời vận động thành lập LIÊN HÔI CỰU CHIẾN SĨ VIỆT NAM CỘNG HOÀ NAM CALIFORNIA. **Liên Hội đã được thành lập và Ngày Quân lực được tổ chức tại Công viên trước Toà Thị Chính Thị xã Westminster. Lần đầu tiên trong lịch sử tỵ nạn Cộng sản tại Nam California, người ta thấy lá QUỐC KỲ VIỆT NAM CỘNG HOÀ được trang trọng kéo lên song hàng với lá QUỐC KỲ HOA KỲ, ngay tại các cột cờ danh dự trước Toà Thị Chính của Thị xã Westminster, mặc dù Chính phủ Hoa Kỳ đã lập bang giao với Cộng sản Việt Nam.** Nhân dịp này, Hội đồng Nghị viên Thành phố Westminster cũng đã đọc bản QUYẾT NGHỊ công nhận NGÀY QUÂN LỰC VNCH 19 THÁNG 6 là một biến cố được ghi thêm vào danh sách các ngày kỷ niệm của Thành phố Westminster. Các Sự kiện này đã làm Tôi và mọi người có mặt trong buổi lễ, xúc động nghẹn ngào, rưng rưng lệ, xót xa cho hoàn cảnh đại nạn của dân tộc VIỆT NAM chúng ta ở trong nước, đang còn phải chịu đựng sự cai trị tàn bạo vô nhân đạo của Đảng và Bạo quyền Việt Cộng. Đài phát thanh BBC bên Anh quốc, cũng loan tin phóng sự buổi lễ này trong giờ phát thanh

tiếng Việt của họ về Việt Nam, cho mọi người trong nước và trên toàn Thế giới cùng biết.

D3- Đặc biệt năm 1999, ông FRANK FRY Thị trưởng của Thành phố Westminster được mời đến tham dự NGÀY QUÂN LỰC 19 THÁNG 6, trong lời phát biểu ý kiến ông đã kêu gọi phát động việc gây quỹ xây dựng tại Thị xã Westminster một TƯỢNG ĐÀI KỶ NIỆM CÁC CHIẾN BINH HOA KỲ VÀ VIỆT NAM CỘNG HOÀ đã hy sinh trong cuộc chiến chống Cộng sản để bảo vệ Tự do, Dân chủ, Nhân quyền cho dân tộc Việt Nam trước 30 tháng 4 năm 1975. Ông ta hăng hái làm việc này để giữ lời hứa với cử tri người MỸ GỐC VIỆT từ mùa Thu năm 1996, lúc ông ta đến vận động tranh cử chức Thị trưởng tại Trung tâm sinh hoạt người Việt Quốc gia trên đường Moran bên hông thương xá Phước Lộc Thọ khu Little Saigon, nhân buổi lễ bàn giao trách vụ Chủ Tịch Khu Hội Cựu Tù nhân Chính trị Nam California giữa Giáo sư Phan Ngô *(tiền nhiệm)* và Tôi *(Nguyễn Huy Hùng tân nhiệm)*, trước sự hiện diện đông đủ các Hội trưởng thuộc Liên hội Cựu Chiến sĩ VNCH Nam California, Đại diện các Đoàn thể và Đảng Chính trị Việt Nam lưu vong, một số Nhân sĩ Hoa Kỳ, Mỹ gốc Việt, và khoảng 300 anh chị em Cựu Tù nhân Chính trị thuộc Khu Hội Nam California.

Theo dự tính thì Tượng đài phải hoàn tất và khánh thành vào Ngày Quân Lực 19 tháng 6 năm 2000. Nhưng vì công trình này làm mất thể diện và giảm uy tín của Bạo quyền Việt Cộng trước dư luận Thế giới một cách trầm trọng, nên Toà Tổng Lãnh sự Việt Cộng tại San Francisco và Toà Đại sứ của chúng tại Hoa Thịnh Đốn đã chính thức gửi văn thư đến Chính quyền Hoa Kỳ lên tiếng phản đối, đồng thời xúi giục bầy mưu cho bọn tay sai trở cờ đón gió muốn hoà hợp hoà giải với chúng, tìm đủ mọi cách gây cản trở làm trì trễ các tiến trình thực hiện tại Thị xã Westminster. Nhưng, với quyết tâm của mọi người ***(trong đó có cả các vị ĐẠI DIỆN DÂN CỬ thuộc Tiểu bang California và Liên bang Hoa Kỳ)*** mọi khó khăn đã được giải quyết vượt

qua một cách ổn thoả, chỉ có tiến trình thực hiện là không hoàn thành được đúng thời hạn như mong muốn mà thôi.

Ngày 20 tháng 1 năm 2001 *(tức là ngày 26 tháng Chạp năm Canh Thìn)*, tại khu đất Thị xã Westminster dành để xây dựng Tượng đài Chiến binh Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà, Tổng Hội Sinh viên Nam California đã tổ chức Hội chợ Tết Tân Tỵ (2001), trong chương trình Lễ Khai mạc Hội chợ có ghi một mục quan trọng chính yếu là Lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng Tượng đài. Rất đông Đồng hương Việt Nam và Hoa Kỳ cùng các vị Dân Cử và Giới chức Công quyền Hoa Kỳ địa phương đến tham dự.

Năm 2002, mọi thủ tục hành chánh và kỹ thuật được hoàn tất đúng theo đòi hỏi. Trong một buổi họp công khai trước sự hiện diện của quần chúng, Hội đồng quản trị thị xã Westminster đã biểu quyết chấp thuận cho khởi công xây cất Tượng đài. Việc đấu thầu lựa chọn công ty đảm nhiệm xây cất được thực hiện kỹ lưỡng, và ngày 29 tháng 4 năm 2002, thị xã Westminster và Ủy ban xây dựng tượng đài long trọng tổ chức "Lễ xới đất" khởi công xây dựng khu CÔNG VIÊN TỰ DO. Ngày 23 tháng 9 năm 2002, pho tượng 2 Chiến binh Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà được di chuyển từ xưởng đúc của điêu khắc gia Nguyễn Tuấn tại Laguna Beach về thị xã Westminster, để an vị trên đài nơi chính giữa CÔNG VIÊN TỰ DO *(Sid Goldstein Freedom Park)* đường All American Way *(tên cũ là đường Monroe)*.

Năm 2003, Lễ khánh thành CÔNG VIÊN TỰ DO, trong đó có TƯỢNG ĐÀI CHIẾN BINH HOA KỲ-VIỆT NAM CỘNG HOÀ hiên ngang đứng trước 2 cột cao trương cờ Hoa Kỳ-Việt Nam Cộng hòa (nền vàng 3 sọc đỏ) tung bay, và lư hương vĩ đại với ngọn lửa thiêng bập bùng cháy quanh năm suốt ngày đêm, đã được tổ chức trọng thể vào lúc 11 giờ ngày 27 tháng 4. Cũng kể từ ngày đó Công viên mở cửa đón khách thập phương đến chiêm ngưỡng nườm nượp quanh năm. Đây là một Tượng đài di tích lịch sử vĩ đại có một không hai trên Thế giới, được những người yêu chuộng Tự do Dân chủ Nhân quyền

đóng góp hoàn thành đúng mốc thời gian giao điểm giữa 2 Thế Kỷ 20 và 21. Đặc biệt là trong số những người được Ban tổ chức mời lên phát biểu trong buổi lễ khánh thành có Tướng Lâm Quang Thi.

Tượng đài Chiến binh Hoa Kỳ-Việt Nam Cộng Hoà tại Thị xã Westminster đem lại niềm vinh dự lớn lao cho Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà, là biểu tượng cho gương hy sinh và tinh thần chiến đấu kiên trì bất khuất của những người Chiến sĩ yêu chuộng Tự do Dân chủ và Hoà bình của Nhân loại, và làm sáng danh CHÍNH NGHĨA của QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA trong cuộc chiến chống Cộng sản Quốc tế từ tháng 6 năm 1949 đến 30 tháng 4 năm 1975 trên đất nước Việt Nam, tiền đồn của Thế giới Tự do ngăn cản làn sóng Cộng sản Quốc tế lan tràn xâm chiếm toàn vùng Đông Nam Á Châu và Thái Bình Dương.

Tượng đài Chiến binh Hoa Kỳ-Việt Nam Cộng Hoà tại Thị xã Westminster vĩnh viễn hiện diện xuyên thời gian để nhắc nhở những ai trong quá khứ đã từng khoác áo lính Việt Nam Cộng Hoà, hay không khoác áo lính nhưng đã cùng đứng dưới lá CỜ VÀNG BA SỌC ĐỎ chiến đấu chống Cộng sản xâm lăng để bảo vệ hạnh phúc cho dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam, phải luôn luôn nhớ rằng TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI QUỐC GIA DÂN TỘC VIỆT NAM CHƯA HOÀN THÀNH. Phải luôn luôn sáng suốt, đừng để bả lợi danh và những tiếng nỉ non tâng bốc ngọt ngào của bọn Việt Cộng gian xảo và tay sai đón gió trở cờ ***(kẻ thù của dân tộc)*** lôi cuốn, mà có những hành động và lời nói giúp cho chúng tồn tại lâu hơn nữa để tiếp tục hại dân hại nước. Hãy dứt khoát hăng hái kiên trì tiếp tay hỗ trợ liên tục về mọi mặt cho đồng bào trong nước, vùng lên loại bỏ bọn chúng sớm chừng nào hay chừng nấy, để cho quốc gia dân tộc Việt Nam sớm có Tự do, Dân chủ, và Nhân quyền được tôn trọng.

Cá nhân Tôi đã được cái vinh dự hoà đồng cùng hơn 20,000 đồng hương Việt Mỹ tham dự buổi Lễ Khánh thành

Tượng đài vào trưa ngày 27 tháng 4 năm 2003, nên đã cảm tác mấy vần thơ kỷ niệm dưới đây, xin ghi lại để chư Vị cùng thưởng thức:

"ANH HÙNG TỬ, KHÍ HÙNG BẤT TỬ"

Quận Cam nắng Hạ chan hoà,
Bên nhau Việt Mỹ trẻ già hân hoan.
Cờ Hoa xen lẫn cờ Vàng,
Tung bay mở hội nghiêm trang đón mừng.
Tượng hai Chiến sĩ Anh Hùng,
Hiên ngang bất tử đứng cùng thời gian.
Gương hy sinh rạng mây ngàn,
Bao năm chiến đấu gian nan vì đời.
Tự do rạng toả nơi nơi,
Nhân quyền, Dân chủ, người người hưởng chung.
Trọng thay nghiã khí kiêu hùng,
Khác da khác giống nhưng cùng ước mơ.
Mơ toàn nhân loại an hoà,
Công bằng , bác ái, nhà nhà ấm no.
Tình thương dâng ngát muôn hoa,
Hoà đồng Sắc Tộc Mầu Da Giống Nòi./.

Để thay lời kết luận, cũng đồng thời trả lời cho những ai còn thắc mắc, vì sao thua trận phải lưu vong tỵ nạn mà hàng năm vẫn còn tổ chức kỷ niệm một Quân lực không còn sự hiện diện. Tôi xin phép dùng bài Thơ sau đây, nói lên tâm trạng của người Cựu Chiến binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà:

TRÁCH NHIỆM CHƯA HOÀN THÀNH.
Bao năm nếm mật nằm gai,
Dấu giầy đo bước sông dài, rừng sâu.
Ngày đêm lận đận ải đầu,
Vì Dân đâu ngại dãi dầu gió sương.
Dốc lòng bảo vệ Quê hương,
Chống loài Qủy Đỏ Bắc phương bạo tàn.

Bốn mùa chiến đấu hiên ngang,
Giúp Dân xây dựng Xóm Làng yên vui.
Trớ trêu Tai kiếp Giống nòi,
Đồng minh phản bội, chơi vơi bẽ bàng.
Hoạt đầu Lãnh tụ hai mang,
Buộc quân buông súng đầu hàng cầu vinh.
Ô danh bại Tướng bán mình,
Thế gian nguyền rủa, miệt khinh đời đời.
Thương Dân bỏ xác biển khơi,
Xót Quân lao khổ, giữa nơi ngục tù.
Hận thù chồng chất Thiên thu,
Non sông tan tác, xác xơ tình người.
Tha phương trăn trở khôn nguôi,
Đồng lòng hiệp sức muôn người chung lo.
Dẹp tan Cộng đảng vong nô,
Cùng nhau dựng lại cơ đồ Việt Nam./.

Little Saigon, Nam California, Hoa Kỳ.



NGUYỄN-HUY HÙNG (K1)

Cựu Đại Tá Quân lực Việt Nam Cộng hoà, Phụ tá Tổng Cục trưởng Chiến tranh Chính trị, kiêm Chủ nhiệm Nhật báo Tiền Tuyến,

Cựu Tù Chính trị 13 năm lao động khổ sai trong các trại cải tạo của Dảng và Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghiã Việt Nam sau 30-4-1975.

Sau đây là 2 tấm hình kỷ niệm chụp trong buổi lễ khánh thành Tượng đài Việt Mỹ tại Sid Goldstein Freedom Park thị xã Westminster ngày 27 tháng 4 năm 2003.

Trong hình từ trái qua phải: Nguyễn-huy Hùng (K1), Lê Như Hùng (K14) tác giả bài hát Võ bi hành khúc của Trường Võ bị Quốc gia Việt Nam.

Hình tại khán đài chính, từ trái qua phải,

Hàng đầu: Đô Đốc Trần Văn Chơn, Thiếu Tướng Lý Tòng Bá, Trung Tướng Nguyễn Bảo Trị, Thiếu Tướng Trần Văn Nhật (mặc quân phục và phu nhân),

Hàng kế sau: Chuẩn Tướng Lê Văn Thân, Thiếu Tướng Lê Minh Đảo (bị che lấp bởi đầu Tướng Bá), Đốc sự hành chánh Vương Quốc Quả, Đại Tá Nguyễn-Huy Hùng.



Một trong các khán đài phụ 2 bên khán đài chính, Tại khán đài này được tập trung các cựu quân nhân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa mặc quân phục các Binh chủng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.



Toán Quân Kỳ các Quốc gia Đồng Minh tham dự cuộc chiến tại Việt Nam và Quân Kỳ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.



Món Qùa Vô Giá

Bây giờ đã giữa tháng tư rồi mà sao trời vẫn còn lạnh như thế này, nhìn những trái đào non e ấp, nằm ẩn giữa đám lá xanh, như muốn được chở che trong vòng tay Mẹ. Màu xanh của chúng làm tôi chợt liên tưởng đến chiếc áo len, ngày nào Mẹ đan cho khi còn bé. Ngày ấy thật xa lắm rồi, chiếc áo len không còn nữa và Mẹ cũng bỏ chúng tôi đi đã 42 năm nay. Nhưng sao mỗi lần nhớ đến Mẹ, tôi tưởng như Mẹ vẫn còn đây, vẫn bên tôi, sống động như ngày nào. Mẹ ơi! tiếng gọi Mẹ thiết tha ấy làm sao con còn được gọi lại nữa đây Mẹ?

Gần đến ngày lễ Mother's Day rồi, cái cảm giác mình không còn Mẹ nữa làm tôi thấy quặn thắt trong lòng. Ra vườn hái một bó hoa hồng thắm, dâng lên bàn thờ và thắp một nén hương cho Mẹ, nhìn hình Mẹ qua làn khói bay

phảng phất mà sao buồn thật nhiều. Mẹ ơi, con nhớ mẹ lắm, bao năm rồi con không còn được hưởng tình thương yêu của Mẹ, không được nghe tiếng Mẹ nói, Mẹ cười, Mẹ bảo ban, chỉ dạy, lo lắng cho con. Với con còn nỗi bất hạnh nào hơn hả Mẹ, Mẹ yêu của con, khi mà Mẹ đã bỏ con ra đi ngay trong ngày lễ vu quy. Buổi sáng con tươi cười, mặc áo đỏ lên xe hoa về nhà chồng, buổi chiều, con vào bệnh viện, để khoác lên người chiếc áo tang trắng mà khóc Mẹ. Mẹ đã bỏ đi đột ngột không ai ngờ, để rồi từ lúc đưa Mẹ ra nghĩa trang, thả lên nắp áo quan những cánh hồng đỏ thẫm mà Mẹ yêu thích, thì cũng từ đó con mồ côi Mẹ. "Mồ côi Mẹ" cái từ nghe đau đớn quá Mẹ ơi!

Trong cuộc đời chúng ta ai chẳng có Mẹ. Mẹ sinh ra con, nuôi nấng con bằng dòng sữa ngọt ngào, từ lúc mới lọt lòng. Dắt con đi từng những bước chân chập chững đầu tiên, rồi đến khi con lớn khôn, bước vào đời. Mẹ vẫn bên con, lo lắng, dạy dỗ cho con nên người, che chở con bằng vòng tay ấm áp, yêu thương:

Miệng ru, mắt rõ hai hàng

Nuôi con khôn lớn Mẹ càng thêm lo

(Ca dao)

Ước mong trên đường đời con công thành, danh toại là Mẹ vui. Những khi con vấp ngã, vòng tay mẹ vẫn luôn luôn mở rộng đón con, và lúc đó mẹ sẽ là điểm tựa, là nguồn động viên cho con đứng dậy tiếp tục đối mặt với đời. Làm sao quên được tiếng ru ngọt ngào của mẹ trong những buổi trưa hè, những lúc thức khuya, dậy sớm, chăm sóc cho con, từng miếng ăn, giấc ngủ, làm sao kể hết được công ơn sanh thành, dưỡng dục của Mẹ. Ôi tình mẹ thật thiêng liêng cao cả vô cùng!

Ngồi buồn nhớ Mẹ ta xưa

Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương

(Ca dao)

Với tôi, Mẹ là một Món Quà Vô Giá mà Thượng đế đã dành tặng cho con người, không có Mẹ, chúng ta đã không có mặt trên thế gian này, không tồn tại trong xã hội này, tại sao lại không thương yêu, trân quý và biết ơn nhỉ?

Hôm nay đây, Mẹ tôi đã không còn nữa, sao tôi vẫn còn thèm được nghe tiếng Mẹ hát ru, vẫn thèm được bàn tay Mẹ vuốt ve trìu mến, thèm được kể lể cùng Mẹ những buồn vui của cuộc đời, nhưng:

Mẹ xa rồi, ai người nghe kể lể

Chuyện buồn vui của cuộc sống nổi trôi.

(T- Thúy)

Vâng, tôi thèm lắm, thèm có lại Mẹ như ngày nào để có thể báo đáp công ơn của Mẹ trong muôn một. Nhưng thèm muốn vẫn chỉ là thèm muốn mà thôi, thời gian đâu có quay ngược lại bao giờ!

Chúng ta đã từng được đọc, được nghe rất nhiều những bài thơ, bài hát ca tụng Mẹ, nhớ thương Mẹ như:

Y Vân trong "Lòng Mẹ":

Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào

Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào

Lời Mẹ êm ấm như đồng lúa chiều rì rào...

hoặc trong ca dao:

Mẹ già như chuối ba hương

Như xôi nếp mật như đường mía lau

rồi của thi sĩ Lưu Trọng Lư:

Tôi nhớ me tôi thuở thiếu thời

Lúc Người còn sống tôi lên mười

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội

Áo đỏ người đưa trước dậu phơi

Hình dáng mẹ tôi chửa xóa mờ
Vẫn còn mường tượng lúc vào ra
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước dậu thưa.

(Nắng mới)

Trần Trung Đạo:

Ví mà tôi đổi thời gian được

Đổi cả thiên thu tiếng Mẹ cười.

Còn, còn nhiều lắm...

Và cũng như tôi, một người mồ côi Mẹ, món quà vô giá mà Thượng Đế ban cho, khi đã không còn nữa, thì biết tìm đâu hình bóng người Mẹ dấu yêu ngày nào, có còn chăng chỉ là một nụ cười trong tấm ảnh trên bàn thờ mà thôi:

Và giờ đây trong khói hương phảng phất

Nhìn Mẹ cười, con ngấn lệ trào rơi

Nụ cười xưa, nay đã cách xa rồi

Con đã mất, Mẹ ơi, con mất Mẹ.

(M-Sơn & T-Thuý)

Vâng, tôi đã mất cả hai người Mẹ, mẹ tôi và mẹ chồng, cả hai đều đã thương yêu tôi, đã dành cho tôi tất cả tình cảm ngọt ngào nhất của Người, làm sao tôi có thể quên được, và những dòng nước mắt đâu có thể làm cho nguôi ngoai nỗi đau con mất Mẹ:

Chắp tay khấn nguyện cao xanh
Cầu hương hồn Mẹ an lành cõi xa
Khóc mẹ lòng con xót xa
Khóc Mẹ nước mắt chan hòa, Mẹ ơi
Nước mắt khóc Mẹ một thời
Lòng con nhớ Mẹ một đời, Mẹ yêu

Ngoài kia mưa gió muôn chiều

Mẹ ơi, khóc Mẹ nước mắt nhiều hơn mưa.

(M-Sơn & T- Thuý)

Nỗi đau buồn mất mẹ không dành riêng cho người nào. Chồng tôi có một người bạn, anh Lê Tấn Tài, cùng học trong trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Anh là người bạn cùng ở đại đội F, khóa 20. Cùng chung một tâm trạng mất Mẹ, lại vì hoàn cảnh, chồng tôi cũng như anh đã không được nhìn mặt mẹ mình lần cuối cùng, trước khi Mẹ ra đi vĩnh viễn. Chồng tôi buồn và anh cũng thế. Anh kể:

Buồn lắm anh chị ạ, Mẹ tôi mất khi tôi còn ở trong tù CS, cả nhà đã dấu không cho tôi biết, nên tôi cứ đinh ninh Mẹ vẫn còn đó, vẫn còn khỏe mạnh để chờ ngày con trở về. Nhưng... giọng anh như nghẹn lại, khi tôi về, niềm vui gặp lại Mẹ, được ôm Mẹ, được tâm sự cùng Mẹ, bỗng vụt tan như mây khói. Một sự hụt hẫng đến nát tim, đến nghẹn thở, khi tôi nhìn thấy ảnh của Mẹ trên bàn thờ. Anh chị biết không, tôi nhìn trân trân vào tấm ảnh và không tin vào mắt mình, không tin đó là sự thật. Đúng, làm sao mà tin được khi mọi người đều nói với tôi, khi tôi còn ở trong tù là mẹ tôi vẫn khỏe, vẫn hỏi thăm tôi và chờ ngày tôi trở về mà. Trong cuộc đời tôi, từ ngày vào lính, cho đến khi đi tù CS, tôi gặp biết bao đắng cay, cực khổ, nhưng chưa bao giờ tôi biết khóc là gì, thế mà...ngày hôm ấy tôi đã khóc, khóc như chưa bao giờ được khóc. Tôi nhớ Mẹ tôi nhiều lắm, nhiều lắm anh chị ạ. Ngay hôm ấy, tôi ra mộ Mẹ, ôm lấy mộ, tôi khóc thật nhiều, Mẹ tôi đã xa tôi thật rồi, Mẹ nằm sâu trong lòng đất lạnh, vĩnh viễn xa tôi, bỏ lại tôi cô đơn một mình trên cái cõi đời này, nơi cái nghĩa trang buồn tẻ, lạnh lùng này. Nhìn hình mẹ tôi trong làn khói hương mờ ảo, tôi thấy buồn thật là buồn, tôi lại khóc.

Mẹ ơi, con nhớ Mẹ lắm, lúc Mẹ còn sống con đã không được gần Mẹ, bây giờ Mẹ đi rồi, con sẽ làm sao đây, Mẹ ơi!

Rồi tôi quyết định ở bên mộ Mẹ, người nhà khuyên

can không được đành phải căng một tấm lều cho tôi che mưa nắng. Năm ngày ở bên mộ Mẹ, không ăn uống, thấy tôi quá tiều tụy nên mọi người đã dùng áp lực bắt phải về. Nỗi đau buồn mất Mẹ là một nỗi đau buồn khôn nguôi, đã bao năm rồi thế mà mỗi khi nhớ đến Mẹ lại không cầm được nước mắt."

Rồi những kỷ niệm về Mẹ anh, đã được nhắc lại:

"Sơn, còn nhớ lần ông tới ngã ba Tam Hiệp nơi liên đoàn 7 BĐQ của tôi đang đóng ở đó không?"

"Nhớ chứ, lần đó đi công tác Biên Hòa ghé thăm ông, rủ ông ra ngoài ăn trưa, ông không chịu, lại kéo tôi ở lại ăn cơm thịt kho hột vịt với dưa giá mà bà già ông đem lên đó. Ngon thiệt, tôi nhớ hoài mùi vị ấy tới ngày hôm nay, chỉ tiếc là bữa đó Bác về sớm, nên không được hân hạnh chào và cám ơn Bác về bữa ăn thật ngon này".

Với anh, nỗi đau mất Mẹ cứ mãi canh cánh bên lòng. Mẹ anh rất thương anh, những nơi nào anh đóng quân, Bác đều đi thăm mỗi khi có thể, và lần nào anh cũng được hưởng những món ăn ngon do Bác làm. Bây giờ Bác mất rồi thử hỏi làm sao anh không đau, không buồn. Nhưng rồi một hôm, anh hí hửng khoe với chúng tôi, giọng anh có vẻ vui tươi chi lạ:

"Tôi có một tin vui muốn chia sẻ cùng anh chị. Không biết Sơn có nhớ Nguyễn Quốc Chính ở đại đội D/20 không? Phạm Cảng vừa cho biết tin của người em Chính là Nguyễn Vinh Quang hiện đang ở Minnesota, tôi có liên lạc với Quang và đã biết được địa chỉ cùng số phone của thân mẫu Nguyễn Quốc Chính tại Việt Nam, hiện nay cụ vẫn khoẻ. Tôi đã gọi điện thoại hỏi thăm cụ, cụ mừng lắm khi nghe tôi tự giới thiệu tôi là Lê Tấn Tài, bạn cùng khóa 20 với Chính tại TVBQG Đà Lạt, từ Mỹ gọi về. Nghe nói vậy, Cụ cảm động run run hỏi tôi:

"Sao các con biết mà gọi cho Bác vậy con?"

Bằng một giọng đầy nước mắt, cụ kể cho tôi nghe tất cả những gì về Chính, từ năm sinh, tháng đẻ, rồi tử trận ngày nào, không một chi tiết nào mà cụ quên, dù năm nay cụ đã 96 tuổi rồi và dù Chính cũng đã ra đi từ năm 1967. Thế mới biết lòng mẹ thương con sâu đậm như thế nào. Giọng nói tình cảm, tha thiết của một người mẹ nhắc đến những kỷ niệm về đứa con không còn nữa mới xúc động làm sao. Tôi ngồi đó, nghe cụ nói mà cũng khóc theo Cụ. Cách nói của Cụ vẫn mang âm hưởng của người Hà Nội thanh lịch ngày xưa, rất ngọt ngào, rất nhẹ nhàng, và âu yếm. Cụ hỏi han ân cần làm tôi cảm động vô cùng, tôi thấy như mình đang được nghe lại tiếng nói của người Mẹ thân yêu ngày nào. Cụ đã cho tôi được sống trong cái tình mẩu tử mà tôi thiếu thốn từ lâu. Tôi thật vui lắm, đã lâu rồi tôi chưa hề có cái cảm giác ấy. Cái cảm giác Mẹ tôi đã trở về, trong tôi. Đó chính là niềm vui mà tôi muốn anh chị cùng chia sẻ.

"Đương nhiên rồi, phải mừng cho anh đã có được niềm hạnh phúc đó chứ. Không biết anh còn nhớ trong bài Tình Bạn, bà xã tôi viết, có một câu mà tôi chắc anh Chính cũng rất muốn nói với anh là: "Cám ơn về tất cả những gì bạn đã làm cho tôi, cám ơn tình bạn của chúng mình." và một điều nữa tôi nghĩ, thân mẫu của anh Chính cũng sẽ rất vui vì, qua cuộc nói chuyện với anh, được nghe nhắc về những kỷ niệm của đứa con đã khuất với người bạn con mình, chắc đã cho Cụ Bà tìm lại được hình ảnh của anh Chính ngày nào, có phải thế không?

"Tôi mong là vậy."

Sau lần điện thoại đó, anh đã đề nghị để trích từ quỹ của K20, 300US gửi về Việt Nam, biếu cụ. Việc làm của anh đã được anh em trong K20 ủng hộ. Email của anh Võ Công Danh:

"Tôi hoàn toàn đồng ý cách làm của bác Tài, xin hoan hô bác Tài."

Anh Lê Thanh Phong viết:

"Hoàn toàn đồng ý với việc làm của bác Tổng, tiền để giúp đỡ là điều đáng quý, nhưng hành động hỏi thăm bà cụ lại càng quý hơn, nói lên tình tương thân của khóa."

Anh Nguyễn Chánh Trực:

"Hoàn toàn đồng ý với việc làm đầy ý nghĩa của bạn."

Anh Chu Sĩ Lương:

"Việc làm này quá tốt, làm như vậy mới có ý nghĩa. Tình mẫu tử thiêng liêng trong mùa lễ Mẹ 8/5/2011"

Và ông xã tôi:

"Rất ủng hộ việc làm đầy tình người của bạn"

Một việc làm đã nêu cao được ý nghĩa bốn chữ Tình Tự Võ Bị, đã chứng tỏ cái Tâm rất đầy tình người của anh và anh được hồi báo bằng niềm vui, khi tìm thấy cái cảm giác, tình mẫu tử đã trở về, xin chúc mừng cho anh.

Cũng xin mừng cho những ai còn có diễm phúc đang được sống gần Mẹ, được hưởng tình thương yêu của Mẹ. Nhưng cũng buồn cho những người vì cảnh nước mất nhà tan, sống tha phương nơi xứ lạ, cách xa ngàn trùng, không thể gần gũi để phụng dưỡng Mẹ, những lúc tuổi già bóng xế, để trong lòng cảm thấy xót xa, nhớ về Mẹ thật nhiều:

Chiều chiều chim vịt kêu chiều

Bâng khuâng nhớ Mẹ chín chiều ruột đau

Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều

(Ca dao)

Tường Thúy/K20B

Tucson – Az - 2011

Khóa 17 VBQGVN
50 năm một chặng đường

(Để tưởng nhớ tới thầy Trần Ngọc Huyến)
Song Vũ (Ngô Văn Xuân K17)

Bây giờ là tháng Ba. Từ trong khung cửa nhìn ra ngoài, dọc theo hai bên đường phố nơi tôi ở; những đoá hoa anh đào đang nở rộ. Anh đào năm nay nở muộn hơn so với mọi năm. Buổi sáng khi mặt trời vừa lên khỏi đường chân trời. Những giọt sương mai còn lung linh trong nắng sớm lấp lánh trên những đọt lá non, gió nhè nhẹ thổi. Nỗi nhớ về ngôi Trường Mẹ ùa tới. Nỗi nhớ day dứt trong lòng. Nhìn qua phía bên kia đường, xa xa một rặng đồi thấp thoai thoải bao phủ bằng một lớp cỏ non. Xa hơn từ đường viền chân trời, nổi lên những ngọn đồi mờ xanh; Đà Lạt long lanh hiện ra trong ký ức. Những buổi sáng như thế tôi đã ngồi rất lâu, đắm mình trong hồi niệm về những điều rất thân thương trong đời mình.

Tôi nhớ tới ngày 11 tháng 11 năm 1960, từ vùng đầu giới tuyến cho tới vùng cực Nam của đất nước, hai trăm mười thành viên của khoá 17 chúng tôi đã họp mặt trước cổng trường. Chuyến xe lửa ì ạch leo dốc chở hơn trăm người thuộc Quân khu Thủ Đô và Vùng 3 Chiến thuật đã đưa chúng tôi từ ga xe lửa Hoà Hưng Sài gòn đi lên. Rồi đoàn xe lửa từ Vùng I đi vào, các tỉnh duyên hải lân cận do các đoàn công voa chở thẳng lên trường. Riêng toán chúng tôi qua một đêm ngủ gà gật, chín giờ sáng ngày 11 đoàn xe đi vào sân ga Đà lạt. Những chàng trai tứ xứ, tay xách nách mang đủ kiểu hành lý cá nhân tề tựu trước cửa nhà ga chờ lệnh. Vừa bước ra khỏi sân ga đã nhìn thấy các vị SVSQ khóa 15 cùng các sĩ quan cán bộ của Trường đang đứng chờ sẵn bên một đoàn GMC đậu thành hàng trước cửa. Lần lượt chúng tôi lên xe về trường. Lúc này trường

còn ở vị trí cũ có tên Khu Lữ Gia. Đây chính là khu Bệnh viện De Catroux của Pháp mà sau đó được dùng làm trung tâm huấn luyện sĩ quan Việt Nam có tên Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.

Tâm tư chúng tôi lúc đó chứa đầy những hình ảnh đẹp đẽ hào hùng của các SVSQ Đà lạt mà chúng tôi từng thấy khi nhìn các anh về tham dự diễn hành hoặc đi bát phố Sài gòn. Vừa xuống khỏi xe bước chân vào phòng khách vãng lai được đặt sát cổng ra vào, lại một lần nữa chúng tôi nhìn thấy ở nơi đây bao hình ảnh đẹp mắt khác. Những tấm hình chụp khi thực tập tác chiến, lúc chăm chú nghe giảng trong các phòng học, bên cạnh là hình các SVSQ đàn anh cùng người yêu đi dạo phố... tất cả tạo ra một niềm vui lâng lâng phơi phới.

Đang "bồng bềnh" trên mây như thế bỗng có tiếng loa kêu gọi tất cả chúng tôi ra sắp hàng thứ tự trước sân cỏ trong trường để nhận lệnh. Tôi nhớ mãi một ấn tượng đẹp khi nhìn niên trưởng Hoàng Bảo Ngọc, cán bộ tiểu đoàn trưởng tân khóa sinh lúc đó, đứng ra tự giới thiệu về mình và cho lệnh chúng tôi sắp hàng theo danh sách đã được thiết lập sẵn. Chúng tôi lần lượt được kêu tên từng toán 10 người đứng vào đội hình một tiểu đội. Rồi từng SVSQ khóa 15 đi ra nhận lãnh tiểu đội của mình và ngay sau đó là một câu khẩu lệnh nghe rất "shock", "hãy chạy theo tôi!"

Cả sân bóng trở thành một quang cảnh không giống ai. Từng toán người ăn mặc thường phục đủ kiểu quần áo, đủ mầu sắc, tay mang va ly hoặc túi xách, thậm chí có người mang theo cả một chiếc valy bằng da thuộc to đùng không xách nổi phải vác lên vai ì ạch chạy theo!

May mắn cho tôi, một người bạn cùng phố có người anh từng đi khóa 16 báo động biết trước; đừng có dại dột mang nhiều quần áo hay đồ nặng vì sẽ chạy không nổi! Tôi chỉ có một xách tay nhỏ trong đó có một bộ đồ dân sự, đồ lót và ít vật dụng vệ sinh.

Sau khi chạy một vòng sân. Cũng may là sân cỏ nhỏ, nếu không không biết chuyện gì sẽ xẩy đến. Niên trưởng

Nguyễn Hữu Công Khóa 15 tiểu đội trưởng của chúng tôi cho lệnh tiểu đội dừng lại để... thở. Mười tên lính chưa ra lính, dân chẳng phải dân mặt mày xanh lè thở hổn hển nối đuôi nhau đứng lại ngơ ngác. Hành lý được bỏ xuống sân. SVSQ Tiểu đội trưởng Công ra lệnh "Kể từ bây giờ, mọi động tác của các anh phải mạnh dạn dứt khóat, nghe rõ chưa?". Cả toán đồng thanh "Rõ". Cao Ngọc Quang, anh chàng có chiếc valy da to nhè nhẹ bỏ vali xuống bên cạnh chỗ đứng liền bị chỉnh.

"Anh kia, bỏ mạnh xuống được không? Làm gì rón rén như con gái dậy? Nhấc valy lên, bỏ lại mạnh xuống dưới đất!"

Quang cúi xuống kéo valy lên rồi cũng bỏ xuống tuy có mạnh tay thêm một chút.

" Anh kia có nghe tôi nói gì không? Bỏ mạnh xuống cho tôi xem!"

Lần này thì Quang đành làm theo đúng lệnh. Chiếc valy được dằn mạnh xuống đất trong "uất ức" và một tiếng loảng xoảng từ trong valy vang ra. Không ai biết là món gì đã bể. Cho đến tối trở về phòng ngủ, Quang mới cho biết đó là chiếc đồng hồ báo thức mà ông già cứ nhất định bắt phải mang theo vì sợ buổi sáng hắn ngủ nướng không thức giấc đúng giờ để tập luyện!

Sau đó là bài tập xưng danh. Mỗi người lần lượt nói rõ tên họ của mình và đơn vị. Ví dụ tôi phải hô to cho mọi người trong tiểu đội như sau

"Tân khóa sinh Ngô Văn Xuân tiểu đội 2 trung đội 1 đại đội B khóa 17."

Cho dù hô to tới cỡ nào, câu trả lời rất lạnh lùng của niên trưởng Công vẫn là "To lên, tôi không nghe gì cả!". Cho đến khi muốn nổ cuống họng, giọng khan hẳn đi chỉ còn nghe tiếng khào khào thì niên trưởng Công lại... nghe rõ!

Bài tập này mang đến cho chúng tôi rất nhiều tai bay vạ gió. Vì các tiểu đội tập họp gần nhau nên người ở toán này xưng danh, các toán lân cận đều nghe rất rõ. Tôi còn nhớ bạn tôi, Phan Cao Các, sau hơn vài chục lần tập,

anh bắt đầu lạc giọng, câu xưng danh của anh nghe trở thành

"Ông thân sinh mang bao cát!" Làm cả tiểu đội kể cả niên trưởng Công phải phì cười! Và kết qủa là cả tiểu đội lại theo nhau chạy phạt một vòng sân!

Tôi nhớ tới những ngày sau đó trong một đêm tối trời, gần ba giờ sáng, trời Đà lạt lạnh căm căm. Cả buồng đang ngủ say thì đèn bật sáng. SVSQ Trần văn Một cùng ba vị khác ra lệnh báo động! Tất cả đại đội B nhốn nháo bật thức. Sau đó là lệnh tập họp trước sân để chạy bộ vì lý do phản ứng qúa chậm khi nghe lệnh tập họp! Bẩy chục người trong bộ đồ ngủ dài tay màu trắng lặng lẽ chạy chập chờn giữa đêm khuya về sáng. Hãy thử tưởng tượng ra xem đoàn người đó có khác gì một toán ma chơi đang bay lượn di chuyển trong sương mù! Mà đâu đã hết chuyện. Sau vòng chạy, đại đội được tập họp giữa sân bóng, Niên trưởng Một ra lệnh "Sau khi nghe tiếng còi, tôi sẽ bắt đầu đếm đến 10, các anh phải làm sao chạy thật nhanh tới hai cột goal ở hai bên cuối sân banh hoặc các cây cột điện hoặc cây chung quanh sân rồi tìm cách leo lên trên, anh nào có chân chạm dưới đất sẽ bị phạt!". Vừa tan tiếng còi là tụi tôi thi nhau chạy thục mạng. Khi tiếng đếm đến mười chấm dứt cả chu vi sân cỏ là những đám ma quần áo trắng treo lủng lẳng mờ ảo trên thành cây, cột gỗ!

Tuần lễ tiếp sau đó đến phiên trực của SVSQ Lê Minh Hoàng. Sau khi "lấy cớ" trễ nải khi thi hành lệnh báo động giữa đêm của chúng tôi. Lần này hình phạt không phải là chạy bộ nữa mà là thay quần áo hẹn giờ. Chúng tôi được lệnh phải thay đồ dân chính của mình đã mang theo khi nhập học trong vòng 5 phút sau đó ra tập họp ngoài sân. Sau năm tuần huấn luyện, quần áo dân sự chúng tôi mang theo hầu như đều bị xé rách hết để làm giẻ lau giầy, chùi cầu tiêu... thành ra khi mới nghe lệnh tưởng ngon ăn nào ngờ khi thực hiện mới tá hỏa! Phần lớn chúng tôi chỉ còn giữ lại được quần dài còn phần áo mặc kể như thua! Đứa thì

mặc một nửa chiếc áo đã xé bỏ một nửa, thậm chí có đứa chỉ còn cái cổ áo và một vạt. Quả thật nhìn nhau mà không thể nhịn được cười! Giống hệt một lũ cái bang, quần áo rách mướp hở lưng hở bụng, có đứa mặc quần có một ống!

Giờ đây ngồi hồi tưởng lại những kỷ niệm ngộ nghĩnh đó tôi vẫn còn thắc mắc không biết có phải là chính nhờ những kỷ niệm khó quên đó mà cho mãi đến giờ đây mỗi khi gặp lại các niên trưởng khóa 15 chúng tôi lại có dịp cùng nhau ôn lại rồi nhìn nhau cười thỏai mái hay không? Suy cho cùng tôi vẫn nghĩ, đôi lúc chính những điều tưởng vặt vãnh đó lại là sợi giây ràng buộc chúng tôi chặt chẽ hơn bất kỳ điều gì khác.

Khóa chúng tôi là khóa thứ hai sau khóa 16 nhập học khi trường được đổi tên từ Võ Bị Liên Quân Đàlạt trở thành Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Lúc chúng tôi trình diện, Tướng Lê Văn Kim còn là Chỉ huy trưởng. Sau đó ít ngày Trung tá Trần Ngọc Huyến lên thay. Cũng bắt đầu từ đây chương trình giảng dậy và cung cách huấn luyện được áp dụng đúng theo quy cách của trường West Point Hoa Kỳ.

Có biết bao biến cố đã xẩy đến cho khóa chúng tôi từ lúc khỏi đầu nhập học cho tới khi ra trường. Ngày chúng tôi xa Sài gòn cũng là ngày một số sĩ quan nhẩy dù do trung tá Vương Văn Đông và Nguyễn Triệu Hồng cùng đại tá Nguyễn Chánh Thi; luật sư Hoàng Cơ Thụy khởi xướng vụ binh biến lật đổ Tổng Thống Diệm. Tôi nhớ tới 2 ngày sau cuộc binh biến, chúng tôi ngưng tập, các đại đội khóa sinh được lệnh thường trực trong phòng ứng chiến. Niên trưởng Đòan Thanh Tâm đại đội trưởng đại đội B tân khóa sinh dẫn 3 tên lính mới có thâm niên quân vụ... 3 ngày gồm tôi, Đào Hữu Phước và Hoàng Đình Ngoạn khệ nệ đứa vác nòng, đứa bệ súng, đứa vác thùng đạn leo lên toà lầu chính của trường bố trí nhắm nòng súng ra cửa chính! (Cả ba chúng tôi thậm chí cũng chưa biết tên gọi của loại súng này là gì!). Niên trưởng Tâm giải thích đây là loại đại liên 30 giải nhiệt bằng nước! các anh khi có biến cố sẽ đi theo tôi lên vị trí này bố trí phòng thủ trường, tôi sẽ là xạ thủ

chính. Nhiệm vụ của các anh là tải đạn và phụ tôi, nghe rõ chưa? Cả ba đồng thanh "Rõ!". Sau đó chúng tôi tự nhủ "Không biết chuyện gì đã xẩy ra, có phải đây là thực tập hay không? Phòng thủ trường để chống lại ai?..." Cả tuần sau mới rõ thì ra chúng tôi phòng thủ trường để chống "binh biến" đã diễn ra trước đó tại Sài Gòn!

Những ngày kế tiếp sau đó có tên là 8 tuần lễ huấn nhục. Trong suốt thời gian này chúng tôi được làm quen với một nếp sống hoàn toàn mới lạ với cuộc sống trước đó khi chưa mặc áo lính. Những bài tập cơ bản cá nhân tác chiến tập cho chúng tôi những động tác căn bản của một chiến binh. Kế đến là những kiến thức về sử dụng vũ khí, chất nổ, quân kỷ, quân phong...

Nhưng có điều mà cho đến cuối đời, những ai đã từng kinh qua giai đoạn huấn luyện cơ bản này, chắc hẳn không thể nào quên được, đó là hệ thống tự chỉ huy của trường. Các khóa đàn anh thâm niên nhất chuẩn bị ra trường vào năm sau đảm nhận trách vụ chỉ huy các khóa đàn em trong trường. Lúc chúng tôi nhập học khóa 15 là đại niên trưởng, kế đến khóa 16 đang theo học năm thứ hai. Cho tới năm 1963 khi chúng tôi lên năm thứ 3 cũng là lúc trong trường có tới 4 khóa học là các khóa 16, 17, 18 và 19. Đó là lý do tại sao 4 khóa chúng tôi lại thân quen nhau đến thế. Khóa 18 là học trò của khóa 16 và khóa 19 là học trò của khóa 17 chúng tôi. Trong quan niệm đào tạo một sĩ quan có đủ trình độ kiến thức về văn hóa và quân sự thích nghi cho cuộc chiến tranh tương lai trước sự tiến bộ ngày càng nhanh của các loại vũ khí và khoa học quân sự. Đó là lý do mỗi năm chúng tôi có tới 9 tháng học văn hóa tại trường và 3 tháng thực tập quân sự trên thực địa căn cứ Mơ Lông. Thêm vào đó, chiến tranh cũng đòi hỏi những cấp chỉ huy biết tuân thượng lệnh tuyệt đối, không thắc mắc với khẩu hiệu nhập tâm" Thi hành trước khiếu nại sau". Chúng ta khoan bàn tới tác động hệ lụy của phương châm này, nhưng rõ ràng trong giây phút hiểm nguy, người chiến binh không thể làm điều gì khác hơn là phải biết tuân lệnh thượng cấp một cách

tuyệt đối để kịp phản xạ ngay tức khắc trước tình huống đang đối mặt. Súng nổ đạn rơi mà còn tranh cãi thắc mắc khiếu nại thì làm sao có thể hoàn thành nhiệm vụ? Đó là lý do để giải thích về mục đích của 8 tuần lễ đầu tiên mà có người còn gọi là thời gian huấn nhục. Chính nhờ thời gian này như niên trưởng Võ Trung Thứ Liên đoàn trưởng SVSQ thủ khoa Khóa 15 cắt nghĩa sau đó "Là thời gian tôi luyện các anh từ một con người sống phóng túng theo ý thích riêng tư cá nhân, dựa dẫm và thiếu tự tin trở thành một con người thực sự dám đương đầu, có ý thức trách nhiệm và bổn phận."

Suốt thời gian ấy, chúng tôi không đi mà chỉ có chạy! di chuyển có nghĩa là chạy. Mọi lễ nghi phải được tuân thủ nghiêm, đặc biệt là viêc chào kính các SVSQ các khóa đàn anh trở lên bất kể có thể là họ hàng bè bạn thân thiết ngoài đời như thế nào. Cái khó là, đôi lúc đàn anh xính xái bỏ qua nhưng nếu có một ông đàn anh nào cao hơn một khóa thì cả ông đàn anh bạn hữu họ hàng lẫn chú sinh viên em út sẽ phải thi hành hình phạt như nhau! Điều này dẫn đến những câu chuyện vui khi chúng tôi có người "chào lộn" mấy anh chàng hạ sĩ quan đi cùng chiều đặc biệt có dáng dấp đi đứng rất giống một ông đàn anh nào đó! Khóa đàn anh trở thành mẫu mực cho đàn em noi theo. Khi viết tới những dòng chữ này, tôi nhớ tới câu chuyện kể lại của Tổng thống Eisenhower trong cuốn tự truyện của ông có nhan đề "At ease. Stories I tell to friends" ông cũng đã từng tá hỏa khi phát hiện ra đã "chào lộn" tới ba lần một tay cầm gậy đi đầu (major drum) giữ nhịp cho đội quân nhạc của trường khi ông còn là tân khóa sinh của trường Wespoint! Đây là lời giải thích cho câu hỏi của một số thân hữu nêu ra thắc mắc tại sao đám SVSQ xuất thân Võ Bị lại tương kính nhau như thế mỗi lần gặp nhau. Câu trả lời giản dị "Thói quen được thành lập từ những ngày cùng chung một mái trường Mẹ".

Tám tuần sơ khởi cũng trôi đi cho dù rất... chậm đối với đám lính mới chúng tôi. Và xui xẻo cho khóa 17 là do

tình hình chính biến lúc đó, 8 tuần sơ khởi đã kéo dài thành 10 tuần. Cuộc di hành tác chiến bắt đầu từ sáu giờ sáng. Từ ngôi trường mới trên ngọn đồi 1515 chúng tôi súng đạn nai nịt chỉnh tề băng đồng theo đội hình tác chiến do các sĩ quan khoa Tác chiến chỉ huy và các SVSQ cán bộ của khóa 15 hướng dẫn, trực chỉ hướng đỉnh Lâm Viên tiến bước. Cuộc di chuyển băng rừng đầu tiên trong đời lính của chúng tôi kéo dài hơn nửa ngày. Cho đến chiều mới tới một xóm thượng nhỏ ven suối gần chân núi có một cái tên nghe rất đẹp: Thôn Lạc Dương. Từ đây nhìn lên đỉnh Lâm Viên có độ cao 2167 mét kia như thách thức đầu đời của đám tân khóa sinh chúng tôi. Buổi tôí sau khi cắt đặt canh gác an ninh phòng thủ xong, cả khóa cắm trại đốt lửa ngôi ca hát bên nhau thật vui. Sáu giờ sáng hôm sau báo thức, làm vệ sinh và ăn sáng xong cả đoàn quân gỡ dẹp lều trại, háo hức, từ hướng đông nam bắt đầu leo núi. Tới gần trưa người cuối cùng cũng đạt tới độ cao của ngọn đồi nhỏ nắm sát bên đỉnh có độ cao hai ngàn. Thầy Hà cho lệnh tất cả đoàn quân dừng lại rôì chọn ra 50 bạn còn đủ dẻo dai leo tiếp lên đỉnh đặt tấm biển ghi "Khóa 17 chinh phục đỉnh Lâm Viên". Buổi trưa cả khóa nhóm tại đồi hướng nam của đỉnh để nghe thầy Quách huỳnh Hà giảng bài địa hình Đà lạt nhìn tổng quát từ trên cao. Sau đó chúng tôi di chuyển xuống núi rất nhanh để tập họp lên xe GMC trở về Trường chuẩn bị làm lễ gắn anpha công nhận là SVSQ năm thứ nhất của trường vào buổi chiều cùng ngày hôm đó.

Những giây phút trang nghiêm trong đêm lạnh giá của khí hậu Đà Lạt đêm gắn anpha ấy là một kỷ niệm khó quên trong đời. Tiếng gió thổi từ thung lũng bay lên thì thào bên tai đoàn tân khóa sinh đang qùy một bên gối trên vũ đình trường Lê Lợi hòa theo tiếng sáo tiếng trống tiếng chiêng tạo những cảm giác rờn rợn chạy dọc theo sống lưng chúng tôi. "Lúc bấy giờ, trên cánh đồng chiêm Bắc Việt, bên con rạch nhỏ Đồng Nai, trong dẫy rừng sâu Trung Việt, phút chốc liệt vị đã trở nên người thiên cổ. Sự nghiệp đang công đeo đuổi..." Lời lẽ trong Bài chiêu hồn tưởng niệm vang

lên tạo một ảnh hưởng càng khó quên hơn trong đời người sinh viên Võ Bị. Khi xướng ngôn viên của buổi lễ hô vang: "Quỳ xuống các tân khóa sinh". Chúng tôi quỳ xuống để đón nhận cặp anpha đỏ gắn trên vai. Và sau đó là lời hô "Đứng lên các SVSQ", cùng lúc đèn mở sáng. Chúng tôi đã thực sự bước vào đời quân ngũ.

210 thanh niên từ bốn vùng chiến thuật ngày nào giờ đây sau buổi lễ chỉ còn lại 190 người nhận trên vai cặp anpha đỏ xác nhận là SVSQ năm thứ nhất. Hai chục bạn khác vì lý do sức khoẻ sau 10 tuần "bầm dập ngày đêm" đã không vượt qua nổi cuộc khám sức khoẻ sau cùng đành chia tay bạn bè trở lại đời sống dân sự.

Mùa quân sự của năm thứ nhất chấm dứt, chúng tôi bước vào năm học văn hóa đầu tiên. Các giáo sư vừa là các sĩ quan quân đội vừa là dân chính đảm trách giảng dậy. Tôi nhớ tới các thầy Trần Ngọc Huyến trong môn Dẫn đạo chỉ huy; trung tá giáo sư Nguyễn Đắc Lộc, trung úy Hồ Văn Lợi trong bộ môn Hoá Học đại cương. Giáo sư đại úy Nguyễn Văn Sa môn Cơ học. Các Hải quân trung úy Nguyễn Tiến Ích và Lê Phụng trong môn Toán giải tích, và Vật lý đại cương. Thiếu tá Phạm Mậu Phác trong môn Toán đại số tuyến tính. Các linh mục Trần Thái Đỉnh Nguyễn Văn Lập, Nguyễn Văn Vàng trong bộ môn triết học. Thầy Đoàn Mười môn Anh ngữ. Thiếu tá (papa) Nguyễn Duy Tất, đại úy Ngô Văn Doanh môn Pháp văn và còn bao nhiêu vị giáo sư thỉnh giảng khác nữa mà tôi không thể nào nhớ hết.

Tôi cũng nhớ tới những ngày học tập quân sự với các huấn luyện viên giầu kinh nghiệm chiến trường trong khoa tác chiến, đó là các thiếu tá Nguyễn Văn Chuyên, đại úy Nguyễn Bá Thịnh trung úy Lưu Vĩnh Lữ, đại úy Nguyễn Ry trưởng khoa Công binh, trung úy Nghiêm Viết Thành, trung úy Nguyễn Nghiệp Kiến khoa vũ khí. Và đặc biệt hơn hết là một sĩ quan xuất thân Saint Sir chính hiệu, nói tiếng Tây sõi hơn tiếng Việt, trung úy Khiết trưởng khoa Địa hình. Đại úy Nguyễn Văn Rồng tự Paul trưởng khoa Kỵ mã thuật và biết bao vị khác nữa...

Tôi nhớ tới các vị sĩ quan trong Liên đoàn khóa sinh như Thiếu tá Huỳnh Văn Lạc, đại úy Lê Trí Tín, đại úy Phạm Duy Khang, đại úy Quách Huỳnh Hà, đại úy Đỗ Dương Thanh, các trung úy sĩ quan cán bộ đại đội như trung úy Nguyễn Văn Vui ,trung úy Huỳnh Bửu Sơn, Mai Văn Tấn, Phạm Quang Mỹ, Nguyễn Công Tạo, Hồ Văn Ân, Đào Đức Yên, Đoàn Công Hậu, Trần Mộng Di, Lê Đức Hiền... những người thầy đã góp phần đào tạo chúng tôi trong suốt thời gian thụ huấn tại trường.

Học xong chương trình văn hóa của năm thứ nhất sau 9 tháng dùi mài đèn sách và qua kỳ thi văn hóa đầu tiên, cả khóa chuyển sang học quân sự. Bộ đồ kaki vàng thường mặc được thay bằng bộ đồ trận tác chiến. Thầy trò kéo nhau xuống sân tập Mơ Lông để tác xạ các loại vũ khí, sử dụng các loại chất nổ và thực hành các bài học chiến thuật trên thực địa.

Giữa năm 1961 chúng tôi được chuyển qua ngôi trường mới khang trang hơn trên đồi 1515. Từ đây, không gian sinh hoạt cũng nối rộng hơn hẳn và dĩ nhiên vòng sân chạy phạt cũng dài hơn nhiều lần cho các khoá đàn em! Tháng 11 1961, khóa 18 nhập học. Rồi cũng từ ngôi trường mới này, chúng tôi huấn luyện giai đoạn Tám tuần lễ sơ khởi cho khóa 19 vào tháng 11 năm 1962.

Ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận GPMN ra đời. Tình hình chiến sự trên các vùng chiến thuật nóng dần lên từng ngày. Sau trận Trảng Xụp Tây Ninh và đặc biệt sau trận đánh Ấp Bắc ngày 2 tháng Giêng 1963 thuộc tỉnh Mỹ Tho; quân lực VNCH thực sự phải đương đầu với một tình thế hiểm nguy cấp bách. Bộ Tổng Tham Mưu trình Tổng Thống xin quyết định cắt ngắn thời gian huấn luyện tại Trường để bổ sung kịp thời cán bộ chỉ huy cho các đơn vị tác chiến. Đó là lý do, nếu theo dự trù các khóa kể từ 15 trở đi, chúng tôi được huấn luyện trong thời gian 4 năm vừa văn hóa và quân sự nay rút ngắn còn 3 năm cho các khóa 15 và 16, hai năm rưỡi cho khóa 17 và 2 năm cho các khóa 18, 19, 20, 21 và một nửa khóa 22. Một nửa khóa 22 và

các khóa tiếp theo sau đó nối lại chương trình huấn luyện 4 năm như kế hoạch ban đầu.

Trước khi trở thành một sĩ quan tác chiến thực sự; Trường quyết định gởi các khóa chuẩn bị ra trường xuống Trung tâm huấn luyện Biệt động quân Dục Mỹ "trui rèn" thêm 15 ngày cho biết đá biết vàng. Vốn dĩ từ nếp sống ăn ngủ có giờ, dạo phố có ngày. Thầy Huyến Chỉ huy trưởng vẫn e ngại các học trò của thầy còn mắc bịnh "ông phán" (tiếng thầy ưa dùng vui khi phê phán tác phong của đám SVSQ chúng tôi) sinh hoạt kiểu công chức ngày xưa nên thầy trình Tổng Tham Mưu cho các đệ tử nếm mùi thực tế. Mười lăm ngày dạo chơi trên đủ các căn cứ từ Bộ tới Rừng Núi và đặc biệt là căn cứ Xình Lầy lại là một kỷ niệm ghi tâm khắc cốt của chúng tôi. Chỉ có 15 ngày thôi dưới sự "chăm sóc đặc biệt" của các chuyên viên huấn luyện dưới sự điều động của đại úy Trần Văn Hai, lũ sinh viên chúng tôi vừa thiếu ăn vừa thiếu ngủ, suốt ngày chập chờn như đi trên mây. Lúc thì cơ thể ướt đẫm mồ hôi, khi chèm nhẹp mùi xình, đời lính thật sự qủa khác xa với bộ đồ ka ki lúc nào cũng thẳng nếp và đôi giầy dưới chân luôn bóng ngời như một tấm gương soi! Những chàng sinh viên võ bị da dẻ hồng hào trắng trẻo ngày nào, chỉ cần 15 ngày huấn luyện ở đây đều trở nên phờ phạc hốc hác. Tôi nhớ tới các buổi học tự tin đi dây kinh dị đặc biệt là dây tử thần và tuột núi, chỉ cần sơ xẩy hoặc thiếu bình tĩnh là tiêu đời! Chẳng thế mà đại úy Sĩ trưởng môn huấn luyện này luôn nhắc nhở "Đã có vài người bỏ mạng vì không tuân thủ những khẩu lệnh của huấn luyện viên". Sợ chưa đủ độ răn đe, ông còn thêm "Chỉ tiêu chết trong huấn luyện của bộ môn này, Tổng tham mưu cho phép là 1 phần trăm khóa sinh!". Đó có lẽ là lý do tôi tâm phục khẩu phục mấy tên bạn BĐQ cùng khóa của tôi! Tôi cứ nghĩ đến 6 tuần lễ thụ huấn để có được tấm bằng biệt động gia nhập binh chủng cũng đã đủ để tôi... bần thần rồi! Rồi mười lăm ngày cũng qua đi. Sau khi bước qua cổng Trung tâm huấn luyện " người đẹp" nổi tiếng một thời của khóa, Nguyễn ngọc Điệp, mỗi lần

Trường có tổ chức văn nghệ, diễn kịch, vai thiếu nữ kiều diễm thướt tha mặt hoa da phấn không thể nào không nhờ đến anh chàng đẹp trai nhất khóa này. Thế mà chỉ sau 2 tuần lễ ngắn ngủi "Hoa hậu" Điệp xập xệ còn hơn cả mấy bà nạ dòng con bầy cháu đống! Điệp quay lại nhìn tấm biển đề hàng chữ "Trung tâm huấn luyện BĐQ Dục Mỹ" rồi phán một câu rất "nữ tính", " Trung tâm tàn phá sắc đẹp thì có!". Chúng tôi lên xe trở về trường chuẩn bị làm lễ mãn khóa.

Mười giờ sáng ngày 30 tháng 3 1963, Khóa 17 làm lễ ra trường. Vũ đình trường Lê Lợi được trang hoàng trang nghiêm. Các toán SVSQ khóa đàn em đứng theo thành 8 khối theo các đại đội được đánh số theo thứ tự từ A tới H. Riêng khóa chúng tôi đứng chung một khối giữa sân đối diện với khán đài chính. Sau phần lễ nghi quân cách là lễ trình diện các tân sĩ quan. Tổng Thống Ngô Đình Diệm từ khán đài danh dự bước xuống đích thân gắn cấp bực thiếu úy cho sĩ quan thủ khoa Vĩnh Nhi. Sau đó là các sĩ quan cán bộ của trường gắn cho các sĩ quan còn lại trong hàng. "Quỳ xuống các SVSQ! Đứng dậy các Tân Sĩ Quan" là hai hiệu lệnh vang lên trong buổi lễ. Chín bạn ra trường với cấp bực chuẩn úy, 180 người còn lại được gắn cấp bực thiếu úy.

Một kỷ niệm khó quên đối với tôi trong buổi lễ ra trường ngày hôm ấy của khóa 17 vì đã có một điều bất thường xẩy ra. Thủ khoa Vĩnh Nhi của khóa mặc dù đã được thực tập nhiều lần trước ngày hành lễ động tác dùng cung bắn 4 mũi tên đi 4 phương trời tượng trưng cho chí tang bồng hồ thỉ của các tân sĩ quan. Nhưng trong giây phút trang nghiêm trong buổi lễ hôm ấy Nhi đã chỉ bắn bay xa được có một mũi! Ba mũi còn lại rớt kề ngay bên chân! Cả Vũ đình trường im lặng lạ thường sau giây phút đó. Trước mặt Tổng Thống mà để xẩy ra điều sơ suất này quả thực không phải là điềm tốt lành gì.

Và rồi buổi lễ cũng qua đi, cho dù trong tâm tư một số đông quan khách tham dự có mặt trong buổi lễ hôm đó chắc hẳn vẫn có một điều gì đó ám ảnh.

Buổi trưa sau Lễ mãn khóa; Tổng Thống Ngô Đình Diệm chủ tọa buổi nói chuyện với các tân sĩ quan mới tốt nghiệp. Ông ân cần dặn dò chúng tôi thấu hiểu tầm quan trọng của quốc sách ấp chiến lược, một kinh nghiệm đã được thực hiện khá thành công ở Mã lai do Sir Thompson đề xướng. Thực tình mà nói, Tổng Thống Diệm không phải là một người hùng biện. Ông có vóc dáng của một vì thiên tử vì luôn có một khoảng cách và sự bất an cho người đối diện với ông thay vì một không khí thân thiện và một tình cảm chia xẻ là phong cách của một ông tổng thống thời hiện đại. Tiếng ông nhỏ nhẹ và khó nghe. Trong suốt cuộc nói chuyện tôi để ý ông châm thuốc hút tới ba lần và điều đặc biệt có tới hai lần ông hút ngược đầu thuốc ! Đó là loại thuốc Salem thay vì ông phải hút từ đầu có filter ông lại không làm. Sau hai ba lần châm thuốc hút không cháy, ông mới xoay ngược trở lại đúng đầu điếu thuốc. Dù rằng sau đó ông chỉ kéo một hai hơi và dụi ngay điếu thuốc trong chiếc gạt tàn đặt trên bàn. Tôi có cảm giác thuốc hút chỉ là một cách để ông đang suy nghĩ về một điều gì đó đang ám ảnh trong đầu và buổi nói chuyện chỉ là một thủ tục cho xong việc. Trước đó chúng tôi đã được thầy Huyến dặn dò kỹ lưỡng nếu khi được Tổng Thống kêu tên hỏi điều gì đó thì xưng hô là "Thưa Tổng Thống, tôi là Thiếu úy... ". Tổng Thống Diệm đã không hỏi ai điều gì và sau buổi nói chuyện chừng 1 giờ đồng hồ, ông đứng dậy đi ra. Ông không để lại những ấn tượng sâu sắc trong tôi.

Điều trớ trêu là chỉ hơn tám tháng sau khi ra trường, ngày 11 tháng 11 1963; thời gian đúng 3 năm kể từ khi chúng tôi bước chân vào quân trường; trong số những sĩ quan được ông gắn cấp bực và ngồi nghe ông nói chuyện hôm ấy, có người sẽ tham gia vào cuộc đảo chính nhắm vào ông! Cũng may mà chúng tôi - những người tham gia cuộc chính biến đó, cho dù có nơi đã đứng trên hai phía đối nghịch - giữa các đơn vị TQLC tham gia cách mạng và liên đoàn 77 Biệt Kích ở phía bảo vệ - đã không phải nổ súng vào nhau! Sau này Nguyễn Duy Linh kể lại khi được

lệnh nằm chờ tại vườn hoa Tao Đàn; Linh luôn hỏi với sang các lực lượng tham gia đảo chánh xem có "cùi 17 nào không?" Tôi hỏi Linh giả sử có lệnh bắn vào tụi tao (Tôi thuộc trung đoàn 11 Sư đoàn 7 cũng kéo về Sài Gòn tham gia phía cách mạng!) mày tính sao? Linh cười trả lời không suy nghĩ "Không bắn được!" Tôi cũng có ý nghĩ tương tự. Chúng tôi không thể bắn vào nhau bởi một lẽ đơn giản: Ngoài tình đồng đội, chúng tôi còn là anh em.

Tiếp theo lễ mãn khóa là buổi lễ chọn đơn vị. Ba chục bạn được ghi danh sang quân chủng không quân chờ đi thụ huấn chuyên môn sau khi nghỉ phép. Một trăm năm mươi người còn lại chia ra cho các đơn vị khác. Có lẽ đã trở thành một thứ thông lệ, các sĩ quan thủ khoa thường chọn các binh chủng tinh nhuệ nhất trong quân lực. Duy khóa tôi, Vĩnh Nhi lại chọn về Sư đoàn 7 BB. Á khoa Trần Văn Ký không bỏ lỡ cơ hội chọn ngay Nhẩy dù. Ba mươi ba bạn chọn Biệt kích, 30 chọn Biệt động quân, 15 bạn chọn TQLC. Phần còn lại chia đều cho các sư đoàn BB và các trung đoàn biệt lập. Đêm 30, trường tổ chức buổi lễ trao bằng tốt nghiệp. Sau đó là buổi lễ liên hoan mãn khóa chia tay, ngoài các thành phần trong trường còn có gia đình của các tân sĩ quan tham dự.

Cuộc chia tay chính thức là ngày 31 tháng 3 năm ấy sau khi chúng tôi nhận được giấy trở về trình diện các đơn vị do mình chọn lựa hôm trước. Vĩnh Nhi là trưởng toán gồm 9 người chúng tôi hẹn gặp lại nhau tại Mỹ Tho sau 2 tuần nghỉ phép mãn khóa.

Chúng tôi có mặt đầy đủ tại Bộ Tư lệnh SĐ 7 đóng tại Mỹ Tho vào ngày 15 tháng 4 1963. Chính trong thời gian này tôi mới hiểu ra lý do tại sao Nhi đã không chọn binh chủng Nhẩy dù. Anh vốn xuất thân gia đình hoàng thất. Anh lại là con trai lớn trong nhà, gia đình anh muốn anh phục vụ tại một đơn vị (mà theo gia đình suy nghĩ có lẽ đỡ nguy hiểm hơn!). Ngoài ra gia đình anh cũng có quen thân với một vị đại tá truyền tin, muốn nhờ vị này gởi gấm để

anh có một vị trí tốt khi anh trình diện đơn vị.

Sư đoàn 7 lúc đó do đại tá Bùi đình Đạm làm tư lệnh. Tướng Huỳnh Văn Cao mới dời chức vụ về làm Tư lệnh Quân đoàn 4. Lúc chúng tôi đến Mỹ Tho, không khí còn nặng nề sau trận đánh Ấp Bắc. Đại tá tư lệnh cũng bận rộn với công việc hành quân cho nên 5 ngày sau chúng tôi mới được gặp. Đại tá Đạm tính điềm đạm đúng như tên của ông. Ông thân mật nói chuyện với chúng tôi sau khi thuyết trình tổng quát về tình hình trong khu vực trách nhiệm của sư đoàn. Chín người chúng tôi được phân chia về 3 trung đoàn 10, 11, 12 trực thuộc sư đoàn.

Võ Thừa Tự, Nghê Hữu Cung, Nguyễn Tiến Mão và tôi về trình diện trung đoàn 11 lúc đó do thiếu tá Nguyễn Văn Bách làm trung đoàn trưởng. Các trung đoàn còn lại là các thiếu tá Trần Văn Đắc Trung đoàn trưởng 10; thiếu tá Vũ Lộ Trung đoàn trưởng 12 là trung đoàn Vĩnh Nhi được bổ về. Hôm chia tay tại Mỹ tho , ngồi uống nước trong một kios bên sông; Nhi mới cho chúng tôi biết anh đã không đưa lá thư giới thiệu của vị đại tá thân thích trong gia đình cho vị tư lệnh. Anh nói anh muốn tất cả 9 đứa có cùng một vạch xuất phát như nhau. Phải chăng những điều anh đã được học trong suốt thời gian thụ huấn giờ đây là lúc phải được thực hành? Hành độngkhôngchọn binh chủng nhẩy dù như thủ khoa Bùi Quyền khóa 16 là một nhượng bộ tột cùng của anh để làm vừa lòng gia đình. Chúng tôi ăn với nhau bữa cơm bên sông Mỹ Tho đêm ấy là một kỷ niệm rất đẹp. Bởi vì từ sau đó cho dù là cùng phục vụ chung trong một sư đoàn nhưng chẳng bao giờ có cuộc hội ngộ đông vui như thế. Thậm chí có những bạn mà cho đến giờ phút này tuy còn sống sau cuộc chiến mà vẫn chưa gặp lại nhau!

Năm 1965 Võ Thừa Tự hy sinh trong một trận đánh tại chiến trường Đồng tháp Bắc Cai Lậy khi tiểu đoàn chúng tôi chạm súng với trung đoàn 1 Đồng Tháp. Tết mậu thân 1968 tôi là Tiểu đoàn phó tiểu đoàn 2/11 trấn thù vùng bến Xe Mỹ Tho nằm sát bên sông Bảo Định trong lúc đang cắt đặt bố trí phòng thủ cho đơn vị thì tiểu đoàn phó tiểu đoàn

3/12 đại úy Trịnh Đình Dĩ Khóa 18 kêu máy giọng nghẹn ngào báo tôi biết "Niên trưởng ơi, niên trưởng Vĩnh Nhi về Trường rồi!". Nhi ra đi lúc sáu giờ chiều, phía bên kia bờ sông.

Điềm bất tường của 12 năm trước trong buổi Lễ mãn khóa được giải mã. Ba mũi tên bắn đi bị rơi ngay trước mặt là sự hy sinh của 3 thủ khoa kế tiếp nhau.

Nguyễn Anh Vũ thủ khoa khóa 18 sĩ quan Nhẩy dù hy sinh trong trận đánh tại mật khu Bời Lời trong năm 1964. Thủ khoa Võ Thành Kháng khóa 19, thuộc binh chủng TQLC, trong trận đánh Bình Giả cuối năm 1964. Và thủ khoa khóa tôi Vĩnh Nhi hy sinh bên bờ sông Bảo Định Mỹ Tho trong trận Mậu thân 1968. Mũi tên còn lại bay đi xa ra khỏi Hội trường hôm ấy chính là thủ khoa Bùi Quyền, sĩ quan nhẩy dù, khóa 16.

Sau ngày 30 tháng Tư 1975, hầu hết thành viên trong khoá đã trải qua những năm tháng tù đầy khổ sai trên khắp vùng đất nước. Cứ mỗi lần gặp lại nhau lại có biết bao nhiêu điều để tâm sự hàn huyên. Những ngày trong lao tù khổ ải đã làm chúng tôi càng gắn bó nhau nhiều hơn. Những chia sẻ vật chất vốn đã quá thiếu thốn cho nhau, những khích lệ an ủi lẫn nhau mỗi khi bạn bè có những điều bất hạnh đã làm cho tình thân ái càng chặt chẽ hơn lên từng ngày.

Rồi lần lượt, chúng tôi dời trại tù trở lại xum họp với gia đình. Người ít nhất cũng bẩy tám năm, người còn lại gần 13 năm. Bước ra khỏi trại giam đồng nghĩa với việc bước vào một trại tù mới. Những soi mói rình mò của tầng tầng lớp lớp công an chìm nổi vẫn không thể ngăn cản chúng tôi gặp gỡ giúp đỡ lẫn nhau.

Từ năm 1985 trở đi Phan Văn Hiệp là người đầu tiên đứng ra lãnh trách nhiệm Hội trưởng của khóa ở trong nước. Anh được thừa hưởng gia sản là một lò làm bánh tại chợ Bà Chiểu của gia đình. Anh liên lạc, kêu gọi anh em về cùng hợp tác làm ăn sinh sống qua ngày. Tưởng cũng nên nhắc lại Trung tá Phan Văn Hiệp là cựu quận trưởng

Củ Chi Bình Dương sau gần 7 năm lao tù tại trại Vĩnh phú. Sức khỏe anh bị suy sụp nặng vì bịnh phổi. Không ai tin rằng anh còn sống sót để có thể trở về với gia đình. Đó là lý do khiến trại thả anh ra để tránh mang tiếng ác! Hôm nhận giấy ra trại, anh đi không nổi, và sau này nghe kể lại, trên chuyến tầu lửa về Miền Nam anh đã nằm bất tỉnh trên sàn tầu giữa đống rác và lá gói bánh vứt la liệt dưới chân các băng ghế. Về tới Sài Gòn, một người bạn tù phải dìu anh đến tận nhà.

Ở hải ngoại, Võ Tình, nhờ bị thương tật nên được về trước anh em ít năm đã may mắn vượt biên. Sau hai năm ổn định chỗ ở, việc suy nghĩ đầu tiên là làm sao giúp được đám bạn bè còn lại hiện đang mắc kẹt trong nước. Tình vừa đi làm vừa bỏ công tìm kiếm các bạn cùng khóa hiện đang định cư tại Hoa Kỳ gom góp tài chánh yểm trợ cho người trong nước. Kể từ đây Khóa 17 có hai đại diện một trong nước và một ngoài nước. Tình hình tài chính lúc này dù ít ỏi nhưng thắm đượm tình đồng đội. Hàng tháng tùy theo số tiền gởi về từ nước ngoài, Hiệp tổ chức bữa cơm thân mật để phân phát tiền cho anh em chi dùng. Từ đó, hàng năm cứ vào ngày Lễ ra trường Hiệp và Cưu lại tổ chức buổi họp mặt khi tại nhà Hiệp khi công viên để tránh con mắt nhòm ngó của công an cộng sản.

Từ năm 1990 trở về sau, khóa lại có thêm một nơi gặp gỡ hội họp mới nữa; quán ăn của vợ chồng Lê Văn Cưu trước cửa Trường Quốc gia hành chánh cũ. Trong bối cảnh là một quán ăn, chúng tôi có đủ lý do hợp pháp để ngụy trang cho các cuộc họp khóa hàng năm vào ngày 30 tháng 3, ngày ra trường. Cũng phải nói thêm vài lời về anh chàng Lê Văn Cưu có "kích thước khiêm tốn" này. Ngày ra trường Cưu chọn TQLC. Trong các cuộc hành quân hỗn hợp binh chủng do SĐ 7 tổ chức trong lãnh thổ khu chiến thuật Tiền Giang, tôi thường gặp lại các bạn cùng khóa thuộc binh chủng này, từ Cưu, Lượm, Huệ, Điệp, Lãm, Hoàng, Tăng Minh Sang... và rất nhiều "cùi"15, 16, 19 và các khóa khác. Khi hỏi tin tức về nhau, Lê Văn Cưu và Trần Kim Hoàng

luôn được nhắc đến như những "ngôi sao đang lên" của khóa. Rồi từ từ... những ngôi sao này... leo lét "không rõ lý do!" (viết tới đây, tôi nhớ tời câu chữ của Tô Văn Cấp một niên đệ khóa 19 khi nhận xét về các bạn cùng khóa chúng tôi trong binh chủng này: Khóa 17: Thương). Tôi thật sự không hiểu hết ý của Tô Văn Cấp muốn diễn đạt nhưng có lẽ phải nhận chân một điều, nhận xét đó là khá đúng cho mấy ông bạn mũ xanh của khóa tôi. Về TQLC 15 người, hy sinh 4 còn lại duy nhất 1 người trụ đến phút chót, Đinh Xuân Lãm, với sức khỏe rất èo uột chập chờn hiện nay! Duy có điều cả khóa phải ghi công của hai "ngôi sao không chịu sáng!" luôn hăng say "cơm nhà vác tù và hàng tổng" này. Cưu là người có công đưa ra sáng kiến và thực hiện giấy mời họp khóa đề nghị thành lập "Hội ái hữu Khóa 17" đầu tiên tại câu Lạc Bộ Sĩ quan An Đông Sài Gòn vào tháng 3 1969. Tuy rằng những năm sau đó, các cuộc họp mặt thường niên có sự tham dự không được đông đủ các thành viên vì ai cũng bận lo công vụ và anh em tứ tán khắp 4 vùng chiến thuật nhưng trong lòng mỗi người khi nhận được giấy mời họp cũng đều có ấn tượng sâu sắc về "Hội ái hữu" của mình. Và Hoàng là người đôn đốc, đứng mũi chịu sào đã thành công việc thực hiện một điều tâm huyết của khóa: Việc dựng Bia Tưởng Niệm của khóa 17 vào ngày lễ Kỷ niệm Quân lực VNCH năm 2008 sau này.

Từ năm 1991, tại Hoa Kỳ, các bạn Võ Tình, Nguyễn Ngọc Toàn chung tay gầy dựng lại " Hội ái hữu Khóa 17". Phan Văn Hiệp, Lê Văn Cưu quốc nội tiếp tục các cuộc họp khóa đều đặn hàng năm. Đặc biệt các "ông thần" này còn nuôi luôn ý định có một nơi chỗ cho các "cùi" xuất thân Võ Bị bất kể khóa nào đều có thể đến để sinh hoạt giúp đỡ trao đổi tin tức với nhau! Đó là lý do có quán Cà phê Lâm viên ở số 235 Sô Viết Nghệ Tĩnh ra đời. Quán do các bạn Nguyễn Tiến Mão, Hoàng Đình Ngoạn và Võ Ý đảm đương buôn bán. Căn nhà lập quán là của gia đình Phan Văn Ninh cho mượn, vốn liếng tiền bạc do Phan Văn Hiệp và nhóm cùng khóa ở hải ngoại gởi về. Cũng chính

nhờ việc kinh doanh buôn bán của quán đã giúp đỡ được nhiều bạn đang sống vất vưởng lang thang sau khi ra khỏi trại tù cộng sản được ổn định công việc ăn ở. Quán Lâm Viên sau đó là còn là nơi lui tới của nhiều niên trưởng, niên đệ cùng trường để trao đổi tin tức, gặp gỡ nhau trước mũi những tên công an chìm nổi của Sài gòn! Không biết có phải vì mải vui với một tương lai nhiều hứa hẹn sắp tới trước phong trào HO đang nở rộ mà quên đi cái hiểm nguy rình rập hay là các vị quản lý này cho rằng "cùi" rồi sợ gì "lở" nữa cũng nên! Cho đến khi có phong trào ra đi HO không còn ai phụ trách nữa quán mới chịu đóng cửa.

Năm 2000, Khóa 17 lần đầu tiên tổ chức một cuộc họp mặt đông đủ "trên toàn thế giới". Cuộc gặp gỡ quy mô lần này được tổ chức tại Santa Ana thuộc quận Cam. Sáu mươi chín bạn cùng khóa cùng gia đình từ khắp nơi, Úc châu, Âu châu, Canada, và các tiểu bang Hoa Kỳ đã trở về tham dự. Chính nhờ cuộc hội ngộ này chúng tôi mới xác định được số người còn lại của khóa. Tính từ ngày ra trường cuối tháng Ba 1963 cho đến ngày tàn cuộc chiến, đã có 80 thành viên của khóa hy sinh trong chiến tranh. Tính trên tổng số 189 sĩ quan tốt nghiệp, tỷ lệ thương vong là hơn 40%. Những người may mắn còn lại cũng gần 2 phần 3 là bị thương tật trong chiến đấu. Tự con số đã nói lên mức độ khốc liệt của chiến tranh và sự đóng góp xương máu của khóa 17 trong cuộc chiến chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản miền Bắc.

Trong nỗ lực bóp méo và xuyên tạc lịch sử nhằm che lấp tội danh bán nước cầu vinh của bọn đầu sỏ cộng sản Việt Nam. Đám lãnh đạo nhà nước cộng sản sử dụng lũ trí thức xã hội chủ nghiã tìm mọi thủ đoạn nhằm xóa mờ hình ảnh đội quân Việt Nam Cộng Hoà đã cương cường đương đầu với chúng trong suốt cuộc chiến. Chúng nêu ra luận điểm: cuộc chiến vừa qua là cuộc chiến giửa quân đội nhân dân cộng sản với "đế quốc" Mỹ xâm lăng! Để thực hiện âm mưu thâm độc này, chúng đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo trong và ngoài nước để cố chứng minh điều bịp bợm ấy. May mắn là trong giới sử gia chân chính của Hoa Kỳ, đã

có những cuốn sách viết vạch trần sự bỉ ổi đó. Đồng thời cũng đã có những chính khách và các sử gia người Việt hải ngoại lên tiếng phản bác lại sự xuyên tạc này. Để góp phần trong nỗ lực gióng lên tiếng nói chân thực cho những thế hệ tiếp nối, để lại một di tích mang tính lịch sử cho các thế hệ người Việt hải ngoại tương lai. Khóa 17 quyết định thực hiện bằng được Bia Tưởng Niệm các bạn cùng khóa đã hy sinh trong chiến tranh Việt Nam. Nguyễn Hữu Cang được giao trọng trách tìm vị trí địa điểm thích hợp với khả năng tài chánh rất hạn hẹp của khóa. Cho dù đã có những gợi ý của một số mạnh thường quân trước nghĩa cử này, chúng tôi vẫn xin khước từ bởi vì chúng tôi nghĩ rằng những điều do chính chúng tôi tự đóng góp và tạo nên vẫn có một ý nghĩa tâm linh cao đẹp hơn đối với đồng đội của mình. Những cuộc họp hoạch định và chuẩn bị thực hiện bắt đầu từ kỳ gặp mặt tháng Ba năm 2005. Sau hơn hai năm tìm địa điểm liên lạc xin giấy phép và quyên góp trong nội bộ của khóa, chúng tôi đã thực hiện được điều mong ước.

Ngày 18 tháng 6 2008, khóa 17 tổ chức buổi lễ dựng Bia Tưởng Niệm ghi nhớ các bạn cùng khoá đã hy sinh trong chiến tranh Việt Nam tại công viên Victoria thành phố Greer thuộc tiểu bang South Carolina. Buổi lễ được tổ chức trang nghiêm và trọng thể với sự tham dự của nhiều đoàn thể quốc gia khu vực Miền đông Hoa Kỳ cùng các quan chức thuộc tỉnh Greer sở tại. Đây cũng là một nét riêng của khóa 17 thực hiện để vinh danh cho các bạn cùng khóa.

Năm mươi năm một chặng đường. Khoảng thời gian chưa đủ dài để con người có thể lãng quên những ấn tượng sâu sắc trong đời. Trong không khí thân mật những ngày hội ngộ, những thành viên còn lại của khóa vẫn còn luôn nhìn nhau qua con mắt của một thuở thanh xuân ngày nào. Người già nhất cũng bước vào tuổi 76 và người trẻ nhất cũng thuộc thành phần "cổ lai hi". Những tiếng cười chen theo những câu chuyện vui, qua những kỷ niệm từ nửa thế kỷ trước cho đến những ngày trong lao tù, những ngày vất vả kiếm sống trên đất khách vẫn là những đề tài được nói

đến nhiều. Tiếp theo đó là những ưu tư về tương lai dân tộc, tình hình trong nước lại được đem ra bàn thảo. Thì ra tâm huyết lưu truyền từ mái trường Mẹ vẫn còn đủ ấm để cho những đứa con lưu lạc có bổn phận phải nhớ về. Ước mơ về một ngày họp khóa ngay trên chính quê hương vẫn luôn là một ước mơ nóng bỏng. Những kỷ niệm của một thời thanh xuân vùng vẫy trên quê hương vẫn chưa nguôi ngoai.

Cho dù tuổi tác và sức lực đã tới lúc như thể "không kham nổi đoạn đường" Nhưng "chí vẫn còn mong tiến bước" để mong đáp đền lại một điều gì đó rất thiêng liêng không thể diễn tả ra được bằng lời. Nơi quê người dù cho có ấm no về vật chất nhưng hình như vẫn thiếu một cái gì đó rất khó diễn tả. Quê hương và dân tộc. Mái trường Mẹ nơi xa xôi ấy vẫn luôn là tiếng gọi mời thiết tha níu kéo trở về.

Lật lại từng trang cuốn sách Lưu niệm của khóa 17. Tôi đọc lại những lời tâm sự của thầy Trần Ngọc Huyến trong bức tâm thư gởi cho cả khóa 17 trong ngày ra trường. Bức thư được in trong những trang đầu tiên của cuốn Lưu niệm. Thầy viết :

"...Tôi cũng mong rằng "Chàng trai Võ Bị sẽ tồn tại mãi trong mỗi bạn trước những thăng trầm của cuộc sống- để còn hăng hái với những gì "cao đẹp", say sưa trước những gì "vị tha"; vì đã có lần những chàng trai đó đã từng ước mơ được sống theo mẫu mực Kẻ Tiền Phong, sẵn sàng gánh chịu thiệt thòi vì "đã lỡ" chọn nghiệp đấu tranh, đương đầu với trận cuồng phong đang đe dọa đến cả mối tồn vong của dân tộc.

...Rồi đây, thời gian sẽ dần phủ lên những trang Lưu Niệm của các bạn một lớp bụi mờ. Nhưng nếu còn dịp nhìn lại bao hình ảnh cũ, các bạn hãy lắng tâm hồn trong giây lát, kiểm điểm những việc đã làm, để so sánh con người của bạn lúc bấy giờ, với con người lúc còn đứng ở ngưỡng cửa cuộc đời; con người trước đó, đã từng nhận sứ mệnh đấu tranh cho một Lý tưởng và hoạt động cho một Giống nòi."

Đọc lại những điều thầy đã viết trong thư; lòng tôi dâng tràn cảm xúc. Quả thật như điều thầy nói, giờ đây quê hương

Việt Nam đang chìm dần vào vòng nô lệ Bắc phương. Cả dân tộc đang điêu linh thống khổ dưới ách cai trị chuyên chế của một số đầu sỏ thiếu khả năng lãnh đạo nhưng lại thừa thủ đoạn gian manh tranh giành lợi lộc địa vị cho cá nhân, dòng tộc. Lịch sử đất nước đang lập lại những giai đoạn đen tối lầm than. Nhưng không hiểu tại sao tôi vẫn tin tưởng mãnh liệt về một tương lai tươi sáng tốt đẹp đang đến rất gần cho quê hương tôi. Bởi vì sớm hay muộn, lịch sử đã chứng minh, cường bạo không bao giờ chiến thắng được nghĩa nhân



Bia Tưởng Niệm cuả khóa 17 đặt tại công viên Victoria thành phố Greer South Carolina ngày 18 tháng 6 2008

Song Vũ



Cố Đại Tá Trần Phương Quế

Chú Quế

(Vương Mộng Long K20)

Đáng lý ra tôi phải gọi ông Trần Phương Quế bằng cậu, vì ông ấy là em nuôi của mẹ tôi. Nhưng từ sau ngày biết tin bố tôi và hai ông chú ruột của tôi đã bị Việt-Minh chặt đầu, trôi sông, thì tôi đổi cách xưng hô, gọi cậu Quế bằng chú, chú cháu gần gũi hơn, "Thấy chú như thấy cha..."

Chú Quế thương tôi như con. Chú vẫn gọi tôi là con, mỗi khi truyện trò. Những lúc đi xa, chú thường căn dặn tôi nhớ chăm học và ngoan ngoãn, mai mốt lớn lên thành người, trả thù nhà.

Mùa Thu năm 1948, mẹ con tôi ở chung nhà với bà ngoại tôi và vợ chồng người anh ruột của mẹ tôi nằm cách Ngã Sáu, Hải-Dương chừng trăm thước.

Một căn nhà lầu, tường đầy vết đạn, những chấn song cửa sổ bị bắn sứt sẹo cong queo, từ ô cửa sổ đó, tôi ngồi thòng hai chân ra ngoài đường nhìn những đoàn công voa đi ngang qua Ngã Sáu.

Nhà tôi ở số 24 phố (Rue de) Jean Bouchet cách khách

sạn Thiên-Tuế đầu phố đúng mười căn. Cuối phố Bouchet là Chợ Tây, cái chợ lớn nhất tỉnh. Xa hơn nữa, sát bờ sông là đồn lính Lê-Dương và lính thủy.

Hàng ngày, xe cộ chạy trên đường số 5 nối liền Hà-Nội với Hải-Phòng đều phải ngừng ở Ngã Sáu, chờ mở đường, rà mìn. Công voa từ Hà-Nội xuống, và từ Hải-Phòng lên, sau khi họp thành đoàn sẽ có thiết giáp hộ tống để di chuyển về hai hướng ngược xuôi. Nhiều khi Quốc lộ 5 bị Việt-Minh đắp mô, hoặc có giao tranh, đoàn xe phải nghỉ lại đây một vài hôm. Những dịp này, hành khách nườm nượp đi qua trước nhà tôi để về Chợ Tây kiếm cơm, bún, phở, mì dằn bụng. Tôi ngồi bên cửa sổ căn gác thượng, chong mắt quan sát những chiếc xe hơi chở khách hiệu Renault, Citroẽn hay Peugeot rồi tự lựa cho mình, cái xe nào mình thích, để khi lớn lên mình sẽ tậu nó mà đi ngao du.

Thời gian này, chú Quế và ba người bạn đồng trang lứa, tuổi đôi mươi, chiếm cứ một căn nhà ngay góc đường đi vào Đề Lao Hải-Dương (nhà tù), trên con phố đối diện nhà tôi. Nhóm trai trẻ này làm nghề thông ngôn cho Tây trên tòa hành chánh. Giữa năm 1949 bốn người thanh niên ấy đã tình nguyện theo học lớp Hạ Sĩ Quan Liên Hiệp Pháp ở Trung Tâm Huấn Luyện Mao-Điền, Hưng-Yên.

Sáu tháng sau, mãn khóa, ba người kia theo binh chủng gì tôi không hay, riêng chú Quế trở thành một Trung sĩ Thiết Giáp của Quân Đội Liên-Hiệp-Pháp trú đóng trong vùng thị xã Nam-Định, quê của chú.

Cuối năm 1950 chú Quế cưới vợ. Chú dẫn cô vợ trẻ lên thăm mẹ con tôi. Lúc này gia đình tôi ở thuê trên lầu căn nhà số 17 phố Hàng Lọng. Căn nhà này của ông Triệu. Ông Triệu có hai vợ, ông ta làm Bang tá (?) ở Huyện Gia-Lộc, tỉnh Hải-Dương.

Có một lần, chú Quế chở tôi bằng xe đạp về vùng Gia-Lộc thăm ông Bang tá Triệu.

Sát vách nhà tôi là dinh cơ của ông Tiên Thân. Ông Tiên Thân là trung úy quận trưởng hay đồn trưởng gì đó mãi vùng Kẻ Sặt hay Bần Yên Nhân.

Dịp này vợ chồng chú Quế đã dẫn tôi đi ăn "cao lâu". Đây là lần đầu trong đời, tôi được uống một cốc cà phê sữa, ăn bánh champagne thỏa thê. Đây cũng là lần đầu trong đời, tôi được xem một tuồng cải lương ở rạp Kim-Phụng. Rồi vợ chồng chú dẫn tôi vào hiệu chụp ảnh. Tôi mặc quần "soọc" xanh, áo sơ mi trắng cộc tay, đầu đội cái mũ nồi, chỏm mũ có đuôi. Tôi đứng giữa, chú thím tôi đứng hai bên, có cây cảnh đặt bên phải chúng tôi, và cái "phông" của tấm ảnh là bức tranh đồng quê, với cảnh đàn trâu đang gặm cỏ.

Mẹ tôi lớn hơn vợ chú Quế (cô Trần Thị Dậu) một giáp. Mẹ tôi nhuộm răng đen, thím Quế để răng trắng. Nhưng mẹ tôi và thím Quế rất hợp nhau. Hai người kết nghĩa chị em. Hai chị em rủ nhau đi tiệm chụp ảnh chung. Những bức ảnh của hai nữ nhân Bắc-Kỳ thời 1950, đầu vấn khăn nhung đen, cổ đeo kiềng vàng, cổ tay có đôi xuyến, ngón tay có nhẫn mặt ngọc xanh, đôi hoa tai vàng y nhận hột ngọc óng ánh, áo dài lụa màu ngà có vân, tay xách bóp đầm, đứng giữa hai chậu cảnh. Trang phục đó là "mốt" của các bà, các cô Hà-Nội Mới những năm 1949-1950. Mẹ tôi còn cất giữ những cái ảnh này tới ngày bà qua đời.

Thím Quế thương tôi như con đẻ, ngày hè nóng nực, thím thường quạt ru cho tôi ngủ. Thím Quế ở chơi nhà tôi vài tháng rồi trở về Nam-Định.

Bẵng đi một thời gian khá dài, vợ chồng chú Quế lại ghé nhà. Lần này họ bế theo đứa con gái đầu lòng ba tháng tuổi. Bé Minh vừa biết lật. Đi học về, tôi lại bế em và chơi "Cúc! Oà!" với nó; nó thích lắm. Nó lật trên giường, hai tay quơ lia lịa, hai chân đạp không ngừng, miệng nó cười như nắc nẻ, nước dãi chảy lòng thòng.

Đó là những kỷ niệm tôi còn ghi trong đầu về những gì giữa tôi và gia đình chú Quế thời kỳ chúng tôi còn sống nơi đất Bắc.

Đầu năm 1952, nhà tôi di chuyển lên làng Vẽ (Đông-Ngạc) ngoại ô Hà-Nội. Vài năm sau tôi nghe tin chú Quế cùng hai người bạn năm xưa được đề cử theo học lớp sĩ quan hiện dịch ở Đà-Lạt.

Hiệp định Genève đưa gia đình tôi vào Tourane (Đà-Nẵng), rồi vào Fai-Foo (Hội-An), chúng tôi không rõ vợ chồng chú Quế phiêu bạt phương nào.

Tới năm 1960, mẹ tôi được người quen đưa tin thím Quế vừa mất, bà tất tả vào Quang-Trung, Sài-Gòn thăm gia đình chú. Ngày về mẹ tôi mang theo vài cái ảnh, trong đó có cái ảnh đứa cháu gái của bà chụp trước đó vài năm, hình em Lệ Minh mặc áo đầm xòe đứng trong sân chơi của trường Thánh Mẫu.

Thím Quế mất đi, chú tôi trở thành gà trống nuôi bốn đứa con, hai trai, hai gái. Năm sau, chú tôi tục huyền với cô Cao Thị Thêm. Cô Thêm là người có công chăm sóc các em tôi từ trứng nước, các em tôi cũng thương cô như mẹ ruột. Ít lâu sau, chú Quế bỏ nghề huấn luyện viên Trung Tâm Huấn Luyện Quang-Trung, xin ra tác chiến. Đã có lần chú Quế nói với tôi lý do vì sao ông tình nguyện chuyển ngành sang Lực-Lượng Đặc-Biệt, nhưng tôi quên mất rồi.

Năm 1965 tôi đang học năm cuối cùng trong Trường Võ-Bị thì gia đình chuyển tiếp cho tôi một lá thư của chú Quế. Chú nói nếu tôi thích Lực-Lượng Đặc-Biệt thì chú sẽ giúp đỡ cho tôi về binh chủng này khi tốt nghiệp. Tôi không đả động gì tới việc này trong lá thư trả lời cho chú. Ngày mẹ tôi báo cho chú hay tin tôi chọn binh chủng Biệt Động Quân chú buồn lắm.

Từ lúc ra trường Võ-Bị, tôi một chiến trường, chú một chiến trường, chú với tôi chưa một lần được chung lưng đánh trận nào.

Rồi mẹ tôi báo cho chú biết những tin buồn tới tấp như, tôi theo Trung tướng Nguyễn Chánh Thi làm loạn Miền Trung, bị nhốt trong quân lao, bị giáng cấp xuống trung sĩ, bị treo lon, bị đổi lên Vùng 2, và bị thương dài dài... chú lại khuyên tôi bỏ Biệt Động Quân mà về với chú.

Tết năm 1969 cấm trại, nhưng tôi được Trung tá Liên đoàn trưởng Liên Đoàn 2 /BĐQ cho năm ngày phép về thăm nhà bằng Sự Vụ Lệnh. Ngày đó chú Quế đang chỉ huy Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Dù hành quân trên Quế-Sơn,

Quảng-Nam.

Tình cờ chú cháu tôi gặp nhau tại nhà mẹ tôi ở Hội-An; chúng tôi có dịp xả bầu tâm sự. Tôi biết thêm những điều chú cất dấu sâu kín trong lòng. Hồi trẻ, chú tôi rất "bô" trai, vì vậy mà nhiều hình bóng giai nhân đã đi qua trong đời chú, trong đó có bà cô vợ một thằng bạn cùng quê, cùng khóa 20 VB của tôi. Chú cũng bùi ngùi nhắc tên ái nữ của một nhà văn, sau này cô ấy lấy người bạn của chú, ông ta làm tới Tướng Vùng...

Điều kỳ lạ là, trước khi tôi vào Pleiku, thì chú tôi đã xông pha ngang dọc một thời ở vùng rừng núi này. Ông từng làm trưởng trại Plei M'Rông khá lâu rồi mới thuyên chuyển về Nha-Trang. Tôi tới Tây-Nguyên thì chú tôi đã đi rồi, không còn dịp về qua đây nữa. Nhưng tôi vẫn biết tin tức của ông qua thư từ và qua bạn bè cùng Khóa 20 Võ Bị phục vụ dưới quyền ông.

Tiểu đoàn 81 Biệt Cách Dù của Thiếu Tá Trần Phương Quế đã góp công đánh tan nhiều đơn vị Cộng-Sản vùng Cây-Thị, Cây-Quéo, Tân-Phú-Trung, Củ-Chi, Sài-Gòn trong đợt Tổng Công Kích Mậu-Thân 1968.

Rồi ông giữ vai trò phụ tá đắc lực cho vị chỉ huy Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù trong thời gian ông đảm nhận chức Liên Đoàn Phó của đơn vị lừng danh này.

Cuối cùng, ông là Đại tá Trung đoàn trưởng/Trung đoàn 9/Sư đoàn 5 Bộ Binh, một trong những đơn vị nòng cốt kỳ cựu của Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

Tôi chỉ quanh quẩn trên Cao-Nguyên Vùng 2. Chú cháu tôi hiếm có dịp gặp nhau. Có một lần, cuối năm 1970 sau khi thụ huấn khóa "Tình Báo Tác Chiến" ở Singapore trở về, tôi ghé Sài-Gòn thăm gia đình chú. Hôm đó chú đang cùng đơn vị LĐ 81 BCD dự đợt bồi dưỡng nhảy dù thường niên. Chú giữ tôi ở lại nhà ăn cơm.

Ngồi quanh mâm có tôi, chú Quế, hai đứa em con người vợ cũ của chú là em Minh, em Hương, cùng với cô Thêm, vợ sau của chú. Lần đầu tôi được gặp cô Thêm. Cô Thêm

cũng là người Bắc, dáng cô cũng hao hao giống thím Dậu. Thấy cô Thêm, tôi chợt nhớ thím tôi, nhớ những ngày xa xưa tôi còn bé tí ở Hải-Dương...

Chiến tranh mỗi ngày mỗi khốc liệt hơn, tôi với chú tôi lại tiếp tục mỗi người một chiến trường. Sau khi Tiểu đoàn 82 BĐQ của tôi thắng trận Pleime 1974, Đại tá Trần Phương Quế, Trung đoàn trưởng/ Trung đoàn 9/ Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã gửi thư khen tôi, chú viết:

"Con giỏi lắm! Một ngày không xa, con sẽ qua mặt chú. Chú mừng vì con đã trưởng thành..."

Chú ơi! Cháu của chú trưởng thành chưa được bao lâu, chúng ta đã mất nước.

Chú bị cầm tù từ chiều 30 tháng 4 năm 1975.

Còn cháu, thì cái giấy ra trại ghi thế này đây: Tên Vương Mộng Long bị bắt ngày 11 tháng 5 năm 1975, can tội Tiểu Đoàn Trưởng-Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

Chuyện chúng ta thua trận, với cháu, tới nay vẫn còn như là một cơn mơ dữ. Quân-Đội Việt-Nam Cộng- Hòa đâu có thua kém ai? Năm 1974 Tiểu đoàn 82 BĐQ của cháu đã đánh ngất ngư hai trung đoàn của Sư đoàn 320A Việt-Cộng do Đại tá (sau là Thiếu Tướng) Kim Tuấn cầm đầu. Rồi tới trận Long-Khánh tháng Tư 1975, trước khi Lữ đoàn 1 Nhảy Dù của anh Nguyễn Văn Đỉnh (Khóa 15VB) vào tăng viện, Tiểu đoàn cháu cũng đánh tan nát một trung đoàn bộ binh cùng lực lượng xe tank Việt-Cộng của Tướng Hoàng Cầm ngay sát vòng rào sân bay Xuân-Lộc.

Chỉ trong vòng hai tháng sau cùng của cuộc chiến giữ nước, anh em thuộc Tiểu đoàn 82 BĐQ của cháu đã chết gần hết. Cháu cũng bao lần thoát chết trong kẽ tóc, đường tơ. Cháu đã làm tất cả những gì một người lính có thể làm, để bảo vệ quê hương.

Vậy mà, nước vẫn mất, thù nhà vẫn trả không xong. Khi ngồi viết những giòng này, nước mắt cháu đang chảy ròng ròng, chú ơi!

Mất nước, thành tù binh, tháng Mười Một năm 1975 chú cháu tôi gặp nhau ở khu K1 trại tù Tam-Hiệp. Chú Quế

giới thiệu cho tôi người đàn em của chú là anh Thiếu tá Biệt Cách Dù Phạm Châu Tài. Ba người ngồi nghiên cứu cách chui rào vượt trại. Tuần lễ sau tôi bị chuyển sang K3 là nơi chỉ nhốt sĩ quan cấp thiếu tá, chú Quế ở lại khu K1 cho tới ngày chúng tôi bị lùa xuống tàu chở ra Miền Bắc.

Cuối năm 1976 sau khi bị cùm vì tội trốn trại lần thứ nhứt, tôi được đưa về đội lao động ở Trại 4, Liên trại 4, xã Cẩm-Nhân, Yên-Bái, Hoàng-Liên-Sơn. Tại đây tôi gặp lại anh bạn LLĐB Phạm Châu Tài. Tôi hỏi thăm tin tức của Đại tá Trần Phương Quế, anh ta cũng mù tịt.

Khi chuẩn bị trốn trại lần thứ nhì tôi có ngỏ ý rủ anh bạn Tài đi theo, nhưng tiếc thay, trước khi tôi khởi hành, anh Tài lại bị chuyển về Trại 1 ở tít mù trong núi Tích Cốc.

Sau hơn tháng trời lặn lội trong rừng già Bắc-Việt, toán vượt ngục lần thứ nhì của tôi lại thất bại. Bốn người đi thì, một chết trong núi là anh Đại úy Trinh Sát Dù, Nguyễn Bá Tường, còn lại ba tên Vương Mộng Long, Trần Văn Cả, và Đặng Quốc Trụ bị tóm lại. Ba đứa chúng tôi bị chuyển từ trại này tới trại khác, nhốt trong hầm, bị còng tay, cùm chân và bị khảo đả ngày đêm, thừa sống thiếu chết, để dằn mặt những tù nhân khác. Cho tới ngày Liên trại 4 giải tán thì chúng tôi bị còng tay đưa lên xe chở về Trại Phú-Sơn 4 ở Quán-Triều, Thái-Nguyên.

Ngày quân Tàu đánh Việt-Nam, bốn mươi người tù, toàn là dân vượt ngục của đội 12 Phú-Sơn 4 bị còng tay từng cặp, hai người một, chuyển về trại Nam-Hà A, Phủ-Lý.

Chú Quế và tôi lại có dịp gặp nhau lần nữa, trong tù.

Ôm tôi thật chặt, chú tôi khóc,

"Con ơi! Mới đó mà tóc con bạc cả rồi. Tội nghiệp con!..."

Tôi trấn an chú tôi,

"Chú đừng lo! Tóc cháu vàng đi vì bị cùm lâu ngày và thiếu ăn. Nếu có ăn, chỉ ít lâu sau tóc cháu sẽ đen trở lại."

Ít lâu sau ông thấy tóc tôi đã trở lại màu đen, ông mừng vô cùng. Rồi chú cháu tôi lại chia tay, tôi bị chuyển vào Trại Z30 C Hàm-Tâm, Thuận-Hải, chú tôi bị đưa về Trại

Z30 A ở Ngã Ba Ông Đồn.

Năm 1985 tù chiến tranh của trại Z30 C được tha gần hết, thay vào là tù hình sự. Tôi là một trong số vài chục tên cuối cùng bị chuyển sang Trại Z30D Hàm-Tân vào cuối 1985.

Đầu năm 1988 tôi được tha về với gia đình. Chú Quế là một trong những người đầu tiên tới nhà thăm tôi. Chú tôi đã được thả về nhân ngày 2 tháng 9 năm 1987, nhưng ông còn đang bị quản chế. Hàng tháng ông phải ra trụ sở phường khai báo việc làm trong tháng vừa qua. Những người được tha sau năm 1987 như tôi thì không bị quản chế.

Thời gian này vợ chồng chú tôi sống bằng cách, hàng ngày nấu một nồi xôi lớn để vợ chú ngồi bán trước cửa bệnh viện Bình-Dân, Sài-Gòn. Cuộc sống vất vả cực nhọc và thiếu thốn quá đã khiến lưng của bà vợ chú còng trước tuổi.

Trong khi đó tôi phải lên rừng đào vàng, đào thiếc, chặt củi, giữ lô, lái máy cày thuê để kiếm sống. Mỗi lần về, tôi hay ghé thăm chú tôi.

Từ khi Việt-Cộng chiếm Sài-Gòn, gia đình chú tôi đã thành vô gia cư, phải dọn về ở nhờ nhà một đứa cháu gọi ông bằng chú.

Trước năm 1975 gia đình Đại tá Trần Phương Quế cư ngụ trong Cư xá Lam-Sơn, Gò-Vấp. Chỉ ít lâu sau ngày Sài-Gòn thất thủ, Cộng-Quân đã tới tiếp thu cư xá này. Thân nhân sĩ quan chế độ cũ phải ra ngoài tập trung để bộ đội Cộng-Sản vào khám xét từng nhà.

Ngày 16 tháng 6 năm 1975, khi toán bộ đội Việt-Cộng tới khám xét căn nhà của Đại Tá Trần Phương Quế thì giáp mặt một Thiếu úy Địa Phương Quân Việt-Nam Cộng-Hòa trẻ tuổi đang chờ tiếp đón họ.

Anh Thiếu úy Miền Nam niềm nở đón chào toán "Bộ Đội Cụ Hồ" bằng hai quả lựu đạn Mini, một cho chính anh, và một cho bọn ăn cướp vào từ phương Bắc.

Hai tiếng nổ nối tiếp nhau làm rung rinh cư xá Lam-Sơn. Anh Thiếu úy Việt-Nam Cộng-Hòa chết phanh thây, nhưng vài tên Cộng-Sản Bắc-Việt cũng banh xác, thêm

mấy đứa đui, què, mẻ, sứt.

Bị vố đau, bọn Cộng-Sản phát điên lên. Để trả thù, chúng đem cái xác anh Thiếu úy Miền Nam phơi trước cổng ra vào của cư xá, cả tuần lễ sau chưa cho thân nhân nhận về chôn cất.

Anh Thiếu úy Địa Phương Quân Việt-Nam Cộng-Hòa đó tên là Trần Phương Tuấn, sinh năm 1953, con thứ nhì của Đại tá Trần Phương Quế và bà Trần Thị Dậu.

Chuyện người anh hùng Trần Phương Tuấn với hai trái Mini đón chào đoàn quân Bắc-Việt ở cư xá Lam-Sơn, Gò-Vấp ngày 16 tháng 6 năm 1975 có nhiều người chứng kiến lắm, trong đó có người nhà của Niên trưởng Khóa 10 Võ-Bị Lê Xuân Hiếu, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 43/ Sư đoàn 18 Bộ Binh/ Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Nhà của Đại tá Hiếu cũng nằm trong cư xá này, và chỉ cách nhà của Đại tá Quế vài căn thôi.

Một hôm, từ mỏ vàng Hiếu-Liêm trở về, tôi ghé thăm chú Quế và bà cụ thân sinh của chú. Chú than phiền với tôi rằng người cháu ruột của chú không muốn chứa chấp gia đình chú trong nhà nữa, chú không biết phải dọn đi đâu. Tôi về thưa lại chuyện này với mẹ tôi. Sau đó gia đình chú Quế đã dọn về ở với mẹ tôi bên chợ Rạch Ông cho tới ngày đi Mỹ theo danh sách H15.

Chú tôi có bảy người con. Bốn người là con thím Dậu, ba người là con cô Thêm. Chú tôi và cô Thêm cùng ba người con của họ định cư tại tiểu bang Florida, Hoa-Kỳ. Bốn người con thím Dậu thì một chết (Trần Phương Tuấn) còn lại ba, hiện ở Sài-Gòn.

Gia đình tôi cũng được nhận vào Mỹ sau gia đình chú tôi vài tháng. Từ đó tới nay, chúng tôi sinh sống ở Seattle.

Chú tôi và tôi sinh ra để làm lính. Chú tôi xuất thân từ Trường Võ-Bị Đà-Lạt, tôi cũng tốt nghiệp quân trường này mười khóa sau ông.

Thời chiến tranh bảo vệ quê hương, tôi trấn giữ một biên cương rất xa chiến trường của chiến binh Trần Phương Quế.

Nơi quê người đất khách, chú tôi ở bên bờ Đại Tây Dương, còn tôi thì ở bên bờ Thái Bình Dương, cách nhau đúng một chiều ngang của nước Hoa-Kỳ.

Tôi và ông Trần Phương Quế có những liên hệ thân hơn ruột thịt. Ấy thế mà chúng tôi chẳng bao giờ được ở gần nhau lâu. Bận bịu công ăn, việc làm, tôi và ông lâu lâu mới điện thoại hỏi thăm lẫn nhau.

Năm 2009 trước khi nhập viện làm Bypass van tim, chú tôi có nói chuyện với tôi khá lâu trên điện thoại. Sau khi mổ tim, sức khỏe của ông vẫn bình thường. Bất ngờ, ngày 6 tháng Tư 2011 tôi nhận được e mail của người em rể, chồng của em Lệ Minh báo tin chú tôi mất.

Người lính Việt-Nam Cộng-Hòa Trần Phương Quế một đời xả thân vì đất nước đã không có cái vinh hạnh được chết nơi trận tiền. Ước vọng sau cùng của ông là tro cốt ông sẽ được gửi về quê hương Việt-Nam.

Chú tôi sẽ được hỏa thiêu như ý nguyện. Người con trai út của chú sẽ đem tro cốt của chú về đặt gần tro cốt của mẹ chú trong một ngôi chùa ở Sài-Gòn.

Nghe tin Đại tá Trần Phương Quế qua đời, người cháu của ông ở Việt-Nam đã tới Tòa soạn Báo Tuổi Trẻ để nhờ đăng cáo phó thông báo cho bạn bè thân thuộc của ông biết tin ông mất.

Thấy những giòng chữ tắt "LĐP-LĐ8-BCD" trên cáo phó, nhà báo hỏi người cháu của ông Quế rằng đó là viết tắt của những chữ gì? Khi nghe lời giải thích hàng chữ, "LĐP-LĐ8-BCD" có nghĩa, "Liên Đoàn Phó-Liên Đoàn 81-Biệt Cách Dù" thì Tòa Soạn Báo Tuổi Trẻ không dám nhận đăng cáo phó này.

Vương Mộng Long
Seattle, ngày 9 tháng Tư năm 2011



Bài thơ tặng Mẹ

Nguyễn Hội K20

Khi con đến, thân Người còn hơi ấm.
Mẹ chờ con trong giấc ngủ cuối đời.
Tim Mẹ đập tựa cỗ xe lên dốc.
Ngực phập phồng như sóng dủi bờ xa.

Khi con đến, mắt Người đà khép kín.
Mẹ nhìn con trong tâm thức cuộc đời.
Mẹ soi đường dẫn con Mẹ đến nơi.
Ngày hội ngộ, được mấy giờ: ly biệt.

Hơn tám chục, theo con về đất mới.
Trốn bạo tàn, Mẹ lại nhớ quê hương.
Không chờ con, con dẫn Mẹ lên đường.
Cầm cờ Quốc Gia cắm trên đất Việt.

Chết xứ lạ, khó chôn vì đất lạnh.
Mảnh hình hài trở lại lúc ban sơ.
Lò thiêu đó! Mẹ vào tìm hơi ấm.
Lửa bùng lên! Hồn Xác Mẹ về đâu . . . ?

Laurel, Md USA, tháng 5 năm 2004
Mỹ Á Sông Trường, Úc Đại Lợi.



Lực Lượng FULRO trong Trại Tù VC

Trần Ngọc Toàn, K16

Ba năm bị tù đày và chuyển trại liên tiếp trên khu rừng núi Thượng du Bắc Việt hiểm độc, trong tay của bộ đội CS thuộc Đoàn 776, đã nặng nề trôi qua với đầy rẫy chết chóc và bệnh tật. Khi trời đã vào Đông, bỗng một hôm, toàn Trại được lệnh di chuyển bộ về Yên Bái. Tin tức cho biết Trung Cộng chuẩn bị đánh xuyên qua biên giới Việt Trung vào đầu năm 1979. Sau đó, từ đây bất thần có lệnh vượt sông Hồng, lên xe lửa về Nghệ Tĩnh.Trại Cải Tạo trung ương số 3 do Công An phụ trách, nằm trên vùng núi Trường Sơn, thuộc Huyện Tân Kỳ, ngay trên trục chuyển quân xâm nhập Miền Nam trước năm 1975, với hàng loạt hố bom B52 trải dài vào núi rừng cây Lim. Trại này có 4 Phân Trại, gồm K1, K2, K3 và K4.

Vào cuối năm 1979, sau một tháng bị biệt giam vì phải lao động nặng bên Phân Trại K4. Đội làm gạch này gồm

những tay chống đối, bị kỷ luật trong ấy có Cha Tuyên Uý tên Lân vẫn tiếp tục rửa tội cho con chiên hàng tuần. Tên Thiếu Úy Quản Giáo gốc dân Nghệ Tĩnh, từ Bộ đội chuyển sang Công An sau khi bị thương nặng trong trận đánh với Tiểu Đoàn 9 TQLC tại bờ sông Mỹ Chánh, Quảng Trị, năm 1972. Chỉ có độ 5% ngươì Kinh với số còn lại là các "Chức sắc" của Lực Lượng Fulro bị VC bắt sau năm 1975. Người Kinh mang cấp bậc cao nhất trong đội là Đại Tá Tôn Thất Khiên, cựu Tỉnh Trưởng Huế. Bên Fulro có Chuẩn Tướng Ralan Cek.Chúng tôi gọi đùa là "Lăn Ra Chết" sau khi chàng ta nổi giận la lớn:"Sau này, có gì tao sẽ giết hết bọn mày, Việt Cộng cũng như Cộng Hoà" khi có một va chạm với một tù cải tạo gốc Sĩ quan người Kinh. Ngoài Ralan Cek, theo sự tiết lộ cuả Y Phi Nié còn có Bộ Trưởng Quốc Phòng Y Bloh Nié, Bộ trưởng bộ Phát Triển Sắc Tộc gốc người Rhadé 2 mục sư Tin Lành... Tuy nhiên, danh tánh của người thật sự đang lãnh đạo Fulro trong tù được giữ bí mật. Y Phi Nié mang cấp bậc Đại Uý Fulro nguyên là Hạ Sĩ Nhất hành chánh tài chánh của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 3. Khi còn nhỏ, Y Phi được một Sĩ quan người Kinh nhận làm con nuôi và theo học chương trình Việt từ Tiểu học lên Trung học, với giọng nói như người Việt và viết chữ Việt rất đẹp. Từ trại biệt giam trở ra tôi được xếp nằm tầng trên của khung giường nằm hai tầng bằng gỗ sát một bên Y Phi Nié. Do cảm tình, tôi được nghe khá nhiều về tổ chức Fulro. Fulro là chữ viết tắt tiếng Pháp được dịch ra là Mặt Trận các Dân Tộc Thiểu Số bị áp bức. Khi chiếm đóng Việt Nam, nhà cầm quyền Thuộc Địa Pháp đã áp dụng chính sách chia để trị khi đặt chân lên vùng Cao Nguyên Trung Phần, với nhiều bộ lạc sắc tộc gốc Polynê như Rhadé, Bahnar, Sê Đăng, Sê Tiên, K' Ho... Họ tuyển chọn một số con cháu của các Trưởng Bộ Lạc, gồm đa số người Radhé, nay được VC gọi là Ê Đê, cho theo học trường Pháp và sau đó làm việc cho Thuộc Địa. Một số được gởi về Đà Lạt theo học từ trường Petit Lycée cho lên Grand Lycée (Tiểu Học và Trung Học). Có người được cho du học sang Pháp đã trở

thành lãnh tụ của Fulro là K'Pa Kơi cư trú tại Pháp trong suốt thời gian Fulro hoạt động, từ năm 1965 cho đến sau năm 1975, trên vùng Cao Nguyên Trung Phần Việt Nam. Sau khi, Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị đảo chánh, vào ngày 1.11.1963, với sự xâm nhập ồ ạt của Quân CS Miền Bắc vào Nam, cùng với sự tiếp tay của Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ (The Green Berêt), năm 1965, Fulro đã đồng loạt nổi đậy đòi quyền tự trị nhưng tức khắc đã bị Chiến Đoàn TQLC Việt Nam đánh tan và bắt đầu hàng toàn bộ. LLĐB Hoa Kỳ đã tổ chức người Thượng vào lực lượng dân sự chiến đấu và lập các đồn bót ngăn chặn cuộc xâm nhập của CS. Các lực lượng này gồm đa số người Thượng với trang bị vũ khí khá đầy đủ. Các toán LLĐB Hoa Kỳ đã huấn luyện họ ngay tại chỗ. Tuy vậy, cũng có một số bị dụ theo CS hoạt động du kích ở vùng đồi núi nơi buôn làng của họ. Dù vậy, lý tưởng lập một quốc gia mang tên ĐÊ-GA với các sắc tộc trên vùng Cao Nguyên từ Quảng Đức qua Đà Lạt lên Ban Mê Thuột, Plei Ku và Kon Tum vẫn kéo họ về một mối FULRO.

Khi VC chuẩn bị đánh chiếm Cao Nguyên, vào đầu năm 1975, chúng đã mời các lãnh tụ Fulro tham dự cuộc họp "Giải phóng" với Lê Đức Anh, Phạm Hùng và Văn Tiến Dũng, trong mật khu. Fulro sẽ tháp tùng Thiết giáp và bộ đội CS tiến chiếm Ban Mê Thuột vào này 11.3.1975, để từ đó kêu gọi các quân lính Cộng Hòa gồm đa số người Thượng buông súng hoặc quay súng theo VC như nước lũ. CS đã hứa sẽ trao quyền TỰ TRỊ cho các sắc tộc thiểu số trên Cao Nguyên này. Sau ngày 30.4.1975, các lãnh tụ Fulro được mời đi họp thảo luận vấn đề tự trị đã bị bắt trọn bộ và bị đem về nhốt ở Trại tù Gia Trung. K'Pa Kơi từ Pháp không về dự nên thoát khỏi âm mưu này. Vào tháng 6 năm 1975, các lực lượng Fulro đồng loạt nổi dậy chống VC và lần lượt bị tiêu diệt hoặc "Tội mưu toan phá rối", tôi bị chuyển qua Đội Trừng giới

bắt giữ đưa vào tù, hoặc chạy thoát về Cam Pu Chia, Lào và Thái Lan. Từ Trại tù Gia Trung, khoảng 300 người được xếp vào hạng cán bộ chỉ huy của Fulro đã bị đưa ra Trại Cải Tạo Trung Ương số 3 ở huyện Tân Kỳ, Nghệ Tĩnh vào năm 1976.

Vốn từng sống kham khổ trong rừng núi nên người Thượng thích ứng ngay với những thiếu thốn, đói khát trong trại tù CS. Họ xoay sở tìm các thức ăn ngay trên khu đất chỉ định lao động hạn hẹp và chế biến thực phẩm như cóc nhái, rau lá trên ruộng đất do Trại buộc canh tác. Nhà Giam thay vì phát muối hột cho bửa ăn gồm khoai sắn luộc ít ỏi đã cho mỗi người một muỗng mắm "Chượp" rất mặn và hôi thối. Tù nhân gốc Sĩ quan Công Chức Cộng Hòa không chịu nổi phải cho người Thượng phần của mình. Khi phải đi ra ngoài lao động họ bảo nhau làm cầm chừng. Bọn Công An Quản giáo và canh gác mặc tình la hét, mắng chửi, họ cứ tỉnh bơ như không hiểu. Mục đích chính là có cơ hội ra bên ngoài trại giam để xoay sở cho việc sống còn. Tuy cùng chịu đói khát và gian khổ như các tù nhân người Kinh nhưng người Thượng không sa sút gầy dơ xương. Họ vẫn rắn chắc. Có một thời gian Công An coi trại đã dùng người Thượng theo VC để theo dõi nhưng cũng chịu bó tay hủy bỏ kế hoạch. Dưới sự cai quản của CA, tù nhân không cho vào rừng lao động mà chỉ gom lại trong khu vực canh tác ruộng lúa và trồng rau cải. Ngay cả khi chỉ lay hoay trong khu đất làm gạch với đất sét và lò nung của đội "Trừng giới", họ vẫn xoay xở tìm được cái gì đó để mưu sinh như con mối, thằn lằn... Đúng như đã có người tù nói diễu cợt là con gì nhúc nhích là ăn được trừ con "bù-lon". Hoàn cảnh đặc biệt của họ là không hề thấy có ai nhận được quà gởi qua bưu điện hay có gia đình đến Trại tù thăm nuôi như các tù nhân gốc SQ và Công chức của Miền Nam, khi có lệnh cho phép. Tuy nhiên cũng có người viết thư gởi về gia đình ở các buôn làng trên Cao nguyên. Họ viết bằng chữ

Rahdé được La tinh hoá, pha trộn với tiếng Việt, Pháp và Anh nữa. Nhưng chẳng thấy ai nhận được quà thăm. Trong thời gian ở chung Trại tù ở xứ gọi là Cừa này chưa thấy có người Thượng chết bệnh, trong khi bên phía tù hình sự người Bắc có ngày chết cả chục người do suy dinh dưỡng và bệnh. Vào mùa bão tháng 10 năm 1980, lần đầu tiên trong đời, tôi đã chứng kiến trận bão lớn tràn qua khu Trại Tù Tân Kỳ làm bay mất một số nóc nhà và gió mạnh đến nỗi làm bật gốc những bụi tre lâu năm bên làng dân. Nước lũ ngập mênh mông quanh vùng đất thấp cả hai ba ngày. Lợi dụng lúc tình hình rối loạn, một anh tù Fulro là Y lane Nié, đã trốn trại nhưng bị bắt lại vài ngày sau đó bởi dân quân. Sau 1 năm tôi bị chuyển sang các Đội tù Sĩ quan đã chạy khỏi Việt Nam sang tới đảo Guam rồi đòi quay về trên chiếc tàu Việt Nam Thương Tín. Mấy trăm người này bị tra vấn tận tình và sau đó có khoảng 200 SQ bị đưa ra nhốt trong Trại tù Tân Kỳ này. Chuyện về số người này phải được kể lại khá dài và ly kỳ. Đến năm 1981, khoảng 600 tù nhân chính trị được đưa ga xe lửa Nghệ Tĩnh chuyển về các Trại tù Gia Trung, Long Khánh và Hàm Tân. Nhưng số tù nhân gốc Fulro vẫn còn bị giữ lại nơi này.

Ai cũng đoán biết là có một nhóm lãnh đạo người tù Fulro nhưng họ giữ rất kín. Trước đấy, có một người Thượng nguyên là Thiếu Uý Cảnh Sát Cộng Hoà bị bọn cán bộ Trại tù móc nối lấy tin, thường được gọi là Ăng-ten, đã nhận được thư của người nhà, từ Ban Mê Thuột gởi ra, bảo phải chấm dứt ngay vì tính mệnh của gia đình đang bị đe dọa. Việc này do thư từ của người ở trong trại tù gởi qua gia đình. Từ đó về sau, không còn có hệ thống Ăng –ten của VC trong khối tù Fulro nữa. Khi có tin trao trả tù chính trị cho MỸ, VC đã cho nhập vào các Đội tù chính trị độ 10 tên tù hình sự miền Bắc với án cướp của, giết người... Môt hôm, khi có sự va chạm với đám tù hình sự, cả mấy trăm tù Fulro đồng loạt xông vào đánh tơi tả đám tù hình sự, khiến Công An

phải xông vào giải cứu.

Hàng đêm, quản lý Nhà giam vẫn đi điểm danh từng phòng rồi khóa cửa lại bên ngoài, bên trong các Đội tù có lệnh phải ngồi học tập và kiểm thảo, theo lệnh bọn CB Giáo dục, dưới dự điều khiển của Đội trưởng. Nhưng lệnh này không hề áp dụng cho các Đội tù Fulro. Họ lấy lý do không đọc và viết được tiếng Việt và ngôn ngữ của các sắc dân bộ lạc không thống nhất để trao đổi liên lạc. Do đó, ban đêm, trong phòng giam các đội tù Fulro ai muốn làm gì cũng được nên Cha Tuyên Úy Lân vẫn làm lễ rửa tội cho con chiên hàng tuần. Đội trưởng gốc tù Fulro không hề viết báo cáo cho Trực Trại vì không biết viết chữ Việt. Nhưng bọn VC vẫn được tin và gọi Cha Lân lên làm việc và cấm không cho thăm nuôi. Tù Fulro nói chuyện với nhau vừa ngôn ngữ bộ lạc vừa pha tiếng Pháp "Bồi" nên có nghe cũng không hiểu họ nói gì. Theo Y Phi Nié, vào thời gian gần cuối tháng 3 năm 1975, đám Fulro rời Ban Mê Thuột về Khánh Dương, đã gặp một Đại đội Nhảy Dù thất lạc trên núi, sau cuộc chạm súng với quân chính quy VC. Có lẽ, đây là một Đại đội của Tiểu Đoàn 5ND đã vượt thoát về đến Vũng Tàu vào giữa tháng 4 năm 1975, được tường trình sau này. Tuy nhiên, không hề có cuộc chạm súng giữa Fulro và Nhảy Dù. Đám Fulro này là lực lượng ly khai sau khi cấp lãnh đạo bị VC gài bẫy bắt khi chiếm xong Cao nguyên PleiKu.Vào đầu năm 1976, lực lượng Fulro nổi lên đánh phá khắp nơi trên Cao Nguyên. Hà Nội đã phải điều động cả Quân Đoàn chính quy lên trấn át. Ngoài một số bị giết và bị bắt, một số đã chạy sang CamPuChia và Lào, Thái Lan. Được biết, sau năm 1975, Mỹ đã gởi vài toán quân Lực lượng Đặc Biệt xuống vùng PkeiKu, Kon Tum bắt liên lạc với Fulro nhưng không rõ dụng ý của họ. Sang thập niên 1980, một số Fulro đào thoát từ Việt Nam, đã từng hợp tác với LLĐB Hoa Kỳ trước năm 1975, đã được Mỹ đưa sang định cư tại vùng Bắc Carolina cho tới nay.

Đến nay, vùng Cao Nguyên Ban Mê Thuột Darlac đã được VC cho di dân Miền Bắc Việt Nam vào khai phá tận tình. Hầu như, hiện nay, trên các đường phố hay làng mạc trên cao nguyên BMT, Dalat, PleiKu, Kon Tum không còn ai thấy những nhóm người Thượng đống khố mang gùi và xà gạt theo chân nhau đi trao đổi thực phẩm hay săn bắn như trước năm 1975. Hay nói một cách khác là họ đã bị đồng hoá hoặc xóa sổ. Chỉ còn lưu lại khi cơ quan du lịch của VC muốn khai thác với những màn trình diễn dối trá của các sắc tộc trên sân khấu mà thôi. Vụ khai thác Bauxite của Trung Cộng đã dần dần làm chết đi môi trường sinh thái của vùng cao nguyên trù phú này, đồng thời triệt tiêu luôn các sắc dân thiểu số còn sống du cư du canh, rải rác trên mảnh đất quê hương của họ.





HÀ PHONG GIAO

Và bài hát
COME BACK TO SORRENTO.
(Viết để tưởng niệm một người bạn đồng môn –
Nhân ngày HỘI NGỘ 46 năm của Khóa 22)
(23-25/4/2011 tại Houston-Texas)
ĐẶNG VĂN CẦN – C22.

Vào ngày 12/12/2010 các bạn CSVSQ/K22 ở VN, sau 35 năm (kể từ ngày 30/4 /1975), đã cùng nhau thực hiện một cuộc hành trình về thăm lại Đà lạt mà tôi xin được gọi tên là "Hành hương về thăm quê Mẹ". Nhìn lại hình ảnh những khuôn mặt già nua, vẫn vui tươi, bất kể thời gian, đã làm cho chính tôi cũng rộn ràng, xúc động.

Và cảm động nhất là lời nói của chị Ân, vợ của anh Nguyễn Hoài Ân k22 trong chuyến đi:

"Các anh đã trả nợ dùm cho anh Ân rồi đó. Anh đã

nợ tôi chuyến đi này từ hồi cưới nhau tới giờ."

Kỷ niệm xưa của một người vợ Võ Bị như thế thì chính chúng ta còn ẩn dấu nó sâu đậm đến mức nào? Cũng vậy, ngày xưa, vào những năm (70-71), Hà Phong Giao cũng đã từng mong ước: khi hết chiến tranh sẽ trở về Đà lạt thăm lại mái Trường xưa như anh vẫn thường ấp ủ và gởi gấm nó trong bài hát: Come back to Sorrento (Trở về mái nhà xưa). Nhưng ước vọng đó không thành. Vì Hà phong Giao đã nằm lại chiến trường ở Chương Thiện, anh dũng hy sinh đền nợ nước. Thôi cũng đành ôm hận ngàn thu!

Qua lời bạn Nguyễn văn Mùi thì:

"Ra trường 1967, về SĐ 25/BB hơn 20 người. Trình diện đúng ngày có 9 người gồm: Lương Thanh Thuỷ, Hà Phong Giao, Huỳnh Trúc Thanh, Nguyễn Văn Mùi, Vũ Bắc... Tất cả đều về Trung đoàn 49. Vị trung đoàn trưởng 49 (kiêm Tiểu khu trưởng tỉnh Hậu Nghĩa) là trung tá Mã Sanh Nhơn.

Lương Thanh Thủy đứng ra trình diện các tân thiếu úy với trung tá trung đoàn trưởng. Vì thế Thủy được tr/đ trưởng chỉ thị về đại đội Trinh sát trung đoàn cùng với Hà Phong Giao. Mùi về TĐ2, Thanh về TĐ1... (sau đó Vũ Bắc thuyên chuyển về Tr/đ 50).

Chỉ mấy tuần sau ngày trình diện, Lương Thanh Thuỷ lên làm ĐĐ trưởng trinh sát.

Từ lúc này, cuộc đời Hà Phong Giao bắt đầu đi vào một khúc quanh đầy trắc trở.

Vì mới ra trường, kinh nghiệm chưa có. Lương Thanh Thuỷ tuy nắm chức vụ ĐĐT nhưng mọi sự điều động ĐĐ, Thuỷ lại giao hết cho ĐĐ phó (nguyên là một SQ đặc biệt). Biết được yếu điểm của Thuỷ, anh ĐĐ phó đã sử dụng Hà Phong Giao hết mức. Trung đội của Giao luôn luôn là nỗ lực chính trong mọi cuộc hành quân. Mặc cảm, anh ta xem Giao như một thuộc cấp và đối xử rất phân biệt, phân cấp. Dùng quyền và ra lệnh không cho có ý kiến. Giao báo cho Thủy biết tình trạng này. Thủy không giải quyết mà lờ đi,

trách Giao không thi hành lệnh của ĐĐ phó. Giao rất buồn về chuyện này.

Khi Mùi nghe biết chuyện cũng đã gặp Thủy, trách nhẹ nhàng:

Mày không nên đối xử với Giao như thế. Dù sao chúng ta cũng là bạn bè cùng khóa. Đánh giặc mà mày xử dụng nó kiểu đó chẳng khác gì mày hại bạn.

Tháng 2/68, trước khi trận Mậu Thân bùng nổ, Mùi về tỉnh Hậu Nghĩa (nơi có hậu cứ của ĐĐ trinh sát trung đoàn cũng là nơi đặt căn cứ hỏa lực của trung đoàn 49/25) để gắn Anh dũng bội tinh ngôi sao bạc. (Lúc đó Mùi đang là Trung đội trưởng của ĐĐ1/TĐ2). Giao đến gặp, bắt tay chúc mừng. Đây là lần đầu tiên hai anh gặp lại nhau và cùng nhau chuyện trò thân ái. Giao tâm sự:

Tao với thằng ĐĐ phó gây lộn nhau hoài. Chắc có bữa tao bửa nó quá.

Nhân dịp về căn cứ hỏa lực lãnh lương, một lần nữa Mùi và Giao gặp gỡ nhau. Đang ngồi uống bia, thấy anh chàng ĐĐ phó của Giao. Mùi mời vô, đưa ra ý muốn hai bên (Giao và anh chàng ĐĐ phó) giảng hòa. Nhưng chuyện vẫn chẳng đi tới đâu. Mùi khuyên Giao xin chuyển đơn vị khác thì hay hơn.

Sau Tết Mậu Thân khoảng 4, 5 tháng, gặp lại Mùi,

Giao và Mùi trở nên tương đắc. Vì cả hai cùng thích tìm hiểu và chuyện trò về nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy binh sĩ dưới quyền cũng như chiến thuật đối phó với du kích CS. Đó là phải tận dụng cái đầu để đối phó. Phải biết mưu lược.

Giao thường gặp những chuyện bất bình hàng ngày ở ĐĐ/TS. Mùi nhớ lại lời anh bàn về bạn bè. Một nhận định thật sâu sắc:

Mùi này! Bạn bè thì có Quản Trọng - Bảo Thúc Nha, rồi cũng có Tôn Tẩn - Bàng Quyên. Chúng ta nên thận trọng. Vì bạn bè, nhất là bạn đồng môn lại là những cái bẫy xập đầy đắng cay, oan nghiệt, đáng sợ. Họ dễ dàng đạp mình xuống để đi lên.

Bây giờ nghĩ lại sao càng thấm thía lời của anh!!!!! Mùi nói.

Mùi nhận xét về Hà Phong Giao như sau:

Hà phong Giao là một SQ/VB đúng nghĩa! Văn võ kiêm toàn. Đã chọn nghiệp võ vào thời binh lửa ngút trời thì có mấy ai nghĩ đến tuổi thơ? Anh là người tài hoa, biết thành thạo nhiều ngôn ngữ, không kiêu ngạo, không khoe khoang. Điều quân mưu trí. Chiến đấu anh dũng. Trước hiểm nguy, Anh vẫn vui vẻ xem như là một vinh dự được phục vụ cho Tổ Quốc. Anh hy sinh tại chiến trận, đã để lại một tấm gương cho tôi và những người còn nghĩ đến trường Mẹ có dịp xét lại bản thân mình xem có đi đúng với lý tưởng cao đẹp của mình đã chọn lúc ban đầu hay không?

(Cám ơn bạn Nguyễn Văn Mùi. Bạn đã rất trung thực và vô tư khi kể chuyện của Hà Phong Giao vào giai đoạn đầu khi mới ra trường ở SĐ25/BB. Mặc dù cả hai Giao và Thuỷ đã hy sinh. Nhưng sự thực cần được phơi bày một cách rõ ràng. Vì có thế nào đi nữa, chúng ta vẫn là bạn, dù sự cư xử có khác: người vì quyền và lợi, người mang nặng tình nghĩa anh em, bạn bè v.v...)

HÀ PHONG GIAO là CSVSQ/ ĐĐ/B/K22. Anh là một trong mấy bạn từ khóa 4 năm xin được ra trường sớm cùng với khóa 2 năm. Trang Văn Ba nhớ lại như thế. Hà Phong Giao đã tham dự khóa Rừng-Núi-Sình-Lầy tại TTHL/BĐQ ở Dục Mỹ trước khi mãn khoá.

Bây giờ mời các bạn nghe chính Hà Phong Giao nói chuyện mình:

Tao từ SĐ 25 về đây (TĐ3/31/SĐ21). Năm 1967, ra trường tao về làm trung đội trưởng ĐĐ Trinh sát của Trung đoàn 49 thuộc SĐ25.

Trong thời gian này, một chuyện đau buồn của đời tao là vợ tao đã ẵm đứa con gái, bỏ tao, bỏ gia đình ra đi. Lúc này là lúc tao buồn nhiều nhất. Buồn tình bạn bè thay đổi trắng đen. Buồn vợ con quá bạc tình.

Mãi đến gần cuối năm 1970, anh mới lên trung úy, trước khi tử thương có mấy tháng.

Hình ảnh mà tôi nhớ nhất về Giao là trên mình khoác dây ba chạc với khẩu K54 lấy được của VC, không gài khoá thắt lưng, đi cà bơi cà bơi. Lúc nào cũng cười, khi đi hành quân hay về hậu cứ. Tính hồn nhiên, thoải mái. Đặc biệt là lúc nào cũng có thể hát. Không ai ngờ được rằng trong con người nhìn thì có vẻ vô tư nhưng anh đã phải gánh biết bao nhiêu buồn phiền, oan trái của cuộc đời. Trong tim anh là một trời buồn. Bài hát anh thích nhất và được anh hát nhiều nhất trong các buổi tiệc ngày Tết hay trong các bữa nhậu của TĐ, TR/Đ hoặc lúc thảnh thơi là bài: Come back to Sorrento (Trở về mái nhà xưa) bằng tiếng Anh hay tiếng Việt. Anh hát với tất cả tâm hồn của mình, với tất cả trái tim của mình. Anh gởi trọn hồn mình trong bản nhạc này. Anh đã làm tất cả khán thính giả ngồi nghe, Mỹ hay Việt, như được du hồn về với Mẹ, về với quê hương. Bay bỗng êm đềm. Tất cả đều say mê giọng hát tuyệt vời này của anh. Nó như có một ma lực lôi cuốn, mê hoặc mọi người:

Về đây khi mái tóc còn xanh xanh.
Sunlight dances on the sea.
Về đây với mầu gió ngày lang thang.
Tender though occur to me
I have often seen your eyes.
Về đây với xác hiu hắt lạnh lùng.
In the nightime, when I dream
.....
Ôi lãng du quay về điêu tàn
.....
Come back to Sorrento.
.....
So I can mend.

Sorrento là một thị trấn nhỏ ở về hướng Nam của nước Ý, sát biển. Nhìn ra vịnh của thành phố Naples. Dân cư hiện

nay có khoảng 16.500 người. Ngày nay, nó đã trở thành một địa điểm du lịch. Ngày xưa, trước khi bản nhạc Come back to Sorrento được biết đến thì Sorrento chỉ là một làng nhỏ bé, nghèo nàn. Ernesto de Curtis (1875- 1937) là người đã sáng tác ra bản nhạc. Bản nhạc xuất hiện, được hát vào năm 1903 với tên tiếng Ý "Torna A Sorrento" tại nước Ý. Sau đó, nhạc sĩ Phạm Duy đã chuyển qua tiếng Việt dưới tựa đề "Trở về mái nhà xưa".

Đó là tâm trạng của một kẻ lãng du, của một người con... muốn trở về để nhìn lại ngôi nhà xưa qua bao năm tháng xa rời cố hương, để nhìn ngôi làng cũ với những mái nhà nghèo nàn, tả tơi, bên bờ biển với giòng nước xanh dịu hiền!!!

Giao là một người có nhiều tài. Về ngôn ngữ, Anh, Đức, Quảng Đông, Anh nói và viết thông thạo. Cố vấn Mỹ cuả TĐ rất mến Anh. Tôi đã mục kích một cuộc chuyện trò giữa Anh và người sĩ quan cố vấn này. Anh đã sửa tiếng Anh cho viên cố vấn. Vì anh này nói sai văn phạm. Sau đó, cố vấn Mỹ nhận mình là người Mỹ gốc Đức, nói tiếng Anh không đúng cho lắm. Thế rồi hai người xoay qua nói chuyện với nhau bằng tiếng Đức. Viên cố vấn nể Giao từ đó. Mấy anh lính gốc Chợ Lớn cũng chẳng dám lạng quạng xài tiếng cha sinh mẹ đẻ để nói lén xếp của mình.

Anh nhanh nhẹn, mưu lược. Dù chỉ ở cấp đại đội, nhưng ở thời điểm này, hành quân chính là lùng địch nên nếu không khôn khéo, với một mình một chợ thì rất dễ tan hàng (ĐĐ của Giao được xử dụng như ĐĐ trinh sát, hành quân biệt lập).

Tôi và Giao có rất nhiều chuyện để nói với nhau trong các ngày nằm dưỡng quân tại các căn cứ hỏa lực: Rạng Đông, Bình Minh, Sóc Xoài, Sóc Sơn, Cambodge vv... sau những tháng ngày miệt mài trận mạc. Tất cả vẫn chỉ xoay quanh những kỷ niệm xa xưa:

Tao luôn luôn nhớ về Trường, nhớ đỉnh Lâm Viên,

nhớ Dalat. Những nơi này đã chứa đựng biết bao ký ức, bao hình ảnh của tuổi trưởng thành, những tình cảm chân thật của bạn bè, của các vị Sĩ quan cán bộ, cuả các giáo sư văn hóa, các huấn luyện viên, những tình cảm của những cô gái Dalat má đỏ, môi hồng Bùi Thị Xuân, Couvent des Oiseaus, Đại Học Dalat. Nhiều, rất là nhiều...của tuổi trẻ và tình yêu. Nhớ những buổi gác đêm sương mù dày đặc, những ngày chủ nhật trên đồi Bắc với những làn mây trắng lững lờ bao quanh trong buổi sáng tinh mơ. So với những kỷ niệm của thời ấu thơ thì nó khác hẳn. Nó chỉ là những kỷ niệm nhạt nhòa, mơ hồ, xa xôi, thoáng qua, không đậm nét, vì quê tao ở tận Nam Định. Còn bây giờ thì chỉ là những kỷ niệm của lệnh lạc, đau thương, chết chóc, hợp tan, chẳng có một chút nào là êm đềm cả. Toàn là những chuyện của căng thẳng, sống chết. Tao mê và hát say sưa bài "Come back to Sorrento" là thế. Chẳng biết đến bao giờ tao với mày mới có thể thực hiện được ước mơ nhỏ nhoi mà hạnh phúc này? Về thăm lại trường xưa, về thăm lại Dalat.

Đúng như thế. Mãi mãi chúng ta vẫn hãnh diện đã xuất thân ở một quân trường như trường VBQGVN. Dù sau này cuộc đời chúng ta có nhiều đổi thay, nhiều hướng đi khác nhau, nhiều sự nghiệp khác nhau, nhiều hoàn cảnh khác nhau hay có người dã nằm xuống ngủ giấc ngủ thiên thu. Chúng ta không thể nào quên rằng mình đã một thời là CSVSQ/TVBQGVN. Hãy nắm chặt bàn tay của nhau trong tuổi già, quên đi những quá khứ của đau thương, buồn hận.

Giao là một trong những sĩ quan xuất sắc của Tr/ đoàn 31. Nổi danh nhất là trận đột kích Núi Dài Thất Sơn, Châu Đốc. Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, tư lệnh SĐ đã bay đến khen ngợi Giao tại mặt trận. Rồi hành quân vượt biên, đánh vào hậu cần VC tại Kom pong Trạch, Tuck Mia, Cambodge. Xuất phát từ Kiên Lương (Hà Tiên) bằng trực thăng. Đánh vào một khu rừng là kho hàng, hậu cầnVC. Chiếm được hàng ngàn tấn gạo, hàng tấn quân dụng, hỏa tiễn, đạn dược, đồ trang bị quân y, máy và pin truyền tin, đạn súng

cối v.v... Nhiều quá không biết bao nhiêu mà kể! Đó là một cánh rừng chồi, thưa thớt, không có cây cao. Hỏa tiễn chưa lắp đặt ngòi nổ, đầu nổ. Hằng hà, được giấu dưới mặt nước các sông rạch. Trực thăng của Mỹ từ chối vận chuyển. Lệnh cho phá hủy tại chỗ. Lại đột kích núi, một lối đánh lừng danh, một kiểu điều động quân tấn công thần tốc của Anh. Cả ĐĐ đã đánh chiếm được một hang động toàn là CKC, AK47 mới tinh, còn bọc trong giấy dầu. Đó là một cuộc hành quân Toàn Thắng. Không một quân nhân nào bị chết hay bị thương. Chiến lợi phẩm thì chưa từng thấy. Chính tướng Lon Nol của Cambodge cũng bay đến ngợi khen tại mặt trận.

Trong cuộc hành quân vượt biên này có một chuyện cười ra nước mắt:

Từ trực thăng nhảy xuống, trận đánh mở đầu trên đất Cambodge. ĐĐ của Giao đã cùng với thiết giáp đánh chiếm chợ lồng Tuck Mia. Sau khi thanh toán xong mục tiêu, ĐĐ tiếp tục mở rộng lục soát về hướng Bắc. Trong lúc tạm dừng quân, bố trí nghỉ ngơi được chú lính cận vệ tìm gặp, trình ĐĐT có chuyện rắc rối với dân địa phương. Hà Phong Giao liền đi đến một nhà sàn (nhà sàn của người dân ở đây không cao như nhà sàn của người Thượng ở VN. Nó cao khoảng 1.5 đến 2.0m. Dưới sàn cũng nuôi trâu, heo, gà...) gặp một bà già cỡ trên dưới 60 tuổi đang đứng trên sàn la hét, tay xỉa xói một chú lính còn trẻ. Anh chàng này cứ đứng chết trân chịu trận.

Quay sang chú cận vệ, Giao hỏi:

Bà ta nói gì?

Chú lính (dân Miên Sóc Trăng): bà ta đang chửi đó. Bà ta nói thằng đó hỏi bà có yêu nó không? (Un un sờ lênh boong tê?). Bà ta nhờ ông chỉ huy can thiệp.

Sao lại có chuyện như thế? Bà ta già lại đen thui. Cái thằng này có điên hay không mà đi ghẹo chọc cho bà ta chửi?

Em đâu có ghẹo chọc bà ta làm gì? Em đi xin nước

uống. Thằng Lâm Chi nó dậy em nói câu: "un un sờ lênh boong tê". Nó nói, mày nói dzậy là người ta cho nước uống ngay. Em đâu ngờ nó chơi em!

Đời lính, sống chết bất cứ lúc nào. Ngừng tiếng súng thì lại vô tư đùa giỡn, vô tư cười phá bạn bè để cả đám được dịp cười bò với nhau.

Một trận đánh nhớ đời ở kinh 10 (Miệt Thứ). ĐĐ của Giao nhảy đầu, chiếm mục tiêu xong. Mục tiêu là một blockhouse (lô cốt) sát bờ con kinh 10. Lô cốt này xây bằng gạch, có từ thời Tây, đang do mấy anh lính Địa phương quân trấn giữ. Gặp phe ta, anh em ĐPQ mừng lắm. Họ cho biết phải cẩn thận VC đang tiến gần. Tụi nó nhiều lắm. Giao bố trí trải quân trên con đường dọc bờ con kinh (con kinh ở khúc này rộng khỏang 100m) lẫn với từng cụm tre lớn. Kế đó là các căn nhà, cách xa bờ con kinh khoảng 300m. Sau các dãy nhà là hàng rào tre lớn. Tiếp đó là ruộng đã gặt. Nhà cửa ở hai bên các bờ kinh là một điểm đặc biệt của miền Nam. Hai ĐĐ nhảy tiếp sau bố trí ngoài ruộng, cách bờ tre chừng 200 m, tấn công ngay vào làng, nhưng không tiến sát mục tiêu. Sau khi 2 ĐĐ đó ngưng tiếng súng, nằm án ngữ. ĐĐ của Giao bắt đầu tiến theo trục con kinh. VC bị 2 gọng kìm xiết chặt. ĐĐ của Giao được giao trách nhiệm thanh toán mục tiêu. Chính VC cũng không ngờ có một ĐĐ đang nằm sẵn trong làng. Địch chỉ chú ý đến hướng ngoài ruộng trống. Nên khi bị tấn công ngay bên trong làng thì VC đã tỏ ra hoảng loạn. Vì đang trên đường di chuyển quân, bị chặn đánh bất ngờ. Chiến trường không chủ động. Hầm hố chiến đấu lại không có. Phơi lưng cho Gunship xạ kích. ĐĐ cuả Giao tiến quân thần tốc, đánh chiếm từng bờ rào, từng cụm tre, từng căn nhà, từng gốc dừa, từng bụi chuối. Đánh cận chiến từ trưa đến chạng vạng tối. Tả xông hữu đột, la hét, xung phong. Quan cũng như lính. Địch rối loạn, không còn tinh thần chiến đấu. Tìm đường chạy trốn. Hỗn loạn! đến tối, ĐĐ không tiến quân nữa mà được lệnh đang ở đâu thì ngồi bố trí tại đó. Nón sắt không bỏ xuống, súng

đạn sẵn sàng. Quân địch đang hoảng loạn, lẫn lộn vào trong phòng tuyến của quân ta.

Một màn tàn sát trong đêm tối thật hy hữu. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng hỏi:

Đ. mẹ mày B mấy?

Tiếng trả lời chỉ là tiếng đạn M 16 nổ, thay cho lời nói.

Sáng hôm sau, xác địch nằm ngổn ngang ở bờ kinh, cụm tre, thềm nhà, mé kinh, trên đường lộ cái. Chỗ 1, 2 tên, chỗ 5, 3 tên. Toàn áo vàng. Quân chính quy Bắc Việt. Lạ một điều là cả ĐĐ không một ai bị thương. Nhưng quần áo thì te tua. Đúng là một phép lạ! Lạ hơn nữa là Giao và tôi ngồi qua đêm chỉ cách cây phòng không của địch chưa đầy 2m mà không hay biết. Hú hồn!! Bởi vì hai xạ thủ chân bị xích vào súng đã tử thương, còn ngồi trên ghế của bệ súng. Nếu không thì Giao và tôi cùng cả ĐĐ đã bị nướng hết. Chắc là do Cobra xạ kích, 2 tên xạ thủ đã chết trước đó.

Trong trận này cũng chính Tướng tư lệnh SĐ bay đến ngợi khen hết lời. (Bạn Phạm Ngọc Thạnh biết trận này). Bước chân Anh đã đi khắp nơi: Cần Thơ, Sóc trăng, Rạch giá, Chương Thiện, U minh thượng, U minh hạ. Với các địa danh Gò Quao, Kiên Bình, Kiên Hưng, kinh Thác Lác, Hòn Me, Hòn Đất, Sóc Xoài, Sóc Sơn...

Từ ngày ra trường cho đến khoảng tháng 2, tháng 3 đầu năm 1971 (chỉ hơn 3 năm chiến trận), khi Anh nằm xuống, chưa một lần bị thương. Khôn ngoan, mưu trí thế mà Anh lại bị tử thương một cách bất ngờ trong trận đánh cuối đời trên vòng Omega oan nghiệt, quanh co của sông Cái Lớn, Chương Thiện. Các Giang đoàn của Hải quân mỗi lần di chuyển trên sông rất ngại VC phục kích, sẽ bị khóa đầu, khóa đuôi tại các khúc quanh Omega này. ĐĐ Anh nhảy đầu, đánh chiếm mục tiêu xong. Bung rộng sát bờ sông, bố trí, an toàn bãi đáp chờ TĐ. Đang ngồi nghỉ, một loạt đạn đầu của VC khai hỏa, anh bị tử thương ngay. Trận đánh bắt đầu. Tôi xuống cùng với TĐ, nghe trong máy báo cáo Anh đã hy sinh. Quần thảo với địch rất căng thẳng. Đánh suốt

đêm. "Hỏa Long", C130, yểm trợ hỏa lực và bắn chiếu sáng. Nghe trong tần số liên lạc của Hỏa Long thì VC chém vè, lội qua sông tẩu thoát đã bị đại liên, M79 của Hỏa Long bắn chết hết lớp này đến lớp khác. Sáng kiểm lại quân số. Đau đớn làm sao? Chỉ duy nhất Hà phong Giao tử thương trong buổi chiều giao tranh.

Anh mất rồi! Tôi thực đau xót trong lòng khi nhìn thấy Anh được quấn xác trong chiếc Poncho chờ trực thăng mang Anh về hậu cứ. Dù trong trường, Giao ở ĐĐ/B, còn tôi ĐĐ/C không thân nhau. Nhưng tại đơn vị, chúng tôi xem nhau như anh em thân thiết. Lúc xuống tới đất, tôi quá bàng hoàng, xúc động nhìn binh sĩ đem xác Anh ra.

Giao ơi! Mày nằm đây sao? Có thật vậy không hả Giao?! Hà Phong Giao, tên của mày là một định mệnh (Hà= sông, Phong= gió, Giao= hòa lẫn). Khi "gió" nổi lên "hòa" cùng nước của giòng "sông" Cái Lớn này là mày sẽ được về với Mẹ, với cha, với con, với trường xưa, với Dalạt. Hồn mày sẽ hòa vào đất Mẹ. "Về đây khi mái tóc còn xanh xanh". Mày sẽ không còn phải phiêu bạt "lãng du" trong chốn trần ai đau khổ, hận thù, tranh giành này nữa. Giọng hát của bài "Trở về mái nhà xưa" còn ai có thể tiếp nối và hát truyền cảm được như mày? Và hay như mày hát nữa! Mày đã thực sự "COME BACK TO SORRENTO" như ước vọng của mày. Vĩnh biệt bạn. Vĩnh biệt Hà Phong Giao!!!!

Ngày hôm sau, may quá, TĐ được về nghỉ ở hậu cứ. Tôi qua ngay ban mai táng của trung đoàn thì gặp lúc Giao được tắm rửa để liệm xác. Cả Tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó, các anh em Tiểu Đoàn cũng qua để tiễn đưa người SQ hào hùng của đơn vị. Tôi xin phép TĐT cho tôi được đích thân đưa Anh về Saigon. TĐT thông cảm tình bạn Đalat của chúng tôi nên ông đồng ý. Lúc này tôi cũng liều mạng rồi. Vì bạn.

Tôi lên xe ngồi chung với binh sĩ, phía sau, chở quan tài phủ lá Quốc Kỳ. Tới bắc Mỹ Thuận, khi lên bờ thì gặp Lê Viết Đắc đang ngồi trên một xe Jeep chạy phía sau.

Mày đi đâu lại ngồi trên xe GMC? Quan tài của ai vậy? Đắc hỏi.

Hà Phong Giao vừa chết. Tao đưa nó về gia đình của nó.

Đắc giơ tay chào. Hai thằng chia tay.

Thưa hai Bác, cháu đã đưa Anh Giao về cho hai Bác. Cháu là bạn cùng khóa với anh Giao ở Đalat.

Gặp cha mẹ Hà Phong Giao, tôi chỉ nói được có nhiêu đó rồi nhìn cảnh tang tóc đến với gia đình Anh: cha, mẹ, vợ con (người vợ đã bỏ Anh từ lâu, nay trở về để chịu tang. Con gái của Anh lúc đó khoảng 3 tuổi). Nhà cha mẹ Giao ở tại cư xá Hoả xa, cạnh hãng thuốc lá Mic Saigon. Khăn tang trắng cả một màu. Đâu đây vẳng lại giọng hát của Giao như gió thoảng:

Về đây khi mái tóc còn xanh xanh.
Ôi lãng du quay về điêu tàn.
.....
Đốt ánh đèn in bóng vào rêu xanh.
Sẽ thấy nụ cười tan vỡ hồn đêm thanh.
Và nghe thấy kiếp xưa bước nhẹ về.
Đang khóc than trên đường não nề.
Thôi nhé đừng hoài âm xưa,
Giọt mưa đã rơi trên thềm nhà.
Người ngồi im bóng.
Lắng nghe tháng ngày qua.

Florida 2/ 5/ 2011.
ĐẶNG VĂN CẦN – C22

Thöông Quaù Queâ Toâi

Anh có nghe gì không hỡi anh?
Quê mình bão lụt phá tan tành
Cuồng phong nổi dậy cơn triều lũ
Kiếp sống người dân ôi mỏng manh.

Tôi thấy nhói đau và ray rứt
Nghe buồn tắt nghẹn đắng bờ môi
Giọt sầu tuôn chảy từ đôi mắt
Thương kẻ vô phần vận nổi trôi.

Ở đó quê mình nhiều đau khổ
Trời đem bão lụt đến hằng năm
Dân nghèo muôn kiếp buồn thân phận
Ngửa mặt kêu trời ai thấu chăng?

Tạo hoá sinh ra cũng kiếp người
Sao còn phân biệt kẻ nghèo, sang
Có người dư giả đầy nhung gấm
Bao kẻ đói cơm khóc ngỡ ngàng.

Ôi quá là thương dân của tôi
Nghe buồn da diết mãi không vơi
Mơ về phương ấy nhiều lưu luyến
Dẫu ở xa xôi một góc trời.

Em có nghe gì không hỡi em?
Trùng dương dậy sóng giữa đêm đen
Quê hương sâu thẳm chìm mơ ước
Vũ trụ cuồng quay lạc lối tìm.

Tôi đứng bên này nghe bơ vơ
Như ngàn thế kỷ đã mong chờ
Ngóng trông từng phút từng giây đó
Dẫu biết quê mình đã xác xơ.

Tôi đứng bên này vương ngấn lệ
Nghe buồn trĩu nặng nhớ chiều quê
Giờ xa xăm quá đâu tìm nữa
Xóm cũ, làng xưa lạc lối về.

Tôi đứng bên này nghe mắt cay
Vì buồn dân tộc chẳng ngày mai
Hay buồn cuộc thế điêu linh mãi
Ôi kiếp nhân sinh lắm đọa đày.

Vi Vân K20B





Ba vì sao lạc!

Kathy Trần.

"Hôm nào - chúng mình ngồi với nhau. Vầng trăng lặng lẽ soi hai mái đầu

Có vì sao lạc vào mắt biếc, Ngước lên nhìn nhau. Anh thì thầm: Ngàn năm sau, mắt em còn sâu?

Bây giờ - Bây giờ - mình cách chia! Vì đâu? Vì đâu? lứa đôi chia lìa?

(Em chờ anh trở lại – Hoàng Nguyên)

Ngày xưa, thật ra thì chưa xa lắm, chưa tới vài chục năm, người ta yêu nhau rất nhẹ nhàng, chàng nhìn mắt người yêu long lanh dưới ánh trăng mà thì thầm: *"Ngàn năm sau, mắt em còn sâu?"*

Câu hỏi lửng lơ, chuyện tình cũng lơ lửng vì chẳng biết họ có lấy nhau không? Chỉ biết rằng sau đó thì"*...mình cách chia!" và tới phiên nàng hỏi "Vì đâu? Vì đâu lứa đôi chia lìa?"*

Trời! Người trong cuộc còn không biết thì ai mà biết nên nàng trả lời luôn cho tiện: *"Ngờ đâu chân anh lạc bước đi qua cầu..."*

Thì ra thế, trong cuộc chiến tranh Quốc - Cộng, dòng sông Bến Hải ngăn cách quê hương thành hai giới tuyến, dù em vẫn còn chờ đợi nhưng anh "lạc bước qua cầu", qua bên kia giới tuyến là đời anh "tiêu" luôn nên "Chiều nay bâng khuâng, chợt xót thương đời nhau... "

Ngày trước "có vì sao lạc...", nay càng có nhiều sao lạc hơn! "Sao" không lạc vào mắt biếc mà lạc vào những chỗ tai hại lắm cơ.

"Sao" đây là những ông lớn tương lai sáng choang, rực rỡ, đang lên phơi phới, hy vọng kiếm chức quân vương, tể tướng như chơi hoặc những ông đã từng làm quan to, chức lớn, đè đầu cưỡi cổ hàng triệu dân đen.

"Lạc" có nghiã là các ông... quên đường về ăn cơm nhà đúng giờ, đúng chỗ, đúng nơi. Các ông ngán cơm nhà nên thường cố tình hay lén lút đi lộn sang chỗ khác để ăn phở, ăn mì, ăn có trả tiền hay nổi cơn điên đòi chuyện nọ kia thì bị phát giác. Cuộc đời các ông trở thành thê thảm để người ta xỉ vả, bơi móc, bới lông, tìm vết và để những người "vốn cũng nòi tình, thương người đồng điệu", nghe bài hát mà lòng chợt bâng khuâng xót thương cho đời những vì sao lạc.

Chuyện bơi móc "những vì sao lạc" không hề xẩy ra ở những nước lạc hậu nhất là những nước Cộng sản vì "Lãnh tụ" đều là thần thánh cỡ Bác Hồ. "Bác" cứ bịt mãi, chối mãi cho tới chết vẫn cãi rằng tôi chưa hề ăn vụng hay... ăn thật bao giờ cả, tôi... nhịn vì tôi là thần, thánh, là "Bác" của cả dân tộc Việt!

Bác Mao, bác Kim... cũng rứa! Chuyện "thâm cung bí sử" chỉ xẩy ra trong những "Tử cấm thành", nội bất xuất, ngoại bất nhập, chẳng dễ gì lọt ra ngoài dù qua internet và dù lọt được ra ngoài như chuyện "Bác Mao" thì cũng huề bởi vì các "lãnh tụ" coi đó là quyền đương nhiên cuả những đấng con trời. Báo chí sợ không dám nói, dân trong nước im re thì thiên hạ bên ngoài biết gì mà bàn luận? Chuyện tư cuả nước người ta mà! Có ảnh hưởng kinh tế, chính trị gì tới mình đâu mà lắm chuyện.

Chuyện ăn vụng chỉ ồn ào khi xẩy ra ở các nước văn minh, họ ra chuyện mình tôn trọng phụ nữ, có luật lệ đàng hoàng: Vợ ăn một thì chồng cũng chỉ ăn một! Ăn tham, ăn thêm ngoài phần cuả mình là không được, là có tội!

Luật là luật nhưng tôn trọng luật hay không lại là chuyện khác.

Tham ăn là tật cuả phe đàn ông, đã là tật thì khó bỏ. Dân ngu lỡ dại thì thiên hạ chỉ chép miệng thở dài nhưng "các ông lớn", được coi là khôn ngoan, dậy dỗ, cai trị dân đen, ra ngoài ông trịnh trọng, đàng hoàng nhưng bề trong ông xé rào, phạm luật thì không thể bỏ qua nên hết ông lớn này tới ông lớn kia bị báo chí, truyền thông lôi ra ánh sáng vì tật ăn vụng. Hở ra là các ông lén lút, hồi hộp, sung sướng đi ăn vụng và lòng luôn đầy niềm tin và hy vọng rằng chuyện ăn vụng cuả ai chứ cuả mình thì sẽ chẳng bao giờ bị lộ tẩy! Mình khôn ngoan, tính toán kỹ lưỡng, chùi mép láng o đến thế, nhất định tuyệt đối an toàn.

Các ông nhìn trước, nhìn sau, soi những tấm gương thê thảm cuả người đi trước để tránh lỗi lầm nhưng cạm bẫy cuộc đời sao mà... thơm phưng phức, mà đẹp não nề hay hấp dẫn đến ngây ngất lòng người, dòm ngon lành quá thể! Bỏ qua sao đành?

"Càng cao danh vọng càng dầy... tham ăn!"

Đến khổ!

Tháng 5, 2011, nước Mỹ ồn ào, tốn bao nhiêu cây rừng in báo, hao bao nước bọt cuả các ông bà truyền thông trên TV, trên "nét" về hai "quý ông" danh vọng mắc tội thèm ăn trầm trọng:

1. Kahn exercise chút xíu cho ấm người:

Dominique Strauss-Kahn, 62 tuổi, chủ tịch Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Monetary Fund), chủ nhà băng, người đại diện đảng Xã hội Pháp sáng giá nhất, hy vọng sẽ thắng cử chức Tổng Thống Pháp đã bị bắt vào thứ bẩy, ngày 14/5/2011 vì ông... thèm ăn bất tử! Dĩ nhiên, ông thiếu gì tiền và tiền đi đôi với tình nếu tiền trao, cháo múc đàng hoàng nhưng ông nổi điên bất tử.



Tại khách sạn ở Manhattan, New York, khi cô hầu phòng vào dọn phòng thì ông Adam Strauss-Hahn từ nhà tắm chạy ù ra, "ví" cô, đè cô lên giường, đòi cho ông "ăn" lúc "nửa đêm giờ tí, canh ba". Cô chạy thoát, cho bạn đồng nghiệp biết và họ gọi cảnh sát. Thấy thất bại, ông vội vã trả phòng ra đi, quên cả chiếc điện thoại cầm tay trong phòng khách sạn, chạy thẳng ra phi trường, leo lên máy bay tính bay về Pháp nhưng cảnh sát tới kịp và bắt được ông trước khi máy bay cất cánh vài phút. Dĩ nhiên, ông không thể chối được vì có nhân chứng và những máy quay hình cuả khách sạn chụp hình ảnh ông lúc lên cơn điên thèm ăn... hầu phòng.

Bà vợ ông đang hết sức bảo vệ chồng và tuyên bố:

"Chồng tôi nào phải như ai,

Chuyện này hẳn tại miệng người thị phi..."

Bà bay sang New York đóng thế chân cho ông ra tù. Một triệu đô la thế chân và 5 triệu tiền bảo hiểm!

Ông còn hy vọng gì trong cuộc tranh cử Tổng Thống Pháp hay không là câu hỏi lớn vì người Pháp rất ngầu, rất tự do, thoải mái trong việc sex, việc vợ chồng, bồ bịch. Cố Tổng Thống Mitterrand có vợ và một bà chính thức gần như là vợ hai trong suốt thời kỳ ông ngồi trên ngai vàng nước Pháp. Ngày thường ông ở với bà lớn, bà Danielle, tại điện Elysée. Cuối tuần ông về với bà nhỏ, bà Anne và cô con gái

Mazarine cuả hai người tại cung điện Souzy-La-Briche cuả chính phủ dành cho Tổng Thống Pháp. Trong tang lễ ông, có mặt bà vợ ông, 2 người con trai cuả 2 ông bà, và bà vợ lớn đã mời bà vợ hai hay người tình trăm năm cuả ông cùng cô con gái cuả hai người tới tham dự. Dân Pháp trầm trồ:

- Y như tiểu thuyết ái tình.

Có khi nhờ ông Mitterrand mà ông Kahn thắng cử không chừng bởi vì tổng thống Mitterrad rất được cảm tình của dân Pháp và bà vợ ông Kahn đang chiến đấu cho danh dự, địa vị và tương lai chính trị cuả chồng bằng "tất cả nanh vuốt" của mình (theo kiểu báo Pháp tả).

- Tổng thống chúng tôi có vợ hai còn được, huống chi ông chủ tịch quỹ tiền tệ có "ví" hầu phòng chạy chút đỉnh cho ấm ngươì, có gì mà nhặng lên?

Nước Pháp tự hào có nền văn hoá cao, lịch sự, tôn trọng phụ nữ nhưng cũng rất tự do trong chuyện xếc xiếc. Họ có luật một vợ, một chồng nhưng khi Tổng Thống công khai phạm luật thì vẫn được dân tôn trọng "quyền tự do cá nhân". Họ thán phục ông giỏi "tề gia" để hai bà trong ấm, ngoài êm, không tiếng bấc, tiếng chì ồn ào!

Phe các ông xuýt xoa:

- Mình dân đen, chẳng có gì để mất mà còn không dám tơ hào ra ngoài vòng cương toả cuả vợ nhà, vậy mà ông Tổng Thống dám tỉnh bơ hai vợ, thiệt đáng phục! Đáng mặt giới mày râu!

2. Trong nhà gì đẹp bằng sen!

Cựu Thống đốc California, Arnold Schwarzenegger nổi tiếng về tật bốc hốt bậy bạ, kỳ ông chuẩn bị ứng cử Thống Đốc có tới 15 bà ra mặt tố ông! Dân Mỹ vừa dễ tính, vưà dễ tin, hay tò mò thấy chàng tài tử Termintor vai u, thịt bắp rất bắt mắt nên vẫn bầu cho chàng. Làm Thống Đốc chàng quậy cái nồi Budget Cali đang rò thành ra lũng, nhưng nhờ bà vợ canh chừng nên không có gì đáng tiếc xẩy ra. Khi ông hết nhiệm kỳ, thiên hạ thở phào:

- "Ban ngày quan lớn như thần, ban đêm quan lớn tần mần như ma! "không có chuyện gì là may rồi, thế là xong nợ, ít ra lão không còn làm quan lớn nên dân đen không cần lo chuyện ông lớn ăn vụng, còn chuyện tài tử bốc hốt, thuốc thiếc là chuyện thường tình cuả dân nghệ sĩ!

Niềm vui xẩy ra hơi sớm vì ông cựu Thống Đốc vừa đưa ra lời nhận tội muộn màng về việc ông ăn vụng.

Làm lớn khổ lắm, làm dâu trăm họ, lúc nào cũng cả rừng ký giả, ký thiệt, ký ngầm, gián điệp cuả "phe xấu", cuả bà vợ bao vây canh chừng tứ phiá trong khi bắp thịt ông cứ... ngồn ngộn, rậm rà, rậm rật, muốn nứt cả áo quần ra, đến khổ!

Binh pháp Tôn Tử dậy muốn thắng địch phải tấn công vào chỗ yếu nhất cuả địch và lúc địch sơ hở nhất.

Ông làm chính trị, tất nhiên ông biết binh thư Tôn Tử!

Ngoài chiến trường, gián điệp, địch thủ, truyền thông trùng trùng, điệp điệp bao vây, chỉ có hậu phương là bỏ trống! Chưa hết, lúc địch bận... cấn thai mệt mỏi, không ứng chiến, lơ là việc phòng thủ thì ta khởi quân tấn công ngay... chỗ khác.

Ông tìm ra chân lý ngàn đời cuả phe đàn ông: "Trong nhà gì đẹp bằng sen!". Cho chắc ăn, ông lựa bà người làm xấu xí nhất, bình thường nhất để mọi người, nhất là "địch" không thể ngờ được và tặng bà sen cuả ông một cậu con trai!

Bà Maria Shriver, nữ xướng ngôn nổi tiếng cuả đài truyền hình Mỹ, người sang trọng, trí thức mang tên họ Kenedy lừng lẫy chẳng ngờ chuyện "lửa cháy ngang mày" hay chuyện "nuôi ong tay áo", lúc bà sinh cậu Út thì cũng tuần đó, em sen trong nhà sinh một cậu con của ông!

Ông giỏi đáo để. Cái thúng ông úp con voi kín mít tới 10 năm mới rách. Dĩ nhiên, vợ chồng ly dị, con cái tức giận, chê trách người cha "mắc dịch". Báo chí ỏm tỏi bình loạn mỗi ngày và sau khi con voi lòi ra, ông tuyên bố đại khái: "Hành động cuả tôi hoàn toàn không thể chấp nhận

được, tôi rất ân hận đã làm người thân, bạn bè, gia đình và các con tôi thất vọng, tôi xin lỗi và xin nhận hoàn toàn trách nhiệm...”

Bà nhà văn bĩu môi:

- Xì, ông nào cũng thế cả. Lúc ăn, nếu chùi mép sạch sẽ thì ra ngoài cứ làm như ta “trong ngọc, trắng ngà”. Nếu xui xẻo bị lộ tẩy, không có cách gì chối được mới ra vẻ anh hùng, nhận trách nhiệm và xin lỗi xuông!

3- Anthony Weiner, computer bị tấn công: đại diện dân cử đảng Dân chủ cuả khu vực 9 New York, ngôi sao đang lên và hy vọng sẽ thắng chức thị trưởng, ngày 27 tháng 5 bị báo chí tố rằng đã gửi hình (qua comp.) rất hấp dẫn cuả ông mặc chiếc quần lót tới account cuả một cô nữ sinh 21 tuổi cuả Washington State College. Cả hai nói chưa hề gặp nhau và không hề có liên hệ gì cả, cô chỉ là người ái mộ ông trên lưới trời.

Ông bảo ông không gửi hình và cũng không biết chắc có phải đó là hình ông hay không. Phát ngôn viên cuả ông cho rằng account cuả ông bị vào phá và gửi hình đi. Phe đối thủ thì bảo ông đã phạm lỗi lầm tai hại khi hành động như vậy. Tuy nhiên, ông vẫn nổi tiếng ăn chơi lẳng lơ, nhiều đào trẻ, đẹp. Một lần ông bắt bồ với cô ký giả trẻ đẹp đi làm phóng sự vụ 911 chỉ 2 ngày sau biến cố chấn động nước Mỹ. Việc thứ hai là ông ủng hộ triệt để dự luật tăng visa cho phép 1000 người mẫu vào hành nghề ở Mỹ. Ông bảo để đem thêm công ăn, việc làm cho dân nhưng nhà báo thì cho rằng để ông có thêm cơ hội tìm người đẹp. Ông vưà lấy vợ năm 2009 và rên rỉ rằng ông yêu vợ lắm và sẽ mướn thám tử tư về computer điều tra vụ này để giải nỗi oan, mà đa số báo chí cho là “oan thị Mầu” cuả ông.

Ngày 6 tháng 6, trong buổi họp báo, ông bị Anderw Britbart, một người bảo thủ viết trên lưới đưa ra tất cả những tấm hình hấp dẫn ông gửi qua comp. Ông đành phải nhận là mình... có gửi hình, có dùng facebook, tweet, phone... nói

chuyện xếc với những cô, những bà ái mộ ông trên lưới đã mấy năm nay, cả sau khi lấy vợ.

- Không hiểu tôi nghĩ gì mà lại làm thế, thật là tai hại. Tôi thành thật xin lỗi về hành động của tôi nhưng tôi chẳng phạm luật gì cả và sẽ ở lại tiếp tục phục vụ... quần chúng.

Bà Nancy Pelosi, nguyên chủ tịch Hạ Viện đòi điều tra vụ này, bà than thở:

- Tôi thất vọng và rất buồn về việc này

Bạn đồng sở nín khe, không bênh một câu, không chừng các ông đang đánh lô tô trong bụng.

Vợ ông, bà Huma Abedin, từng làm phụ tá cuả bà Clinton trong nhiều năm, hoàn toàn không ra mặt dù ông tuyên bố ông yêu vợ lắm và nhất định việc này sẽ không làm cho "mình cách xa..."

Chắc cô đang khóc lóc, tâm sự với bà Clinton:

- Em khổ quá, nhục quá chị ơi! Con người mặt mũi như thế, em đâu ngờ!

Bà Clinton nghiến răng thì thầm:

- Chị đã bảo em, không thể tin đàn ông được. Già như chồng chị mà khi phải bỏ nhà đi lo việc nước, lòng chị cứ lo ngay ngáy, chẳng biết lão "trở chứng" lúc nào. Chị hăm, chị dọa, chị ném đèn, ném kinh, chị ngăn sông, cấm đò rồi chị chiều chuộng, ngọt ngào, đủ cách thế nhưng... được lúc nào hay lúc ấy thôi, bao giờ vào sáu tấm thì mới bảo đảm!

- Chị có kinh nghiệm bị chồng cặm sừng xin giúp em. Em phải làm gì bây giờ?

Bà cười chua chát:

- Nếu em thấy "nó" còn tương lai làm thị trưởng thì đành "ngậm bồ hòn làm ngọt". Bồ hòn tuy đắng thật nhưng ngậm riết thì cũng... quen. Thua keo này, ta bày keo khác như chị đó, bây giờ chị chỉ thua có Obama nhưng trên biết bao người.

Cô vợ thút thít:

- Em sợ giấc mộng Thị Trưởng New York cuả "hắn"

cũng bay xa mất rồi. Hắn chỉ là kẻ nói láo, lừa dối, bất lương!

Bà vỗ nhẹ lưng cô:

- Nín đi em! Chính trị gia mà không nói láo, không lừa dối, không bất lương mới là chuyện lạ. Em phải chấp nhận: "Lấy chồng phải gánh tật hư cuả chồng" là chuyện thường tình. Em giận thì... đánh cho nó một trận nhưng nhớ chừa cái mặt ra để nó còn... họp báo. Miệng nó trơn như bôi mỡ, không chừng chuyển bại thành thắng cũng nên!

Ba vì sao lạc trong một tháng!

Các bà vợ chính trị gia giật mình thon thót mỗi khi nghe điều ong tiếng ve từ nhà báo. Chỉ khi thấy không phải tên chồng mình mới thở ra nhẹ nhõm, cười tươi như hoa, chỉ vào đấng phu quân mà rằng:

- Chồng em đàng hoàng lắm, xứng đáng cho quý vị bầu vào bất cứ chức vụ gì, em bảo đảm cho nhà em.

Về đến nhà, đóng cửa, kéo màn lại, bà nghiến răng, bắt chước tông tông Clinton, giơ ngón tay chỉ chỉ, dằn từng tiếng:

- Này, ông liệu hồn mà khóa cái con heo cuả ông lại nếu không muốn thân bại, danh liệt. Ông mà có gì thì chết với tôi đấy.

Rồi đấm ngực mà than:

- Trời sinh đàn ông sao còn sinh... tật ăn vụng! Lịch sử cổ kim, các bà hiếm khi ăn vụng, nếu để các bà làm lớn, con người đỡ tốn bao thì giờ, tiền bạc, giấy mực về chuyện ăn vụng và chùi mép!

Bài Tình Ca Ngày Đó

Cứ mỗi lần nghe một ca sĩ hay một người nào đó hát bài "Tôi đưa em sang sông" là lòng tôi trĩu nặng u buồn, đớn đau, nuối tiếc cho một cuộc tình sớm vội bay xa.

"Tôi đưa em sang sông
Chiều xưa mưa rơi âm thầm
Sợ bến đất lấm gót chân
Sợ bến gió buốt trái tim ..."

Bài hát mà Phương thường ôm đàn hát cho tôi nghe vào những ngày hai đứa còn yêu nhau tha thiết.

Kỷ niệm ngày xưa tưởng đã ngủ yên trong tiềm thức, tưởng đã phôi phai theo giòng đời trôi nổi, tưởng đã xa xôi như đôi bờ đại dương ngăn cách. Nhưng không, những nhớ thương vẫn còn mãi trăn trở trong hồn tôi không bao giờ xóa mờ được.

Gia đình tôi thuở đó sống ở đường Trần Tấn Phát, một con đường ngắn nằm giữa hai đường Duy Tân và Hai Bà Trưng, gần Tân Định. Từ nhà tôi có thể dùng con đường tắt đi qua đường Duy Tân, nhà Phương ở đó.

Phương là bạn của chị Thu Hương tôi, chỉ là bạn thường thôi vì hai người tánh tình khác hẳn nhau. Chị Hương hoạt bát, thích nhộn nhịp còn Phương thì trầm lặng, đăm chiêu, có nụ cười ưu tư xa vắng với khuôn mặt hiền lành dễ mến.

Một hôm chị tôi mở "bal" tại nhà. Bạn bè tới thật đông, thật vui nhộn. Tiếng cười nói, tiếng nhạc ầm ĩ làm tôi nhức đầu khó chịu, tôi bỏ đi lên lầu. Đứng ngoài ban-công tôi nhìn lên bầu trời, vầng trăng hạ tuần nhạt nhòa yếu ớt như e thẹn vì không đủ sức chống chọi lại với ánh đèn điện sáng choang dưới mặt đường.

Tôi buột miệng: "Thật tội nghiệp cho vầng trăng".

- Em tội nghiệp cho ai vậy Thảo?

Tôi giật mình quay lại xem ai vừa hỏi, thì bắt gặp ánh mắt dịu dàng và nụ cười thân ái của Phương.

Tôi bẽn lẽn nói:

- Em nói bâng quơ vậy thôi, sao anh không ở dưới chơi cho vui?

- Anh chìu bạn bè chớ anh không thích hợp với không khí đó. Anh biết em cũng vậy khi nhìn thấy em bỏ đi lên lầu. Thảo à, anh thấy em u buồn, lặng lẽ, hình như em có tâm sự gì phải không?

- Dạ không, em có tâm sự gì đâu. Em chỉ thấy mình có chút suy tư trong cuộc sống, chút bi quan về tương lai vậy thôi.

Phương nhìn tôi rồi lắc đầu:

- Không nên như thế đâu em. Em còn nhỏ, chỉ nên lo học hành, vui vẻ yêu đời, nhìn về tương lai bằng đôi mắt lạc quan. Em suy tư sầu muộn như vậy ảnh hưởng không tốt cho cuộc đời em sau này. Em có tin điều đó không?

- Em không tin điều đó. Em nghĩ rằng con người ai sinh ra cũng đã có số mạng sẵn rồi. Việc vui vẻ hay ưu tư gì cũng không thay đổi được số mệnh đâu anh.

Phương nhìn vầng trăng cuối thu bàng bạc, u buồn lanh lẽo và nói:

- Có lẽ em thích hợp với vầng trăng kia Thảo ạ. Phải chi ba mẹ em đặt tên em là Thu Nguyệt tốt hơn là Thu Thảo, cỏ mùa thu.

Tôi vội cải chính:

- Không phải, là cỏ úa mùa thu.

Phương bật cười lớn, tôi thấy lòng cũng vui vui. Sau buổi tối đó tôi cảm thấy Phương và tôi rất hợp ý nhau, chúng tôi trở lên thân thiết hơn. Phương thường đến nhà tôi hơn, không phải vì chị Hương nữa mà vì tôi. Anh tỏ ra quan tâm, chăm sóc và lo lắng cho tôi đủ điều. Có khi Phương ở lại rất lâu giúp tôi giải một bài toán hay dịch giùm tôi một đoạn Pháp văn.

Những ngày cuối tuần Phương đến xin phép mẹ chở tôi đi lễ nhà thờ. Thay vì đi lễ nhà thờ Tân Định gần nhà , chàng chở tôi đi lễ nhà thờ Đức Bà, dưới Sàigon. Sau lễ Phương thường đưa tôi đi ăn kem ở Lan Phương hay Givral. Có khi chúng tôi ra bến Bạch Đằng xem cảnh sinh hoạt trên

sông nước, nhìn những chuyến tàu Hải Quân sắp sửa rời bến với những chàng thủy thủ oai hùng đang chuẩn bị cho một chuyến hải hành bảo vệ non sông , tổ quốc. Cũng có khi chàng đưa tôi đi xem phim ở Rex, ở Eden hay Đại Nam.

Dần dần chúng tôi cảm thấy không thể thiếu nhau, không thể xa nhau được. Tình yêu êm ái đi vào đời đôi đứa nhẹ nhàng nhưng rất đậm đà, tha thiết

Phương mồ côi cha mẹ, sống với người cô ruột không có con cái trên đường Duy Tân. Ngôi nhà rất rộng và vắng vẻ. Cô chàng suốt ngày cứ luẩn quẩn trong phòng đọc kinh, đọc sách, chồng cô thường đi công tác. Cuộc sống của Phương thật cô đơn, lặng lẽ, nên ngoài giờ học chàng chỉ biết ôm đàn hát, như gởi gấm tâm tư vào những lời tình buồn mênh mông, xa vắng.

Có những buổi trưa tôi sang nhà Phương, hai đứa dắt nhau đi lang thang dưới hàng cây bóng mát hoặc ngồi nghe Phương đàn hát. Giọng chàng ấm áp, ngọt ngào làm tâm hồn tôi bâng khuâng xao xuyến, đôi khi muốn khóc vì lời hát của những bài tình ca dang dở:

" Em còn nhớ anh nói rằng
Khi nào em đến với anh
Xin đừng quên chiếc áo xanh ...
Em ơi, có hoa nào không tàn
Có tình nào không phai
Như tình anh với em ...
Ta quen nhau mùa xuân,
Ta yêu nhau mùa thu,
Để rồi tình tàn theo mùa đông
Người về lặng lẽ sao đành"

Tâm hồn tôi có đôi chút lãng mạn, thích nhạc buồn, thích màu tím cô đơn, sầu mộng. Phương mua tặng tôi một chiếc áo dài màu tím, mỗi lần đi chơi với chàng tôi đều mặc

nó và Phương rất vui khi nhìn thấy thế. Thời gian lặng lẽ trôi, chúng tôi đã sống qua những ngày tháng yêu đương thơ mộng, đầy ắp kỷ niệm êm đềm.



Mùa hè năm ấy, khi tôi sắp sửa thi Tú Tài 2 thì Phương phải lên đường nhập ngũ. Đêm tiễn đưa buồn não ruột. Cuộc chiến này diễn ra dai dẳng chưa biết bao giờ mới kết thúc. Từng lớp trai nối tiếp nhau lên đường, Phương cũng như bao nhiêu người trai khác lên đường theo tiếng gọi núi sông. Đêm cuối cùng Phương đưa tôi vào phòng trà International để nghe Việt Ấn hát. Chàng ca sĩ nay có gương mặt đen đen, không đẹp trai nhưng có giọng hát thật tuyệt vời.

Một sự trùng hợp đáng nhớ vì đêm ấy Việt Ấn lại ca đúng bài "ruột" của Phương, bài "Tôi đưa em sang sông".

Tôi nhắm mắt lại, không nhìn lên sân khấu. chỉ để hồn mình chìm mênh mông trong giọng hát trữ tình, nồng ấm của ai đó, của Việt Ấn hay của Phương, tôi rất mơ hồ.

"Tôi đưa em sang sông
Bằng xe hoa hay con thuyền
Giờ phút cuối đến tiễn em
Nhìn xác pháo vướng gót chân
Gót chân ngày xa xưa
Sợ lấm trong bùn khi mưa ..."

Hồn tôi đang bay cao theo từng âm thanh, từng nốt nhạc. Chợt có một bàn tay nhè nhẹ để lên tóc tôi. Mở mắt ra...

tôi thấy Phương đang nhìn tôi, gương mặt chàng đầy xúc động, và tôi thấy một chút long lanh trong mắt chàng. Phương đúng dậy lấy áo khoác lên tôi và nói:



"Thôi mình về đi em, khuya lắm rồi, mai em còn đi học và anh chuẩn bị hành trang để lên đường.

Tôi ngoan ngoãn đứng lên theo chàng. Hai đứa im lặng đi bên nhau, gió đêm thổi về làm lạnh giá hai tâm hồn trong giờ ly biệt. Ngàn câu muốn nói nhưng chẳng thành lời. Tà áo tôi bay quấn quýt chân chàng như tình chúng tôi muôn đời còn lưu luyến bên nhau.

Chàng đi rồi tôi trở lại với sinh hoạt của mình. Tôi cố miệt mài trong sách vở để lấy cho được mảnh bằng Tú Tài 2. Phương thường nói với tôi:

" Em phải cố gắng học, phải có nghề nghiệp vững chắc để sau này còn nuôi con, vì tình hình đất nước thế này chắc anh sẽ phải vào lính. Nếu anh có mệnh hệ nào em có thể tự nuôi con lấy".

Ôi thật là đớn đau, lời nói của chàng như xé nát tim tôi, chúng ta sinh ra trong thời khói lửa, tội nghiệp biết bao nhiêu!

Rồi ngày đó cũng đến. Tôi đậu được Tú Tài 2 và sau đó ít lâu Phương cũng mãn khóa ra trường... Chàng được về phục vụ tại Sư Đoàn 7 Bộ Binh thuộc Quân Đoàn 4. Chàng nói nơi chàng đóng quân rất gần Saigon, có dịp chàng sẽ về thăm tôi. Thời gian này tôi đã vào Đại Học nên thì giờ thong

thả hơn lúc học thi năm cuối ở trung học. Mỗi tuần tôi viết cho chàng một lá thư dài nặng niềm thương nhớ, còn thư chàng thì trái lại, rất ngắn, rất vội vã như chẳng có thì giờ để viết. Có khi chàng nói đang hành quân ở Gò Công, có khi nói vừa đánh nhau ở Kiến Hòa, có khi ở Mỹ Tho hay đang dừng quân ở một thôn trang nào đó. Ôi thương làm sao, đời lính gian khổ, nguy hiểm không cùng, nhưng đẹp như một bài thơ.

Những tháng năm dài đằng đẵng như thế tôi cứ vọng tưởng trời xa để nhớ, để thương, để chờ , để đợi và xót xa cho cuộc tình đôi lứa.

Để cho chúng tôi được "danh chánh ngôn thuận" hơn, mẹ tôi và cô chàng quyết định tổ chức lễ đính hôn cho chúng tôi. Lần đó Phương về phép, lễ đính hôn của chúng tôi được diễn ra trong không khí gia đình rất đơn giản.

Nhìn Phương trong bộ quân phục tôi thấy chàng thay đổi nhiều. Anh sinh viên hiền lành ngày nào bây giờ đã chững chạc, đứng đắn, phong trần, mang nét kiêu hùng của người trai thế hệ.

Tôi nhìn chàng:

- Anh mãi là Phương của em chứ?

- Từ lâu, bây giờ và mãi về sau anh vẫn là của em, đừng nghĩ vẩn vơ nữa em.

Phương vòng tay ôm vai tôi, giọng chàng thấp xuống:

- Em biết không, có những đêm nơi tuyến đầu nhìn vầng trăng khuya anh nhớ em tha thiết, nhớ em đến tan nát cả lòng. Anh ước gì được bay về bên em, ôm em trong vòng tay để nghe em kể lể bao nỗi nhớ niềm thương ...

Tôi nghẹn ngào xúc động gục đầu vào vai Phương. Chàng ở nhà được một tuần rồi lại trở về đơn vị tiếp tục đời sương gió.

Thế là tôi bắt đầu cuộc đời chinh phụ. Đêm đêm nhìn những ánh hỏa châu lập lòe trên bầu trời ngoài ven đô, nghe tiếng súng vọng về từ xa xa mà nhớ thương người

ngoài chân mây đầu gió.

Mỗi chiều chúa nhật đi lễ nhà thờ tôi cầu nguyện cho chàng được bình yên nơi trận tuyến, cầu xin Chúa thương xót chúng tôi, thương xót cho những cuộc tình xa xôi vì chinh chiến. Mỗi đêm nghe chương trình Dạ Lan gởi cho các anh ngoài tiền tuyến mà tôi cảm thấy như chính mình đang gởi tâm sự đến chàng.

Tôi cũng thường lui tới thăm cô của chàng và tâm sự với cô những lúc buồn nhớ chàng. Gần một tháng rồi cả cô và tôi không nhận được tin tức gì của chàng, một già một trẻ rất lo lắng, hoang mang, hồi hộp.

Một buổi tối đang ngồi nói chuyện với cô của chàng ở nhà chàng thì có tiếng chuông ngoài cửa reo. Cô chàng ra mở cửa môt anh lính bước vào và lễ phép hỏi:

- Thưa bà đây có phải nhà Trung Úy Phương không ạ?

- Đúng rồi, cậu. Cậu là bạn của cháu à. Cháu còn ở ngoài đơn vị chưa về.

Anh lính cúi đầu.

- Xin bà cho mở cửa lớn hơn giùm ạ.

Cô chàng ngơ ngác nhưng cũng nghe lời mở thêm một cánh cửa cho lối đi rộng hơn.

Tôi linh cảm như có điều chẳng lành. Anh lính quay lưng lại, ra dấu chi đó. Tôi nhìn ra ngoài thấy mấy anh lính đang khiêng một chiếc quan tài trên có phủ lá Quôc kỳ đi vào và đặt xuống giữa nhà.

Cô chàng lắp bắp:

- Cái... cái... gì... đây? Ai...ai ... vậy. Trời ơi không lẽ ....

Anh lính buồn buồn nói:

- Thưa bà, đây là Trung Úy Phương. Trung Úy đã hy sinh và chúng tôi xin đưa về cho gia đình.

Nghe xong mắt tôi tối sầm lại, tai tôi ù đi, tôi thấy đất dưới chân mình sụp xuống. Tôi cố bước tới chiếc quan tài

nhưng không thể nào nhấc chân lên được, chân tôi như bị đóng cứng xuống mặt đất, tim tôi như bị đâm thủng một nhát quá đau, quá sâu, toàn thân tôi như chết lịm.

Mãi đến khi tôi nghe tiếng cô chàng kêu khóc:

- Trời ơi! Phương ơi. Con không thể chết như vậy, con không thể bỏ cô một mình. Trời ơi.

Lúc đó chân tôi mới nhấc lên được và bước tới ôm chiếc quan tài, nhưng đầu tôi bỗng đập vào đó và tôi ngất xỉu không còn biết gì nữa. Khi tôi tỉnh dậy, tôi nghe nhiều tiếng ồn ào. Mở mắt ra nhìn thấy mẹ tôi đang đứng bên giường nhìn tôi thương hại. Mẹ vuốt tóc tôi và nói:

- Con khỏe rồi hả? Ráng bình tĩnh nghe con.

Tôi vội bước xuống giường, chạy ra phòng khách nơi đặt chiếc quan tài. Tôi quỳ xuống đó, quỳ mãi không biết bao lâu, không một giọt nước mắt nào rơi xuống. Tôi nhìn trân trối vào chiếc quan tài. Trời ơi, sự thật có thể tàn nhẫn và phũ phàng với tôi như thế này sao. Chàng đã nằm xuống vĩnh viễn, muôn đời, ngàn thu không bao giờ trở dậy. Tôi thấy mình tê dại, ngu ngơ vì nỗi đau đớn tột cùng đang tàn phá óc, tim tôi.

Tang lễ Phương có sự tham dự đông đảo bạn bè của Phương và tôi. Ai cũng bùi ngùi, xót xa, thương cảm cho một người bạn bao năm thân thiết, cho một ngươi trai trẻ đã vội buông rời mộng ước của tuổi đôi mươi, bỏ lại ngươi tình với bao nhiêu đắng cay, đổ vỡ.

Phương được an nghỉ nơi nghĩa trang Mặc Đĩnh Chi. Cô chàng đã mua sẵn 3 mộ huyệt cho gia đình, nhưng không ngờ người trẻ nhất lại nằm xuống trước nhất.

Tôi lại bắt đầu cuộc đời quả phụ, chưa làm vợ đã làm quả phụ thật là bi đát, tang thương.

Những ngày chúa nhật tôi đến nghĩa trang thăm chàng với những bó hoa màu tím. Màu tím là màu của tình yêu mộng mơ hay màu của dở dang? Nhưng dù thế nào tôi vẫn yêu nó, vẫn gắn chặt và gần gũi nó như bạn tri ân.

Tôi ngồi hàng giờ bên mộ Phương, tôi tâm sự với chàng, kể về những kỷ niệm thân ái ngày nào. Tôi như còn nghe đâu đây hơi thở của chàng, những lời nói yêu thương tha thiết, tôi như còn nhìn thấy nụ cười và gương mặt đa tình say đắm lòng người của chàng.

Vậy mà tất cả đã xa rồi, đã nằm sâu dưới lòng đất kia. Người con trai ấy đã mang đi tất cả mộng ước của tôi, đã mang đi tất cả tình yêu nồng thắm của tôi vào thiên cổ. Rồi thi thể anh sẽ thành cát bụi, sẽ biến vào hư ảo, sẽ xa rời vĩnh viễn vào cõi miên trường, nhưng tình yêu mình có thể tan biến được không anh?

Tôi lau chùi bụi bặm bám trên mộ chàng. Nghĩa trang về chiều tiêu điều, hiu hắt, đâu đây một con chim vỗ cánh bay ngang buông tiếng kêu buồn não nuột. Tôi rùng mình có cảm giác như linh hồn ai đó buông tiếng lòng xót xa ai oán. Ôi những chiều xưa ta tha thiết bên nhau, sao chiều nay em bơ vơ cô lẻ giữa chốn này.

Tôi đặt tay lên mộ chàng, nhìn ảnh chàng trên mộ bia nhớ thương tràn ngập đổ về. Tôi chợt nhớ tới bài hát được viết cho một chiến sĩ anh hùng đã nằm xuống:

"Anh nằm xuống không bạn bè, không có ai, không có ai từng ngày, không có ai đời đời ru anh ngủ, mùa mưa tới trong nghĩa trang này có loài chim thôi.

Bạn bè còn đó anh biết không anh? Người tình còn đây anh nhớ không anh, bạn bè rồi xa, người tình rồi quên khi bóng anh như cánh chim chìm xuống ..."

Bạn bè rồi sẽ xa anh nhưng tôi sẽ không bao giờ quên anh, không bao giờ quên được cuộc tình đầu đời đầy nước mắt này.

Tôi thẫn thờ lê bước rời nghĩa trang, đón một chiêc taxi đi xuống nhà thờ Đức Bà. Quỳ trong Vương Cung Thánh Đường, thánh lễ chiều đông nghẹt người mà sao tôi cảm thấy quá cô đơn. Tôi chắp tay cầu nguyện:

- Lạy Chúa, xin cứu giúp con, cứu giúp một tâm hồn

đang đớn đau, oằn oại, đang tan tác rã rời. Xin cho con đủ can đảm và nghị lực để vượt qua giai đoạn này. Chúa ơi! Chúa ơi!

Nước mắt tôi tràn ngập bờ mi, tâm tư tôi tràn đầy uất nghẹn ...

Tan lễ tôi lang thang một mình trên những con đường ngày xưa đầy kỷ niệm. Tôi cứ đi, đi mãi, chân tôi tê buốt, đau nhức.

Tôi không biết là mình đã đi qua mấy con đương rồi. Tôi nhớ mình có đi qua rạp Rex, quán kem Givral, Lan Phương, nhưng tôi không còn thích ăn kem hay xem phim nữa, bước chân tôi cô độc, nặng nề gõ nhịp trên hè phố. Một mãnh lực nào dẫn dắt tôi đi đến và dừng lại trước phòng trà International, không ngần ngại tôi bước vào dù chỉ có một mình.

Phòng trà chưa đông lắm, tôi thấy cái bàn ở góc kia là nơi ngày xưa tôi và Phương từng ngồi còn trống, tôi bước tới và ngồi vào đó. Sau khi kêu nước uống tôi viết một mảnh giấy yêu cầu ca sĩ Việt Ấn hát bài "Tôi đưa em sang sông". Tôi phải chờ sau mấy bài hát mới thấy người ta giới thiệu tới bài đó.

Tôi ngồi im lặng, nhắm mắt lại khi người ca sĩ cất tiếng hát. Giọng ca trầm buồn, nồng nàn như giọng của chàng ngày nào bên tôi, tôi nghĩ đó là lời Phương hát chứ không phải ca sĩ hát.

Tôi thấy lòng mình chùng xuống, mơ hồ, nửa hư nửa thực. Chàng đã về cùng tôi trong đêm nay, đang đưa hồn tôi vào cơn mê bồng bềnh, lênh đênh trong cung đàn sâu lắng.

Một giọt nước rơi xuống bàn tay tôi, tôi biết là mình đang khóc. Tôi đã trở về thực tế, nhưng tôi không mở mắt ra vẫn giữ nguyên tư thế đó rất lâu, rất lâu. Mãi đến khi tôi cảm thấy như có hơi thở nhẹ nào đó rất gần, tôi mở mắt ra và bắt gặp khuôn mặt một thanh niên khá phong nhã, lịch sự.

Anh ta nhỏ nhẹ nói:

- Thưa cô, tôi có thể mời cô nhảy với tôi bản này được không?

Tôi lấy khăn lau nước mắt và lắc đầu:

- Cám ơn anh, nhưng tôi phải về nhà vì trễ rồi, mẹ tôi đang mong.

Tôi rời phòng trà khi thành phố Saigon đang rộn rịp với sinh hoạt về đêm.

Gió từ bờ sông thổi vào làm tôi se lạnh nhưng không bằng cái băng giá giữa tim tôi.

Từng cặp tình nhân dìu nhau qua trước mắt, khiến tôi càng nhớ chàng da diết. Giờ này linh hồn anh đang lang thang ở một cõi mịt mù, mông lung nào đó có hiểu, có biết cho em không hở Phương? Anh đã lỗi hẹn, anh tệ lắm đó. Anh hứa không bao giờ làm em buồn, làm em khóc, vậy mà anh đã quên hết rồi.

Bước chân tôi đã đi xa vũ trường mà bên tai như còn văng vẳng những lời hát nhức buốt con tim:

"Nếu tôi đừng đưa em
Thì chắc đôi mình không quen
Đừng bước chung một lối về
Có đâu chiều nay tôi buồn"

Phải rồi, nếu ngày ấy anh đừng đưa em đi về mỗi chiều chúa nhật, nếu ta đừng quen nhau, nếu ta đừng yêu nhau thì giờ đây em đâu buồn, đâu đớn đau cho cuộc ly tan này.

Đêm Saigon vẫn tưng bừng, quyến rũ, tràn ngập tiếng cười, niềm vui, ai biết đâu có một người con gái đang lạc lõng, đang chơi vơi, đang chìm đắm trong nỗi buồn thiên thu, vạn kỷ.

Vi Vân 20B







NỢ TANG BỒNG

Thơ: Vương Hồng Ngọc
Nhạc: Phiêu Bồng

Hùng mạnh

Sông núi lượn hình chữ S cong
Việt Nam hào kiệt rạng trời Đông
Khai hoang lập quốc dòng hùng Việt
Bình địa an dân giống Lạc Long
Bất khuất tung xiềng thời lệ thuộc
Quật cường bẻ khóa thuở cùm gông
Hồn thiêng bay khắp trời Âu Á
Dựng lại màu cờ trả núi sông



HỪNG ĐÔNG NHỚ BẠN

Lê Thượng Đô K20 (Lê Thường Thạnh)

Hừng Đông. Lại bước sang ngày mới.
Nằm nghe rả rích tiếng mưa rơi.
Quê nhà khốn khó trong tăm tối,
Chẳng nhớ thì thôi, nhớ, ngậm ngùi.
Tuổi già, xứ lạ, vui không nổi,
Dối lòng không dễ, dối đời thôi.
Rượu ngon ngó mãi không buồn với.
Thù tạc còn ai góp trận cười.
Tan tác khắp trời khi bão tới,

Phận người chi khác giọt mưa rơi.
Hạt rơi trên lá, hoa, đồi, suối,
Hạt vào đụn cát bặt tăm hơi.
Kiên nhẫn tìm nhau, lâu đến tội,
Cuối cùng nghe được tiếng nhau thôi.
Thì thôi, mừng Bạn chưa về vội,
(Nước Nhược gần đây, chẳng mấy hồi)
Hẹn nhau một buổi tao phùng hội,
Chống gậy ta cùng kéo đến chơi.
Râu tóc bạc màu sương tuyết gội,
Mà lòng không bạc dám ai cười.
Đấm vai, bá cổ, xoa đầu hói,
Phong trần sờ nắn dễ khơi khơi.
Mầy, tao, mi, tớ, tha hồ gọi,
Lúc nầy ta mới tuổi đôi mươi.
Lúc nầy vợ chỉ người yêu, đợi,
Con là mơ ước khá xa vời.
Lúc nầy ta sống bên đồng đội,
Sinh tử ra vào khắp mọi nơi.
Vắt cơm ngụm nước chia nhau vội,
Vuốt mắt đưa nhau phút cuối đời.
Gian khổ khiến lòng thêm cứng cỏi,
Dạt dào dũng khí một thời trai
Bạn Ta, chí lớn dù không toại,
Đã sống hiên ngang những tháng ngày,
Tứ đại vô thường, thân dẫu hoại,
Nét hào hoa cũ mãi không phai.

Một ván cờ tướng

(The gate that is slammed too hard may open wide again. - P.K.Shaw)

Trantuanngoc k28



Khuôn mặt người khách bỗng lạnh như tiền, ông ta đứng lên nói lớn rang rảng:

- Tui nói cho chú em biết, bây giờ không có đánh kiểu bàn cờ thế nữa mà tui với chú đánh độ. Chú không dám thì yêu cầu chú xách bàn cờ đi sang chợ khác mà chơi. Chỉ tay vào mặt Bình ông ta nói tiếp:

- Tui hỏi chú có dám chơi hay không thì nói ra một tiếng.

Bình đang vui vẻ cười bỗng nhiên tái sầm mặt lại, Bình nhìn qua chú Thiện. Cái thuở chú Thiện chừng 15 còn Bình chừng 18 tuổi, sức vóc đang phát triển, cả hai đều mới rời khỏi gia đình mà ở luôn trên trên ghe. Nay ở nơi này mai chèo sang một nơi xa lạ khác, hai người chưa hề biết phải xoay sở ra sao để kiếm sống.

Mới trong ngày hôm qua Thiện và Bình nhìn vào cái khạp đựng gạo mà lo lắng, vì luôn cả mấy tuần lễ, chú Mạnh giao ghe cho hai đứa rồi đi biền biệt không thấy trở về. Trong túi cả hai người còn vỏn vẹn vừa đủ cho 1 bữa cơm. Nếu đi ăn thì lấy gì cho mấy ngày sắp tới. Bình bàn tính với Thiện rồi đã quyết định dùng số tiền đó mua bàn cờ tướng bằng giấy, mang về ghe xếp cờ thế tính toán bước đi, rồi bày ra ở chợ để kiếm ăn.

Cái chợ gần sông nước, suốt ngày suốt đêm ghe đò đi qua lại tấp nập. Xưa nay chẳng có cái cảnh một bàn cờ tướng nào bày ra giữa chợ cả, cho nên bàn cờ tướng đã gợi lòng hiếu kỳ của nhiều người.

Một người ghé đến rồi đến hai người, chẳng mấy lúc mà hấp dẫn biết bao nhiêu tay mê chơi cờ tướng. Người ta ngó vào bàn cờ.Người thì thầm, người chắp tay sau lưng để suy tính nước cờ, thế rồi cũng có mấy tay thách thức lẫn nhau đến khi có người nhập cuộc. Ăn được vài bàn đủ vốn lẫn lời thì đã đến trưa, khi thấy đối thủ hụt một nước sinh tử thì Bình cả cười gọi luôn 3 đĩa cơm cho ba người. Bình đãi luôn ông khách đã thua mấy ván. Tiếng bàn tính nước tới nước lui cuả mấy tay ghiền cờ làm ồn ào cả góc chợ.

Ngoài đường chế độ đương thời đang bắt lính chở thẳng sang Cam Bốt đánh với lính Miên. Có những tốp lính non choẹt, bị đưa lên xe bịt bùng chở đi về đâu nào có ai biết. Năm ấy là năm 1977, trong Nam bắt đầu có giặc Miên. Họ tràn uà vào các tỉnh cận biên, lấy dao bản chặt đầu không chừa một ai. Từ đàn bà con nít đến cả con chó con gà cũng phơi thây trên đường lộ như nhau. Trong Nam bộ, miệt Kiên giang, Rạch Giá, Hà Tiên có đến vài làng bị cáp duồn[1] như thế. Ngay sau đó là ngoài biên giới Bắc 1978 có giặc

Tàu đánh qua biên giới. Bấy giờ nói không ngoa là cả một xã hội từ Nam đến Bắc đang loạn lạc, tối sáng chập chùng. Kẻ có nhà, có cửa mà sống còn không yên được, chứ đừng nói chi là những kẻ lang bạt kỳ hồ. Trăm họ khổ trăm bề. Ai cũng vừa vật lộn về miếng ăn sinh sống vừa

căng thẳng tinh thần. Chú Thiện nhìn lại Bình nói anh tính sao cũng được, e rằng mình phải ở đây lâu.

Thực ra Thiện đâu có biết cờ cao hay thấp gì đâu, ngoài cái cổ hay lắc lắc, cái mắt nháy nháy, cái chân lâu lâu vừa đi, lại vừa đá lên một cái. Thuở lên 3 tuổi, chú bị điện giật tưởng chết rồi, nên chú có lắm tật, có ai muốn nhại theo chú cũng khó lắm. Cái lối của chú, cũng có thể làm mấy tay đa nghi, ngồi chung quanh nghi ngờ là cờ bên ngoài thường sáng nước, biết đâu Thiện đang mách nước nên cứ ngó chừng chú hoài, đâm ra loạn nước.

Nghĩ đến mấy ngày tới, phải neo ghe tại đây đợi Mạnh về làm Bình thấy không còn đường chọn nữa bèn cười và nói:

- Vâng! bác muốn đánh thì đánh, nhưng 10 đồng thôi nhé. Ông khách sừng sộ với Bình:

- Không, 10 đồng thì đánh làm cái đách chó gì, 50 đồng.

- Thôi mà, để cho tụi em kiếm chút cơm mà.

- Vậy thì chú xách bàn cờ đi luôn đi đừng quay lại đây nữa.

Tui nói thiệt đó! Khuôn mặt người khách thách thức, như nổi hung quang. Anh ta gằn giọng đe dọa. Mọi người chung quanh nhìn Thiện và Bình

chăm chăm, bề nào hai người cũng là dân tứ xứ đến, binh vực làm cái gì mà vướng cái thân.

- Thôi được! Quay sang Thiện, Bình cười nhỏ nhẹ an ủi:

- Thôi mình cũng thắng nhiều rồi, của thiên trả địa, thôi Thiện yên tâm.Thiện nhỏ nhẹ đưa điều kiện tối hậu:

- Một bàn thôi nhé, bác đồng ý không?

- Đồng ý!

Hai bên bày quân cờ ngay ngắn. Bình chọn bên xanh đi sau, rõ là chỉ để đỡ gạt cho qua, tránh chuyện đụng chạm. Ai cũng thấy, nước thoạt đầu chưa cần phải tính tới tính lui, mà Bình đã phải thận trọng từng bước một, thì mọi người bên ngoài coi thường ngay.

Có người bắt đầu đùa cá độ 10 ăn 1, bên xanh thua. Rao đùa vậy mà cũng có vài người mạnh dạn dám bỏ tiền thầu hết cho phe đỏ, bao nhiêu cũng độ. Chẳng có mấy người chịu cá độ cho phe xanh, chỉ riêng cái bà ngồi ở hàng vải, miệng nói cười to bành ki như thân thể của bà:

- Nè, nhỏ ơi ráng đánh em đừng có sợ. Đừng có ỷ đông ăn hiếp. Qua bỏ ra 2 đồng ủng hộ em đó, ráng bình tĩnh đánh nghen em.

Bình ngó lên cười làm thân với bà:

- Thím hai ủng hộ, vậy thì Thiện bỏ ra 2 đồng hùn vô cá độ đi em! Thiện bỏ ra ngay 2 đồng, mà hơi tiếc vì hai đồng cũng được bữa cơm trưa chứ ít gì. Năm chục cho bàn cờ, hai đồng cá độ, thế là hết vốn, hết liếng luôn.

Chỉ trong vài nước, pháo đầu, chốt tiến mở màn cho xa dàn ra biên giới, rồi mã đỏ lách qua biên, dọn đường. Pháo đầu của bên đỏ bắt đầu nổ, ông khách đánh nhanh như chớp, khác hẳn lối đi dè dặt của Bình. Đến chừng nửa tàn hương thì Bình toát mồ hôi đầm đìa, nhấp nhỏm ngồi không yên. Quân xanh vẫn ôm nước cố thủ. Thiện nhìn mồ hôi đổ từ trán Bình đọng thành hột. Mồ hôi Bình càng đổcàng làm tay chân mắt mũi Thiện càng giật nhiều hơn vì lo lắng.

Người người bên ngoài chen chân vào ngó. Họ ngó mặt hai đối thủ nhiều hơn ngó bàn cờ rồi ra thì thầm nhỏ to nhau. Bên ngoài cá độ rộn ràng, đổi thành 1 xanh ăn 20 đỏ, ai ngon nhào dzô!

- Thiệt hông cha nội, cờ chưa ngả nước mà một ăn hai chục sao cha!

- Ngon thì cứ bỏ tiền ra!

Có người thì thầm, cha Tư cờ tướng này đánh dữ thần lắm, phen này thằng nhỏ sàigòn chết rồi.

- Sao ông biết mấy thằng nhỏ ở Sàigòn

- Tui đoán dzậy thôi, nhìn mặt thì biết mà!

Có nhiều người cũng nổi máu xanh đỏ, nghe 1 ăn 20 ai mà không ham, thẩy đại vài đồng:

- Đưa tiền ai, đưa cho cha nội là không tin rồi hà!

Tìm kẻ giữ tiền, thì phải ngó tới ngó lui, có người nhìn chú Thiện nói đưa cái thằng nhỏ cà dựt này giữ tiền đi. Ai cũng nhìn Thiện mà cười ồ, đồng thoả thuận. Chẳng đặng đừng, Thiện lấy tiền bỏ vào hai cái nón.

Cờ đi được thêm vài nước nữa, muốn lợi một nước nên Bình bị mất xe.

- Bên xanh mất chiến xa rồi, mấy cha ơi!

Tin mất con xe vang đi ầm ĩ. Bình không ngồi nữa mà đứng lên, ngó bàn cờ hồi lâu rồi ngó qua Thiện, bắt chước Thiện nháy nhó, bẻ lưng dãn xương sống rồi ngó ngang, ngó dọc chọc bên ngoài cười. Bên ngoài bắt đầu xầm xì nghi ngờ:

- Ê! không cho chạy à nhen, thua thì nói thua, không được chạy làng à! Có người lo lắng, phen này không xong cho phe xanh rồi, mà chẳng thà thua tiền còn hơn là bị chúng dí theo đánh.

- Đúng rồi đó, hoặc thua hoặc ăn thôi, chú em ngồi xuống đi.

Đừng làm vậy không đặng đâu. Bình vươn vai lần nữa mới nói:

- Chạy thì không chạy rồi đó, nhưng bên xanh thắng thì phải chia tui 10 phần trăm đó nghen. Nói thiệt bàn này xứng đáng 100 đồng, hỏi bên đỏ dám không? Bên ngoài ồ lên, nhưng có tiếng chửi đổng:

- Con mụ bà nó! Em nồ hả em? Lấy máy cày, giả chiến xa, nồ để đánh đồn. Chời! Qua đây rành quá rồi. Con xe mất mẹ nórồi, lấy chi gì đánh nè trời! Có người phụ hoạ:

- Mẻ... lấy máy cày bỏ ống bô, kêu như tiếng chiến xa ông ơi! Mọi người cười ầm góc chợ, Bình vẫn cả cười nói, thế thì phải bằng lòng là nếu bên xanh thắng thì chia tui mười phần trăm đó nhé. Nói xong Bình ngồi xuống trầm ngâm, ngó lại nước cờ. Càng ngó kỹ, mồ hôi lại càng rịn ra thấy rõ. Chú lấy tay áo lau trán. Mọi người êm re đến khi

thấy chú di chuyển con mã trở lại thì tiếng xầm xì chuyền nhau ra ngoài:

- Thằng nhỏ đi nước gì dzậy mậy?

Tiếng một tay có vẻ sành sỏi lên tiếng:

- Ngựa hồi, mất cha nó một nước rồi!

Bên ngoài có tiếng cười rộ:

- Ván mất 50 bạc không chịu, muốn mất 100. Sao bên xanh không đòi nữa hé? Mọi người cười rú lên. Bà mập bán vải lên tiếng:

- Thôi đi mấy cha nội! Bao nhiêu thằng đi ăn hiếp mấy đứa nhỏ.

- Rồi, tới pháo hết chạy rồi.

Tiếng nói tự ở trên cao, làm mọi người cùng ngó lên thấy một ông đu tòn teng trên dàn chợ mà bật cười:

- Pháo xanh hay pháo đỏ cha nội?

- Pháo xanh.

- Thôi xuống đi con khỉ, coi chừng xập cái gụ người ta!

Người ta lại có dịp cười nắc nẻ. Chẳng mấy khi cái chợ vui như hôm nay. Bình đưa tay gãi lưng, hỏi lớn đuà đối thủ:

- Như vậy đi, 100 thì tôi đánh, còn không thì thôi!

Đối thủ nhìn bàn cờ, hồi lâu tính toán. Bên ngoài thúc:

- Chơi luôn đi, nó muốn xả láng, chơi tới luôn. Không đủ tui cho mượn. Bên xanh mất xe, mất pháo còn củ.. chi mà đánh.

Thêm 50 đồng thảy cái chạch vào giữa bàn cờ, ai nhìn thấy cũng lạnh người. Hồi nãy, muốn lủi cũng đã khó, bây giờ thì Thiện muốn lủi thiệt cũng không xong. Vốn liếng lượm từ hồi sáng đến giờ nào tới năm chục bạc, lấy đâu mà có thêm 50 nữa. Mặt Thiện sậm lại, ngó mồ hôi lại đọng thành hột trên mặt Bình, nhưng Bình nhìn ngang gật đầu ra hiệu cho Thiện lấy 50 đồng vừa ném, bỏ vào nón.

Ván cờ thiệt ra đã ngã ngũ, bên đỏ vì ăn xe đã chậm đến mấy nước, nay lại chèn để ăn pháo nên bên xanh

chiếm được những vị trí chiến lược. Chỉ một nước Mã hồi, mà đã đi tới vị trí xung yếu, đã không bị con gì cản lại còn kéo được pháo vào trận. Thêm chừng chục nước nữa, bên đỏ đột nhiên vào thế gỡ không ra đành bỏ quân cờ xuống, chịu thua trước vài ba nước.

Người ngoài cuộc, chẳng mấy ai hiểu cờ như vậy, tại sao bên đỏ lại thua, ùa lại chen chân nhau chỉ chỏ. Tiền bạc thanh toán xong, Thiện và Bình trở lại ghe, trên đường Thiện vừa có ý hỏi thì Bình đã đoán ra và nói nhỏ với Thiện:

- Anh ngồi ngay đằng sau cái lò than của con mẹ bún mắm, nóng muốn chết! Thực ra Bình không phải tay vừa về cờ tướng. Bình đã từng đánh cờ tướng với bạn bè khi đạp xích lô đạp. Lối cờ tưởng bằng miệng như: mã hai thối ba, pháo năm bình hai. Chơi cờ tướng bằng miệng chính xác đến nỗi, chở khách xong rồi về tiếp tục đánh lại bàn cũ với người bạn.

Bình là em trai của Phạm Văn Hùng K28. Năm 1978, chú Bình bị Cộng Sản bắt lính để ném vào chiến trường Kampuchia, bố mẹ Hùng, nhờ tôi mang chú ấy về lại Sàigòn. Bấy giờ mặt trận miền Tây đã khốc liệt, tiếng súng lớn bắn từ biên giới ầm ì suốt ngày đêm. Tôi đã dùng giấy tờ giả cuả Đinh Công Trứ K29 cung cấp mà mang Bình về. Cái thuở trốn tránh, bôn chải khi không biết tối nay ngủ nơi nào, hôm nay đi về đâu, lo lắng triền miên, có khi đến cả mấy ngày không ăn mà không hề thấy đói. Gặp bạn bè, vì khí khái còn sót lại mà không dám mở miệng xin bữa cơm. Sống mà chỉ muốn chết phức cho rồi, mà lạ chính vì thế lại khiến cho tôi và những người bạn cùng khổ đâm ra coi thường với đời sống, rồi có lẽ cùng những năm tháng luyện tập trước đó, với tay không võ vẽ màu mè đủ đốn người khác, làm cho tôi thấy chẳng còn cái gì là đáng sợ trong cuộc đời này cả.

Khi viết dòng chữ này, tôi còn hình dung được cái hình ảnh cuả trời chưa kịp sáng, khi bầu trời còn tờ mờ, bấy giờ tiếng súng ầm ì, mùi khói trắng vương vấn ở trên sương mù

đầu cỏ. Màu xanh màu lá cây của quân phục lui tới, trên những khuôn mặt non nớt mập mờ. Hình ảnh nhạt nhoà không chút sinh khí như thể cảnh tượng không thực, như là cảnh sắc cuả một một cái chợ trời cuả hai thế giới, nơi mà có cả oan hồn và sự sống cố quanh quẩn, quấn quyện với nhau.

Tôi nhẹ nhàng lẩn vào giữa đám tân binh còn ngái ngủ, kéo chú Bình trở ra chỗ thăm nuôi. Rồi từ chỗ thăm nuôi, tôi vừa vỗ vai Bình vừa nói Thầy me sai anh đến dẫn em về Thế rồi tôi dẫn chú dẫm qua hàng rào. Trong đám sương trắng vương vẫn mùi thuốc súng đó, cả hai đi tắt biên giới hướng về Tây Ninh, nấn ná đến nửa ngày để thăm Toà Thánh Cao Đài, ghi vài dòng lên cuốn sách lưu niệm của Toà Thánh rồi mới về lại Sàigòn.

Về sau nữa, chú Bình đã theo ghe chú Mạnh qua được đảo Palawan thuộc Phi luật Tân, nhưng chú đã mất trước khi được cứu xét đi định cư. Tôi nghe kể lại là chú Bình ém thuốc lào bị lên cơn đau tim, khi mất chú đã có đứa con trai với một cô gái cùng trại.

Cô gái này sau đã định cư ở Gia Nã Đại. Tôi cũng nghe kể lại là rất nhiều người vì chờ đợi quá lâu ở trại, khi được định cư một mình, đã đành bỏ lại trại những đứa con rơi. Tôi cố gạt bỏ cái ý nghĩ đó và mong mỏi đứa bé đã được đi theo mẹ nó ở một nơi tốt đẹp hơn.

Còn Thiện qua Úc học lại từ lớp 11, 12 rồi qua được 4 năm đại học. Hiện nay đang là kỹ sư công chánh của một nhánh cuả chính phủ tiểu bang Queensland tại Úc Châu.

Chú Mạnh, sau đó vài hôm quay lại ghe, mang ghe lui về tại Cổ Cò. Những bàn cờ thế, một bên vài con quân, vài con tốt nhỏ bé lèo tèo, đang bị một bên hằng hằng lớp lớp pháo pháo ngựa xe vây hãm, mà làm sao ván cờ lại đảo lộn. Thế mới biết cuộc đời không biết đâu mà lường.

Nốt thăng trầm

(Vương Mộng Long- k20)

Thuở ấy, vào giữa năm 1956, đoạn cuối con phố sát bờ sông về hướng Sơn-Phong, Hội-An vẫn còn hoang vu. Trước khi Chùa Sư Nữ được xây lên, thì cái bãi cỏ rộng bát ngát bên phải đường, kéo dài cho tới mé nước, là nơi để cho bọn con nít chúng tôi tụ tập nô đùa. Thời gian này gia đình tôi ở thuê căn nhà sát cạnh bãi cỏ mênh mông đó.

Liền vách nhà tôi là nhà thày giáo Như và cô giáo Ngọc. Phong cách vợ chồng nhà này phảng phất nét cao sang, quý phái. Họ trông rất đẹp đôi. Thày Như có lẽ chưa tới ba mươi tuổi, và cô Ngọc cũng chừng hăm lăm, hăm sáu.

Thày Như rất đẹp trai. Dáng dấp thày lúc nào cũng tao nhã, khoan thai. Đặc biệt, thày có cặp mắt sáng lóng lánh và đôi mày ngài hơi xếch. Cô giáo Ngọc mặt trái soan, mũi dọc dừa. Da cô trắng như trứng gà bóc. Cô để tóc dài. Mái tóc cô đẹp mượt mà, mềm mại như mây. Cặp vợ chồng nhà giáo này có hai đứa con gái, bé Châu năm tuổi và bé Hạnh hai tuổi. Cô Ngọc dạy tiểu học trên Lai-Nghi. Thày Như dạy trung học trong Tam-Kỳ. Cuối tuần thày lại cưỡi chiếc Goebel về Hội-An. Chòm xóm thương mến vợ chồng thày lắm.

Ngày nghỉ, bọn con nít chúng tôi hay tụ tập nơi hiên nhà này để nghe cô Ngọc ngâm thơ và thày Như đàn hát. Bé Châu, bé Hạnh bu theo tôi như anh ruột. Chúng nó cứ tranh nhau ngồi trên đùi tôi mỗi khi chúng tôi quây quần trước hiên nhà. Chiều chiều tôi hay dẫn hai đứa bé ra bờ nước bắt cào cào, châu chấu. Tôi hay xếp những cái thuyền bằng giấy cho hai đứa em thả ven sông. Đôi lần vừa thả thuyền xuống nước, gió đã thổi ào ào cuốn chúng ra xa rồi

biến mất trên mặt sóng Thu-Bồn. Hai cô bé đứng dương mắt nhìn theo tiếc rẻ.

Cô Ngọc là dân Huế Công Tằng Tôn Nữ, nên giọng ngâm thơ của cô nghe truyền cảm vô cùng. Cô ngâm cho chúng tôi nghe những bài thơ trữ tình xưa. Bài thơ mà cô đắc ý nhứt có lẽ là bài "Màu Thời Gian" của Đoàn Phú Tứ. Tôi được nghe cô ngâm nhiều lần bài này. Rồi tôi thuộc bài thơ này trước ngày bước chân vào Đệ Thất.

Khi những ngón tay thày Như lướt trên cần ghi ta, tôi có cảm tưởng cả một giàn nhạc đang hòa tấu. Tôi ngồi say mê ngây ngất theo tiếng đàn của thày thánh thót solo một đoạn "Thiên Thai" hay "Chiều Về Trên Sông". Lâu lâu, thày Như kể truyện cho chúng tôi nghe. Cái giọng Quảng của thày lúc đó sao mà trầm ấm thế! Đôi mắt thày long lanh. Thày thao thao nói về những chiến công của các vị anh hùng lừng danh thế giới. Và có lúc hứng chí, thày kể luôn cả những trận công đồn, đả viện của Việt-Minh thời chiến tranh Pháp-Việt (1945-1954). Nhiều lần cô giáo Ngọc phải cau mày ngăn không cho thày quá lời về những đề tài kháng chiến, vào bưng, chống Tây. Lũ nhóc tì chúng tôi, lúc đó mới mười hai, mười ba tuổi, coi thày Như như thần tượng.

Những năm sau nhà tôi chuyển địa chỉ lên khu Hồ Sen chùa Âm-Bổn, nhưng tôi vẫn thường xuống Sơn-Phong thăm gia đình thày Như. Hè năm 1960 gia đình thày Như đột ngột bán nhà và dọn đi xa.

Theo thời gian, kỷ niệm với gia đình nhà này cũng nhạt nhòa dần trong tâm trí tôi.

Tôi lớn lên, tình nguyện vào Trường Võ-Bị Quốc-Gia Việt-Nam, rồi chọn binh chủng Biệt Động Quân. Sau Tết Mậu-Thân, Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân tăng phái cho Task Force South của Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Chúng tôi tới Blao tham dự hành quân lùng và diệt địch.

Một hôm, nghỉ quân, tôi lang thang trong khu xóm Chùa. Nghe nói, xóm Chùa có nhà ông già "Bàn đèn thuốc phiện".

Dân "Bắn khỉ" thường lén lút tụ tập ở đây. Hình như ông già Lạc, Thượng sĩ Thường Vụ Đại Đội của tôi cũng hay lai vãng chốn này? Sau đảo chánh 1963, vấn đề cấm thuốc phiện có vẻ không còn khắt khe như thời Cụ Diệm. Tôi có cảm tưởng rằng không khí trong con hẻm xóm Chùa này đặc quánh mùi thơm do khói nhựa của nàng Tiên Nâu.

Xóm Chùa có những nét đặc biệt, khác với những khu dinh điền chỉ dành riêng cho dân Bắc-Kỳ Di-Cư như Tân-Bùi, Tân-Hóa,Tân-Thanh, Tân-Phát. Xóm Chùa quy tụ dân tứ xứ đến từ mọi miền. Ở đây dân cư nói đủ giọng Bắc, Trung , Nam , Bình-Định, Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Châu-Đốc... Ở đây có đủ mọi thành phần tôn giáo, Hòa-Hảo, Cao-Đài, Tin-Lành, Phật Tử sống trộn lộn, gần gũi, sát cánh nhau.

Tôi nghe từ cuối hẻm, vọng lại tiếng ngâm thơ,

"Tóc mây một món, chiếc dao vàng

Nghìn trùng e lệ phụng quân vương

Trăm năm tình cũ lìa không hận

Thà nép mày hoa thiếp phụ chàng"

(Màu Thời Gian- Đoàn Phú Tứ)

Cái giọng Huế nữ của ai đó nghe thật là não nuột. Tôi chợt có ý muốn được nhìn một lần cho biết cái "mày hoa" của người đang ngâm thơ ra sao? Tôi lần bước tới sát hàng rào căn nhà có cái sân lát gạch, nơi phát ra tiếng ngâm. Tiếng ngâm thơ nghe rõ hơn. Tôi giật mình vì giọng ai nghe quen như tiếng cô giáo Ngọc?

- Xin lỗi, trung úy có chuyện chi cần hỏi ai ở đây rứa?

Một người đàn bà trung niên đứng bên rào đánh tiếng, khi thấy tôi đang dáo dác dòm vào nhà.

Thôi đúng rồi! Cô giáo Ngọc chứ còn ai? Dù cách xa gần chục năm, dù cô đã cắt mái tóc dài, uốn tóc cao, tôi vẫn nhận ra khuôn mặt trái soan và giọng nói Huế Công Tằng Tôn Nữ ngọt ngào của cô.

- Cô giáo Ngọc! Em đây! Long đây cô.

- Xin lỗi, tôi không biết trung úy là ai...

- Cô ơi! Nhà em ở sát nhà cô và thày Như hồi cô và thày còn ở Sơn-Phong, Hội-An. Em hay sang nhà cô chơi, bế bé Châu, bé Hạnh...

Người đàn bà nhìn thẳng vào mặt tôi, chăm chú quan sát. Mắt bà lóe lên một tia vui mừng. Bà ngập ngừng, giọng run run,

- Trung úy... ừ, em Long đó ư? Mới đó mà gần mười năm qua. Em đã lớn và thay đổi quá hí? Em đi lính và làm tới trung úy rồi. Em vô nhà chơi đi!

- Vâng, em làm đại đội trưởng, đang hành quân vùng này. Như vậy năm 1960 thày cô đã dọn nhà vào dạy học ở Blao? Cô và thày Như dạo này ra sao? Thày có nhà không vậy cô? Hai em Châu và Hạnh chắc lớn lắm rồi?

Có lẽ câu nói vừa rồi của tôi đã đánh thức những kỷ niệm xưa cũ trong tâm hồn cô, tôi thấy mắt cô rươm rướm lệ,

- Ngày đó nhà cô đi vội quá, không kịp thông báo cho bà con. Từ ấy cô cũng chưa có dịp về thăm chốn cũ. Cô hết đi dạy rồi em ơi. Cô đang làm thư ký trong tòa tỉnh. Còn thày thì đi làm xa, mãi dưới Sa-Đéc, lâu lâu mới về. Con Châu năm nay mười bảy, con Hạnh mười bốn, còn đang đi học. Hai đứa chở nhau đi mua gạo chắc cũng sắp về. Em vô nhà đi!

Tôi theo chân cô giáo Ngọc vào nhà. Căn nhà hẹp mái tôn trang trí giản dị. Một phòng khách, một phòng ngủ. Phòng khách có cái bàn thờ tổ tiên, và một cái phản gỗ. Trên tường, bên trái bàn thờ là cái bảng đen, bên phải bàn thờ là cây ghi ta, cây ghi ta của thày Như ngày xưa. Cây đàn bị phủ một lớp bụi mỏng. Nó được treo trên tường như một đồ trang trí. Có lẽ lâu lắm rồi không ai nắn phím đàn...

Tôi ngồi chưa nóng chỗ thì chị em bé Châu và bé Hạnh đã cỡi Honda chở nhau về. Lần chót tôi gặp gia đình thày Như năm 1960 thì bé Châu mới chín tuổi, bé Hạnh lên sáu.

Nay hai em hàng xóm bé tí năm xưa đã thành hai thiếu nữ duyên dáng, trổ mã. Bé Châu nhận ra tôi ngay,

- Anh Long. Có mấy lần em thấy anh đậu xe trước Quán Duyên bên kia đường, em ngờ ngợ, nhưng không dám hỏi. Với lại... con gái vô duyên mới đi hỏi thăm con trai trước...

Hai cô bé lớn lên ở Lâm-Đồng, hàng ngày học hành, giao thiệp với bạn bè đồng trang lứa ở đây, nên giọng nói của hai em không còn chút âm hưởng Quảng-Nam, Huế của cha, của mẹ.

Hôm đó tôi ở lại ăn cơm chiều với gia đình cô giáo Ngọc và ngồi chơi tới gần tối mới về chỗ đóng quân. Khi truyện trò, tôi được cô giáo cho biết ngày đó thày Như bị người ta tố cáo là có tư tưởng thiên Cộng nên mất việc. Gia đình phải cấp tốc bán nhà và dời vào Blao. Cô Ngọc nhờ một người bạn học có thân thế với ông tỉnh trưởng giới thiệu vào làm thư ký trong Tòa Hành Chánh. Căn nhà mà gia đình cô đang trú ngụ cũng do người bạn cô cho ở nhờ. Còn thày Như, để dấu tông tích, phải vào Sa-Đéc làm thư ký cho một hãng buôn nông phẩm của một ông chủ người gốc Hoa.

Cô giáo căn dặn tôi mỗi khi hành quân về, nhớ ghé nhà cô ăn cơm, nghỉ ngơi, đừng đi lang bang nhậu nhẹt mà hư thân mất nết. Tôi cũng mừng rằng sau bao năm xa cách, tôi đã gặp lại một gia đình hàng xóm thân quen. Và như thế là, từ nay tôi cứ việc nại cớ phải về nhà bà con, thay vì đi theo anh Thiếu úy Đại Đội Phó Đặng Hữu Duyên vào thăm Trường Nông Lâm Súc. Anh Duyên có cô bạn gái tên là Thuấn đang nội trú trường này. Cứ về tới phố, anh Duyên lại nhờ tôi chở anh ta tới thả trước cửa sổ phòng của cô Thuấn. Lần nào cũng vậy, anh ấy cứ nấn ná giữ chân tôi lại, để giới thiệu tôi với những cô gái lạ hoắc! Cô Thuấn có cả chục cô bạn đẹp ngất ngây. Khổ một điều là, cô nào miệng lưỡi cũng tía lia. Tôi vốn là thằng nhát gái. Đứng trước đám đông khác phái, líu líu, lo lo này, tôi hết hồn, chỉ muốn rút dù.

Ngày Thứ Hai tuần sau, đại đội tôi nhận nhiệm vụ bảo

vệ căn cứ hỏa lực cho một pháo đội 105 ly của Hoa-Kỳ và Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 2/ BĐQ /Hành Quân. Căn cứ này dự trù thiết lập ngay trên khuôn viên nhà máy trà Tứ-Quý. Đồn điền Tứ-Quý đã ngưng hoạt động từ lâu, nhưng dân chúng vẫn lén ra vào khu vực này để thu hoạch trà hàng ngày. Vì thế chúng tôi không phân biệt được dấu tích để lại trên các đường lô là của Việt-Cộng hay của dân hái trà. Chúng tôi phải rà soát kỹ từng dãy nhà máy, nhà lô, để chắc chắn không đóng quân trên những căn hầm bí mật của địch.

Sau khi hoàn tất ba cái chốt chặn làm tiền đồn xa cho căn cứ, tôi thông báo cho Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn về sự tạm ổn định an ninh để cơ giới tiến vào. Cuộc chuyển quân diễn ra êm ả.

Tôi đặt ban chỉ huy đại đội dưới hiên phía đông của văn phòng nhà máy. Từ đây tôi có thể quan sát hết khu vực trọng yếu hướng đông nam căn cứ hỏa lực. Lều bạt của ban điều hành tác xạ Mỹ nằm giữa sân đồn điền. Lều của Trung tá Hồ Hữu Dõng, Liên Đoàn Trưởng nằm trong vườn cà phê, ngay sau lưng dàn súng mười sáu khẩu 105 ly của pháo đội Hoa-Kỳ. Ngay từ khi pháo đội dàn quân chưa xong, một máy điện 40KWA đã nổ "bình! bịch! bình! bịch!" cung ứng điện cho các máy tính to như những chiếc tủ đứng, đầy đèn, xanh, đỏ, tím, vàng, chớp nhóa.

Chiếc máy điện thứ nhì được đặt sát căn lều của tôi. Trong trường hợp chiếc máy điện thứ nhất bị trở ngại, chiếc máy thứ nhì sẽ được khởi động để thay thế. Và nếu cái máy chết tiệt này chạy, thì căn lều của tôi hứng trọn khói thải ra từ cái ống bô to tổ bố của nó!

Tiếng nhạc xập xình, vang vang truyền đi trong không gian. Máy radio từ đài tác xạ và từ các ụ súng tranh nhau phát thanh. Các chú lính Mỹ cởi trần, mặt mày hớn hở, mồ hôi nhễ nhại, cần mẫn thiết lập công sự.

Mấy anh lính Biệt Động Quân Việt-Nam của Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 2 sau khi căng lều võng xong, cũng nhào sang khu pháo binh bắt tay, bá cổ, bá vai, những người bạn

Mỹ. Trong sân đồn điền, tiếng nói chuyện của những chiến sĩ Việt-Mỹ líu lo, om xòm, xí xa, xí xồ,

"Ô Kê! Sa lem! Năm bờ oăn! Gút! Gút! Năm bờ ten! Bét! Bét! Năm bờ oăn thảo giường!"

Nói bằng miệng không thông, đôi bạn đành dùng tay ra dấu. Đi hành quân, và đóng quân chung với Mỹ quả là vui!

Xế chiều, một chiếc Chinook tới "hover" trên sân cỏ giữa khu đóng quân để xịt nước cho quân nhân của pháo đội Mỹ tắm rửa sau một ngày bụi bặm, cực nhọc, vất vả. Những chú GI cởi truồng tồng ngồng, thay nhau đứng tắm dưới những tia nước phun xuống từ trên trời cao. Khi hai bịch cao su chứa nước treo tòn ten dưới bụng con tàu đã xẹp lép, chiếc Chinook mới bay đi.

Đêm xuống...

Trong lều, khói thuốc chập chờn. Ngoài lều, sương trắng dâng cao. Anh Duyên thủ thỉ,

- Như vậy hết hành quân kỳ này, anh về nghỉ ở nhà bà con. Anh cho tôi mượn chiếc Jeep đi vòng vòng. Anh giữ một máy PRC 25. Có chuyện gì cần, anh kêu. Năm phút sau, tôi có mặt liền. Được không?

Tôi chưa kịp trả lời Duyên thì, từ trong núi, hướng đông,

"Cạch!...Cạch!...Cạch! ...Cạch!..."

Tôi vội vàng xỏ đôi chân vào giầy, miệng la lớn,

"Pháo kích! Pháo kích!"

Tay xách sợi dây ba chạc và tấm bản đồ, tôi nhoài người tụt lẹ xuống hố cá nhân.

Thiếu úy Duyên quơ cái áo giáp chùm lên đầu, rồi nhảy ào xuống hầm cối 60 ly của đại đội. Binh nhứt Cường và Hạ sĩ Hoàng thủ hai khẩu M16 cũng lăn xuống hố sát bên tôi. Tài xế Nguyễn Lác lười biếng không chịu đào hố, giờ này mới quýnh quáng, nhào đại xuống hố của Hạ sĩ Thọ, người nấu cơm cho tôi. Thế là chí chóe.

- Ê! Cứa thèng ni! Mi đè lên đầu tau, mần răng tau thấy

đường mà bắn hí?

- Nhờ "chúc" mà! La chi dữ rứa!

Thường vụ Nguyễn Lạc phản ứng nhanh không kém. Ông già vớ cây sắt vuông PSP gõ "Canh! Canh!" vào tấm kẻng sắt treo bên khẩu súng cối. Nghe tiếng kẻng báo động, bên phía quân Mỹ và Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 2 BĐQ mới bắt đầu nhốn nháo.

Theo thói quen nghề nghiệp, tay tôi xoay cái địa bàn về hướng phát ra tiếng cối "depart" để đo hướng súng. Óc tôi đếm nhẩm từ lúc nghe tiếng "Cạch" cho tới khi nghe tiếng "Oành" để đo tầm xa. Thế là tôi có thể ước tính ra gần chính xác tọa độ đặt súng của địch.

"Xè! Xè! Xè! ....Oành! Oành! Oành!"

Tôi đoán chắc rằng Việt-Cộng đang pháo kích chúng tôi bằng cối 82. Điểm đặt súng cách chúng tôi chừng 2 cây số. Một khẩu hướng 1700 ly giác, khẩu kia hướng 1900 ly giác. Hàng chục quả đạn xé gió vèo vèo bay tới. Mái ngói của căn nhà lầu lãnh bốn năm trái. Gạch ngói rơi ào ào.

Trên phòng tuyến và trong sân đồn điền đã có tiếng rên la của người bị thương. Lúc này không ai dám đi tiếp cứu ai cả. Ai cũng lo tránh né đạn, núp trong hầm.

Tôi biết khẩu cối 60 ly của tôi không phải là địch thủ của hai khẩu 82 ly Việt-Cộng, nên tôi nhoài người, với tay lấy cái điện thoại dã chiến gọi cho Ban 3 Liên Đoàn xin phản pháo. Dây điện thoại bị mảnh 82 cắt đứt, chuông điện thoại không reo!

"Xè!... Oành!...Xè!... Oành!...Xè!... Oành!..."

Một trái cối rớt ngay giữa sân, xé một miếng lều của đài tác xạ. Qua lỗ rách, ánh đèn chiếu ra lấp lóe.

Tôi sực nhớ, "Súng phản pháo ở ngay đây! Xin đâu cho xa?"

Tôi cầm cái bản đồ, chạy ào vào lều tác xạ. Căn lều sáng choang dưới ánh điện. Toán trực ba người của Hoa-Kỳ nón sắt, áo giáp dềnh dàng, đang núp trong hầm truyền tin



của pháo đội dựng bằng bao cát giữa lều. Tôi lật tấm bản đồ, chỉ cho anh sĩ quan trưởng toán hai vị trí pháo địch, yêu cầu anh ta cho phản pháo tối đa, càng nhanh càng tốt. Tôi ló đầu ra cửa hầm la to,

"Coi chừng tiền pháo hậu xung Duyên ơi!"

Thiếu úy Duyên một tay cầm đèn bấm, tay kia kéo ông Thượng sĩ Lạc, chạy ra phòng tuyến ngoài của đại đội.

Trận pháo kích diễn ra lâu chừng năm, sáu phút là chấm dứt. Tôi và Hạ sĩ nhứt Đức, y tá đại đội, đi quanh phòng tuyến, kiểm điểm tổn thất của quân bạn. Trong khi đó pháo đội Mỹ khạc đạn liên tu bất tận, có lẽ cả trăm viên 105 ly đã tưới lên vùng nghi ngờ có hai khẩu pháo của quân thù.

Đại đội tôi có một người chết và bốn người bị thương. Pháo binh Mỹ có hai anh lính bị thương. Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 2 BĐQ vô sự. Một chiếc GMC kéo súng của Mỹ bị bể đầu máy. Hai khẩu đại bác bị xẹp lốp. Chiếc Jeep của tôi bị một mảnh cối đục lủng thùng xăng.

Trực thăng tản thương Hoa-Kỳ được gọi tới cấp kỳ. Hai chiếc Gunships tưới đạn vô tội vạ sát vòng đai căn cứ, để bảo vệ cho chiếc máy bay tải thương. Tôi phải cho lệnh ba cái tiền đồn chớp đèn để khỏi bị trực thăng võ trang bắn lầm.

Sau khi tải thương xong, căn cứ hỏa lực Tứ-Quý nằm im thin thít. Đèn đuốc tắt ngấm. Hết tiếng nhạc radio xập xình. Duy nhất chỉ còn cái máy phát điện 40KWA là dám "bình! bịch! bình! bịch!" suốt canh khuya.

Năm giờ sáng Trung tá Dõng gọi tôi lên gặp mặt và ra lệnh,

- Sáng mai Long cho mở đường ngược ra quốc lộ để Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn và Pháo Binh rút về Đại-Nga.

Suốt đêm, tôi cứ ấm ức vì cú thua lỗ của đại đội mình, nên tôi đề nghị với người chỉ huy,

- Xin Trung tá cho tôi ở lại trong này hai ngày, hai đêm. Tôi muốn gỡ lại món nợ đêm qua.

Trung tá Dõng ngẫm nghĩ một lát rồi gật gù,

- Không ai bắt em làm việc này. Nhưng nếu em muốn, thì tôi sẽ làm công điện hợp thức hóa. Nhớ là chỉ hai ngày thôi! Và phải thật cẩn thận đó nghe!

Trưa hôm đó việc rút quân của Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 2/BĐQ và Pháo Binh hoàn tất. Tôi ra lệnh cho đại đội chuẩn bị sẵn sàng hai ngày cơm sấy và nước uống. Tuyệt đối cấm khói lửa và hút thuốc trong suốt bốn mươi tám giờ sắp tới. Quân nhân đơn vị tôi đã rất quen với những tình trạng căng thẳng như thế này từ khi tôi về chỉ huy họ. Lệnh tôi đã ban ra, thì mọi người răm rắp nghiêm chỉnh thi hành ngay.

Tôi bung các toán tuần tiễu ra các ngã đường gìn giữ an ninh để tôi nghiên cứu thực địa, thiết trí một cuộc phục kích.

Hướng nam của nhà máy có một lô trà với hình dáng mũi tàu. Bố quân quanh lô trà này, có thể kiểm soát được ba con đường tiến sát từ các hướng đông, đông nam, và nam.

Tôi phân công,

Trung Đội 3 của Chuẩn úy Đinh Quang Biện và khẩu đội đại liên M 60 của Hạ sĩ Nguyễn Bổng sẽ đảm trách công tác phục kích.

Ban chỉ huy đại đội cùng hai Trung Đội 1 và 2 sẽ đóng

quân cách khu phục kích hai trăm mét về hướng bắc để tiện di động đánh bọc trái, hoặc phải cho Trung Đội 3.

Tôi và khẩu đội đại liên M 60 của Hạ sĩ Nguyễn Nhứt sẽ đi với thành phần tiếp ứng là Trung Đội 1 của Trung sĩ 1 Ngọ.

Thiếu úy Duyên, Thượng sĩ Lạc và khẩu đội cối 60 ly ở với thành phần trừ bị là Trung Đội 2 của Thượng sĩ Em.

Tất cả các máy truyền tin sẽ tuyệt đối giữ yên lặng vô tuyến cho tới khi nào có tiếng súng nổ. Một buổi chiều và một đêm yên tĩnh trôi qua.

Đúng mười giờ sáng hôm sau... súng nổ. Súng nổ ròn rã hướng Trung Đội 3.

Tôi cảm thấy yên tâm, khi nghe rõ ràng tiếng súng của quân ta đang áp đảo tiếng súng của quân địch.

Chuẩn úy Biện báo cáo,

- Trình Thái Sơn! Có khoảng mười thằng từ trong rừng đi ra. Chúng nó chạy về hướng bên phải.

- Nhận 5! Giữ vững vị trí. Tôi và thằng 1 sẽ lên ngay.

Lập tức, Trung Đội 1 cùng khẩu đội đại liên M 60 dàn hàng ngang, vừa bắn vừa tiến về hướng chính nam. Thời gian này đạn dược thật là dư dả, dồi dào. Tôi thấy rằng, dùng hỏa lực tối đa để áp đảo quân địch, tiết kiệm xương máu cho quân bạn, cũng là một điều hay. Vì thế, mỗi khi chạm trận, tôi cho phép anh em tác xạ thả giàn.

Tới sát con lạch hướng nam, chúng tôi ngừng quân, bố trí và lục soát kết quả. Kết quả thật nghèo nàn, không thấy xác thằng Việt-Cộng nào. Chiến lợi phẩm chỉ là bốn cái mũ lưỡi trai Trung-Cộng rơi trên luống trà và hai băng đạn AK bắn dở dang.

Tôi cho Trung Đội 3 dàn hàng ngang lục soát thẳng hướng chính đông, tức là xạ trường chính của cuộc phục kích. Chúng tôi tìm được hai xác địch và hai khẩu AK 47 trên đường phân lô. Hai tên Việt-Cộng này nằm chết cách tuyến phục kích chừng năm thước. Cách hai cái xác đó không xa

là một cái cặp da màu đen, với dây đeo ngang hông, thường dùng cho các cán bộ Việt-Cộng cấp cao. Cái dây đeo cặp bị đạn bắn đứt, nhưng người đeo cặp đã chạy thoát.

Tôi ra lệnh lục soát kỹ sâu vào hai bên bìa rừng, dọc theo con đường xe be đất đỏ, dẫn về hướng rừng xanh hướng đông. Đi xa chừng hai trăm thước, chúng tôi phát giác một kho gạo khổng lồ, cao ngất, toàn là loại bao chỉ xanh 100 kg. Kho gạo nằm dưới tàn cây cao, và được bao bọc che chở bằng những tấm vải nhựa dày màu xanh tránh gió mưa.

Tôi báo cáo tin tức này cho Trung tá Liên Đoàn Trưởng. Trung tá Dõng rất mừng. Ông ra lệnh cho tôi án binh chờ phương tiện chuyên chở tới đem chiến lợi phẩm về Tiểu-Khu. Xế trưa, sáu chiếc xe be nối đuôi nhau vào chuyển vận hết kho gạo ra tỉnh, và tôi được lệnh rút quân ra quốc lộ.

Ra tới đường, trong khi chờ xe đưa về Tân-Hóa, tôi mới mở cái cặp da chiến lợi phẩm ra xem có tài liệu gì quan trọng không.

Cái cặp da chứa một quyển sổ ghi tên các cán binh trực thuộc tỉnh đội Lâm-Đồng của Việt-Cộng. Một sổ tay ghi chi thu hàng tháng của tỉnh đội. Một sổ công tác cá nhân. Một cái bấm móng tay. Một cái lược nhựa. Đặc biệt trong ruột quyển sổ công tác có một tấm ảnh cỡ 4x6 đã cũ, ép nhựa, tránh ẩm ướt.

Tôi tò mò ngắm nghía cái ảnh. Thì ra đó là hình chụp một gia đình hai vợ chồng trẻ với đứa con nhỏ. Người vợ bế đứa bé chừng tám tháng tuổi, có lẽ là con gái. Mặt người đàn ông và đứa bé chưa bị lem; mặt người đàn bà đã ố vàng, nhìn không rõ lắm.

Lật mặt sau tấm ảnh, tôi là dân Hội-An, nên hơi giật mình, khi thấy hàng chữ "Fai-Foo 1952" ghi bằng bút "rông" mực tím. Như vậy tấm ảnh gia đình này phải được chụp năm 1952 ở Hội-An (Fai-Foo).

Chiều hôm đó đại đội tôi được đưa về bãi cỏ phía sau lưng cư xá của nhân công hái trà ở xã Tân-Hóa. Chúng tôi

tiếp tục giữ căn cứ hỏa lực và làm trừ bị cho Liên Đoàn 2 BĐQ. Khi giao nộp tài liệu tịch thu được cho Ban 2 Liên Đoàn, tôi đã giữ lại cái ảnh của gia đình vợ chồng người Hội-An để làm kỷ niệm.

Tối hôm ấy, Thiếu úy Duyên và Chuẩn úy Biện chui vào lều của tôi để uống bia và tán gẫu. Anh Biện chợt hỏi tôi,

- Này Trung úy! Trung úy có tin con người ta có số mạng hay không?

- Làm sao biết được? Có lúc tin, mà có lúc cũng không.

Biện trầm ngâm,

- Chắc là con người ta có số ông ạ! Sáng nay tôi nhìn tận mặt thằng cán bộ đeo cái cặp đi giữa hai thằng bộ đội hộ tống. Tôi thấy rõ cả bộ lông mày xếch ngược và đôi mắt sáng quắc của nó đảo qua, đảo lại. Tôi đã chờ cho ba tên đi đầu còn cách bốn năm thước mới khai hỏa. Hai mươi lăm khẩu M16 và một khẩu M 60 bắn như mưa mà chỉ có hai thằng chết. Mà cái thằng đứng gần nhứt lại không chết, thì có phải là con người ta có số không?

Tôi rút cái ảnh chiến lợi phẩm ra, đưa cho Biện,

- Có phải thằng cán bộ đeo cặp là người này không?

Anh trung đội trưởng nheo mắt ngắm tấm ảnh,

- Giống lắm! Nhưng người trong ảnh trẻ hơn nhiều.

Hôm sau tôi căn dặn Thiếu úy Duyên ở nhà trông coi đại đội để tôi về phố hớt tóc và ghé hậu trạm ký sổ ứng tiền ăn tháng tới. Trước khi trở về vị trí đóng quân, tôi tạt vào thăm gia đình cô giáo Ngọc vài phút, nhân tiện cho cô xem cái ảnh của người Hội-An.

Tôi tới xóm Chùa vào lúc cô giáo về nhà nghỉ trưa. Bé Châu và bé Hạnh đi vắng.

Thấy tôi, cô ân cần,

- Em mới về hả? Tiện bữa, ngồi ăn cơm với cô nhé. Cơm rau mắm thôi.

- Cám ơn cô, em ăn cơm rồi. Em ghé thăm cô vài phút

rồi đi liền.

Tôi lục túi, lấy tấm ảnh đưa cho cô giáo,

- Cô xem có quen ai trong ảnh này không?

Cô giáo thấy tôi từ chối ăn cơm, cô có vẻ không vui,

- Cô ít giao thiệp lắm. Cô không có nhiều bạn. Chắc cô không biết ai mô!

Cô hờ hững không thèm đưa tay nhận tấm ảnh.

Tôi chìa cái ảnh trước mặt cô. Cô miễn cưỡng nhìn cái ảnh. Mắt cô vụt sáng lên ngạc nhiên. Cô giáo giựt tấm ảnh trên tay tôi, giọng cô có vẻ mất bình tĩnh,

- Em...em... nhặt được tấm hình ni ở mô rứa? Tấm hình ni anh Như giữ. Mần răng nó tới tay em được?

Rồi hình như cô sực nhớ ra điều gì đó, cô bình tĩnh, ôn tồn trở lại,

- Ừ cô nhớ ra rồi, trước khi rời Hội-An, anh Như đã đưa cái hình ni cho bên nội.Chắc người bên nội đưa nó cho em?

Quả thực khi đưa cái ảnh cho cô giáo Ngọc xem, tôi chỉ có ý nghĩ là cô ở Hội-An từ trước ngày Hiệp Định Genève ký kết, có thể cô quen biết gia đình người trong ảnh. Tôi đâu ngờ diễn tiến sự việc lại xoay qua một chiều hướng không lường trước.

Chẳng biết xử trí ra sao, tôi đành nói đại,

- Hôm qua có anh lính nhặt được cái ảnh này trong sở trà Tứ-Quý. Em nghi là của gia đình cô nên mang về cho cô.

Không dè, nghe tôi nói thế, cô giáo cuống cuồng,

- Em nói răng? Em nhặt được nó trong Tứ-Quý ư? Có thật không rứa?

- Em nói thật mà. Nhưng vì cớ gì mà cô lo sợ như thế?

- À... không...không, cô có lo sợ chi mô em...

Vừa khi đó thì có tiếng xe Honda rồ ga lên dốc. Chắc bé Châu, bé Hạnh đã về.

Cô giáo nhìn tôi khẩn khoản,

- Em ơi! Em thương cô thì đừng tiết lộ cho ai biết chuyện tấm hình ni, kể cả hai đứa nhỏ. Cô van em đó! Em ơi...

- Vâng, em sẽ không nói gì về cái ảnh này nữa. Thôi em đi nhé. Hôm nào rảnh, em sẽ về thăm cô.

Tôi ra cửa đúng lúc hai cô nữ sinh Trung Học Bảo-Lộc vào tới sân. Hai đứa em tíu tít,

- Anh Long mới về? Ủa mà sao anh lại đi liền? Bộ anh chê cơm nhà nghèo không ở lại ăn với chúng em hay sao?

- Anh phải đi ngay. Anh đi hành quân.

Sáng hôm sau Trung tá Dõng cho người xuống mời tôi lên lều của ông để uống cà phê và ăn xôi đậu phọng. Ông nói,

- Chú tịch thu được kho gạo lớn quá. Ông Tướng Ân vừa gọi máy hứa, sau khi kết thúc chiến dịch sẽ tưởng thưởng xứng đáng cho đại đội của chú. Ông muốn khích lệ tinh thần của anh em, nên trưa nay, nhân dịp đi gắn huy chương cho Địa Phương Quân Tiểu-Khu Tuyên-Đức, trực thăng của ổng sẽ ghé đây bốc chú và một anh binh sĩ xuất sắc nhất đại đội về Đà-Lạt nhận huy chương trước.

Bốn mươi ba năm sau, tháng Ba năm 2011, ông cụ Nguyễn Bổng, sáu mươi bảy tuổi, cựu Biệt Động Quân xạ thủ đại liên M 60, hiện đang sống ở Denver, tiểu bang Colorado Hoa-Kỳ, qua điện thoại, với giọng nói Bình-Định rặt, nửa vui sướng, nửa bùi ngùi, nhắc lại kỷ niệm này,



"Ngày đó chỉ có tui với Trung úy được bốc về sân vận động Đà-Lạt để cho ông Tướng Ân gắn huy chương.

Hãnh diện quá chừng chừng..."

Sau chiến tranh cả mấy chục năm, khi gặp lại, đồng đội cũ của tôi ở Đại đội 1/11BĐQ vẫn kêu tôi là "trung úy",

"Trung úy ơi! Dạo này Trung úy có mạnh khỏe không?..." Sau khi Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 2 di chuyển lên Tùng-Nghĩa thì đại đội tôi cũng lên vùng núi Voi và Đơn-Dương để hành quân diều hâu. Cho tới cả tháng sau tôi mới có dịp trở về ứng chiến ở sân bay Con Hinh Da, Bảo-Lộc.

Bố quân xong, tôi lên xe trực chỉ xóm Chùa.

Tới nhà cô giáo Ngọc, tôi thấy căn nhà vắng lặng.

Ông già "Bàn đèn thuốc phiện" ló đầu ra khỏi cửa gọi,

- Ông Trung úy ơi! Có người gửi thư nhờ tôi đưa dùm cho ông đây.

Lá thư cô giáo viết cho tôi chỉ vỏn vẹn có mấy giòng, không ghi ngày tháng, không có tên người nhận, và người viết cũng không ký tên,

"Cô cắn cỏ ngậm vành ghi tạc ơn em.

Mong em giữ kín trong lòng đừng cho ai biết rằng em đã quen biết gia đình cô.

Hãy hứa với cô rằng em sẽ quên tất tận cả những gì em biết về gia đình này nhé em!

Cám ơn em và chúc em vạn phần may mắn.

Vĩnh biệt!

Cô của em."

Căn nhà tuy khóa cửa chính, nhưng cửa sổ vẫn mở. Tôi nhìn rõ vật dụng trong nhà vẫn y nguyên. Kể cả cây ghi ta vẫn còn trên tường. Như thế tôi hiểu rằng lúc dọn nhà, chắc mẹ con cô giáo đã vội vàng, hấp tấp lắm.

Tôi thẫn thờ bước chân xuống đồi. Tôi và gia đình cô giáo Ngọc xa nhau tám năm. Vừa mới gặp lại hai ngày, nay đã chia ly lần nữa.

Trở về phi trường, tôi nói với anh Duyên rằng, anh ấy có thể lấy xe đi đâu thì đi, đi tới bao giờ về cũng được,

đừng lo lắng gì cả.

Nằm trong lều, vắt tay lên trán, tôi ôn lại những chuyện xảy ra trong thời gian đã qua. Chuyện rõ như ban ngày, sao tôi không nghĩ ra nhỉ?

Năm 1960 là năm Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam ra đời. Cuối hè năm đó, học sinh Hội-An thiếu gì người bỏ học, vào bưng? Dịp này, thày Như đem gia đình vào Blao, nơi xứ lạ, để không ai biết gốc gác lai lịch gia đình thày. Không phải lo lắng chuyện nhà, thày Như có thể yên tâm đi theo ý nguyện của mình. Chắc cô giáo Ngọc biết chồng cô đang hoạt động trong địa phận tỉnh Lâm-Đồng này, nên bất ngờ thấy tấm ảnh cũ, cô lo sợ, dấu diếm quanh co. Cô nói trớ ra rằng nó đã được chồng cô giao cho người bên nội giữ, nhưng cô quên trước đó vài ngày cô đã kể cho tôi chuyện chồng cô là người cuối cùng của dòng họ Võ ở thôn Trà-Đình 2, Hương-An, Thăng-Bình, Quảng-Nam. Như vậy, tên cán bộ Việt-Cộng bị đại đội tôi giết hụt ở Tứ-Quý không ai khác hơn là thày Như! Vì sợ tôi tiết lộ việc này cho con của cô biết, và sợ bị kết tội liên lụy với Việt-Cộng, nên cô Ngọc vội vàng dẫn con ra đi.

Một thời gian sau, vì bận bịu công việc, tôi cũng không bận tâm thêm chuyện nhà thày Như, cô Ngọc.

Đầu tháng Chín năm đó, Chuẩn tướng Trương Quang Ân, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh tử nạn. Giữa Tháng Mười, đơn vị tôi về ở hẳn Pleiku, không còn trở lại Blao, Đà-Lạt nữa.

Năm 1975 thua trận, tôi đi tù.

Từ khi khôn lớn, vào đời, tôi chỉ chọn có một nghề, đó là nghề làm lính. Suốt thời gian 12 năm làm lính, tôi quanh quẩn sống trong rừng. Vốn liếng tay nghề của tôi chỉ có rừng.

Sau 13 năm tù cải tạo, được tha, tôi lạc loài trong thành phố Sài-Gòn. Tôi đã xoay xở nửa năm, mà không tìm ra cách gì để sống. Cuối cùng, tôi đành tìm đường lên núi

kiếm ăn.

Tôi quyết định lên Đà-Lạt, vào núi Lap Bé Nord đào thiếc. Phong trào đào vàng, đào thiếc đang rầm rộ ở đấy. Thế là, đúng hai mươi năm sau ngày đại đội tôi từ giã Blao, nay hoàn cảnh bắt buộc, tôi đành miễn cưỡng quay về chốn xưa. Chiếc xe đò chở tôi rời Sài-Gòn từ sáng tinh mơ. Xế chiều xe mới tới Đà-Lạt.

Tôi lên Đà-Lạt, tá túc tại nhà đứa cháu gái gọi tôi bằng cậu. Nhà cháu tôi nằm bên phường 8, cách Nguyên-Tử-Lực Cuộc một cái thung lũng. Tôi ở trên dốc, dưới dốc có một ông trung sĩ cảnh sát chế độ cũ đang làm nghề đào thiếc. Tôi mon men tới nhà ông ta để làm quen, và xin tháp tùng kiếm ăn.

Khi gặp ông cựu cảnh sát Việt-Nam Cộng-Hòa, tôi nói chuyện với ông ta bằng thứ tiếng Bắc một trăm phần trăm Hải-Dương. Ông ta tưởng tôi từ ngoài Bắc mới vào nên không thắc mắc gì nhiều, vui vẻ cho tôi theo ông vào vùng kiếm "xái".

Ông cựu cảnh sát này mới lấy vợ kế. Vợ cả của ông ta vừa chết. Vợ kế của ông chính là người em dâu của ông. Em trai ông ta là trung úy chế độ cũ, đã chết trong trại cải tạo. Ông cảnh sát cấp nhỏ không phải đi tù. Ông thương em dâu góa bụa, thương đàn cháu côi cút, nên vợ ông vừa chết là ông lấy bà em dâu làm vợ luôn. Sau một tuần lễ cộng tác với ông cảnh sát và thằng cháu, cũng là con riêng của vợ ông, chúng tôi bị "mo". "Mo" tiếng Pháp là "mort", có nghĩa là chết, là thất bại.

Tôi đành giã từ Đà-Lạt tụt xuống Đức-Trọng, mò vào K3 đào vàng.

Hì hục gần mười ngày, "mo" vẫn hoàn "mo", đến nỗi tôi không còn tiền để đi một chuyến xe thồ về nhà người chị họ ở Đức-Trọng. Có một điều đáng nói là, dân đi đào vàng ở đây, nếu chịu giao thiệp rộng một chút, rất khó bị chết đói. Ngày nào cũng có những đám tiệc cúng tổ. Cứ

xong một giếng, thu hoạch vàng xong, các toán đều trích ra một số vàng để đãi đằng trước khi chia phần. Tôi ở đây mới có hơn tuần lễ mà bà con đã nhẵn mặt, mời ăn nhậu tưng bừng, không ngày nào bị đói.

Rồi một sớm mai có chiếc xe thồ bị tụt xuống hố. Tôi nhanh nhẩu giúp anh chủ xe một tay, kéo chiếc xe lên. Anh ta và tôi đều là dân Bắc-Kỳ Di Cư. Hỏi ra, anh ấy ở cách nhà bà chị tôi có vài khu vườn. Thế là anh chàng đồng ý chở tôi về tới nhà bà chị tôi rồi mới lấy tiền.

Tôi không phải là người khách độc nhất của một chuyến thồ. Tôi phải chờ hai người khách nữa cho đủ số ba người cho một cuốc xe. Trong thời gian chờ khách, tôi và anh chủ xe ngồi tán gẫu. Hóa ra anh ta đang học năm cuối cùng Quốc-Gia-Hành-Chánh thì Việt-Nam Cộng-Hòa sụp đổ. Tới lúc bấy giờ tôi mới thổ lộ cho anh ta biết tôi là một cựu thiếu tá tiểu đoàn trưởng Biệt Động Quân Việt-Nam Cộng-Hòa vừa mới ở tù ra. Nghe vậy, anh ta kéo tay tôi, bắt tôi leo lên xe, không thèm chờ rước thêm khách nữa. Anh ta sẵn sàng chở giúp tôi về nhà không lấy tiền!

Chúng tôi vừa ra khỏi K3 chừng hai cây số thì nghe phía trước mặt, trong rừng bên đường có tiếng kêu la,

"Lạy hai anh tha cho em..."

Chú Lượng, chủ xe thồ ngừng xe quan sát.

Trong rừng thưa bên đường, hai thanh niên mặc đồ bộ đội đang dùng hai khúc cây phang cật lực vào đầu một anh xe thồ để cướp cái Kamaz Liên-Xô.

Bị hai khúc củi đập tới tấp lên đầu, lên vai, nhưng anh chàng xe thồ vẫn không chịu buông cái xe ra.

Buông tay ra, là mất xe! Thà chết, chứ không bỏ của!

Vừa van lạy, vừa chửi rủa, anh xe thồ cứ lăn vào ôm cứng lấy cái Kamaz, dai như đỉa.

Có lẽ nạn nhân đã thấy chúng tôi, nên anh ta la lớn,

- Bớ người ta! Ăn cướp! Ăn cướp giết tôi cướp xe! Cứu tôi với bà con ơi!

Chú Lượng nói nhỏ vào tai tôi,

- Tụi bộ đội nó chơi bạo lắm. Mình can thiệp vào, nó chơi mình luôn. Hay là ta quay lại gọi thêm người phụ giúp. Anh tính sao?

Tôi nghĩ, nếu quay trở lại, chưa chắc đã có ai vui lòng đi theo giúp. Mà dù cho có người đi theo, thì khi tới nơi, anh chủ xe thồ có lẽ đã chết mất rồi!

Chợt nghĩ ra một kế, tôi vừa nháy mắt ra dấu cho Lượng, vừa la to,

- Đưa khẩu súng cho tao! Tao bắn vỡ óc hai thằng ăn cướp này!

Lượng làm bộ chần chừ. Rồi anh cũng gân cổ lớn tiếng,

- Anh bắn thì anh chịu trách nhiệm nghe! Tôi chỉ làm chứng thôi đó!

Tôi hét lên,

- Á!...Á!...Hai thằng chó này tới số rồi! Chết nghe con! Á!...Á!...

Tôi và Lượng vừa quát tháo, vừa từ từ bước tới. Chú Lượng làm bộ lục lọi cái sách tay chú đeo ngang hông để tìm vũ khí.

Hai thằng ăn cướp thấy hai chúng tôi hùng dũng quá, chúng nó sợ bị bắn chết, nên vứt hai khúc củi, ù té chạy bán sống, bán chết xuống chân đồi.

Anh chủ xe bị cướp quỳ xuống đất vái lấy vái để,

- Em xin quỳ lạy tạ ơn cứu mạng của hai ông. Suốt đời em ghi lòng tạc dạ công lao của hai ông.

Chú Lượng thực tế hơn,

- Ê bồ! Ơn với oán cái con khỉ khô. Một chầu nhậu là xong hết.

Sau đó hai chiếc xe thồ phóng vèo vèo trực chỉ hướng chợ Đức-Trọng.

Tới chợ, anh Nam , cựu nghĩa quân, chủ xe bị cướp, trịnh trọng mời tôi và Lượng vào quán ăn của một bà chủ

người Tàu.

Chú Nam kêu không biết bao nhiêu món, gồm đủ vịt, gà, bò, heo, tôm, cá để thiết đãi chúng tôi.

Trong lúc tôi đang ngất ngưởng, ngà ngà, thì ngoài sân chợ bỗng nhốn nháo hẳn lên, không biết vì lý do gì. Thấy lạ, tôi bước ra cửa đảo mắt nhìn.

Một chiếc xe con của bộ đội từ hướng Liên-Khương chạy xuống đậu sát hàng hiên một tiệm trà. Nơi đó, một người hành khất già đang nằm ngủ, ngáy khò khò.

Một thượng úy công an và một công an viên bước xuống. Viên thượng úy cười hì hì,

"Thôi về đi thủ trưởng!"

Hai tay công an áp vào khiêng ông cụ lên, đặt trên ghế sau. Họ cũng cuốn gói đồ lề của ông cụ gồm một cái mũ lưỡi trai, một cái nón mê, và một cây dao quắm bỏ vào thùng xe, rồi trở đầu xe chạy đi.

Bà chủ tiệm trà chõ miệng ra cửa, nhiếc một câu,

- Giầu bỏ bạn, sang bỏ vợ. Cho đáng đời cái đồ mê gái!

Tôi trở lại bàn thì chú Lượng lắc đầu,

- Ôi! Để ý làm gì tới cái thằng khùng này. Thứ gì ngu như chó! Quyền cao chức trọng không muốn, muốn đi ăn xin.

- Chú biết lý lịch của ông ăn mày này à?

- Ở đây ai mà không biết tay này? Ngày xưa y là con hùm xám, hét ra lửa đấy. Nhưng y ỷ thần, ỷ thế, hãm hiếp một cô nhân viên dưới quyền, nên mất chức. Đến khi vợ lão chết, lão thành khùng luôn.

- Công an vừa hốt ông ta đi, chắc là nhốt vào nhà thương điên?

- Bắt với nhốt cái con tiều! Cả chục năm nay tên đó cứ lang bang hết chợ Đức-Trọng, đến chợ Tùng-Nghĩa, chửi bới, khóc lóc om xòm, rồi lăn quay ra ngáy. Hôm nào hên, có mấy thằng học trò cũ hốt về nhà cho ăn ngủ, còn không

thì cứ ngủ bờ, ngủ bụi thôi.

- Chắc cái xe công an vừa rồi là của người quen ông cụ?

- Tay này ngày xưa đi theo hầu, làm đồ đệ của lão già đó. Nay anh ta lên tới thượng úy đồn trưởng.

- Thế thì gia đình vợ con ông ta ở đâu?

- Nhà lão ở trên Phil-Nôm, nhưng từ khi vợ lão chết, lão không bén mảng về nhà nữa.

- Chú Lượng có vẻ rành gốc gác ông điên này quá?

- Thực ra, em cũng chỉ nghe đồn thôi.

Anh Nam châm thêm rượu đế vào ly của tôi rồi hối,

- Nhậu tiếp đi đại ca! Chuyện thằng già dịch ấy, nói tới mai chưa hết. Ai đời? Con gái người ta mới mười bảy, mười tám mà lão dám đè ra hiếp công khai trong văn phòng. Gớm thiệt!

- Chắc chú Nam rành về ông già này hơn chú Lượng?

- Thì có ai tận mắt chứng kiến những gì lão ác ôn này gây ra đâu? Gia đình lão ở đây từ cuối 1975, nhưng lão làm việc trên Tỉnh Đội, lâu lâu mới ghé về nhà. Em nghe người ta nói lại, thời chống Mỹ, lão là Huyện Đội Trưởng hay Tỉnh Đội Trưởng gì đó dưới Blao, công lao ghê gớm lắm. Sau khi tiếp thu Đà-Lạt, lão làm lớn lắm. Đùng một cái, cuối 1977 lão bị mất chức về nằm bẹp trong nhà. Sau đó vợ lão tự tử, lão hóa khùng, đi lang bang cả chục năm nay.

Chúng tôi đánh chén xong thì trời xế trưa. Anh Nam xin phép về nhà lo thuốc thang chữa chấn thương đầu, cổ. Tôi và chú Lượng cũng chia tay.

Chuyện "người điên ở chợ" tôi còn được nghe nhiều người thuật lại, mỗi người nói mỗi khác. Năm 2003, ở Hoa-Kỳ có người bạn làm cùng sở với tôi kể rằng, năm 1980 khi đi đào đá quý ở Tân-Bùi, Blao, anh ta tận mắt chứng kiến cảnh một tên cán bộ cấp cao của Việt-Cộng bị điên, đầu đội cái nón mê, tay xách con dao quắm, suốt ngày đi lang thang, nói năng lảm nhảm, chửi bới om xòm

ở chợ Tân-Bùi. Nghe đâu tay cán bộ này giàu sụ, có cô bồ nhí xinh như đào xi nê. Một hôm, cô bé đem cầm, bán hết giấy tờ sở hữu ruộng vườn, xe cộ của ông thủ trưởng, đồng thời thay mặt ông, hốt sạch cả chục chân hụi lớn, hụi nhỏ, rồi ôm tiền của, cùng anh kép trẻ dông đi mất biệt. Mất của, lại thất tình, ông thủ trưởng già hóa rồ, hóa dại, đội cái nón mê, ôm con dao quắm đi truy lùng, truy sát kẻ bạc tình. Hình như nhà anh chàng trẻ tuổi, tình địch của lão già thủ trưởng Việt-Cộng ở Tân-Bùi thì phải?

Nhà chị tôi ở cách chợ Đức-Trọng không xa lắm. Tôi quyết định nghỉ ngơi vài ngày rồi mới xoay xở tiếp.

Hai hôm sau tôi tìm được một chân giữ lô trên Prenn. Làm việc này tuy nhàn nhã nhưng nguy hiểm quá!

Một mình nằm trong căn chòi lá giữa rừng không tấc sắt trong tay. Xế chiều, một xe bộ đội ghé đít vào khuân đi vài tấm ván xẻ. Nửa đêm, một xe bộ đội ghé đít vào khuân đi vài khúc bằng lăng. Người gác lô (là tôi đây) hỏi,

"Các ông có giấy ủy quyền chở gỗ đi không?"

thì khách vỗ bành bạch vào cái bao K54 bên hông,

"Bộ nhà anh mù, không nhìn thấy cái giấy ủy quyền này hay sao mà còn hỏi?"

Hóa ra lô này chứa gỗ của bọn khai thác lậu. Bộ đội chỉ cần hù một câu là có thể chở đi một xe tỉnh bơ. Tuần sau tôi bỏ việc.

Tôi trở về Sài-Gòn phụ giúp một anh bạn đi bán quần áo cũ (còn gọi là đồ SIDA) một vài lần, cũng chẳng thấy khá.

Tôi lò mò tới nhà ông Trung tá Huỳnh Văn Lộc, cựu Liên Đoàn Trưởng Liên đoàn 25 BĐQ để hỏi cách đi buôn thuốc Tây. Ông anh chỉ vẽ đường đi, nước bước, tận tình hết mình. Chuyến ra quân đầu tiên buôn thuốc Tây, chưa đi khỏi Tân-Cảng tôi đã bị công an túm. Mất toi cả chỉ vàng tiền vốn.

Bí quá, tôi lại lên rừng.

Kỳ này thì hên. Ông anh rể vừa thấy mặt tôi đã reo lên,

- Cậu lên vừa đúng lúc. Vựa cà phê nhà chị Phú Phil-Nôm đang cần chân đốc công, lương hậu, cậu có nhận không?

- Chơi liền! Buồn ngủ mà gặp chiếu manh thì còn gì bằng?

Hôm sau ông anh rể tôi chở tôi lên vựa cà phê nhận việc.

Vựa cà phê chị Phú ở ngay con dốc giữa ngã ba Quốc lộ 20 và ngã rẽ về Đơn-Dương. Đất đai hai bên đường của khu vực này được chia ra thành nhiều lô bằng nhau để cấp phát cho gia đình công nhân, bộ đội tự canh tác, cải thiện. Chồng chị Phú làm việc trên Ty Nông-Nghiệp. Lợi dụng địa thế thuận tiện lưu thông, chị Phú dựng lên một vựa thu mua nông phẩm kiếm lời.

Nhiệm vụ của tôi là cân nhập cà phê, đậu xanh, đậu nành, đậu phọng, rồi hướng dẫn hai cô nhân công chuyển vào kho; cân xuất hàng; kiểm soát hai cô nhân công đưa đủ hàng lên xe cho khách; ký biên lai; nhận biên lai; tổng kết sổ chi thu hàng ngày.

Tôi làm việc trôi chảy được hai ngày. Hôm sau nữa, nhân lúc rảnh, chị Phú nhờ tôi leo lên mái kho, trét nhựa đường vài lỗ dột. Cái thang nhà này đang mắc kẹt chống đỡ buồng chuối tiêu mắn quả sau hiên. Chị Phú chỉ tay sang nhà hàng xóm,

- Anh sang nhà cô Hương nhờ cô ấy cho mượn cái thang một lát.

Sát hàng rào của vựa cà phê là một khu vườn rộng, có giàn su su và những luống đu đủ. Giữa vườn, là một cái nhà tôn, có sân lát gạch để phơi nông phẩm.

Theo lệnh bà chủ, tôi xăng xái đi sang nhà hàng xóm,

- Cô Hương ơi! Cô Hương có nhà không?

Có tiếng trả lời từ sau nhà,

- Tôi ở trong vườn su. Ai đó cứ vào đi.

Tôi lò dò đi vòng ra phía sau nhà.

Bên một gốc đu đủ, người chủ nhà nghe tiếng chân tôi, bèn quay mặt lại,

- Ông cần hỏi chi?

Dưới nắng ban trưa, đứng trước mặt tôi, rõ ràng là cô giáo Ngọc!

Cũng với cái áo bà ba mầu xanh điểm hoa khế hồng, và cái quần đen, bộ quần áo cô mặc hôm tôi về đưa cho cô cái ảnh gia đình mà tôi tịch thu được trong mật khu Tứ-Quý. Hai mươi năm qua rồi mà mặt cô vẫn y như xưa, không khác tí ti nào.

Tôi buột miệng,

- Cô giáo Ngọc! Cô ơi! Cô đó ư?

Người đàn bà giật mình hoảng hốt,

- Ủa! Sao ông lại kêu tôi là cô giáo Ngọc? Ông là ai vậy?

Tôi nhìn dán mắt vào mặt người đàn bà. Á! mà có chút khác! Cô giáo Ngọc bây giờ trông ngăm ngăm, chứ không còn trắng bóc. Giọng nói của cô thì hoàn toàn xa lạ. Không phải cái giọng Huế Công Tằng Tôn Nữ nữa rồi! Hay là tôi đã nhầm người?

Tôi gãi đầu,

- Thưa bà, tôi xin lỗi, tôi lầm bà với một người quen của tôi.

- Ông ơi! Ông là ai? Ông nói người quen của ông là cô giáo Ngọc có phải không?

- Vâng! Bà giống cô Ngọc như đúc, nhưng bà không phải cô Ngọc. Cô Ngọc người Huế. Bà không phải cô ấy.

Người chủ nhà lại thúc giục,

- Ông nói cho tôi biết đi! Ông là ai?

- Tôi xin lỗi bà, tôi tên Hai, là người làm công của vựa cà phê bên hàng xóm. Tôi sang đây mượn cô Hương cái thang về xài một lát. Tôi xin gặp cô Hương.

- Tôi là Hương đây! Nhưng tôi hỏi ông. Ông quen biết như thế nào với cô Ngọc? Tôi là con gái cô Ngọc đây, còn

ông là ai?

Tôi lắc đầu lia lịa,

- Con cô Ngọc chỉ có bé Châu và bé Hạnh, không có ai tên là Hương cả.

Người đàn bà như bị choáng váng, giọng bà ta run run,

- Như vậy ông có phải là anh Long không? Anh Long!

- Vâng tôi là Long, còn bà là ai?

- Bé Châu đây! Anh Long ơi!

Bé Châu òa khóc.

Năm nay (1988) bé Châu ba mươi bảy tuổi, đúng y chang tuổi của cô giáo Ngọc năm Mậu-Thân (1968) khi gặp tôi ở Blao. Bé Châu giống cô giáo Ngọc như đúc. Có khác chăng là làn da, và giọng nói. Hèn nào tôi không lầm cho được?

Bé Châu nắm tay tôi, kéo tôi lên nhà trên. Miệng cô em tíu tít chưa hết chuyện này đã nhảy sang chuyện khác, chẳng đâu vào đâu.

- Từ từ đi Châu! Cô cứ nói lung tung như thế này thì ai mà hiểu được cô muốn nói cái gì. Việc đầu tiên anh muốn biết là mẹ em và bé Hạnh bây giờ ra sao? Có tin tức gì của ba em không?

Tôi vừa cười vừa nhắc cô em hàng xóm.

Bé Châu như tỉnh ngủ,

- Ừ nhỉ, em nói năng lộn xộn quá. Chỉ vì em mừng quá đó anh ơi! Mẹ và bé Hạnh mất rồi. Còn Ba thì đã...hóa điên. Anh ngồi chơi đây, em đi nấu nước pha trà. Ngồi đây chờ em, đừng đi đâu anh nhé!

Nhóm bếp xong, bé Châu chạy vội lên nhà trên,

- Anh kể cho em nghe đi! Sau đó anh còn ở Blao không? Anh lấy vợ lúc nào? Có mấy cháu rồi? Anh đi học tập có lâu không? Ngày anh về, gia đình anh có thay đổi gì không?

Tôi ngồi tường trình,

- Bốn tháng sau ngày nhà em dọn đi, thì đơn vị anh về

Pleiku ở luôn, không còn trở lại Blao nữa. Anh có vợ và có bốn đứa con rồi. Sau Ba Mươi tháng Tư năm 1975 gia đình anh về tá túc ở nhà của mẹ anh, trong khu chợ Nancy Sài-Gòn. Anh đi tù cải tạo mười ba năm, mới được tha ra cách đây nửa năm. Anh đang đi làm công để phụ giúp vợ, nuôi con.

Bé Châu trợn mắt,

- Anh đi học tập cải tạo tới mười ba năm lận! Lâu quá vậy? Chắc chị ở nhà vất vả lắm anh nhỉ?

- Chị làm thợ may và buôn bán làng nhàng để nuôi con. Cũng khổ lắm.

- Tội nghiệp chị! Con thì đông, chồng lại vắng nhà cả chục năm không thấy về, vậy mà chị vẫn kiên tâm vất vả nuôi con chờ chồng. Anh là người có phước lắm đó!

Lúc ấy có tiếng cô Nhi, người giúp việc của chị Phú réo trước cửa,

- Anh Hai ơi! Về cân hàng! Có khách chờ! Chị Phú nói anh sang mượn cái thang, hay sang ngủ ở nhà cô Hương mà cả buổi chưa chịu về?

Nghe tiếng gọi, tôi vội đứng lên,

- Thôi, mai Chủ Nhựt rảnh, anh sẽ lên nói chuyện tiếp. Anh phải về làm việc bây giờ.

Tôi chạy vội ra cửa.

Chị Phú mặt hầm hầm,

- Anh làm ăn đàng hoàng chứ không tôi đuổi đó!

Tôi chẳng tiện phân bua với bà chủ làm gì. Tôi cứ lặng thinh làm phận sự của người làm công.

Từ đó tới chiều, bên hàng rào cứ thấp thoáng bóng dáng bé Châu ngóng cổ sang để tìm tôi.

Bên cót đậu phọng, cô Nhi mắt len lén theo dõi cử chỉ của người hàng xóm, miệng nhỏ to với bà chủ,

- Anh chàng trông khù khờ mà đào hoa dữ a!

Bà chủ thì mặt sưng như tấm thớt.

Hôm sau là ngày Chủ Nhựt, được nghỉ, tôi mượn cái xe đạp của ông anh rể, lọc cọc đạp lên nhà bé Châu.

Sau khi khóc lóc đã đời, Bé Châu ngồi kể cho tôi nghe một truyện dài hai mươi năm.

Ngay buổi trưa tôi ghé nhà em lần cuối cùng, Cô Ngọc bắt bé Châu chở cô vào văn phòng tỉnh, xin lãnh trước một tháng lương, rồi xin nghỉ phép một tuần vì việc gia đình. Sau đó, hai mẹ con sang trường Trung Học Bảo-Lộc xin rút học bạ để chuyển trường. Chiều đó cô Ngọc đem chiếc Honda đi bán. Sáng hôm sau ba mẹ con vác ba chiếc va li lên chuyến xe đò sớm nhứt đi Đà-Lạt. Trưa hôm đó mẹ con cô có mặt ở nhà bà chị cô trong ấp Thái-Phiên. Cô nói với bé Châu và bé Hạnh rằng tôi nghe tin cảnh sát sẽ tới bắt cô bỏ tù vì tội có chồng đang chiến đấu trong bưng nên cô phải dẫn gia đình đi lánh nạn.

Cô Ngọc được bà chị nhượng lại cho một thửa vườn trồng rau để sinh nhai. Ngày đó, bỏ ít tiền ra, cô dễ dàng mua được hai cái khai sinh giả và một cái căn cước giả. Cô giáo Công Tằng Tôn Nữ Mỹ Ngọc nay mang tên Nguyễn Thị Mỹ. Bé Võ Thị Như Châu thành Nguyễn Thị Hương, và Võ Thị Ngọc Hạnh thành Nguyễn Thị An có tên cha là Nguyễn Trường Giang. Cô lấy tên con sông Trường-Giang, và tên xã Hương-An ở nơi quê chồng để đặt tên giả cho chồng con, cho dễ nhớ. Tên Võ Thị Như Châu và Võ Thị Ngọc Hạnh trên học bạ được tẩy đi, đề tên mới vào. Lúc đó bé Châu và bé Hạnh mới biết trong tám năm qua, cha của hai em đã vào bưng đi theo Việt-Cộng, chứ không phải làm thư ký ở dưới Sa-Đéc. Vì thế, hai em mới hiểu lý do tại sao từ ngày vào Blao, thày Như không về nhà lần nào.

Hồi mới xa Blao, bé Châu và bé Hạnh buồn khóc thầm cả tuần. Sau rồi cũng nguôi ngoai, quen với cuộc đời mới. Hai chị em ban ngày theo xe ngựa của nhà hàng xóm về Đà-Lạt học trường Bồ-Đề, ban đêm đan nón, đan quạt lá buôn, lá cọ bỏ mối lấy tiền phụ với mẹ. Năm 1970 bé Châu đậu Tú Tài 2, xin được một chân giáo viên tiểu học ở dưới trại

Hầm. Năm 1973 bé Hạnh lấy chồng. Năm đó em mười chín tuổi, vừa đậu Tú Tài xong. Chồng bé Hạnh là một Thiếu úy ngành Quân-Báo thuộc Tiểu-Khu Bình-Định. Anh ta là cháu một nhà hàng xóm trong ấp Thái-Phiên. Đám cưới vừa xong, bé Hạnh về Quy-Nhơn ở với mẹ chồng. Nhà cô Ngọc ở yên trong Ấp Thái-Phiên cho tới ngày Đà-Lạt di tản.

Sau khi tiếp thu Đà-Lạt, Việt-Cộng đã tới từng nhà để sưu tra lý lịch, và tổng kết dân số. Cô Ngọc khai tên thày Như trong bản khai của gia đình cô. Chỉ vài ngày sau thì thày Như về. Ông ta về trên chiếc xe con, theo sau là một xe lớn, có nhiều bộ đội hộ tống. Cô Ngọc và bé Châu mừng quá, khóc suốt một ngày luôn! Cô Ngọc thì mừng vui, tươi tắn hẳn lên như con bịnh trầm kha vừa phục hồi sau một liều thuốc tiên.

Thày Như (lúc này là thủ trưởng Sáu Như) đón vợ con về ở trong một ngôi biệt thự mới bị tịch thu trong khu hồ Mê-Linh (tên cũ là Saint Bénoit). Gần cuối năm 1975 gia đình ông ta được cấp miếng đất dưới Phil-Nôm và dọn về ở đó cho tới bây giờ.

Thày Như làm việc trên Tỉnh Đội, uy tín dữ lắm. Hình như cấp trên của ông ta tin tưởng giao phó cho ông đảm đương, kiêm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng...

Bé Châu chợt lặng im ngồi suy nghĩ một hồi, rồi mới tiếp tục thuật lại cho tôi nghe chuyện bé Hạnh.

Cuối tháng Năm năm 1975 bé Hạnh từ Quy-Nhơn về. Nó nói rằng chồng nó vừa bị bắt đi tù cải tạo. Nó khóc lóc thảm thiết, xin thày Như bảo lãnh cho chồng nó được tha. Thày Như từ chối thẳng tay,

- Để cho nó đi học tập ít lâu. Khi nào nó tiến bộ thì được tha về chứ cần gì Ba phải bảo lãnh? Cả ngàn người cùng tình trạng như nó chứ có phải một mình nó đâu?

Thày Như ngồi trên ghế, Bé Hạnh đứng đàng sau, nó ôm vai cha nài nỉ,

- Ba Như ơi! Ba can thiệp được mà! Ba xin cho chồng

con về đi. Anh ấy là con một, có mẹ già. Nhà mình cũng không có con trai. Anh ấy hiếu thảo lắm. Nếu Ba gặp anh ấy, chắc Ba sẽ thương anh ấy ngay. Ba Như ơi! Ba Như xin tha cho chồng bé Hạnh về với bé Hạnh đi Ba!

- Ba đã nói rồi mà! Để cho nó học tập thành người tốt rồi về! Có gì mà phải vội vàng?

Năn nỉ cha hoài không được, bé Hạnh cầu cứu mẹ và chị phụ giúp. Cô Ngọc và bé Châu cũng nói hết lời; thày Như vẫn một mực khăng khăng chối từ.

Tháng Tám năm 1975 chồng bé Hạnh trốn trại, bị bắt lại, và bị kiên giam. Bé Hạnh và cô Ngọc xuống thăm chồng nó. Ban chỉ huy trại không cho gặp mặt, cũng không cho nhận quà. Bé Hạnh lại về năn nỉ cha nó cứu vớt chồng nó lần nữa. Nó quỳ dưới chân thày Như khóc lóc, van xin. Thày Như đã không chịu cứu con rể, mà còn xúi con gái bỏ chồng lấy người khác. Rồi hai cha con bé Hạnh lớn tiếng cãi nhau. Tình phụ tử bị sứt mẻ. Từ đó bé Hạnh và cha em tránh mặt nhau.

Bé Châu thấy bé Hạnh có lý khi nói rằng cha các em không còn như thời trước 1960, ngày các em còn bé. Ngày xưa, mỗi lần thày Như đi xa, bé Châu và bé Hạnh thường chờ cha về để tranh nhau nhảy vào lòng, bắt ông hôn, rồi ông dắt hai đứa đi lang thang trong sân chờ cô Ngọc dọn cơm. Lần này ông về, chỉ có mình bé Châu ở nhà, nhưng Châu không còn dám nhào vào lòng cha để ông nâng niu như xưa. Khi cha em ra đi, Châu lên chín. Ngày ông về, em hai mươi bốn. Cha em đã đi con đường ông ta chọn. Sau mười lăm năm hiến mình cho lý tưởng, ông đã thực hiện xong ý nguyện của ông. Nhưng ông đã đánh mất hạnh phúc của chính mình, và của cả gia đình mình. Vì ông, mà vợ ông đã để uổng phí một thời son trẻ. Vì ông mà tuổi thơ của hai đứa con ông chỉ là một chuỗi ngày dài đầy lo sợ. Giờ đây, giữa Châu và cha em như có một bức tường vô hình ngăn cách.

Tháng Chạp năm 1975 chồng bé Hạnh bị xử tử hình.

Được tin này, bé Hạnh cấp tốc đi Quy-Nhơn, vào trại giam, xin nhận xác chồng, nhưng người ta không cho. Họ chôn chồng em Hạnh trong nghĩa địa dành cho tù phạm.

Trở về nhà, bé Hạnh thức trắng một đêm để đốt hết những lá thư mà vợ chồng nó đã trao đổi cho nhau từ ba, bốn năm trước ngày đám cưới. Từ lúc về, bé Hạnh không hé môi nói chuyện với ai một lời nào.

Sáng sớm hôm sau, bé Hạnh dậy thật sớm. Nó ôm hôn mẹ nó và chị nó rồi ra đi. Bé Châu và cô Ngọc hỏi rằng Hạnh đi đâu mà sớm thế? Nó chỉ lắc đầu, hai mắt đỏ hoe.

Hôm đó thày Như có mặt ở nhà. Lúc bé Hạnh bước ra tới cửa, ông giữ tay nó lại,

- Con đi đâu thế?

Hạnh hất tay ông ta ra, rồi vội vàng bước nhanh ra đường.

Ba ngày sau có người báo cho thày Như biết tin,

"Cô An chết đuối mới nổi lên ở chân cầu Đai-Ninh!"

Kể tới đây, bé Châu nấc lên, nghẹn lời.

Nghe tin bé Hạnh chết, bé Châu bàng hoàng, choáng váng như vừa bị ai đó đập một cái chày vồ lên đầu. Nhìn người ta niệm xác bé Hạnh đặt vào áo quan mà Châu cứ tưởng như đang mơ một giấc mơ dữ. Cô Ngọc rũ xuống như một sợi bún. Cô thành người mê sảng, miệng không ngừng gọi tên con, "Hạnh ơi! Hạnh ơi!..."

Ngày đưa ma, cô Ngọc và bé Châu không cất bước nổi, phải ở nhà. Hai mẹ con khóc cho tới khi hai mắt sưng vù, nói không còn ra tiếng nữa. Người ta chôn cất bé Hạnh ra sao, bé Châu không còn nhớ rõ.

Thày Như có rất nhiều người quen, nên khách đi đưa đám con gái ông rất đông. Có cả dàn nhạc và đại diện từ Tỉnh, Huyện về chia buồn.

Từ ngày chôn cất bé Hạnh xong, cứ thấy mặt chồng, cô Ngọc lại nghẹn ngào,

"Mình ơi! Mình giết bé Hạnh của em rồi hả mình? Mình ơi! Sao mình nỡ giết con của chúng ta? Mình ơi!"

Thày Như phải tránh mặt vợ bằng cách đi làm từ sáng sớm, tới tối mịt mới về.

Hai tháng sau ngày bé Hạnh mất, vào một buổi trưa mùa xuân, chỉ có cô Ngọc và bé Châu ở nhà, một bà già Bắc-Kỳ Di-Cư khăn mỏ quạ, áo dài nâu xuất hiện trước cổng.

Vừa thấy bóng cô Ngọc, bà già chồng của bé Hạnh đã bù lu, bù loa,

- Dâu ơi, là dâu! Con ơi là con! Ai đời? Chồng chết không chịu nhận khăn tang, mà chẳng nói chẳng rằng, bỏ đi một nước. Bà ơi! Con gái bà là người, hay là ma, là quỷ vậy? Con giặc cái ấy đâu rồi?

Cô Ngọc ôm bà thông gia, vừa sụt sịt, vừa dìu bà cụ tới trước bàn thờ đang khói hương nghi ngút, trên đó là cái ảnh của hai vợ chồng bé Hạnh chụp ngày đám cưới.

- Con dâu của chị đây nè! Nó nhảy sông, chết theo chồng nó đã hai tháng nay rồi!

Nghe thế, bà già Bắc-Kỳ ngã lăn quay ra nền nhà, đôi mắt trợn ngược. Mẹ con bé Châu phải đánh dầu, cạo gió cho bà, hồi lâu bà già mới tỉnh.

Bà cụ lồm cồm đứng lên, với tay ôm cái ảnh của vợ chồng bé Hạnh vào lòng. Nước mắt ròng ròng, hai mắt bà nhìn như ngây như dại vào cái ảnh trên tay,

- Con ơi! Sao hai con đành bỏ mẹ? Con ơi!... Con ơi!...

Rồi tay ôm cái ảnh, bà cụ thất thểu bước chân ra cửa. Bé Châu cố giữ bà cụ lại thì bà cụ trợn mắt, mắm môi, giựt tay ra, rồi chạy biến ra đường.

- Hu!...Hu!...Hu!...Tiên sư cha quân cướp nước! Chúng mày giết con tao, giết dâu tao, đồ chó má! Tiên sư cha cái đồ Cộng-Sản dã man! Tiên sư cha nhà chúng mày!...Hu!... Hu!...Hu!...

Bà già vừa đi, vừa chửi rủa, vừa than khóc, kêu gào. Từ

ấy tới nay bé Châu không gặp lại bà lần nào nữa.

Những ngày tháng tiếp theo, nhà thày Như lúc nào cũng u sầu, ảm đạm. Ông đi làm trên tỉnh, lâu lâu mới ghé nhà. Sức khoẻ của cô Ngọc sa sút nặng nề. Mắt cô mờ đi vì khóc quá dài ngày. Đôi mắt cô thâm quầng. Hai gò má nhô cao, hốc hác. Mái tóc đẹp như mây ngày nào giờ này chỉ còn là một mớ bùi nhùi sau gáy được túm gọn bởi sợi dây thun. Thân hình cô gầy tưởng chừng như chỉ cần một cơn gió khá mạnh là có thể thổi cô bay đi. Tuổi cô chưa đầy năm mươi, vậy mà nhìn cô, người ta thấy như cô đang ở sắc quá sáu mươi.

Thày Như có ba người đàn em thân tín thường tới, lui thăm hỏi, là ba tay cựu du kích tên Thuận, Bình và Xuyên. Ba người này là học trò ở Tam-Kỳ, đã cùng hai người nữa theo ông vào bưng từ năm 1960.

Thày Như thường kể truyện với người quen về vết sẹo khá lớn trên vai trái của ông là do một lần vào năm 1968 đơn vị của ông bị Biệt Động Quân Việt-Nam Cộng-Hòa phục kích. Lần đó Sáu Như bị bắn gãy tay, năm tên hộ tống thì hai chết mất xác.

Sau khi Việt-Cộng chiếm được Đà-Lạt, ông cất nhắc cho ba tên học trò sống sót làm những chức vụ quan trọng, tên Bình làm bí thư riêng, tên Thuận làm hậu cần, tên Xuyên vốn là thương binh, nên được giao cho chức chủ nhiệm một hợp tác xã rau trên Đà-Lạt.

Giữa năm 1977 ông nhận một người bà con của tên Thuận là cô Xuân vào làm thư ký riêng thay cho tên Bình chuyển ngành sang công an. Ông thương cô Xuân lắm, đi đâu cũng chở cô Xuân theo. Ông nói rằng ông coi cô ấy như con, vì cô ấy có vài nét giống bé Hạnh, tính tình cô ta cũng rất thùy mị, dễ thương, nhưng trên tỉnh, nhiều người xầm xì rằng cô Xuân là bồ nhí của ông Như.

Đùng một cái, giữa trưa ngày lễ Độc-Lập mùng Hai tháng Chín năm đó công an của Bộ Nội Vụ ập vào văn

phòng bắt tại chỗ ông Như và cô Xuân đang lõa lồ nằm ngủ với nhau trên giường sau bàn giấy của ông. Người ta chụp ảnh làm biên bản, rồi còng tay ông dẫn ra xe chở đi. Cô Xuân thì khóc lóc thảm thiết, khai rằng thủ trưởng Như đã hãm hiếp cô ấy nhiều lần trong văn phòng này. Cô ta nói, ông ta hăm dọa sẽ bỏ tù cả nhà cô, nếu cô hé răng cho người khác biết chuyện đồi bại này.

Được tin, cô Ngọc hộc tốc chạy lên Ty Công-An Tỉnh. Gặp cô, ông ta thề sống, thề chết với vợ rằng ông ấy bị cô Xuân và tên Thuận dụ dỗ cho uống thuốc mê, chứ ông hoàn toàn vô tội.

Tối hôm đó, cô Ngọc kể cho bé Châu nghe một điều từ lâu cô giữ kín trong lòng. Cô nói, thời gian sống trong mật khu, chồng cô đã nhắn cô vào thăm hai lần. Lần đầu là dịp cuối năm 1963 sau khi đảo chánh ông Diệm. Lần thứ nhì là giữa năm 1965. Cô Ngọc thương chồng hơn ai hết trên cõi đời này, nên cô ráng làm vừa lòng chồng, dù biết rằng việc vào mật khu là một sự mạo hiểm chết người. Cô vào rừng ở với chồng mỗi lần nửa tháng. Chồng cô muốn có đứa con trai, nhưng vợ chồng cô đã thất bại.

Sau đó cô Ngọc đi khám bác sĩ, bác sĩ cho biết kinh nguyệt của cô không đều, nên rất khó có con. Tới ngày chồng cô về thì cô đã hết khả năng sinh đẻ. Cô tắt kinh trước đó cả năm rồi.

Cô nói, chuyện đau buồn vừa xảy ra, một phần là do lỗi cô, chỉ vì cô đã không sinh được một mụn con trai, nên mới ra nông nỗi này!

Đêm đó bé Châu ngủ rồi, cô Ngọc vẫn còn ôm mặt khóc. Sáng hôm sau, cô Ngọc ngủ luôn không dậy. Cô đã uống hết cả một ống thuốc ngủ hai chục viên. Liều lượng ghi trên toa thuốc là tối đa một viên cho người lớn.

Trong thời gian thầy Như bị giam giữ thì tên Thuận đã bán hết nhà cửa xe cộ, rồi cùng cô Xuân dắt díu nhau đi đâu không ai rõ.

Sau đám tang cô Ngọc, người ta thả thày Như ra. Ông bị tước hết chức tước, quân hàm, nhưng không bị tù, vì họ xét trong chiến tranh "Chống Mỹ Cứu Nước" ông là một "anh hùng" của Lực-Lượng Vũ-Trang Nhân-Dân.

Về tới nhà, thày Như ra ngồi bên mộ cô Ngọc và bé Hạnh khóc vùi. Sáng ngày kế tiếp, ông ra bờ giếng mài con dao quắm, dắt vào lưng rồi bước ra cửa. Từ đó ông giáo Võ Như hóa điên, đi lang thang hết chợ Tùng-Nghĩa tới chợ Đức-Trọng, nằm bụi nằm bờ, không bao giờ bén mảng về nhà. Nhiều lần bé Châu đi tìm cha, nhưng ông không nhận ra em. Có cả chục lần em bị ông chém suýt chết, vì ông ta cứ lầm em với cô Xuân.

Sau khi rót ly nước trà mời tôi, bé Châu rầu rầu,

- Anh gặp em lần này chắc cũng lại chia tay ngay thôi. Đồ đạc trong nhà, em bán hết rồi. Em đã quyết định từ bỏ cái xứ này để trở về quê ngoại.

Tôi thắc mắc,

- Nhà cửa, công ăn việc làm của em ở đây. Em về Huế làm gì?

Bé Châu sụt sùi,

- Tháng trước, cơ quan kiểm kê ruộng đất của tỉnh có đến khu vực này để điều tra, cấp giấy tờ hợp thức hóa sở hữu điền địa để khai thuế. Người đứng tên làm chủ khu đất này là Ba. Dù em khai là con gái Ba, nhưng người ta không tin. Từ ngày Ba về, xảy ra hết chuyện này tới chuyện khác, đâu có thời giờ điều chỉnh lại giấy tờ? Tới nay em vẫn là Nguyễn Thị Hương, con ông Nguyễn Trường Giang, con bà Nguyễn Thị Mỹ. Em không đủ tư cách pháp lý để ở lại trong căn nhà này. Từ ngày Mẹ mất, em không đi đâu xa. Hết giờ dạy học, em lại về loanh quanh trong rẫy. Chẳng mấy chốc đã gần bốn mươi tuổi, em là cô gái lỡ thời rồi. Hai tuần lễ trước, có ông cán bộ già người Bắc góa vợ tới ngỏ ý xin lấy em. Ông ta hứa sẽ can thiệp cho em tiếp tục làm chủ mảnh đất em đang ở, nếu em nhận lời ông ta.

Anh ơi! Anh có tin rằng con người ta có số mạng hay không? Sao số em lại khốn nạn đến thế? Em có làm gì nên tội đâu anh? Sao ông trời nỡ đày đọa em như vậy? Mới đó mà hết tuổi xuân. Mới đó mà sắp qua một đời người.

Rồi bé Châu nói như khóc,

- Thôi anh về đi! Chúc anh chị và các cháu sớm tai qua nạn khỏi. Chúc gia đình anh vạn điều hạnh phúc! Anh về bình an!

Sáng Thứ Hai, tôi đi làm. Cô Nhi chờ sẵn trước cửa,

- Tối qua cô Hương có qua nhà, nhờ em nhắn với anh rằng sáng nay cô ấy đi sớm. Cô về Huế để xuống tóc đi tu. Cô ấy hứa rằng hàng ngày sẽ cầu nguyện cho gia đình anh được hạnh phúc.

Hôm nay thì mặt chị Phú đã hết nặng chình chịch, chị cười toe toét,

- Bà con mấy chục năm gặp lại mừng quá há?

- Không phải bà con đâu! Hàng xóm thời tiểu học của tôi đó! Xa nhau mấy chục năm trời mới gặp lại.

Chưa chi đã chia tay lần nữa.

Khoảng mười giờ sáng, chú Lượng ghé tiệm, báo tin vui,

- Anh về làm hồ sơ đi Mỹ là vừa. Các quận ở Sài-Gòn bắt đầu nhận đơn rồi đó.

Cô Nhi tròn mắt,

- Anh Hai là sĩ quan chế độ cũ hả? Anh nói tiếng Bắc rặt như người ngoài Bắc mới vào mà! Anh Lượng nói thiệt hay nói chơi vậy?

- Chuyện này ai mà nói chơi!

Ăn cơm trưa xong, tôi giã từ ngã ba Phil-Nôm về Đức-Trọng thu xếp hành lý.

Sau bữa cơm chiều, tôi chào tạm biệt vợ chồng bà chị họ, rồi ghé nhà anh bạn Lượng tốt bụng, để bắt tay cám ơn, nhưng Lượng vắng nhà. Tôi lững thững tản bộ về hướng chợ để kiếm xe vận tải quá giang về Sài-Gòn.

Mặt trời xế bóng, chợ chiều đã tan.

Trước cửa tiệm trà, một người điên đang múa may. Bộ tịch của ông trông giống một vai hề trong vở tuồng hát bội. Mặt mày ông ta lem luốc, bẩn thỉu. Hai môi sưng vều. Ông già kẹp một cái nón mê bên nách trái. Tay phải ông cầm một con dao quắm, cán dao dài chừng hai gang. Đầu ông đội một cái mũ lưỡi trai bộ đội có phù hiệu Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam. Ông mặc cái quần kaki cũ bết bùn đất bẩn thỉu xăn tới đầu gối, và cái áo bộ đội rách xác xơ. Trên nắp túi áo, lủng lẳng một mớ huy chương. Căn cứ theo bộ dạng, và giọng nói của ông ta, tôi đoán tuổi ông chừng trên, dưới sáu mươi.

Bước tới hai bước, người điên hét,

"Tao chém mày! Cái thằng phản thày!"

Ông quơ con dao chém một nhát vào không khí. Ông nhe hàm răng xám xịt, cái mất, cái còn, cười hì hì.

Ông lùi hai bước, hét,

"Tao xử tử mày! Cái đồ phản bạn!"

Ông nhặt cái nón mê chùm lên trên cái mũ lưỡi trai, đưa hai tay kéo vành nón xuống phủ tai, rồi chu miệng hú một hơi dài.

Tiếp đó, ông ngồi xẹp xuống đất, lột nón mũ ra, ngước mặt lên trời, đôi mắt lờ đờ như mơ màng thả hồn đi tận đâu đâu. Khi ông già điên ngửng mặt nhìn lên, tôi chợt thấy đôi lông mày của ông ta, đôi lông mày xếch ngược.

Chòm râu bạc lưa thưa, mái tóc rối bù xù, cùng với bộ lông mày xếch, khiến khuôn mặt lem luốc của người điên thêm phần man rợ, dữ dằn.

Ông già quay ngược cán dao, ôm cây dao quắm như ôm cây đàn. Năm ngón tay sần sùi của ông run run, lần mò trên cán dao, như đang bấm cần đàn, miệng ông ngân nga,

"Đồ... Sol... Fa... Mì... Fa... Lá... Sol..."

Qua điệu nhạc, tôi nhận ra, đó là đoạn mở đầu của bài

“Chiều Về Trên Sông”.

Hết khúc đàn tưởng tượng, người điên ôm mặt khóc,

“Em ơi! Không phải tại anh! Em ơi! Đừng bỏ anh! Em ơi! Em ơi!...”

Tiếng ông khóc nghe nghẹn ngào bi ai lạ lùng!

Nếu không biết tiếng khóc đó phát ra từ miệng một người điên, người nghe có thể bị tiếng khóc làm cho mủi lòng rơi nước mắt.

Sau năm 1975 quê hương tôi đã xảy ra không biết bao nhiêu chuyện lạ đời. Giòng đời như giòng nhạc, những nốt thăng trầm là phần số của con người.

Nghĩ tới những gì đã xảy ra trong thời gian qua, lòng tôi chợt thấy xót xa. Tôi khe khẽ xướng âm đoạn chót của bài ca người điên vừa hát,

“Mì... Sòl... Đô... Là... Đô... Mí... Đồ... (Là)... Đô...”

Bản nhạc năm xưa còn đó, nhưng thế sự đã đổi thay, con người cũng đổi thay.

Tôi thở dài, quay gót.

Trước mặt tôi là Quốc lộ 20 buồn thiu.

Sau lưng tôi là sân chợ chiều vắng ngắt.

Vương Mộng Long

Seattle, ngày 20 tháng Ba năm 2011

Em Đến Thăm Anh.

(Nhớ đến ngày tù ở Sông Bé)

Em đến thăm anh thật bất ngờ
Mai về cho anh gởi ước mơ
Nói chi thêm nữa tình đầu gió
Một nửa đời nhau đã hẹn hò

Mai về mắt biết người ở lại
Em có ngại ngần bước lối qua
Đêm trăng thành phố mờ kỷ niệm
Nhưng núi rừng đây xa rất xa

Còn chút tình xanh từ sâu thẳm
Em đến thăm anh đủ tơ sầu
Mai về cho anh gởi lời nhắn
Rừng thương lá rụng cũng từ lâu

Anh biết em thân gái dặm đường
Một mình dáng liễu chốn tha phương
Mai về em nhớ đừng trở lại
Hoa nở giữa đời lạ nhiễu nhương

Mai về em có nhớ gì không
Đường xa bụi vướng gót chân hồng
Lá bay theo nhớ ngày em đến
Mà giọt nắng chiều còn dấu mong

Em đến thăm anh thật bất ngờ
Ngày mai không biết còn chăng nữa
Nhìn nhau trong mắt hình như nói
Nhiều hơn anh đã có lần mơ.

Lê Anh.



Phượng hồng vào Hạ

Khi những cánh phượng thắm được thắp đỏ bầu trời như những mâm xôi gấc mùa cưới, khi những tiếng ve sầu kêu ra rả trên các hàng cây như một điệu nhạc buồn báo hiệu mùa chia ly gần kề, rồi những bài ca về Hè lại vang vọng khắp nơi nơi:

"Mỗi khi đến hè lòng man mác buồn,
Chín mươi ngày qua chứa chan tình thương,
Màu hoa phượng thắm như máu con tim,
Mỗi lần hè thêm kỷ niệm, người xưa biết đâu mà tìm..."

thì tự dưng lại thấy lòng mình mang mang một nỗi nhớ về một thời tuổi trẻ, tuổi học trò.

Hạ về, kỳ nghỉ hè đã đến, với tất cả chúng ta ai đã chẳng từng một lần qua thời làm học sinh, để rồi có một chút gì đó trong tâm tưởng khi nghĩ về những ngày tháng còn cắp sách tới trường. Những ký ức nằm sâu thăm thẳm

trong tim, những tình cảm thơ dại ngày nào, chợt như sống lại đâu đây trong tiếng ve buồn vời vợi, chợt như nghe hồn mình chùng xuống theo những cánh phượng hồng dĩ vãng, lả tả rơi trong nắng Hạ.

Ngày xa xưa đó, thời học trò mới đẹp làm sao! Và mùa Hè mới thích thú làm sao:

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã điểu
Đàn chim non hớn hở rủ nhau về
Chín mươi ngày nhảy nhót ở đồng quê
Ôi, tất cả mùa Xuân trong mùa Hạ...
(Xuân Tâm)

Mặc dù khí hậu mùa hè rất là nóng, nóng đến cả "nước mắt cũng bốc hơi"

Hôm nay nóng quá, nắng bừng sôi
Nước mắt hình như đang bốc hơi
Ta sẽ trở về hay bước tới
Về đâu? bước tới cũng buồn thôi
(Trần Vấn Lệ)

Mùa hè tới cũng là mùa thi cử, các cô cậu sĩ tử bao nhiêu ngày tháng văn ôn, võ luyện, giờ đã đến lúc phải tung hoành ở trường thi để kiếm cho mình một tấm bằng làm hành trang vào đời vì chẳng ai muốn "Rớt tú tài anh đi trung sĩ"cả. Đâu đâu người ta cũng nghe vang vang lên những điệu nhạc mùa thi:

"...Thi ơi là thi, sinh mi làm chi, bay ồn ào, bám nghẹn ngào buồn vui vì mi..." (không nhớ tên tác giả).

Đậu hay rớt chỉ một thời gian ngắn, sau kỳ thi này, đời học sinh sẽ lật sang một trang khác. Một số người còn tiếp tục được cắp sách đến trường, nhưng còn những người kém may mắn hơn sẽ phải lao mình vào cuộc sống đầy dẫy cam khổ, bon chen của cuộc đời mà cảm thấy:

Tôi sợ ngày mai tôi sẽ lớn
Xa cổng trường khép kín với thời gian
Sợ phượng rơi là nỗi nhớ bàng hoàng
Sợ phải sống trong muôn vàn nuối tiếc
(không biết tên tác giả)

Rồi có những người trai lên đường theo tiếng gọi non sông mà:

Sách vở giảng đường thành dĩ vãng
Những chàng trai dệt mộng muôn phương
(Nguyễn mạnh Trinh)

Và những người con gái sẽ nghe thấy lòng mình buồn buồn, một nỗi buồn không tên khi:

Không có anh lấy ai đưa em đi học về
Lấy ai viết thư cho anh mang vào lớp...
(Nguyên Sa)

Nghỉ hè gần tới, hầu như những sinh hoạt của trường nào cũng giống như trường nào, như rộn rã hẳn lên, chỗ nào cũng có những màn tập dợt văn nghệ, cũng phát hành kỷ yếu, cũng trao đổi lưu bút và dán vào đấy những tấm hình đẹp nhất của mình để tặng bạn, cùng ghi xuống một vài cảm nghĩ, tâm tình thơ dại hay một vần thơ do chính mình sáng tác hoặc mượn đỡ thơ của ai đó như câu thơ mà nhà khoa học gia Dương Nguyệt Anh đã dùng, thì kẻ viết bài này cũng được cô bạn sử dụng, đề dưới tấm hình của cô ấy tặng trong cuốn Lưu Bút ngày xanh:

Yêu nhau xin tặng ảnh này
Xin đừng xé bỏ đau lòng bạn thân

Không hiểu hai câu thơ chẳng đúng niêm, đúng luật này xuất phát từ thi sĩ nào nhưng chắc chắn là chỉ từ trong đám học trò mà thôi và nó lại được dùng nhiều nhất, có lẽ câu thơ đã nói lên được tâm tình của các cô cậu học trò lúc bấy giờ.

Còn một hoạt động nữa cũng sôi nổi không kém đó là thi đua làm bích báo trong toàn trường giữa các khối lớp. Đây cũng là dịp để các văn, thi sĩ mầm non trổ tài, rồi trăm hoa đua nở rộn rã trên những tấm bảng treo quanh sân trường. Cô cậu nào có bài được đăng trên bích báo là mặt mũi cứ vênh vênh, váo váo lên, ra vẻ ta đây cũng là một đại thi hào, đại văn sĩ lắm lắm.

Sau cùng, để giã từ thầy cô, giã từ bè bạn, giã từ ngôi trường thân yêu, nơi đã cho mình được sống một thời đẹp

nhất của đời người, sẽ được kết thúc bằng một buổi tiệc liên hoan, một buổi tiệc mà nước mắt nhiều hơn nụ cười, nhất là ở những lớp năm cuối của bậc trung học:

Ngày cuối cùng sao lớp học buồn tênh
Chẳng ai nói một lời ngoài nước mắt
Chỉ nhìn nhau trong nỗi buồn se sắt
Và nếu cười, gượng gạo nụ cười thôi
(T – T)

Biết bao kỷ niệm của những năm tháng mài đũng quần trên ghế nhà trường bên nhau, làm sao có thể quên, rồi thấy nhớ, nhớ đến tự dưng muốn khóc:

Buổi học cuối cùng ta và bạn có nhau
Những đôi mắt thoáng buồn biết nói
Trong đôi mắt có bao điều muốn hỏi
"Xa trường rồi bạn có nhớ mình không?"
(Tác giả tên Trang)

Câu hỏi cũng là câu trả lời, vì:

Kỷ niệm đẹp làm người ta phải nhớ
Kỷ niệm buồn thì chẳng thể nào quên
(T – T)

Làm sao có thể quên được ngôi trường thân yêu vẫn còn đấy, với thầy cô, bè bạn ngày nào, có níu kéo lại được những ngày tháng thần tiên đã qua đi không, chắc hẳn là không, nên Trần Mộng Tú đã phải thẫn thờ nuối tiếc những thời gian ngọt ngào đã mất:

Tôi vạch một đường trên trang giấy
Kéo thời gian lại với tuổi tôi
Kéo trường, kéo lớp thời xưa cũ
Kéo cả quê hương ở cuối trời
Chốc nữa khi ngồi trong lớp học
Thầy vẽ tương lai trên bảng đen
Em có để hồn ngoài cửa lớp
Bụi phấn bay theo mỗi cánh chim
Tôi vạch một đường trên trang giấy
Mùa thu xưa bỗng lạnh quanh đây
Dĩ vãng khô như bình mực cạn

Tiếng trống rung trong bộ ngực gầy

Tuổi học trò là cái tuổi đáng nhớ của một đời người, nó ngọt ngào làm sao, nó dễ thương làm sao! nhất là thời gian lúc còn ở trung học. Vào tuổi này, tâm hồn đã biết mơ mơ, mộng mộng và đôi khi cũng thấy hồn mình "... mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây..". để rồi đó đây trong sân trường thấp thoáng một vài mối tình, những mối tình học trò ngọt ngào, nên thơ và trong sáng vô cùng. Những mối tình như những cơn mưa mùa Hạ, đến thật bất ngờ và cũng bất ngờ tạnh hẳn:

Chưa nhung nhớ mà chia tay vội vã
Chưa yêu thương đã nghe ướt bờ mi
Mình xa nhau khi tình vừa chớm nở
Hẹn hò rồi chưa gặp đã chia ly
(T – T)

Mùa hè đến mang theo nó sự chia ly, buồn bã cho những kẻ yêu nhau thắm thiết. mà càng thắm thiết thì lại càng buồn nhiều hơn. Xuân Diệu đã phải thốt lên:

Lâu lắm em ơi, tháng rưỡi rồi
Sao nhiều xa cách thế em ơi
Sớm trông mặt đất, thương xanh núi
Chiều vọng chân mây, nhớ tím trời

Ái chà, cái nhà ông thi sĩ này, mới có một tháng rưỡi xa nhau thôi mà đã rên như vậy, nhưng nghỉ hè tới ba tháng thì làm sao sống nổi đây? thôi thì ông đành tự an ủi mình vậy:

Có ai định nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây mờ nhẹ, gió hiu hiu.

Và Xuân Diệu biết yêu là sẽ mang nhiều đau khổ, nhưng khốn nỗi lại không thể không yêu:

Đời dễ có mấy ai từng hiểu rõ
Chữ tình yêu khó tả làm sao
Biết rằng yêu là chuốc lấy khổ đau
Nhưng cứ chọn để rồi đau đớn

Yêu thì cứ yêu, buồn thì cứ buồn, mà xa vẫn phải xa:
Xa nhau gió ít, lạnh nhiều
Lửa khuya tầu chậm, mưa chiều đổ nhanh
(Trần huyền Trân)

Nỗi buồn đâu chỉ dành riêng cho những kẻ yêu nhau, mà nỗi buồn cũng đến với cả những mối tình đơn phương một chiều. Buồn lắm, buồn đến nỗi Hoàng Anh Tuấn trong "Còn lại" phải than rằng:

Tay vụng quá nên thư không viết nổi
Mực trong bình như cẩm thạch ngẩn ngơ
Giấy trắng tinh đem bóc nhẹ từng tờ
Tàu bay giấy nhẹ nhàng bay ra cửa
Em nguyên vẹn là bài thơ bé nhỏ
Anh còn nguyên là một kẻ yêu em...

Và chàng trai si tình Đỗ Trung Quân đã phải ngậm ngùi với "Chút tình đầu":

Mối tình đầu của tôi là anh chàng tội nghiệp
Mùa Hạ leo cổng trường khắc nỗi nhớ vào cây
Người con gái mùa sau biết còn có gặp
Ngày khai trường áo lụa gió thu bay
Rồi ngẩn ngơ nhìn theo những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng:
Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng
Em chở mùa hè của tôi đi đâu
Chùm phượng vỹ em cầm là tuổi tôi mười tám
Thuở chẳng ai hay, thầm lặng-mối tình đầu...
Và thẫn thờ khi:
Mối tình đầu của tôi có gì?
Chỉ một cơn mưa bay ngoài cửa lớp
Là áo người trắng cả giấc ngủ mê
Là bài thơ cứ còn hoài trong cặp
Giữa giờ chơi mang đến lại... mang về

Mối tinh đầu đó có mấy ai được trọn vẹn, mùa Hạ đến rồi, chúng mình hai đứa hai nơi, rồi ngày khai trường trở lại, người xưa có còn đó hay không, hay chỉ còn có nỗi buồn

mênh mang trong mưa Thu, nỗi nhớ hắt hiu trong gió heo may lành lạnh thổi về:

Nhớ ngày nào tan trường về chung lối
Mắt thuyền sương nghiêng nón ngất ngây đời
Lòng trao lòng cho tình vút lên khơi
Cho ngon màu trìu mến ướt lên môi
Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc
Áo nàng xanh anh mến lá sân trường
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương
Anh pha mực cho vừa màu áo tím
(Màu kỷ niệm- Phạm đình Chương)

Giờ đây tình yêu đã không còn, người yêu đã xa vời chân mây, người ở lại nghe lòng mình tái tê trong tiếng ve buồn vời vợi:

...Tiếng ve nức nở buồn hơn tiếng lòng
Có ai còn nhớ đến ân tình không
Đường xưa in bóng hai đứa nay đâu
Những chiều hẹn nhau phút đầu,
Giờ như nước trôi qua cầu.
(Nỗi lòng hoa phượng- Thanh Sơn)
Buồn ơi là buồn! Buồn đến não lòng đi được.

Là con gái, thời nữ sinh tà áo trắng bay bay, ai chẳng có một hay vài cái đuôi đi theo lúc tan trường:

Mây vào áo lồng lộng bay chiều gió
Lụa trắng trong e ấp buổi hẹn hò
Sợi mi cong tưởng chập chùng hơi thở
Tóc ai dài buông xõa những câu thơ
Thành phố ấy, mấy ngã tư đèn đỏ
Ai chờ ai khi kẻng đánh tan trường
Bài thơ trao còn nguyên trong cuốn vở
Thuở ngại ngùng lần bước đến yêu thương...
(Nguyễn Mạnh Trinh)

hay như anh chàng Bùi Thanh Tuấn đi theo mãi một cái đuôi của mình:

Hôm nay anh mặc sơ mi trắng
Tập đứng chờ em trước cổng trường

Thành phố bây giờ nhiều bụi bẩn
Anh đang yêu nên ngỡ là sương...

Chiều nay anh đứng tần ngần, nhớ
Nào có em nào tan trường trưa
Chỉ có một gã khờ tội nghiệp
Tìm mãi một tình yêu dưới mưa

Tôi còn nhớ, hồi đó tôi học ở một trường tư, nam nữ có hai khu riêng biệt. Có một thời gian ngắn, trường bên phía nam sinh cần sửa chữa nên ban giám hiệu đã dồn một số học sinh sang bên khu lớp của nữ sinh, và chúng tôi phải học chung lớp. Những dãy bàn trên thì dành cho nữ sinh, nam sinh phải ngồi ba dãy bên dưới và dĩ nhiên trưởng lớp và phó lớp là nử sinh. Bên nam sinh phản đối dữ dội vì không có chuyện gà mái mà hơn gà cồ được, cho là học nhờ lớp nhưng dù sao để bị nữ sinh nắm đầu thì quả là mất mặt bầu cua quá, không được:

_Con gái chân yếu, tay mềm mà đòi làm trưởng lớp sao được, yêu cầu thày cho bầu lại"

_ Ơ, vớ vẩn nhỉ, học ké mà còn bày đặt đấu tranh với chả tranh đấu, thôi "gối rơm theo phận gối rơm đi, có đâu dưới đất mà chồm lên cao" vậy, các em ơi!

_ Con gái sao mà chanh chua thế, coi chừng "chống ề" cả đám bây giờ!

_ Này, này đừng có mà dzô dziêng nghe, con trai gì mà ... mà...khế chua gớm.

Cãi nhau hoài thì chả giải quyết được gì lại mang tiếng chanh chua, khế chua. Tuị tôi bèn làm một màn là bầu người đẹp nhất lớp, nhất trường làm trưởng lớp, không lẽ dành với người đẹp sao? thế là các anh chàng đành ngậm bồ hòn làm ngọt, ngoan ngoãn nghe lời chị trưởng lớp thôi, để rồi chị trưởng lớp vốn sẵn có một cái đuôi dài thoòng, những cây si, bây giờ lại càng dài thêm nữa và những ngăn bàn trong lớp lại có dịp được làm ông phát thơ, phát quà mang những lá thơ tình học trò mầu tím, mầu xanh, mầu hồng, những chùm hoa ép trong tấm thiệp nhỏ và đôi khi có cả

những gói ô mai me quyến rũ đến chết người:

Lá thư nhỏ anh để vào ngăn kéo
Gửi cho em, anh mong đến ngày mai
Đừng xé bỏ, trả lời anh, em nhé
Đừng bắt chờ hoài, nhe bé mắt nai
(T – T)

Lá thư gửi đi rồi mà chẳng có hồi âm:

Ai bảo nhớ, bảo dành cho em hết
Anh tìm em mắt cứ nhóng lên trời
Câu thơ viết tan vào mây ngũ sắc
Cuối sân trường, vô vọng, xác ve rơi
(Tuổi học trò- không biết tên tác giả)

Thế rồi chỉ còn biết làm cái đuôi đi theo người ta mà không dám nói gì

Rồi một ngày như thế, rồi một chiều như thế
Anh vẫn chờ áo bay
Và một ngày như thế, và một chiều như thế
Ôi trông đợi ngậm ngùi
(bài hát Tan trường)

Mà người con gái sao cứ "vô tình thế":

Em bên lề này, anh bên kia
Song song một lối buổi đi về
Mà sao áo trắng vô tình thế
Nỡ để lòng anh nỗi tái tê.
(T- T)

Người con gái ấy không vô tình đâu, chỉ vì:

Này đừng theo tôi nói nữa ông ơi
Bước chân tôi lại cuống quýt rồi
Đã từ lâu thấy ông cùng lối
Nhưng giả vờ không biết đó thôi
(Tuổi học trò – Không biết tên tác giả)

Có mấy mối tình "Ông, Tôi" dệt nên mộng đẹp hay chỉ là như những cơn mưa mùa Hạ, chợt đến rồi đi, để thấy bùi ngùi trong tim khi nghe tin tà áo trắng ngày nào, sang ngang nơi bến lạ:

Vầng trăng hé trên đồi,

Nhìn em khóc, em cười
Mùa thương đã tan đầy
Vùng trời xa xưa đó
Còn không tiếng em cười,
Còn không tóc em dài
Còn đây những kỷ niệm
Chứa chan không bao giờ quên.
(Ngày nào em lấy chồng- Lê Đức Long &Trúc Sinh)

Chiều nay hè lại về trên vùng đất xa lạ, không phải nơi quê hương yêu dấu ngày ấy, không có phượng hồng đỏ thắm "như máu con tim", nhưng những tiếng ve rỉ rả buồn buồn cũng làm lòng thấy nhớ đến ngày xưa thật nhiều, nhớ những cơn mưa chợt đến, chợt đi, nhớ những ngày nắng hè gay gắt, nhớ những xác ve sầu khô bám trên những cây me đầy lá xanh, hay nhớ những cánh phượng đỏ bay bay trong gió chiều. Nhớ... nhớ thật nhiều, một nỗi nhớ mênh mông trải dài và nhất là nhớ đến những ngày tình yêu vừa chớm nở, anh đi hành quân về, áo chiến y còn vương mùi khói súng, đến đón em tan trường, hai đứa tay trong tay, đi bên nhau trên con đường ngập hoa phượng hồng rơi, mà nghe hạnh phúc lâng lâng đâu đây trong nắng Hạ vàng.

Mùa Hè của những ngày Saigon dấu yêu xưa nay không còn nữa, chỉ còn lại nỗi nhớ thiết tha về một khung trời kỷ niệm đầy dấu yêu thôi:

Xin trả cho tôi nắng Sàigòn
Thênh thang đường phố lụa Hà Đông
Xin trả cho tôi mưa ngày ấy
Và trả cho tôi cả cuộc tình
(Hoàng Lan Chi)

Tường Thúy K20B
Tucson – AZ -2011



Tội Nghiệp

Thu Nga K18B

Tiếng nói của đứa cháu từ Việt Nam làm tay tôi ngừng lại nửa chừng trên keyboard của chiếc máy computer:

- Mộ của ông nội nằm ở chỗ rất thấp nên nước lúc nào cũng ướt sũng cô à!

Tôi nhíu mày cố nhớ lại vị trí của ngôi mộ:

- Vậy có ai săn sóc mộ ông nội không? chú Tuấn nói chú là người săn sóc...và hàng năm cô đều có gởi tiên về cho chú lo nhang khói mà?!

Tiếng nói của Hùng có vẻ thật buồn:

- Cô biết không, lần rồi con về, con tới thăm chú trước khi đi thăm mộ ông nội, lúc ấy chú mới ra chợ mua một bộ đồ bằng giấy, chú nói chú cũng định ra mộ ông nội thắp nhang...Tới nơi thấy hoàn cảnh cái mộ, con biết chú không hề tới cô à...nắng lên nhưng nước vẫn xâm xấp, có nghĩa là nơi đó bị nước đọng, cô có nhớ chỗ mộ ông nội không?....

Có, tôi nhớ, ngôi mộ thật thấp và tôi đã hỏi Tuấn xây lại tốn bao nhiêu và sau đó tôi có gởi tiền về để lo việc này, nhưng như vậy là công việc không được Tuấn tiến hành như lời hứa. Tôi hình dung lại cái nắng chói chang, chiếu gay gắt trên đầu, trên mặt của chúng tôi và vì phải đi bộ khá xa, từ nhà Tuấn tới đây. Mồ hôi mồ kê tất cả mọi người, giọt từ trán xuống mặt, từ cổ xuống lưng nhơm nhớp, rin rít, rất khó chịu. Phần sau cổ tôi rát bỏng. Tuấn chỉ cho tôi khu nghĩa địa gần phía xa xa, muốn qua ấy phải băng qua một con lạch với chiếc cầu làm bằng một 2 cây tre cột túm với nhau. Cô Đượm, mạ của Tuấn, có lẽ tuổi ngoài 60 mươi, người đen đúa nhưng có vẻ rắn chắc, có lẽ đã quen nên bước thoăn thoắt với cây sào chống xuống nước. Cô có vẻ tự nhiên lắm. Các cháu tôi tuy sợ nhưng cũng đi qua tới bên kia. Tôi lung túng, như chực chờ ngã xuống giòng nước đục dơ, chẳng hiểu có giống vật gì bên dưới như cá sấu, rắng rít hay không, sợ quá không dám qua. nhưng cuối cùng không biết làm thế nào mà tôi cũng qua được. Nắng vẫn đổ gay gắt, khi tới nơi thì mọi người cũng mệt nhòai

Hùng tằng hắng lấy giọng khi không nghe tôi lên tiếng:

- Con biết nói ra cô sẽ buồn, nhưng khi con chạy xe ngang qua Huế, lúc nào con cũng ghé đến mộ thắp nhang cho ông nội. Thường thường những ngôi mộ được chăm sóc là cô biết liền...đằng này, cỏ lên thật cao gần che lấp ngôi mộ, mà nước thì lúc nào cũng xâm xấp ...tội ông nội ghê!

"Tội ông nội ghê" thằng cháu buông một câu nghe như một chấm than buồn! Mộ của ông nội cháu, tức là mộ của ba tôi. Tôi cố hình dung khung cảnh nơi có ngôi mộ của ba tôi mà cách cháu đã cùng tôi đi đến lần thứ nhất trong chuyến tôi về Việt Nam trong đám tang của anh tôi tại Bà Rịa, rồi sau đó cô cháu cùng thuê xe ra Huế tìm mộ phần của ba. Chú Tuấn và cô Được đã dẫn chúng tôi đến một khu đồi nghĩa địa có chi chit mộ bia, to có, nhỏ có. Những chiếc mộ lớn, xây cất chắc chắn có chạm trỗ rồng, phụng, có trụ cột sang trọng, hoặc những cái xây thấp hơn nhưng cũng có vẻ kiên cố là nơi giồng họ Võ Quang của ba yên

nghĩ. Giòng họ có vẻ lớn vì rất nhiều ngôi mộ mang tên "Võ Quang" còn những mộ khác họ, có lẽ là của vợ hay chồng của những người trong tộc họ này. Nhưng mộ của ba tôi, tuy cũng mang họ "Võ Quang" nhưng lại được chôn một khu thấp hơn, cũng có nhiều ngôi mộ nhỏ chung quanh. Các cháu và chú Tuấn sục sạo một hồi, vẹt cỏ ra mới tìm thấy được. Cháu Hùng không nén nổi cơn xúc động quỳ xuống trước mộ ông nội khóc thảm thiết, các cháu Lan, Hoàng, Huy cũng ngồi xuống khóc theo. Chân tôi cũng tự nhiên như khụy xuống. Cháu Lan đỡ tôi ngồi bên cạnh. Lòng tôi như có dao cắt. Tôi, đứa con bất hiếu đã bỏ ba má ra đi, ba mất không thấy mặt, mạ mất cũng không thấy mặt và bây giờ về cũng không kịp nhìn mặt người anh duy nhất lần cuối .

Chú Tuấn và cô Đượm cũng buồn bã ngó mông lung quanh nghĩa địa. Một người đàn ông có vẻ gầy gò mon men lại gần, giọng ông khan khan đặc sệt tiếng Huế "Tôi biệt ôn ni, ôn khạng khại lắm", tôi tính hỏi ông ba tôi đã khẳng khái như thế nào, thì ông nói tiếp "Ôn nợ hay ra đây ngồi nọai chuyện đời vợi tui, ôn không ưa mậy ông cạch mạng, ôn chựi lung tung", ông chép miệng:" nhưng ôn chệt tội nghiệp rựa thê!"

Khi cháu Hùng dùng tiếng tội nghiệp, tôi lại hình dung ra người đàn ông khốn khó đó, tôi nhớ không lầm thì ông ta nói ông ta làm nghề chăn vịt, tại nghĩa địa của giòng họ Võ Quang. Tội nghiệp! ba của tôi mất đi trong hòan cảnh tội nghiệp và nấm mộ của ông đến bây giờ cháu Hùng kể vẫn nằm cô đơn chơ vơ tội nghiệp. Tôi hỏi người đàn ông có giọng nặng nề khan đục thêm vài điều, nhưng ông chỉ biết có bấy nhiêu, vì có lẽ, ông chỉ gặp ba ba tại nghĩa địa này, và nghe ba chửi Việt Cộng, khi ba nổi giận, chớ ông không biết gì hơn. Nhưng sau đó, tôi vẫn ước ao phải chi tôi có dịp gặp lại ông lão chăn vịt để nói chuyện thêm, mặc dầu trong thâm tâm đã biết rõ, ông không có gì hơn để kể, nhưng ít ra ông cũng là người đã biết, đã thấy ba, khi người còn sống.

Tuấn là em họ của tôi theo trong gia phả. Tuấn ở chung

với cô họ tôi là cô Đượm, Tuấn nói vợ con phải đi xa để buôn bán, cả tháng mới về một lần. Tuấn đem cô cháu tôi đi thăm ngôi từ đường, cũng gần đó. Người giữ từ đường là một ông già, có lẽ đã 80 hay hơn, cũng có thể không tới, tên Thể, mà theo gia phả, tôi gọi bằng chú. Chú Thể đi tập kết, sau khi Cộng Sản vào miền Nam, chú vào theo và chiếm giữ từ đường (sau này tôi mới biết rõ)

Ngôi từ đường cũ kỹ, nhưng cũng có sân trước lót gạch khá sạch sẽ. Bên trong là những bàn thờ cũ kỹ, những tấm ảnh đã phai màu, có cả bàn thờ của ba tôi. Cô cháu chúng tôi thắp nhang trước bàn thờ và khóc. Phòng ngòai cũng đơn sơ vài chiếc ghế và chiếc bàn chữ nhật bằng gỗ trầy trụa. Tôi nhìn lên tường, những bức hình trắng đen cũng cũ không thua gì bộ bàn ghế. Theo hướng nhìn của tôi, chú Thể, con mắt hấp hem, gương mặt xương xẩu, răng hô, có vẻ hãnh diện khoe đó là các liệt sĩ có công với nhà nước. Chú chỉ vào ngực chú và khoe chú cũng có thành tích 32 năm cách mạng, một người trong bức hình "liệt sĩ" treo trên tường là em gái của chú

Có lẽ bây giờ chú Thể cũng đã đi theo những liệt sĩ, bà con họ hàng của chú mất rồi . Những liệt sĩ này đã có mặt ở ngôi từ đường khi ba tôi về lại Huế chăng? và họ đã đối xử như thế nào với ba? Có lẽ không được tử tế lắm nên ba mới có những lơi mà người chăn vịt cho là "khẳng khái" và có phải vì vậy mà ba hay ra ngoai nghĩa địa thăm viếng ngươi chết hơn là gặp mặt đám ngươi sau khi chết được vinh danh liệt sĩ?

Biết tôi buồn, cháu Hùng nói:

- Cô à, con tính xin phép cô làm việc này, là con sẽ ra Huế, đem hài cốt của ông nội vào đây, chôn cất cùng một chỗ với bà nội và ba của con...Để ông nội nằm ngòai đó một mình tội nghiệp ông nội"

Thằng cháu lại dung chữ "tội nghiệp", và tôi hình dung ra ngôi mộ tội nghiệp nằm rất xa những ngôi mộ đồ sộ trong giồng họ Võ Quang. Tôi chưa kịp hỏi thêm, cháu Hùng nói tiếp:

- Cô à, cô nhớ nơi nghĩa địa chôn bà nội và ba không?"

- Nhớ chớ, mà sao con?"

- Họ sắp giải tỏa khu nghĩa địa đó rồi!

Tôi giật mình vì tin "giải tỏa nghĩa địa" sao nghe quen quen. Đó là những bản tin nghe từ trong nước đưa ra, nay thì giải tỏa khu đất người sống để đọat nhà, khi thì giải tỏa nghĩa địa để cướp đất

Tôi nhớ tôi và chị Quyên đã ngồi trên xe đạp của các cháu đem nhang đèn, hoa quả khi đi thăm mộ anh Quang. Phải luồn qua, lách lại một con truông dài mới tới khu nghĩa địa. Nơi đây, mạ tôi và anh tôi yên giấc ngàn thu. Lòng tôi quặn thắt, mạ tôi mất khi tôi vừa di tản qua Mỹ vài năm, tôi không về được. Anh Quang bệnh nặng, tôi đã mua vé, nhưng anh không chờ tôi lại mất trước khi tôi đặt chân lên phi cơ, tôi cũng không nhìn được mặt anh lần cuối và anh cũng không còn cơ hội nhìn đứa em gái duy nhất sau mấy chục năm trời! Tôi đã quay quắt với ý nghĩ "phải chi tôi có thể quay ngược thời gian, tôi sẽ về thăm anh sớm hơn, viết thư cho anh nhiều hơn hay tìm cách nói chuyện điện thọai với anh sớm hơn!". "Phải chi", 2 chữ quái ác mà người ta lúc nào cũng chỉ mong muốn khi không còn dịp nữa .

Cháu Lan đốt nhang cho cả những mộ chung quanh và nói:

- Không biết mộ của ai cô à, nhưng lúc nào tụi con cũng thắp cho họ khi tới đây. Tội nghiệp! không ai nhang khói!

Tôi chợt trầm ngâm tự hỏi: những người đó là ai? Khi còn sống họ làm gì? ở đâu? thân nhân họ giờ trôi giạt phương nào. Nếu lỡ sau này có chuyện gì xảy ra cho gia đình chị dâu và các cháu, có ai sẽ thắp một nén nhang cho mộ mạ tôi, anh tôi hay không? Các cháu còn cho biết là còn phải "hối lộ" cho những đứa trẻ chăn trâu, chăn bò hay lang thang trong khu nghĩa địa để kiếm thức ăn người ta cúng, nếu không, nhang chưa tàn, vừa quay lưng đi là chúng sẽ hốt hết nhang đèn, hoa quả. Tội nghiệp cho người chết, và cũng thật tội nghiệp cho người sống dưới chế độ Cộng Sản!

- Cô! Cô còn đó không?

- Ừ cô đây? Sao vậy? tại sao lại giải tỏa, rồi đem hài cốt đi mô?

- Dạ, con đã tìm ra được một nơi đê di chuyển mộ của bà nội và ba rồi, con sẽ đem hài cốt ông nội về đây chôn gần bà nội và ba, để tụi con có thể lui tới được, còn ở Huế xa quá, vài tháng một lần, con mới đi ra ngòai đó...mà chú Tuấn thì chắc không săn sóc được...Cô à, mộ của ông nội không ai săn sóc, trên cái bia thì tên và ngày chết cũng không đọc rõ. Con hỏi chú Tuấn ông nội chết ngày nào chú cũng không nhớ

- Sao lại vậy được, hồi đó cô thấy có bia mộ mà, sao lại không có tên?

Tôi vừa nói, vừa tìm trong hộc tủ, ngay chỗ tôi đang ngồi, lôi cái gia phả giồng họ Võ Quang mà chú Thể đã đưa, tìm tên ba trên trang giấy đã ố vàng. Tờ gia phả liệt kê nhiều đời trong họ. Ba là cháu đích tôn của ông bà nội. Ba tôi có tên khác trên gia phả. Ngòai đời ba dùng tên khác, nhưng trong gia tộc và xóm làng kêu tên cúng cơm của ba. Tôi ráng nhớ lại cái mộ nhỏ xíu của ba, ông là cháu đích tôn, ông đã bỏ vợ, bỏ con, lúc tuổi đã xế chiều, tìm về lại quê xưa, nhưng có lẽ, ông không được giồng họ đối xử tử tế vì họ không muốn ba tôi dành lại từ đường, nên khi chết, ông cũng được chôn ở một khu cách xa ông bà nội cả một khu đất.

- Dạ lâu rồi, nên những chữ khắc trên đó, cũng như ngày chết cũng bị mờ không đọc được, con hỏi chú ông nội chết ngày nào, chú cũng không biết thì làm sao chú làm giỗ được!?

Tôi cảm thấy đau nhói trong lòng, khi tiếng Hùng vẫn tiếp tục qua chuyện mộ phần trong nam:

- Còn khu nghĩa địa nơi chôn bà nội và ba bây giờ khó đi vô lắm, nhà nước sắp giải tỏa nên người ta lần lần dời mộ đi hết

- Tại sao họ giải tỏa? rồi họ làm gì? dân không phản đối sao con?

- Dạ, nhà nước nói sẽ bồi thường một số ít tiền, nhưng

mình đâu có cần phải đợi lúc họ ủi mới dời đi cô, con chờ tới tháng 3 sẽ dời mộ bà nội và mộ ba, xong con ra Huế liền, dời mộ ông nội vô chôn cùng chỗ luôn

Tôi nhớ lại lời của Tuấn nói ba là cháu đích tôn, nên chắc ba muốn ở gần gia tộc của mình vì lúc đó chúng tôi có tỏ ý muốn dời hài cốt bà vào Bà Rịa cho gần mộ mạ tôi, tôi hơi lo:

- Con nghĩ trong giồng họ ba, ví dụ như chú Tuấn, chú có cản trở việc này không?

- Con không nghĩ chú sẽ cản. Mà cô nhớ không, mộ ông nội đâu có gần mộ của ông bà cố đâu!? Tại sao họ lại chôn ông nội một khu khác vậy? mà khu này quá tệ!

- Con có nhớ chú Tuấn nớ có ý không muốn cô cháu mình dời mộ ông nội vô nam không?

- Hôm nọ chú cũng nói đại ý như vậy, nhưng....

Hùng ngập ngừng:

- Cô biết tại sao rồi, vì còn mộ ông nội nơi đó thì con lâu lâu cũng ghé thăm chú và cô cũng gởi tiên về hàng năm cho chú, còn nếu dời đi thì...

Tôi thở dài:

- Có năm cô gởi một lần, có năm hai lần, lần nào trong thơ cô cũng nhờ thắp nhang và săn sóc mộ ông nội, không ngờ....

Tôi nhớ lại căn nhà từ đường nơi chú Thể đóng đô với những công lao liệt sĩ cùng giồng họ của chú. Nơi từ đường đáng lẽ ba được hưởng những ngày giờ còn lại gần gũi hương hỏa ông bà mà ba là đích tôn mà! Nhưng ba đã mất đi trong buồn bã cô đơn và bây giờ cái mộ tội nghiệp của ông sắp được dời về gần gũi vợ con, không chừng vậy hay hơn! Ba sẽ không còn cô đơn nữa!

Tôi vẫn lo lắng:

- Con có chắc chú Tuấn không cản trở mình việc này không?

Hùng quả quyết:

- Con nghĩ chú không thể cản mình được, nếu họ xem ông nội là họ hàng thân thích, tại sao họ lại chôn ông nội

một nơi thấp để mộ bị sũng nước, mà không ai chăm sóc?

Tôi cố nén lo âu:

- Con làm nhanh lên cô sẽ gởi tiên về cho con lo việc này nghe

Tiếng cháu dạ thật ngoan ở bên kia đầu giây, cách xa cả nửa vòng trái đất. Tôi nghe một nổi buồn thật thấm thía. Những đứa cháu tội nghiệp (lại tội nghiệp), con của người anh duy nhất của tôi khi Việt Cộng cưỡng chiếm miền nam, còn nhỏ xíu, đứa lớn đi mót khoai về nấu cho đứa út mới được 2 tuổi ăn cho đỡ đói, những đứa bé nhỏ xíu chạy loan mắc kẹt ở giữa những đòan người tay xách nách mang. Những đứa bé không được học hành tới nơi, tới chốn vì ba là "ngụy". Những đứa bé này lớn lên, vốn liếng chỉ có thúng, mũng, nhà tranh, vách đất, gia tài chỉ có một chiếc xe Honda cột ở chân giường. Anh tôi mất đi trong sự thiếu thốn thuốc men, sau khi từ lao tù Cộng Sản về, dắt díu vợ con đi vùng kinh tế mới. Chị tôi già trước tuổi, chân tay yếu đuối vì qua bao nhiêu tháng năm làm việc vất vả.

Người sống đã tội nghiệp, người chết cũng chẳng yên thân, mồ mả bị cào xới, di chuyển hết chỗ này đến chỗ kia, có nhiều nghĩa địa, Cộng Sản không cần di chuyển mất công, tốn tiền ủi đất cho bằng phẳng, xây công viên, đường sá, hay cất những căn nhà đồ sộ lên trên

- Cô ơi!

- Cô đây!

- Tội nghiệp ông nội! Nhưng cô đừng buồn nghe, con sẽ làm nhanh lắm để ông nội được vô đây nằm gần bà nội và ba! Con đã tìm ra được một khu đất tốt rồi cô!

Có tiếng điện thọai cúp ở đầu giây bên kia đất tốt? tốt bao lâu? bao lâu lại phải dời mộ phần đi nơi khác lần nữa! Ôi những mảnh đời sống và chết tội nghiệp của một đất nước sau 36 năm vẫn còn lầm than!

Thu Nga K18B



Đỉnh trời Lâm Viên

Có một lần tôi lên công viên dãy núi Rainier (1),
Ngọn núi cao ngất ngưởng miền Tây Bắc Mỹ Châu.
Mây bay ngang đầu, mây ngủ đêm thâu.
Hồn tôi bay lên một nơi xa xôi lắm.
Tôi nghe nghẹn ngào xanh thẳm Lâm Viên.
Em có nghe tôi thầm gọi tên người tình đầu đời lính tráng.
Yêu dấu đời tôi là đỉnh trinh nữ rạng ngời,
Rặng núi Lâm Viên 46 năm về trước.
Chinh phục được em, tôi mang Alpha màu Đỏ tuyệt vời.
Ngàn niềm hạnh phúc cũng bùng lên trong giây lát,
Nhưng âm vang ấy, vọng mãi đến ngàn sau.
Mỗi ngày tôi chọn một tia hy vọng,
Giữa khung trời Cao Nguyên Tình Xanh bao phủ linh hồn.
Nơi đây núi đồi xanh ngát một màu yêu thương,
Biển và hồ lấp khoảng trống không gian.
Tôi ngụp lặn trong những kỷ niệm chắp nối vang vọng ngày cũ.
Khi tôi vào đời quân ngũ trên đồi 1515,
Bóng dáng quân trường sừng sững dãy núi Lâm Viên.

***

Từ Thung Lũng Hoa Vàng tôi đã di hành về nơi đây,
Để mãi mãi tôi được sống trong rừng thông xanh ngát.
Và những con sóng của mặt hồ giữa lòng phố thị.
Như em bên anh quanh Hồ Xuân Hương dạo mưa bay thần thánh.
Tôi cũng có người con gái mang tên Nguyễn Xuân Hương.
Con tôi chào đời trong khói lửa chiến tranh,
Trong khi người cha lao mình vào cuộc chiến bi thương.
Tôi mất dấu con tôi sau 2 lần bị thương tử sinh ngoài mặt trận.
Tuổi trẻ tôi bị đốt cháy theo cuộc chiến Quốc-Cộng.
Bọn dã thú Cáo Hồ mang Chủ Nghĩa Cộng Sản vào đất nước Việt Nam.
Chúng tự nguyện làm nghĩa vụ quốc tế trên số phận dân tôi,
7 thập niên rồi Xã Hội Chủ Nghĩa đi về đâu?!
Chỉ là đói khổ, tù đầy, chết chóc, buôn bán phụ nữ làm thân tôi mọi.
Từ thuở đó, tình nghiã, đạo đức, lương tâm đã trở thành xa xí phẩm,
Tội ác ngập trời sao gột rửa được hỡi bọn Việt Cộng gian manh.
Trận Điện Biên Phủ sá gì khi so sánh với trận chiến An Lộc anh hùng (2),
Lịch sử ngàn năm sao thấy được 200 ngàn đạn pháo Cộng Quân cày nát thị trấn nhỏ nhoi.
Song quân dân tỉnh Miền Đông này vẫn chiến thắng đoàn quân Cộng ủy nhiệm Nga-Tàu,
Chúng đông gấp 4 lần người Lính Miền Nam yêu chuộng Tự Do Dân Chủ trong trận địa.

***

Giữa bối cảnh chinh chiến kinh hoàng trên đất nước thân yêu,
Những người Sĩ Quan Hiện Dịch Võ Bị quyết lên đường làm nhiệm vụ lịch sử.
Riêng 108 bạn đồng môn Khóa 22 tôi đã đi vào lòng đất mẹ,
Huynh Đệ Võ Bị chúng tôi cố làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tự Do cho người dân,
Nhưng rốt cuộc Quân Lực Miền Nam vẫn là phía bại trận.
Tuổi trẻ vào tù, tuổi trẻ lưu vong.
Xứ người từng đêm tôi âm thầm nhỏ lệ,
Thương đất nước tôi thống trị bởi lũ giặc Cộng Nô.
Hơn 80 triệu đồng bào bị nhốt trong nhà tù khổng lồ độc ác.

***

Tôi trở về vùng núi đồi Tây Bắc,

Đỉnh núi Rainier vẫn ngạo nghễ khung trời.
Tôi chọn một tia hy vọng mỗi buổi sáng khi ngước nhìn rặng núi,
Mường tượng núi này là đỉnh trinh nữ Lâm Viên.
Em yêu dấu trở thành người tình quê hương muôn thuở,
Với người lưu vong, vẫn yêu Alpha Đỏ rạng ngời.
Dù em ở phương trời nào trên hành tinh sóng gió,
Xin ghi nhớ tình yêu Võ Bị tuyệt đẹp vọng động đầu đời.
Và đỉnh trời Lâm Viên nghiêng bóng Quân Trường Mẹ,
Vẫn mãi mãi trong tôi suốt kiếp sống này và trong kiếp sau.
Ơi em dấu yêu.

Memorial Day - May 30, 2011
QUỐC NAM
(Tác Giả "Tình Ca Lính Alpha Đỏ" xb 1968)

(1) Rainier là dãy núi cao nhất Miền Tây Bắc Hoa Kỳ & Canada. Cao 14 ngàn 410 feet tính từ mặt biển đến đỉnh núi.
(2) Mặt trận An Lộc diễn ra khốc liệt giữa Cộng Quân đông đảo và quân dân VNCH suốt 93 ngày đêm từ tháng tư năm 1972. Cuối cùng quân dân An Lộc toàn thắng. Trong lịch sử chiến tranh VN, đây là trận thất bại nhục nhã nhất của Đảng CSVN, sau trận chiến thắng Điện Biên Phủ với Quân Pháp năm 1954.



*Vợ Chồng Lục Đục Cũng Tại...Ông "Bức Xúc**"

** "Bức xúc" là từ ngữ xử dụng ở trong nước, nhưng dụng ý tác giả muốn dùng để diễu cợt và đã 222được đóng mở trong ngoặc kép.*

Captovan k19.

_ Anh ơi, dọn dùm em cái ga-ra này coi, đồ đạc lộn xộn quá hà*.(*một đọan quảng cáo trên radio v/v lắp ráp garage)

_ Đã bảo vất bớt đi thì không chịu, lại còn đem đồ bán ở ngoài lề đường về nhà! Nhiều rác quá thì biết cất đi đâu bây giờ?

_ Cái gì? Ông bảo ai mang rác về? "Đồ" (*) ..của tôi còn tốt mà, thấy ga-ra-seo, tôi mua về, lúc nào cần sờ đến là có ngay, còn ông cứ đi "suốt" thì biết cái gì?

(* tiếng địa phương Bắc Kỳ của tôi còn có nghĩa khác nữa)

Đang ngọt ngào hạnh phúc anh-anh em-em, bỗng dưng thấy vợ nổi giận rồi nổi đóa, đổi tông "ông tôi", lão gàn Bát-Sách cũng bốc hỏa theo.

_ Cái gì? Tại sao bà rủa tôi "đi tàu suốt"! Ý bà muốn rủa tôi chết đi cho rồi chứ gì? Phải mà, bây giờ tôi già rồi, là xấu như Chung Vô Diệm ...

_ Này này, tôi rủa ông hồi nào? Cứ nghe mấy ông bạn già dịch xúi đi uống những thứ thuốc linh tinh, dược thảo với quả trám, đã chẳng được việc gì, lại còn bị sai-ép-phếch làm cho ù tai, hoa mắt! Tôi nói ông đi "suốt" tức là đi suốt cả ngày, chứ "đi tàu suốt" hồi nào? Rõ là già nghễnh ngãng lãng tai!

_ À ra thế! Thà rằng bà rủa tôi đi tàu suốt còn hơn là bà nói tiếng "suốt" VC trước mặt tôi. "Suốt" là cái khỉ gì? Phải nói cho rõ là suốt ngày, suốt tháng, suốt năm, suốt cả đời v.v...Cái tật ưa nói tắt, xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ...

_ Sao? Ông nói cái gì? Nhắc lại thử coi, ông nói ai xấu? Ai dốt?

_ Xin lỗi bà, tôi nói cái bọn ngợm và những người ưa dùng tiếng VC.

_ Không phải tôi ưa dùng mà chính các đài phát thanh và báo chí ở hải ngoại đang làm đinh tai nhức mắt người ta với những tiếng "chôm" của XHCN kia kìa! Chưa hết, chính các bạn của ông, những người từng là lính, từng không đội trời chung với bọn ngợm, từng bị chúng nhốt mà lại đi vay mượn ngôn ngữ của chúng để viết văn, viết hồi ký v.v...! Ông coi đây này, coi cái này này.

Xuân, vợ Bát-Sách, dí cuốn hồi ký chiến trường của Lê văn Chôm vào mặt chồng, tay vỗ-vỗ vào cái chỗ ngồi rồi quày quả bỏ đi ra hè ngồi sụt sịt. Bát-Sách lắc đầu thở dài, chuyện xẩy ra quá bất ngờ, Sách cầm cuốn hồi ký lên đọc:

_ "Tôi không được đi phép thường niên mà đi hành quân "suốt"!

Ý hẳn là tác giả muốn nói ông đi hành quân suốt cả năm. "Suốt" là lối nói thu gọn của XHCN cho khác người, sốt rét cấp tính thì gọi là "sốt cấp", tăng tốc độ thì nói "tăng tốc", thiếu thốn và đói kém thành "thiếu đói" và rồi họ chẳng hiểu ý nghĩa hai chữ "thiếu đói" là gì nên đem dùng sai bét, lộn ngược. Khi đập thủy điện sông Ba bị vỡ, hàng ngàn gia đình ở hạ lưu bị cuốn trôi, báo trong nước đưa tin:

_ Hàng ngàn gia đình đang lâm vào tình trạng "thiếu đói" trầm trọng.(!)

Họ chơi chữ nghĩa lộn ngược, nhưng cái lộn mửa là radio hải ngoại cũng cứ loan tin đồng bào trong nước đang "thiếu đói" trầm trọng, yêu cầu đồng hương "khẩn trương" đóng góp để giúp dân "thiếu đói" (!)

Lật trang khác, Bát-Sách giật mình khi thấy tác giả còn chơi bạo hơn nữa, chắc là nhớ đâu đó có câu "xuyên suốt sợi chỉ hồng", ông viết:

_ "Tiểu đoàn của tôi hành quân xuyên suốt khắp 4 vùng chiến thuật" !

Trời ơi là trời! Chỉ cần viết đi khắp bốn vùng chiến thuật là được rồi, hà cớ gì phải khiêng 2 chữ "xuyên suốt" vào khiến nó giống như "hồi kí" của bộ đội miền Bắc? Không kềm được tức giận, Sách bật ra tiếng Đức rồi cảm thấy hối hận nên chàng bước lại bên Xuân đang ngồi sụt sịt, chàng nhè nhẹ đặt bàn tay lên vai nàng xoa-xoa rồi cúi xuống ghé sát vào tai vợ thì thầm:

_ Xin lỗi em, xin lỗi em vì "sự cố" vừa rồi, anh sẽ dọn dẹp cái ga-ra của em cho sạch sẽ gọn gàng. Trong "quá trình" anh dọn thì em cười lên cho đời thêm vui chứ em cứ ngồi chẩy nước ra đó thì trông "phản cảm" quá.

Biết chồng làm lành, tuy đang tức cành hông, muốn hất tay Sách ra, nhưng thấy chồng cố ý diễu, dùng những ngôn ngữ của thời kỳ "quá độ tiến lên xã hội loài người" nên Xuân phì cười cầm tay chồng mắng yêu:

_ Anh ngốc quá, xoa-xoa vai là sai chỗ rồi, đằng trước cơ, mình "giao lưu" lại nghe anh.

Bát Sách dìu vợ đứng dậy, đặt nhẹ cái môi hôi mùi thuốc lá lên má vợ (gò má của vợ), cái mùi 555 khiến Xuân thường bị lãnh cảm, nhưng hôm nay sao thấy nó thơm thế, rõ là "yêu nhau trái ấu cũng tròn" nên cả hai cùng dìu nhau đi dọn ga-ra, vừa đi vừa song ca nho nhỏ:

_ "Không phải tại anh mà cũng không phải tại em, tại ngôn ngữ khỉ gió nên chúng mình giận nhau".

Giữ đúng lời hứa, Sách bắt Xuân ngồi ở xích-đu đu đưa đọc tiếp cuốn hồi ký chiến trường, nhờ nàng tìm xem tác giả này có "bức xúc" hay không. Chàng cũng không quên pha cho vợ ly Carte Noir nhiều sữa ít café, còn mình thì xoay trần khoe bộ ngực Omega, sắp xếp lại mọi thứ cho gọn gàng, những thứ chàng thường lén quăng đi thì hôm nay thấy chúng dễ thương. Một bọc chứa dây buộc bún khô Tháp Chùa mà vợ cất đi để dùng khi cần thiết, cũng được Sách vuốt thẳng thắn, bó lại treo lên vách thay vì vất vào thùng rác như chàng vẫn thường làm.

Thấy Sách mồ hôi nhễ nhại, Xuân vội đứng dậy đưa

chồng cái khăn thấm nước đá và uống chung một hớp café. Sách cười híp mắt nói:

_ Nhờ mấy tiếng VC mà mình lại yêu nhau hơn.

_ Này lão già kia! Đừng có ăn nói hàm hồ như thế, nói theo cái kiểu một số kẻ vô ý thức lộng ngôn cho rằng nhờ VC mà gia đình họ được cơm no áo ấm ở Mỹ! Ông không biết cái nhục mất nước rồi bị tha phương cầu thực hay sao? Nếu chỉ cúi đầu ăn thì đâu nhất thiết phải đi bằng hai cẳng! Nếu...

Thấy vợ vung tay múa chân, miệng hò hét như những chính khách trên sân khấu, sợ hàng xóm nghe được thì thêm phiền hà, Sách vội chạy lại ôm Xuân "khống chế", nhưng nàng vẫn vùng vẫy, miệng la bải hoải. Không còn cách nào khác, chàng bèn dùng thế võ khóa mồm khiến đối thủ ú-ớ rồi ậm-ừ, người mềm nhũn như sợi bún thiếu điều muốn khuỵu xuống nên Sách vội bế thốc Xuân lên chạy vào phòng để cạo gió xoa dầu!

Nhìn chồng nằm gối đầu lên hai bàn tay, trán lấm tấm những giọt mồ hôi, nhớ lại thuở xa xưa mỗi khi gặp cảnh này, Xuân thường thưởng cho chồng một điếu thuốc SA-LEM, loại thuốc lá có mùi menthol dễ thương, mà cái tên của nó bị mấy ông zà-zịch dịch ra tiếng Việt nghe cũng dễ thương: "Sao Anh Làm Em Mệt"! Ngày ấy Xuân thường quẹt Zippo lên, đốt điếu thuốc, rít một hơi rồi phà khói vào mặt Sách trước khi gắn điếu thuốc lên môi người yêu.

Ôi thời oanh liệt nay còn đâu! Lửa đã tắt, bình khô rượu mà SALEM cũng chẳng còn, để an ủi chồng và giúp chàng quên dĩ vãng oai hùng, Xuân nằm xích lại, nâng đầu Sách lên, lấy tay thay gối, thỏ thẻ nũng nịu như hồi xa xưa:

_ Thôi đừng suy tư nữa, không còn Salem thì em đọc báo XHCN cho anh nghe, mua vui cũng được một vài trống canh.

_ Đã hết thuốc Salem lại còn phải nghe chuyện XHCN thì anh trở thành liệt...sĩ luôn à nghe. Mà tại sao em lại đọc báo VC ôn-dịch ôn-lai?

_ Có vào hang hùm mới bắc được cọp, có đọc VnEx-

press, Tuổi Trẻ, Công An mới biết chủ tịt tỉnh Hà Giang Nguyễn Trường Tô sai hiệu trưởng Sầm Đức Xương đem nữ sinh đến cho hắn làm thịt. Có đọc mới biết ngư dân VN bị "tàu lạ" bắt và đâm chìm ngay trên biển của mình! Có đọc mới biết họ xây cầu chưa xong đã sập! Anh còn nhớ ngày 29/6/2007 cầu Cần Thơ bị sập khi đang xây khiến 54 công nhân chết và 80 bị thương không? Em nhớ rõ là vì ngày đó ông Mục Đục-Bào vội vàng kêu gọi đồng bào hải ngoại "khẩn trương" góp đô cho ông đem vô XHCN cứu trợ! Rõ thối! Nhanh nhẩu đoảng để được lên thiên đàng XHCN..."Xuống Hố Cả Nút, Xấu Hổ Cả Nước"

_ Chuyện làm việc thiện của người ta, của cha của thầy của mục sư sao em cứ thích xía vô? Mà cây cầu đó xây tới đâu rồi nhẩy?

_ Cầu ấy sắp "hợp long" rồi, để em đọc tin trên Vn-Express nhá:

" Cầu Cần Thơ chuẩn bị hợp long. Ngày 26/9/2007, sự cố sập 2 nhịp khiến 54 chết, 80 bị thương. Dàn thép cuối cùng được lắp đặt để nối liền cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu ngày 3/10. Dự kiến hợp long ngày 15/10/2009 và chính thức thông xe vào tháng 3/2010. Nhưng mới chỉ thông xe kỹ thuật thôi mà đã có 10 thợ chụp hình và nhiều hàng rong đến đây tác nghiệp. Có đi thực tế mới thấy một số bộ phận người dân chưa ý thức được giá trị và biểu cảm của cây cầu.

_ "Hợp long, thông xe, tác nghiệp, biểu cảm, đi thực tế" là kí gì vậy? Bộ phận của người là bộ nào vậy? Bộ trên hay bộ dưới, thượng bộ hay hạ bộ?

_ Bố ai mà biết! Chắc ý họ muốn nói "hợp long" là cầu Cần Thơ giao hợp với Vĩnh Long chứ gì. Còn thông xe chắc là cho xe chạy qua cầu, là lưu thông! Thông xe kỹ thuật chắc là cho xe đi thử! Tác nghiệp là là là tác nghiệp! Biểu cảm là không phải phản cảm! Người (dân) ta có nhiều bộ phận mà chỉ có một "bộ phận" chưa ý thức thì hẳn là bộ phận này ở thấp thôi! Ối giời ơi, hiểu chết liền. Để em đọc anh nghe lời tuyên bố của ông thanh tra nói về nạn kẹt

xe ở Hà Nội nhé:

"Ùn tắc ở các điểm phân làn chỉ là cảm quan, ùn tắc hiện nay chỉ là giả tạo do sự thiếu ý thức của một bộ phận người tham gia giao thông. Ngoài ra cũng có nguyên nhân mật độ giao động khi tựu trường đột biến. Chúng tôi chia làn để các phương tiện không bị xung đột, tránh ùn ứ. Nhưng ý thức kém, người tham gia giao thông thấy chỗ nào đi được là chen vào gây nên tình trạng ùn tắc cục bộ".

Đó là nguyên văn lời của thanh tra sở giao thông HN Hoàng Văn Mạnh phát biểu với VnExpress. Phóng viên không "đồng tình bèn phản biện":

Thực tế cảm quan cho thấy việc cưỡng ép phân làn ở một số tuyến đường có dải phân cách là không hợp lý...

Khi tai nạn xe hơi xảy ra, cái sau ủi đít cái trước, thì họ gọi là "ô-tô đâm liên hoàn! Làm như cái xe đầu tiên quay vòng lại húc vào đít xe sau cùng, liên hoàn mà! Cái gì xảy ra liên tiếp thì họ gọi là liên hoàn. Thằng ăn cướp đâm liên tiếp ba người thì họ bảo nó đâm "liên hoàn". Nếu chỉ có 2 xe thì sao? Hình chụp xe taxi bị xe Rolls Roys ủi đít bẹp dúm thì ngôn ngữ đỉnh cao diễn tả như thế này:

Đuôi xe taxi dẹp dúm khi tác động với góc bên phải của Rolls Roys.

Phi cơ đang bay, nghe có tiếng điện thoại reo, ô-tét-đờ-le đi đến yêu cầu hành khách tắt điện thoại, vì hành khách này mang 3 cái điện thoại, nhưng lại chỉ tắt có 2, còn 1 chiếc thì vẫn mở. Cô tiếp viên báo cáo với phi công trưởng:

_ Vị hành khách mang ba di động nhưng chỉ tắt có hai, còn một cái vẫn để ở chế độ mở. (Vnexprees)

Nếu bạn đi vào RR rồi đi ra mà quên gài thì đó cũng là những cái cúc thuộc chế độ mở. Kể sơ sơ ngôn ngữ diễn tả chuyện giao thông. Bước qua thể thao, phóng viên Vn-Express diễn tả động tác cầu thủ Beckham đá bóng:

Beckham vào bóng bằng gầm giầy...

Ai đã từng đá bóng thì làm ơn giải thích động tác "vào bóng" bằng "gầm giầy" là như thế nào? Khi các huấn luyện

viên hướng dẫn, luyện tập và đưa ra những chỉ thị cần thiết cho cầu thủ thì VnExpress viết:

HLV trưởng Argentina Marodona thị phạm cho các học trò trên sân tập.

HLV Calisto của đội tuyển bóng đá VN liên tục phải nhắc nhở, sửa lỗi rồi thị phạm cho các học trò.

Không lẽ "thị phạm" là đưa ra những chỉ thị về sai phạm? Nhưng chưa ly kỳ bằng đoạn viết về ông HLV đội tuyển Pháp:

Đội tuyển Pháp đã hòa 2 trận, HLV Domenech bèn thay đổi chiến thuật, nhưng quỹ thời gian chỉ còn 1 tuần nên ông Domenech đem lại quá nhiều bất cập.

Ông HLV Domenech không còn "quỹ thời gian" để thay đổi chiến thuật, còn hoa hậu Je-nê-phơ Phạm (vợ bỏ của ĐVH) không được đi hét theo chồng thì tâm sự với PV báo Tuổi Trẻ:

Trong quá trình làm việc sắp tới, tôi sẽ đầu tư quỹ thời gian vào công việc người dẫn chương trình.

Chỉ có quỷ sứ mới hiểu "quỹ thời gian" là cái gì! Thay vì nói MC hay điều khiển CT thì lại "dẫn ct", làm như xích cổ nó kéo đi.

Không nói chuyện Beckham vào bóng bằng gầm giầy nữa, không tìm hiểu quỹ thời gian nữa mà đi nghe họ kể chuyện màu đỏ chủ đạo của cái xì-líp mà cô Venus mặc khi chơi banh... lưới* (* banh lưới: tennis, banh lỗ: golf)

Venus lại mặc đồ phản cảm. Ở giải Italy mở rộng, Venus lại diện trang phục phản cảm như ở giải Pháp mở rộng, nhưng lần này cô chọn màu đỏ làm chủ đạo.

Ối bác ơi, cháu mặc xi-líp đỏ mà bảo là lấy màu đỏ làm chủ đạo thì nghe ghê quá, có khi lộn với lá cờ lấy màu đỏ làm chủ đạo đấy, cháu chả hiểu ý bác nói màu đỏ "chủ đạo" là cái gì sất.

Ở US Open, Kim Clijsters loại ứng viên nặng ký Venus Williams, sau đó cô tiếp tục mạch trở lại hoành tráng ở giải đấu mà cô từng vô địch.

"Mạch trở lại hoành tráng" nghe chưa kinh bằng ông phó giáo sư Hà Đình Đức nói về viêc nạo vét hồ Gươm:

Sau khi vét thí điểm kết quả sẽ được quan trắc đánh giá để có phương án xử lý tiếp theo. Khu vực xử lý thí điểm chưa tới 1% diện tích hồ, lượng nước hao hụt không đáng kể nên không cần bổ cập.

Đường hầm cầu Thủ Thiêm bị cháy thì bản tin ghi lại như sau:

Đường dẫn hầm cầu Thủ Thiêm phát hỏa, chiến sĩ PCCC đến hiện trường và đám cháy được khống chế. Tuy nhiên mật độ khói trong đường dẫn vẫn còn nên lực lượng tiếp tục triển khai tiếp cận điểm phát hỏa.

Anh buồn ngủ rồi hả? Thôi để em ru cho anh nghe chuyện giá cả:

Giá sữa bột ở VN tăng giá lung tung, bộ y tế thông báo là giá không được vượt trần quy định. Khung giá sẽ được xây dựng căn cứ trên giá bán không bao gồm chi phí bao bì. Sau khi cân đối, các doanh nghiệp được quyền công bố giá bán nhưng không được vượt trần quy định mà phải tiếp cận giá bình dân (!). Nếu vi phạm thì khung hình phạt là 5 đến 10 tháng tù.

Xuân đang đọc những "mảng văn cực kỳ hoành tráng" cho chồng nghe thì Sách hét lên.. "thôiii ốiii", Xuân vội vàng nắm đầu chồng lắc lắc:

_ Này này, anh mơ thấy gì mà hét lớn thế làm em giật cả cái...mình, ác mộng hả? Cái gì thối? Em có đánh đấm gì đâu. Hay là anh mơ thấy con đ. ngựa nào nó bóp... cổ anh.

_ Không có ác mộng hay đ. ngựa nào cả, chính em đấy, em làm anh phát điên lên đây này, nếu còn lải nhải những thứ ngôn ngữ khỉ gió đó nữa thì anh, thì anh..

_ Thì anh, thì anh làm sao? Anh làm gì tôi? Vì anh tôi đã phải hy sinh "tiếp cận" với ngôn ngữ lộn mửa này. Anh nằm gối đầu lên tay tôi, tôi gác chân lên đầu...gối anh, tôi đọc cho anh nghe những "mảng văn chương cực kỳ" của XHCN đang trong thời kỳ quá độ tiến lên loài người mà

anh lại hét thối lên là thế nào?

_ Xin lỗi em, tại vì anh "bức xúc' quá.

_ Ông nói "bức" cái gì, "xúc" cái gì? Muốn... thì đi chỗ khác, nằm bên tôi mà ông "bức xúc" thì đúng là đần ông, ông đần. Tại sao ông lại đi mượn của VC cái thứ vô nghĩa ấy về làm cho bẩn cái lỗ...tai tôi! Có nhiều tiếng thanh tao như khó chịu, bực bội, bực dọc, phẫn uất, tức tối, lo lắng, băn khoăn, giận hờn, đau khổ, điên tiết, lộn tam bành v.v... tùy từng trường hợp mà dùng. Cái thứ gì mà đụng đâu cũng "bức xúc"! Mở miệng ra là "xúc" nghe tục làm sao.!

_ Ối giời!. Người ta nói đầy đường kia kìa, báo dùng, "đài" dùng, ông lớn dùng bà bé dùng thì có sao đâu? Thấy cái gì có hôi hám VC một tí là em chống, em đúng là người chống cộng "sảng".

_ À thì ra ông nói tôi mê sảng chống cộng hả? Tôi nói cho ông biết, chuyện trong nước xảy ra làm sao, dẫu có thế nào tôi cũng chẳng nói làm chi, tôi dí vào. Cái vấn đề là sự trong sáng của tiếng Việt ở hải ngoại đang mờ dần vì pha trộn với ngôn ngữ bản xứ, nay có nguy cơ bị bệnh nặng do virus du-sinh và ca-nô mang sang, hễ chúng làm rơi ra câu nào là có kẻ chộp lấy mà dùng! Nhất là bọn con buôn, nó quăng cho cái quảng cáo đầy chữ VC kèm theo vài đô-la là các "la-dô" tranh nhau vồ rồi các xướng ngôn cứ ra rả trên các làn sóng "hoành tráng, khuyến mãi, ấn tượng v.v."! Báo chí thì bê nguyên văn các bản tin trên báo điện tử trong nước, trước đây thì đi hai bước cắt-dán, nay thì đi ba bước "highline, copie, paste là có bản tin như của chính minh, ngôn ngữ VC còn y nguyên, phóng viên viết tin thì dùng quá nhiều tiếng trong nước, có vẻ như họ xuất từ đó mà ra! Thu-em-hỏi!

_ Này bà! Bà ăn nói nên giữ mồm giữ miệng kẻo bị đi kiện vì làm thiệt hại đến thương vụ của họ đấy, giống như tên Tây-lọ-lem đem thằng đờm đỏ Đâm Vào Hông ra hù cộng đồng và đang chuẩn bị đâm đơn kiện cộng đồng vụ biểu tình chống thằng Đờm-đỏ đấy.

_ Con kiến mà kiện củ khoai ấy à? Mà tôi không có củ thì tôi đền "ba mươi chín ngàn*" được không? Mà thôi, chuyện cộng đồng để cộng đồng lo, tôi quay về chuyện giữa ông và tôi đây này. Tôi có làm điều gì khiến ông không vừa ý thì báo cho tôi biết rằng ông chán ngấy, khó chịu, bực mình v.v.. thiếu gì chữ để nói mà sao ông cứ nghèo nàn chỉ có một câu thô tục "bức xúc"? Đã vậy, ông cũng như một số bạn của ông, sau khi bị "gẫy súng" lại bày đặt viết văn. Tôi trân trọng việc làm này nếu như các ông không vay mượn những thứ ngôn ngữ quái đản khiến ông không phải viết văn mà là "giết" văn chương. (* tức ba vạn chín nghìn)

_ Bà đừng có nói thêm, nói điêu rồi chẻ sợi tóc ra làm tư làm tám, hai đầu bịt bạc giữa khảm xà cừ vu oan cho tôi.

_ Oan hả? Nói có sách mách có chứng, cuốn sách hồi ký chiến trường ông đang "giết" tiếng Việt đây này, ngay trang đầu ông đã dao to búa lớn:

_ "Tôi đi hành quân xuyên suốt khắp bốn vùng chiến thuật.."

Ngô nghê chưa? Hai chữ "xuyên suốt" không bao giờ dùng ở miền Nam VN, vả lại nó quá thừa, quăng nó vào sọt rác thì văn của ông nhẹ nhàng đầy đủ ý nghĩa rồi. Còn ở dòng 4 trang 3, tôi lại tưởng là hồi-kí của bộ đội miền Bắc:

_ "Tôi cho đại đội khẩn trương rút, nhưng để lại một tiểu đội ở tại hiện trường đề tìm phương án tiếp cận địch quân"!

Sách báo miền Nam có chữ đường "tiếp cận" trong hình học, còn ngoài chiến trường là "tiến sát, bám sát, lại gần" địch quân. Nay ông thấy người ta nói "tiếp cận giá bình dân" ông cũng bê vào văn của ông! Miền Nam ta chỉ dùng "khẩn trương" trong trường hợp báo động, giới nghiêm, thiết quân luật, nay thì cái gì cũng "khẩn trương", yêu khẩn trương, đái khẩn trương, ị kt. Cái đêm bị ngồi xe bít bùng từ trường Taberd đến Long Giao, dọc đường xe ngừng, bộ đội hét:

_ Các anh đái khẩn trương lên".

Tôi thấy các ông ngơ ngác chả hiểu gì cả, vài ông cười

té đái ra quần, nay thì xoen xoét nói "khẩn trương" như môi có bôi mỡ. Ông chồng yêu...quái đản của tôi, các ông là lính, là người không đội trời chung với VC, chúng đã giết 10 năm, 15 năm tuổi trẻ của các ông trong ngục tù khiến chị em tôi chết theo tuổi xuân! Ông được thả ra khi đã hấp hối, sợ té đãi vãi kk chạy ra hải ngoại mà vội quên quá khứ, "giết" văn bằng ngôn ngữ VC. Tôi đã nhắc ông nhiều lần thì ông viện cớ là ở tù lâu nên quen miệng! Ngụy biện! Miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời, ông thường mỉa mai nhắc chuyện cai tù dẫn các ông đi coi cine' và ra lệnh:

_ "Trong quá trình xem phim, các anh phải giữ cự ly gián cách"

"Quá trình" là diễn tiến một sự việc xẩy ra trong quá khứ, nếu họ dùng vào việc đang hay chưa xẩy ra thì là "nó dốt nó say sô" vậy mà các ông cũng bày đặt dốt theo sao? Tôi nhớ mãi cái buổi họp về đại hội sắp tới, ông nói thế này:

_ "Trong quá trình diễn ra đại hội, chúng ta sẽ phải .."

Tôi nhớ là vì hôm đó sau khi ông phát biểu "quá trình", tôi vẫy con tô-tô và kiki lại nghe "bố" nó nói. Tưởng "đảng đã cho ông sáng mắt", ai ngờ sau đại hội, ông gửi một cái email cho các hội viên như sau:

_ "Tôi đánh giá cao về sự năng nổ của các bạn đã giúp đại hội được thành công nhất định. Ý đồ của tôi là đưa các phu nhân đi tham quan Little SG, nhưng vì thời gian bị khống chế nên không thực hiện được. Xin cám ơn các bạn, những người đồng hương thân thương của tôi".

_ Tôi định đập vỡ mặt cái láp-thóp đã ăn nói ba-láp, vơ vét rác rến XHCN vào cái thư gửi cho đồng đội, đồng môn! Ông ăn cắp tất cả chữ nghĩa của một "thủ trưởng". Cái gì là "đánh giá cao"? Một kiểu nói trịch thượng. Người Nam mình không bao giờ "năng nổ" mà chỉ có hăng say, nhiệt tình, tích cực, "ý đồ" là mưu toan thực hiện một hành động bỉ ổi, tại sao ông không dùng "ý định"? Còn "tham quan" là tiếng hán, tiếng Việt là thăm viếng. tiếng ta có sẵn "thân mến, thân yêu, thân thiết" không dùng lại đi vơ

con tiều "thân thương" vào! Chán! Hình như ông và bạn bè ông cùng ăn phải đũa của nhau, không còn biết phân biệt ngôn ngữ nào là Việt, ngôn ngữ nào là Ziệc + ! Họ thích háng-dăng như tham quan (thăm viếng) nghệ nhân (nghệ sĩ), xuất nhập khẩu (xuất nhập cảng) v.v..vì lệ thuộc Tầu, sợ Tầu đến nỗi tầu-Tầu đâm chìm tầu-ta ngay trên biển của ta thì bảo là "tầu lạ"!

_ Tóm lại, người trong nước họ chế tạo ngôn ngữ thế nào thì kệ họ, đừng vay mượn chôm chĩa, đừng thấy họ vẫy đuôi ông cũng vẫy theo, họ bức xúc ông xúc theo. Tôi đã khuyên bảo ông nhiều lần rồi, nhưng cứ như nước đổ lá môn, vẫn chó đen giữ mực, tôi chịu hết nổi rồi, thôi đường ông ông đi, đường tôi tôi đi.

Nói xong bà Xuân xách mông ra đi, bỏ lại Sách một mình bên đống rác gara-seo. Buồn thối ruột (dĩ nhiên) Sách than thân:

_ Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng, ai ngờ chỉ vì vài danh từ VC mà gia cang tôi tan nát! Còn những cái khác nữa của VC thì chắc khiếp đảm lắm đây!

Thưa đọc giả, trên đây là chuyện xẩy ra trong gia đình lão Bát-Sách, cộng đồng của Sách. Nếu ai thấy quen quen thì chẳng qua là có tật giật mình thôi. Xin mỗi người cố gắng một chút để giữ gìn tiếng Việt được trong sáng, nếu có bắt chước thì tìm cái hay, đừng thấy "sang dốt nát" mà bắt quàng làm họ. Nhất là hiện nay các nhật báo, tuần báo, tháng báo, báo bán, báo chợ đã quên đi vai trò quan trọng của truyền thông là giữ gìn tiếng Viết cho trong sáng, cũng có thể báo nào đó, có anh chị kí-rả nào đó làm nhiệm vụ "reo rắc đó đây những mầm độc hại" để giết tiếng Việt, giết người Việt!

Riêng tập thể các cựu QN, các cựu SVSQ, tập san quân đội, tiếng nói của tổng hội, của quân trường, của binh chủng nhất định phải nhặt những hạt sạn, giẻ rách ra khỏi diễn văn, thông cáo, báo chí của mình. Những tác giả gửi bài viết cho tập san BĐQ, đặc san TQLC, Đa Hiệu, KBC/HN,

Chiến Sĩ Cộng Hòa v.v..hoặc phổ biến tài liệu, những bài viết mà chúng ta sưu tầm được lên diễn đàn thì phải gạn lọc, nhặt những cái đinh "ấn tượng. tiếp cận, thân thương, tham quan, năng nổ, diễu hành, lính thủy đánh bộ" v.v..mà quăng chúng vào sọt rác trước khi gửi bài, trước khi phổ biến. Nếu muốn dùng để diễu thì nên bắt chúng nhốt vào cái còng 2 ngoặc kép (".. ") kẻo làm đinh tai nhức mắt độc giả.

* "Bức xúc" là từ ngữ xử dụng ở trong nước, nhưng dụng ý tác giả muốn dùng để diễu và đã đóng trong ngoặc kép.

Bảng quảng cáo... chỉ có ở Việt Nam.





Thất thế sa cơ

1-Vào tù

Sau ngày 30-4-75 khi chế độ Việt Nam hoàn toàn sụp đổ, toàn dân Miền Nam bước vào một giai đoạn thật là đen tối. Chế độ cộng sản Việt Nam sau khi chiến thắng, ngay lập tức họ dùng chánh sách trả thù hèn hạ, họ đưa tất cả quân cán chính Miền Nam vào tù. Nhà tù mở rộng từ Nam ra Bắc. Chúng ra lịnh tập trung và ra sức bố ráp, tìm bắt tất cả những quân nhân, viên chức đảng phái chính trị, tôn giáo, ký giả, văn sỉ, nhạc sĩ.v..v... Họ tung ra chiến dịch tịch thu sách báo, văn hóa phẩm Miền Nam với danh nghĩa bài trừ văn hóa đồi trụy của cái gọi là "Mỹ Ngụy"

Họ tịch thu tài sản của thành phần tư sản ở Miền Nam và lần lượt đưa thành phần nầy vào tù và đương nhiên cướp đoạt tài sản của họ.

Họ đưa ra một chánh sách vô nhân đạo, áp dụng một chế độ phân biệt đối xử với những gia đình liền hệ đến chánh quyền Miền Nam

Họ bắt đầu kiểm soát gắt gao người dân miền Nam cũng như cả nước bằng hệ thống công an khắp nơi trong nước. Công an Phường, xã và công an khu vực và hệ thống tổ dân phố.

Họ dùng chế độ hộ khẩu và quy chế "Tạm trú, tạm vắng" để kèm kẹp và theo dõi người dân cũng như chánh sách lương thực theo hộ khẩu để bóp bao tử và kiểm soát dân tình.

Việt Nam quả là một nhà tù lớn nhất thế giới với vòng trong và vòng ngoài. Mọi tự do con người đều không còn sau ngày 30-4-75.

Vì không còn chịu đựng được nữa nên mọi người có điều kiện thuận tiện đều tìm cách thoát thân qua con đường vượt biên bằng cả đường biển hoặc đường bộ dù rằng nguy hiểm trước mắt như thế nào. Bao nhiêu sinh mạng làm mồi cho cá, cho cướp biển cho bảo táp phong ba. Bao nhiêu người ngã gục dưới lằn tên mũi đạn của lực lượng công an biên phòng của Việt Nam hoặc của quân đội Campuchia

Trong lịch sử nhân loại chưa có một cuộc vượt biên nào đánh động lương tâm con người như người dân Việt Nam trốn tránh chế độ bạo tàn cộng sản.



Vì vậy mà các tổ chức nhân đạo trên thế giới đưa các con tàu sang vùng biển Đông để cứu vớt các con tàu vượt biên bềnh bồng trên biển cả. Nhiều cảnh cướp bốc hãm hiếp phụ nữ, giết hại thuyền nhân, gây nên một luồng công phẩn trên khắp thế giới. Tổ chức Liên Hiệp Quốc không thể

nào làm ngơ trước thảm cảnh này của người dân Việt Nam. Nhiều trại tiếp nhận người tỵ nạn cộng sản được thành lập tại các nước Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân, Hong Kong để giải quyết vấn nạn đau thương nầy!

Sau khi chiến thắng Miền Nam, thay vì dùng một chánh sách đại đoàn kết để xây dựng một đất nước hùng mạnh làm cho người dân được cuộc sống ấm no hạnh phúc, hàn gắn vết thương chiến tranh như nhiều quốc gia đã làm. Khi Đông Đức và các quốc gia cộng sản tại Đông Âu đồng loạt sụp đổ. Người ta không thấy một chánh sách phân biệt đối xử giữa phe chiến thắng và kẻ chiến bại. Lịch sử nội chiến của Mỹ giữa hai miền Nam Bắc, kẻ chiến thắng miền Bắc vẫn đối xử với người chiến bại với tinh thần mã thượng. Họ xử sự đối với người chiến bại bằng sự tôn trọng lẫn nhau, ngay cả các nghĩa trang tử sĩ hai bên vẫn được kính trọng như một di tích lịch sử để làm một bài học cho hậu thế, tránh các lỗi lầm củ của thế hệ đi trước. Nhờ vào một chánh sách đoàn kết dân tộc thật sự, các quốc gia đó không bị thất thoát nhân lực, tài lực và trí tuệ. Với một chánh sách trong sáng và được lòng dân như vậy nên chẳng bao lâu những quốc gia nầy phục hồi nhanh chống và trở nên cường quốc. Trường hợp điển hình là nước Nhật sau khi phải thảm bại trước Mỹ mà ngày nay trở thành một cường quốc về kinh tế và vẩn là một đồng minh khắng khít với kẻ thù củ là Mỹ.

Rất tiếc đã 36 năm trôi qua kể từ khi cưỡng chiếm Miền Nam, những người cầm quyền cộng sản Việt Nam ngày nay vẫn duy trì một chánh sách bất di bất dịch là sự hận thù. Ngay từ những ngày đầu nắm chánh quyền họ đã đày đọa kẻ chiến bại, những quân cán chính thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa vào các trại tù khổ sai, sau đó họ đánh tư sản và ngay cả đến người chết tại các nghĩa trang của quân lực Việt Nam Cộng Hòa cũng không yên. Trong chế độ của họ, nhân tài không được trọng dụng. Người dân bị đưa lên những vùng rừng thiên nước độc gọi là "vùng kinh tế mới". Hàng trăm ngàn dân lành phải vượt biên để tìm đường tự do. Phân nửa số người nầy đã bỏ mình ngoài biển

cả. Một số không may bị bắt đưa vào tù. Số tù chính trị ở trong các trại miền Nam thì sau hai năm được cho thăm nuôi nên số người chết trong tù tương đối ít hơn số người bị giam giữ ngoài miền Bắc. Thời tiết khắc nghiệt cộng với



đủ cùng với tinh thần luôn luôn bị khủng bố nên tình trạng sức khỏe của người tù ngoài miền Bắc ngày càng suy kiệt dần. Số tù nhân chết trong trại vì đói khát và bệnh tật một ngày một tăng cao. Khi sự công phẫn của dư luận thế giới về chánh sách giam giữ tại các trại cải tạo dâng cao lúc đó họ mới cho chế độ gởi quà và thăm nuôi ngoài miền Bắc. Tôi là một người nằm trong trường họp đó trong suốt 10 năm tù, nếu không được gia đình gởi quà và thăm nuôi thì không có thể tồn tại đến ngày nay.

2-Gia đình thăm nuôi:

Kỷ niệm trong tù khi còn tại trại K1 Tân Lập tôi nhớ một ngày khi tiếng kẻng báo sáng vừa chấm dứt, tôi bật ngồi dậy với tay lên kệ lấy lon Guigoz vào cầu tiêu và đánh răng với bàn chải không kem đánh răng, vì kem không còn từ lâu mà chiếc bàn chải cũng cùn mằn. Thái Minh Hoàng một người bạn thân cùng khóa 20 với tôi cũng vào cùng

đánh răng vừa nói chuyện, Hoàng nói:

Ê Trực ơi, hy vọng hôm nay thế nào cũng có vợ tao ra thăm. Tụi nó nói chiều hôm qua mấy người làm ở nhà bếp đi lãnh gạo, họ gặp rất nhiều thân nhân đã qua phà ở Bến Ngọc và hướng về K1 của mình đông lắm, có lẻ hơn 40 gia đình. Bà xả tao có nhắn cho biết qua gia đình một thằng bạn là bà ấy sẽ ra thăm tao một ngày gần đây. Nghe đâu bà ấy đã chuẩn bị đầy đủ rồi, chỉ cần lấy giấy thăm là đi ngay.

Trong số bạn tôi, Hoàng là người hy vọng nhiều nhứt vì hôm nay tin tức cho biết có rất nhiều thân nhân đến Bến Ngọc từ chiều hôm qua. Nó nói với tôi nên xếp hàng đầu khi xuất trại lao động để dể nghe đọc tên. Tôi với Hoàng là hai thằng cùng khóa, cùng đại đội trong trường, nay lại cùng ở tù cùng chung một đội nên thương nhau như anh em. Hai đứa cùng chia sẽ với nhau những gì mình có từ thuốc men cho đến đồ dùng. Thời gian nầy là thời gian bi đát nhất tức là vào cuồi năm 79, 80, khi chưa có chánh sách gởi quà và thăm nuôi. Có một lần tôi bị té, chân phải tôi bị sưng húp từ bàn chân phải lên tới bắp vế, tôi phải nằm bệnh xá. Hoàng đã mang lên cho tôi một cái áo coat bằng nỉ của vợ rất ấm để nhường tôi mặc vì lúc ấy thời tiết quá lạnh, ngay cả nhường cho tôi phần cơm trắng, Hoàng chỉ ăn phần độn là khoai mì hay khoai lang. Anh nói:

Trực mầy ăn cơm trắng đi, mầy bây giờ cần cơm hơn tao.

Tôi vẫn nhớ hoài câu nói nầy của người bạn. Hiện anh và gia đình đang định cư tại Atlanta thuộc tiểu bang Georgia.

Thông thường tất cả các đội tù sắp hàng dọc theo thứ tự mỗi buổi sáng tại sân và các anh tù đội trưởng báo cáo nhân số xuất trại sau khi những người có tên thăm nuôi được đọc tên ở lại không đi lao động để tiếp thân nhân. Tôi với Hoàng hôm nay xếp hàng đầu để nghe cho rõ theo sự đề nghị của Hoàng. Thường thường, mỗi lần có một cô cán bộ bước vào để đọc tên người tù có thân nhân đi thăm. Cô nầy nét mặt khá đẹp, nét mặt lại hơi buồn. Mỗi lần cô xuất hiện là mọi người im lặng để nghe cô ta đọc tên. Vì vậy

mà cô ta được không biết người tù nào đặt cái tên là "Nữ hoàng sầu muộn mang tin vui", thật rất đúng vì cô ta có nét buồn buồn và khá đẹp lại mang tin vui cho tù. Khi thấy cô ta vừa bước vào tôi thúc cùi chỏ vào hông Hoàng và nói:

Ê! Hoàng ráng nghe nha mậy, hy vọng có bà xã mầy đó.

Sau khi nghe cô ta bắt đầu cầm giấy gọi tên, hình như ai nấy cũng chú ý. Bỗng cô ta gọi:

- Anh Nguyễn Chánh Trực có mặt hay không?

Tôi cũng có nghe hình như tên tôi, nhưng lòng còn ngờ ngợ thì Hoàng nhìn tôi và nói:

- Trực à, bà ấy vừa gọi mầy đó, sao mầy không nói có mặt.

Tôi nói lại với Hoàng:

- Tao sợ lầm tên với một người khác cùng tên như tao, chớ tao đâu có nghe bà xã tao cho hay gì đâu, chắc nhầm tên thôi, tôi nói lại với Hoàng.

Hoàng cải lại:

Tao nghe rõ ràng, đúng tên mầy đó chứ không còn ai khác hết. Tôi đang còn do dự thì bà ấy lập lại:

Anh Nguyễn Chánh Trực có hay không?

Lần nầy thì nghe quá rõ rồi, tôi trả lời lớn:

Có mặt.

Thật là một sự bất ngờ không thể tin được. Tôi không bao giờ nghỉ rằng vợ tôi có thể lặn lội hàng bao dặm đường ra thăm nuôi tôi, khi mà bà ấy còn 4 đứa con rất nhỏ. Bỏ nhà đi như vậy thì mấy đứa con tôi làm sao đây. Vì vậy mà không bao giờ tôi có ý nghỉ vợ tôi lặn lội ra Bắc để thăm tôi, thật là bất ngờ với tôi ngày hôm ấy.

Tôi nghiệp, Hoàng người bạn của tôi lại không có chị ấy ra thăm ngày hôm đó. Sau khi danh sách đọc xong, cô cán bộ đó cho biết những người vừa mới được đọc tên, hôm nay không đi lao động để ở lại trại được tiếp đón gia đình đến thăm.

Khi được hướng dẫn ra nhà thăm nuôi, chúng tôi thấy rất nhiều thân nhân đang lóng ngóng nhìn vào đám tù đang

được cán bộ dẫn đến từ đàng xa. Thật khó mà nhận diện, vì người nào người nấy, quần áo tả tơi, dáng đi chậm chạp, thân thể gầy cồm, trong thật thiểu não. Nhiều thân nhân không cầm được nước mắt. Họ khóc mà không dám để cho cán bộ phụ trách nhà thăm nuôi thấy thì khổ cho người thân trong tù. Khi tôi gần tới nơi, tôi cố tìm vợ tôi trong số thân nhân lố nhố đó và cuối cùng tôi cũng thấy. Tôi cảm động và cố cầm nước mắt không để nó tuôn ra. Tôi chỉ nhìn và nháy mắt để ngầm cho vợ tôi biết là tôi đã nhận ra vợ tôi rồi.

Khi bước vào nhà thăm nuôi thì tên cán bộ đặc trách nhà thăm nuôi mới bắt đầu "lên lớp" cho cả tù và thân nhân.

Anh ta nói:

Thi hành chánh sách khoan hồng nhân đạo, hôm nay đảng và nhà nước đã cho phép gia đình thăm nuôi các anh, vậy các anh hãy chấp hành đúng mọi quy định nói chuyện với gia đình để gia đình các anh yên lòng về chánh sách khoan hồng mà đảng và nhà nước đã dành cho các anh tại trại cải tạo. Còn các anh chị trong gia đình các anh hãy hiểu rõ chánh sách của đảng và nhà nước của ta mà động viên các anh ấy học tập cải tạo cho tốt.

Hắn ta ngồi ở đầu một cái bàn dài, tù và thân nhân ngồi hay bên đối diện nhau, mọi lời nói và hành động đều không qua cặp mắt theo dõi của tên cán bộ nầy.

Phần vợ tôi, tôi rất mừng vì có ông anh vợ cùng đi theo vì anh ấy không yên tâm để vợ tôi đi một mình trên một đoạn đường xa xôi và vất vả vô cùng. Tôi nhớ các con vì chúng còn rất nhỏ khi tôi đi tù, bây giờ không biết chúng như thế nào. Được vợ cho biết đứa nào cũng lớn ra, học giỏi và biết vâng lời, vợ tôi nói tôi yên tâm, mẹ con em đều bình an không có gì anh phải lo. Trong khi đó thì vợ tôi bảo tôi uống một ly cà phê sửa mà bà ấy pha sẵn hồi sáng sớm. Vợ tôi thường hỏi tôi:

Anh có bệnh gì không mà em thấy anh ốm quá vậy?

Một câu hỏi rất nhỏ vừa đủ để tôi nghe.

Tôi chỉ lắc đầu nhè nhẹ và nói cho vợ yên tâm.

Anh không sao hết, thể xác ai ở đây cũng hơi ốm là chuyện bình thường mà thôi, anh không sao hết em yên tâm.

Vợ tôi nói thêm, em có mang món tớp mở ngào đường và một số món ăn có thể để lâu cho anh dùng, nhất là thuốc đủ loại như cảm cúm, thuốc ho, thuốc kiết lị và thuốc rét và thuốc sổ lải mà thường ai cũng cần vì em nghe nói các anh ai cũng bị sán lải hết.

Tôi thầm cám ơn người vợ thật chu đáo, lo cho tôi thật đầy đủ những thứ rất cần thiết trong đời sống trong tù.

Chẳng mấy chốc thì thời gian 15 phút trôi qua nhanh chống. Tên cán bộ đứng lên nói:

Thời gian thăm nuôi chấm dứt, các anh chuẩn bị mang quà về .

Tất cả đều đứng lên, anh em tù mang lấy xe ba gác xếp hàng hóa thăm nuôi lên và từ giả thân nhân về trại.

Trong suốt thời gian thăm nuôi. Anh vợ tôi và tôi không nói được gì trừ cái bắt tay xiết chặt của ông anh vợ nhầm cảm thông hoàn cảnh của tôi, anh ấy cũng để dành thời giờ cho hai vợ chồng tôi tâm sự. Tôi chỉ biết thầm cám ơn ông anh vợ, vì thương em gái mà đi theo để giúp đỡ và chở che. Tôi và các bạn tù lặng lẽ đẩy xe về trong khi thân nhân đứng nhìn theo cho đến khi chúng tôi khuất bóng ở một ngỏ quanh, thỉnh thoảng tôi quay lại vẩy tay với vợ và ông anh vợ...

Vào tới trong trại là giai đoạn khám xét quà thăm nuôi. Đây là một giai đoạn mà tôi cho rằng thật rắc rối nhất. Tất cả những người vừa thăm nuôi phải tập trung tại phòng "Thường trực thi đua". Đây là một văn phòng được điều hành bởi cán bộ trực trại, dưới sự phụ giúp của các tù hình sự được chỉ định làm việc tại văn phòng nầy, một vài người tù chánh trị cũng được chỉ định trong công tác nầy. "Thường trực thi đua" thừa hành mọi mệnh lệnh của cán bộ trực trại và là tai mắt của cán bộ trong công tác theo dõi và giám sát mọi hoạt động của tù trong trại. Dưới chiêu bài cải tạo tiến bộ sẽ được cho về sum hợp với gia đình. Hai chữ "tiến

bộ" thật là mơ hồ đối với những người tù không có bản án...

Khi chúng tôi đưa quà thăm nuôi vào thường trực thi đua, mỗi người phải xếp quà trên nền xi măng. Cán bộ và mấy người tù thường trực thi đua đi từng nơi để xem xét từng món quà. Cán bộ trực trại hỏi từng người:

Anh nào có nhận tiền và thư từ, hình ảnh của gia đình thì tự giác đưa ra.

Họ lần lượt khám rất kỷ từng gói giấy, từng lon Guigoz. Họ xem từng món hàng một để xem gia đình có cất giấu thư và tiền bên trong gói quà.

Tôi nhớ có lần, một người bạn thân cùng khóa của tôi anh Hoàng Văn An, khi chị An, vợ của bạn tôi ra thăm, bà xã tôi có gởi cho tôi một lá thơ và 50 đồng nhờ chị ấy ra thăm bạn tôi và cho tôi. Trong thư vợ tôi viết là có gởi cho tôi 50 đồng. Nhưng khi tới phòng thăm nuôi, bạn tôi cho biết trại cấm nhận tiền, vì vậy chị ấy không đưa cho bạn tôi 50 đồng mà vợ tôi gởi, chỉ gởi cái thư cho bạn tôi để đưa thư cho tôi xem. Nhưng khi khám xét, bao thư từ phải trình ra, khi tên cán bộ đọc tới đoạn bà xã tôi gởi cho tới 50 đồng, nhưng tại sao không thấy tiền. Hắn làm dữ và sai một tên tù hình sự "thường trực thi đua" gọi tôi lên làm việc. Họ gặng hỏi tôi là anh bạn có trao cho tôi 50 đồng hay không?. Tôi bảo hắn là không có tiền bạc gì cả. Thật là bực mình về những việc như vậy.

Một người tù khác phải bị cán bộ trực trại làm việc liên tục, hỏi tới hỏi lui chỉ vì một cái bao bột mì củ mà gia đình dùng làm bao quà. Cái bao mì củ ấy là bao đựng hàng viện trợ của Liên Hiệp Quốc có hình hai bàn tay nắm chặt nhau trên một là cờ của Mỹ, bao mì đã được lộn trái, cái hình vào bên trong, thế mà khi đổ hàng ra, tên cán bộ nhìn vào bên trong bao và thấy lá cờ Mỹ với hai bàn tay nắm chặt. Anh bị gán tôi là vẫn còn óc phản động, kể cả gia đình cũng bị lên án. Anh ta bị kêu tới kêu lui để làm việc và phải viết bài kiểm điểm, quà bị giữ lại và không cho nhận. Thật là rất khổ cho anh ấy vô cùng!

Từ khi có cho nhận quà và thăm nuôi, tình hình sức khỏe của tù được phục hồi, bệnh tật suy giảm dần, người nầy cho thuốc người kia, chia chác cho nhau ăn uống nên tình trạng sức khỏe của tù tương đối tốt hơn.

Nói đến đây, chúng tôi những quân nhân sa cơ vì vận nước lúc nào cũng không quên công ơn của vợ hiền và bao người thân trong gia đình đã lo lắng thăm nuôi. Công lao đóng góp của các bà vợ tù thật vô cùng to lớn vì mỗi chuyến đi thăm nuôi từ Nam ra Bắc thật gian nan, vất vả vô cùng. Nhiều người đã bỏ mạng dọc đường thăm nuôi, hoặc bị cướp giựt tại bến xe, hoặc gặp bọn lường gạt trên đường đi. Nhiều người gặp một thực tế thật là thảm thương khi ra tới trại thăm nuôi thì người thân đã chết tự hồi nào mà trại chẳng thông báo về cho gia đình. Điều nầy cho thấy rằng sinh mạng người tù chẳng ra gì đối với chế độ cộng sản Việt Nam. Vì vậy mà ngày nay nhiều gia đình vẫn mất người thân khi đi vào tù rồi biệt tâm luôn. Nhiều gia đình không thể nào tìm ra được cho tới bây giờ. Khi thất thế sa cơ, sống trong cảnh cá chậu chim lòng trong nhà tù cộng sản. Tội ác của đảng Cộng Sản Việt Nam với nhân dân Việt Nam thì không thể nào tha thứ được.

Có dịp ra miền Bắc mới thấy dân tình nghèo khổ, cuộc đời nhiều người chưa thấy một lon sữa bò, không thấy thấy một xâu lạp xưởng. Khi thấy quá nhiều thân nhân ra thăm, đường ra đò bến Ngọc rất xa, hàng hóa thăm nuôi thì nhiều và cồng kềnh. Thật là khá vất vả cho thân nhân. Vì vậy mà thân nhân phải nhờ dân địa phương gánh thuê vào trại, thét rồi nó trở nên một dịch vụ kiếm tiền tương đối dễ vì một số thân nhân cho tiền sộp. Thấy kiếm tiền được nên họ bỏ công việc bình thường mà quay ra gánh quà cho thân nhân. Khi lao động gần dân, nhờ có thăm nuôi, người tù giúp đỡ cho dân thuốc men, hoặc những thứ mà người dân nghèo xung quanh trại không có như lạp xưởng, sữa hộp, khô mực...v.v... Dần dần người dân địa phương quanh vùng hiểu rõ người tù chánh trị miền Nam hơn. Họ không ác ôn khát máu, như những người dân lành bị tuyên truyền

từ trước tới nay và dân địa phương quanh vùng càng ngày càng mến người tù chánh trị Việt Nam Cộng Hòa hơn. Một số người dân tâm sự với chúng tôi như sau:

- Chúng tôi nói thật, chúng tôi tưởng các anh là thành phần ác ôn, giết người không gớm tay, bọn có nhiều nợ máu với nhân dân miền Nam, vì vậy phải vào Nam để giải phóng nhân dân miền Nam. Nay chúng tôi tiếp xúc với các anh và gia đình các anh cũng như thân nhân từ miến Nam ra thăm nuôi, hầu như ai cũng hiền lành và rất dể thương. Có người còn cho biết như sau:

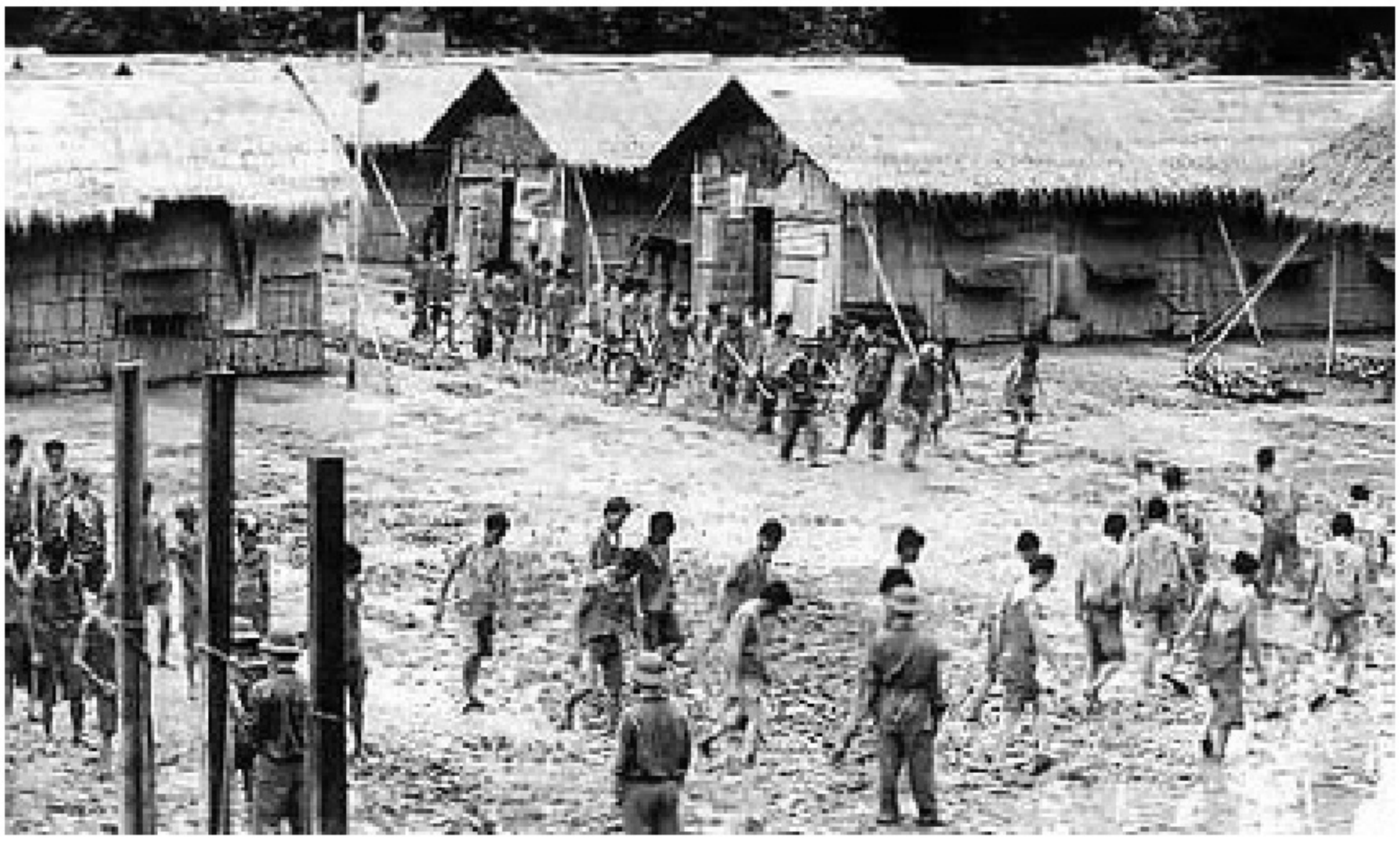
- Nhà tôi có đứa cháu vào Nam, nó viết thư về ca tụng miền Nam, người dân miền Nam sống rất sung sướng hơn ngoài Bắc chúng tôi nhiều, nhất là đài, TV rất nhiều, sách báo đủ loại, rõ là người dân miền Nam có đời sống sung túc chứ không có nghèo nàn lạc hậu như chúng tôi tưởng. Khác hoàn toàn những gì được học tập!

Người khác lại nói:

Nhìn các bà mang quà cho các anh, tôi cũng đoán được nhà các anh còn hơn chúng tôi và dân quanh vùng nầy.

Đây là một số ý kiến mà những người dân quanh vùng nói ra khi thấy cảnh gia đình mang quà ra tiếp tế cho thân nhân trong các trại tù ở Tân Lập thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

Tôi đã hiểu tại sao khi chúng tôi bị đưa từ Nam ra Bắc,



khi xuống tàu thủy và lên xe lửa tại Hải Phòng, tại các cổng xe lửa, dân chúng được tổ chức đứng hai bên đường vừa ném đá vừa chửi "Mỹ Ngụy" luôn miệng. Trong khi trên chuyến xe lửa xuôi miền Nam để về Hàm Tân trại Z30D thì dân đứng hai bên đường, họ liệng toàn là thức ăn và thuốc lá, khiến các công an phải đóng các cửa xe. Người dân miền Bắc ắt hẳn đã nhận ra sự thật như thế nào.

3-Chiếc lon Guigoz

Trước năm 75, sữa bột Guigoz thường là một món sữa được các bà mẹ thuộc giới trung lưu ưa dùng để nuôi trẻ sơ sanh thay cho sữa mẹ cho đến khi các em lên một, hai tuổi. Sữa Guigoz bao gồm hai loại sữa màu trắng và màu ngà vàng. Nhưng sau tháng tư năm 1975, mấy ai nghỉ rằng, cái lon Guigoz lại có công dụng rất cần thiết cho tất cả người tù từ Nam ra Bắc.

Từ khi có quà tiếp tế từ gia đình, sức khỏe người tù được khá hơn, nhờ anh em chia sẽ cho nhau thuốc men và thức ăn. Đối với tất cả người tù, một vật dụng lúc nào cũng gắn liền bên người, đó là chiếc lon Guigoz. Một vật vụng tối cần thiết trong sinh hoạt hằng ngày, không có nó là không được. Thật vậy, mỗi người ít nhất là phải có 2 cái. Một cái để sạch dùng đựng nước uống, nước đánh răng, rửa mặt mỗi buổi sáng. Cái nầy thường để trên đầu nằm. Hằng ngày một lon nước sạch dùng để uống mỗi ngày và dành lại một phần để làm công tác vệ sinh răng miệng vào buổi sáng. Một lon Guigoz thứ hai thì phong trần hơn. Công dụng nó như một cái nồi thập cẩm, nghỉa là nấu đủ thứ, nấu từ con ếch con nhái, con chuột, con rắn và đủ loại canh rau, chè, cháo...v.v... Không có nó là bao tử đói, nó luôn luôn hiện hữu trong sinh hoạt. Hàng ngày, mỗi người tù đều mang theo khi đi lao động. Họ cho thức ăn cần nấu, căn dặn anh tù phụ trách nấu nước cho đội uống. Khi anh ấy nấu thùng nước uống chung cho đội anh ấy nấu dùm cái lon Guigoz đựng thức ăn cho mình luôn. Vì vậy, khi được nghỉ giải

lao, mỗi người có sẳn thức ăn mà ăn. Cái lon Guigoz qua nhiều năm trui rèn trong khói lửa, màu nó đen ngòm, nó giữ một nhiệm vụ rất quan trọng như một cái nồi trong nhà bếp. Lon Guigoz đựng nước uống tương đối sạch sẽ, thường được làm thêm cái quai xách cho tiện và thường được khắc tên mỗi người và hằng ngày để lại ở nhà cho người trực phòng. Anh trực phòng hàng ngày không đi theo đội, anh ấy có nhiệm vụ gánh nước sôi từ nhà bếp châm đầy các lon Guigoz mỗi ngày, mỗi người một lon theo tiêu chuẩn. Vì vậy lon nước sạch nầy vừa để uống, vừa để làm vệ sinh hằng ngày. Viết đến đây, tôi không quên ơn người vú nuôi của tôi. Khi tôi từ giả gia đình đi tù vào ngày 16-6-75, Vú Năm của tôi làm sẵn cho tôi hai lon Guigoz muối mè và muối đậu, lúc đầu tôi định không mang theo. Người Vú nuôi tôi rầy và bảo tôi:

Con đừng có cải Vú, nếu con ở lâu thì sao? Cái nầy cần cho con lắm!

Thật vậy, Vú tôi nói rất đúng, tôi đã trải qua 10 năm tù và hai cái lon Guigoz thay thế người Vú lúc nào cũng bên cạnh tôi và nếu không có nó không thể nào được. Nay Vú tôi không còn mà lúc nào tôi cũng nhớ ơn Vú như một đấng sanh thành thay Mẹ tôi săn sóc sức khỏe cho tôi.



Con lúc nào cũng nhớ Vú, Vú ơi!

Lon Guigoz không những là một vật dụng cần thiết của người tù, không có nó không được mà còn là vật dụng cần thiết cho cả cán bộ cai tù nữa. Thỉnh thoảng chúng bày trò khám xét, nếu người tù nào có trên hai cái thì bị chúng tước đoạt bớt. Cho

nên hầu như tên nào cũng có một cái để xử dụng.

Ngày nay, chúng ta đừng bao giờ quên rằng, có những lúc chúng ta sống bằng cái lon Guigoz với con nhái, con chuột để hiểu rằng có những lúc gian nan mà cần suy gẫm cuộc đời...

4-Niềm hy vọng:

Tin tức từ nguồn thăm nuôi của gia đình rất quan trọng đối với cuộc sống trong tù. Tin được chuyền miệng từ người nầy tới người kia. Từ những tin hoạt động của Tướng Hoàng Cơ Minh, khi còn ở trại K1 Tân Lập Vĩnh Phú tại Miền Bắc vào những năm 79-80 làm cho những người tù cảm thấy lên tinh thần dù ấy là một tin thật mong manh, không thể kiểm chứng. Lúc bấy giờ trong trại, các sĩ quan hải quân được gọi lên làm việc với toàn là các câu hỏi xoay quanh về tướng Hoàng Cơ Minh, nhưng sau đó tin tức nầy hầu như bị chìm lỉm trong lảng quên. Hoặc những tin tức nhận được do một vài anh em tù được trại xử dụng trong lãnh vực chuyên môn như việc sửa chửa các radio cũ mà họ đem được từ Miền Nam ra Bắc. Tin được anh em hy vọng nhất là vấn đề Chánh phủ Mỹ sẽ bảo lãnh các người tù chánh trị của Việt Nam Cộng Hòa và đang có những tin tức về cuộc đàm phán nầy, những tin tức có lúc rất sôi sụt, có lúc xẹp xuống làm cho người tù khi thì hy vọng rất nhiều khi thì buồn nản tuyệt vọng. Riêng bản thân tôi, tôi cứ hy vọng người tù chánh trị rồi đây sẽ có những ngày ra khỏi tù với một tình hình thay đổi sáng sủa hơn. Tôi chỉ sợ chế độ công sản Việt Nam đi đúng đường, còn mình đi sai đường mà thôi. Dầu sao những tin tức từ nguồn thăm nuôi cũng làm cho người tù một niềm hy vọng để mà sống.

5-Ơn Trên che chở:

A- Đối đầu với cán bộ

Khi chuyển về trại K1/Z30D tại Hàm Tân, tôi gặp lại anh TVX nguyên là đại úy cảnh sát quốc gia trong một đội mà anh ấy làm đội phó. Tôi đã có thời gian ở chung với anh TVX cùng một khi còn ở trại miền Bắc trại K1 Tân Lập

Vĩnh Phú. Một con người mất phẩm chất cam tâm làm tay sai cho bọn cai tù, hàng ngày tìm cơ hội báo cáo anh em với cán bộ. Tôi biết rõ tên này nên khi gặp lại anh ta tôi cố tránh mọi sự đụng chạm. Thế mà không làm sao tránh được. Sự việc xảy ra như sau:

Ngày chủ nhật, thay vì được nghỉ cán bộ bảo anh dẫn đội đi lao động thay cho anh đội trưởng nghỉ bệnh, đội lại được cán bộ quản giáo phân công tác đào ao mà chỉ tiêu đưa ra rất nặng. Dụng cụ thì rất mòn, cùn mằng khó mà đào và dùng rất mất sức, nhất là thời tiết rất nóng. Tôi biết một đội bên cạnh hôm nay nghỉ nên đề nghị anh TVX sang nhà lô đội đó mượn thêm dụng cụ cho anh em làm cho đỡ mệt. Anh ta chẳng những không đi và mượn cán bộ để nói như sau:

Cán bộ bảo dụng cụ như thế nào thì cứ làm như thế ấy Thấy anh ta không đi trình cán bộ dù ông cán bộ quản giáo ngồi không xa mấy khu đội đang đào ao. Tôi nói với anh ta:

Anh chưa gặp cán bộ sao anh lại nói cán bộ bảo dụng cụ như thế nào thì làm như thế ấy.

Tôi vừa nói xong thì anh ta chỉ vào mặt tôi và nói:

Anh là người xách động nhất trong đội. Đây là câu nói hoàn toàn có tánh chụp mũ để cố tình làm hại tôi. Từ lâu tôi rất rõ tên hèn hạ nầy nên tôi cố tránh sự đụng chạm với hắn ta, nhưng hôm nay hắn lại chỉ vào mặt tôi và nói một câu như vậy. Tôi nổi nóng và không thể nào dằn được, sẵn có cái cuốc trong tay tôi đập hắn ngay. Sự việc xảy ra trước cặp mắt của cán bộ quản giáo. Tên TVX bị rách cả cái áo vì cái cuốc của tôi. Thế là tôi bị cán bộ quản giáo bắt vào văn phòng cùng với tên TVX. Vào tới văn phòng một tên cán bộ đội khác thấy quản giáo dẫn tôi vào cùng với anh TVX, hắn liên hỏi tên quản giáo của tôi :

Anh nầy làm sao thế?

Tên quản giáo trả lời:

Anh ấy đánh anh TVX.

Tên quản giáo đội khác nói:

Gớm dám thách đố, cho nó vào cùm mục xương luôn.

Nói xong, hắn bước ra khỏi phòng, còn tôi với anh TVX và tên quản giáo. Cần nói thêm, trong tù nếu đánh những người được cán bộ chỉ định trong hàng ngủ tự quản là vi phạm kỷ luật và bị vô cùm kiên giam. Sự việc lại xảy ra lúc gần tết mà vợ tôi nhắn tin là sẽ dẫn các con tôi ra thăm tôi vào dịp tết. Đối với tôi mọi chuyện gông cùm tôi có thể chịu đựng được, mình chấp nhận tất cả. Nhưng một việc mà tôi lo nếu tôi bị vào cùm, bị kỷ luật thì khi ra thăm tôi, vợ con tôi không được thăm tôi mà hay tin tôi bị kỷ luật, bị cùm kiên giam thì vợ con tôi sẽ khổ tâm là dường nào. Đó là điều tôi lo lắng nhất, nhưng sự việc đã xảy ra rồi thì làm sao đây, thật là vô cùng khổ tâm.

Tên cán bộ khi vô phòng bảo tôi ngồi xuống và hắn bắt đầu lấy giấy lập biên bản về việc tôi đánh anh TVX. Khi hắn viết xong và đưa biên bản cho tôi đọc và bảo tôi ký tên vào và sau đó hắn sẽ dẩn tôi vào phòng kiên giam và cùm chân tôi như những người khác.

Tôi cố gắng bình tĩnh, tìm cách đối phó. Khi tôi đọc biên bản xong, tôi thấy biên bản ghi như sau:

Trong lúc đào ao, anh Trực đánh anh TVX là tự quản của đội, vi phạm nội quy và kỷ luật của trại.

Tôi cầm biên bản và đầu lóe lên một ý tưởng là phải liều mạng để vô hiệu quá cái biên bản nầy. Tôi quyết định phải làm. Tôi nhìn tên cán bộ và nói:

Thưa cán bộ, biên bản nầy không trung thực nên tôi không ký.

Tên cán bộ nghe tôi nói hỏi lại:

Anh nói sao mà không trung thực, anh đánh anh TVX thì tôi ghi là anh đánh anh T V X, như vậy tại sao anh bảo rằng không trung thực?...

Tôi nhìn tên cán bộ và trả lời:

Có khi nào bổng dưng cán bộ đi đánh một người mà không có lý do? và tôi nói thêm sự việc xảy ra trước mặt mọi người. Tôi không đương nhiên mà đánh anh TVX.

Tên hèn hạ TVX thấy thế xen vào, y nói như sau:

Tôi thấy cán bộ ghi biên bản như vậy là hoàn toàn trung thực.

Hắn ta nói với ý cố tình lôi tôi vào cùm. Tôi quay lại tên hèn nầy và nói:

Anh X cán bộ đang làm việc với tôi, tôi biết cán bộ có đầy đủ thẩm quyền để giải quyết công việc, tôi nghĩ không cần anh phải xen vào.

Tên cán bộ quay sang anh X và bảo hắn về coi đội đang đào ao.

Lần nầy hắn nhìn tôi và nói:

Anh đừng tưởng anh không ký biên bản mà tôi không kỷ luật anh được, anh cũng đừng tưởng anh ký biên bản mà tôi kỷ luật anh. Tùy vào thái độ của anh mà thôi.

Tôi quay sang hắn và trả lời sau khi nghỉ rằng thế nào mình cũng ký biên bản. Tôi nhìn hắn và nói:

Nếu cán bộ muốn tôi ký biên bản xin cán bộ cho tôi ghi ý kiến rồi tôi sẽ ký.

Anh ta nghe như vậy liền nói:

Được anh cứ viết.

Tôi lấy cái biên bản và viết vào mấy câu ý kiến của tôi và giao lại cho hắn. Khi hắn đọc xong, hắn xé nát cái biên bản và đập bàn môt cái rầm.

Hắn quát lớn:

Anh dám viết như vậy à.

Khi thấy hắn nóng đập bàn một cái rầm, tôi nghĩ ngay là hắn sẽ đánh tôi, mà nếu hắn đánh thì mình không thể nào đánh hắn được. Tôi vội la lên:

Nếu cán bộ đánh tôi, tôi sẽ chạy lên ban giám thị ngay!

Nghe tôi nói hắn nói lại:

Nào tôi, tôi có đánh anh đâu.

Thế là tôi đã chận được tay hắn.

Tôi nghiêm mặt, nhìn hắn và nói:

Khi tôi viết tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm những gì tôi đã viết, đó là sự thật.

Lần nầy hắn nhìn tôi và dịu giọng, hắn hỏi tôi:

Anh ở tổ nào ?

Tôi đáp:

Thưa cán bộ tôi ở tổ 3.

Hắn nói:

Tối nay anh về sinh hoạt tổ 3 và sau đó tôi sẽ có ý kiến và biện pháp đối với anh. Anh rõ chưa?

Tôi đáp:

Dạ rõ!

Thế là tôi đã tránh được vào cùm trước mắt vào ngày hôm đó.

Tối về thay vì được nghỉ ngơi, cái tổ 3 của tôi phải sinh hoạt bất thường đêm thứ năm hôm đó. Trong sinh hoạt, tất cả ý kiến đều bênh vực tôi và đều cho là lỗi của anh TVX.

Sáng hôm sau nhầm ngày thứ sáu, anh TVX mang biên bản sinh hoạt tổ 3 nộp cho cán bộ quản giáo xem thì vào chiều thứ sáu, khi tôi đang lom khom cuốc đất tên quản giáo lại phía sau tôi, tay hắn cầm một sắp hồ sơ của tôi và hỏi:

Anh Trực hôm nay anh đang suy nghĩ gì. Tôi quay lại và trả lời với hắn:

Tôi rất mệt nên không suy nghĩ gì cả.

Hắn bảo tôi ngưng cuốc và hắn cho tôi xem xấp hồ sơ mật mà hắn đánh giá về tôi, hắn nói:

Anh xem nè, tôi đâu có thành kiến gì với anh đâu, tôi ghi anh mọi thứ đều tốt hết, nhất về mặt tư tưởng, lao động ..v..v..Tối nay thứ sáu trong sinh hoạt đội, anh đừng nêu vấn đề giữa anh và anh TVX, coi như tôi đã giải quyết xong mọi chuyện.

Thật là chuyện bất ngờ, hắn đã mang cho tôi xem hồ sơ mật về tôi một việc làm không bao giờ có thể xảy ra giữa một tên quản giáo với người tù.

Như vậy, hắn đã hoàn toàn lo sợ những gì tôi viết trong biên bản và cái liều mạng trong đường cùng của tôi, những gì tôi bạo dạn viết ra thật sự đã giúp cho tôi thoát khỏi việc kiên giam, gông cùm và không làm cho vợ con lo sợ khi

hay tin tôi bị kỷ luật. Thật không ngờ!

Trong biên bản tôi viết như sau:

Cán bộ quản giáo dùng anh TVX làm điều bất hợp pháp. Dùng anh Xuân bảo các anh em tù nộp lại quần áo tù mà trại vừa phát, để đem ra nhà dân đổi chó về đem về nhà lô làm thịt ăn nhậu bằng quần áo của tù và dùng anh TVX làm nhiều việc bất hợp pháp nầy, khiến cho tù nhân không tin tưởng vào chánh sách của đảng và nhà nước trong việc học tập cải tạo.

Thật vậy, những hành động nầy được tên quản giáo chỉ thị cho tên TVX làm với một thời gian ngắn mà thôi khi trại vừa phát quần áo mới cho tù.

Thật không ngờ cái liều mạng của tôi khi viết ra điều nầy, làm cho tên quản giáo rét thật và giúp cho tôi thoát được một tai nạn. Tôi không bị một hình thức kỷ luật nào và mọi việc như không có gì xảy ra, nhưng dầu sao đây cũng là sự đối đầu rất căng thẳng của tôi trong vòng 10 năm tù đày.

B-Thoát chết:

Những năm tháng thật là cực kỳ đói rét ở miền Bắc đã qua, tôi may mắn đã chịu đựng được trong khi nhiều người đã bỏ mình tại các trại tù rải rác khắp nơi. Cuối năm 82, tôi được chuyển trại từ Tân Lập Vĩnh Phú về trại Z30D thuộc Hàm Tân, Thuận Hải, có điều kiện cho gia đình tôi thăm nuôi vì gần gũi hơn. Tuy nhiên tôi đã trải qua một cơn bạo bệnh thập tử nhất sinh, tôi bị cơn bệnh mà trại ấy thường gọi là sốt Hàm Tân, với những triệu chứng gần như sốt rét. Người tôi ốm hẳn, nước da vàng, xanh xao. Trong suốt 20 ngày, ban đêm tôi không ngủ được chút nào, tôi mệt dần nhưng cố gắng chịu đựng vì nghĩ mình sẽ lướt qua và không muốn nhắn tin gia đình vì tôi ngại gia đình sẽ lo. Ngày tôi quá kiệt sức, đi đứng không nổi vì mỏi mệt, sức khỏe như kiệt quệ dần. Một đêm, tôi quá mệt, anh em làm mọi cách như xoa dầu, châm cứu, cạo gió, nhưng tôi quá mệt nên vào 10 giờ đêm các anh trong phòng báo cáo cấp cứu lần thứ nhất. Tôi đưa tay ra ngoài để tên cán bộ cho thuốc. Người

dẫn tên cán bộ trên bệnh xá tới lại là người khóa đàn anh trong trường đó là Niên Trưởng K/19 Hoàng Gia Hiếu, anh ấy nhận diện ra tôi là khóa đàn em nên hết sức lo lắng, anh ấy biết tôi rất nhiều khi còn học ở trong trường Võ Bị.

Sau khi cấp cứu lần thứ nhứt tôi lại quá mệt, trong cơn bệnh tôi suy nghĩ rất nhiều, tôi nghĩ đến các Đấng Thiêng Liêng nhất như Trời, Phật, Chúa...v.v... Tôi nghĩ lại mình không biết tôi đã phạm lỗi lầm gì mà ngày nay tôi lại như thế nầy. Sau khi nghĩ đến các Đấng Thiêng Liêng, tôi bắt đầu nghĩ đến số mạng và tôi kết luận có lẽ phần số tôi đến đây là chấm dứt và mọi người đều phải chấp nhận cái số của mình. Khi nghĩ đến cái số mệnh, tôi không còn sợ nữa. Tôi bắt đầu chuẩn bị cho sự ra đi của tôi, Tôi cám ơn tất cả sự giúp đỡ của mọi người và tôi yêu cầu anh em giúp tôi lần cuối cùng trước khi tôi nhắm mắt. Tôi xin mọi người ghi lại lời trăn trối của tôi như sau để đem về cho vợ con của tôi:

Xin anh em ghi ngày và giờ ra đi của tôi.

Nhờ nói giùm với vợ con tôi là tôi vẫn xứng đáng là một quân nhân tới giờ phút cuối cùng.

Vĩnh biệt em và các con!

Sau khi nghe lời trăn trối của tôi, một vài anh bạn thân bật khóc và họ nói:

Anh Trực, anh ráng sống, anh không chết đâu.

Các anh em vội kêu cấp cứu lần thứ hai trong đêm gần hai ba giờ sáng. Khi Niên Trưởng Hoàng Gia Hiếu dẫn tên cán bộ đến. Tôi đưa tay ra và nhìn tên cán bộ bên ngoài đang rọi đèn pin. Như lòng uất nghẹn dâng tràn từ lâu, tôi nhìn tên cán bộ bên ngoài và chửi rất lớn:

Cộng sản vô nhân đạo! Chế độ CS sẽ bị đập tan, CS tàn bạo ..v..v..

Khi nghe tôi chửi lớn trong đêm khuya và biết thằng khóa đàn em đang bệnh nặng. Niên Trưởng Hoàng Gia Hiếu vội đỡ lời:

Báo cáo cán bộ, anh ấy sốt cao quá, anh ấy mê man không còn biết gi hết

Tên cán bộ sau khi nghe tôi chửi như vậy, hắn ta nói với Niên Trưởng Hoàng Gia Hiếu :

Không có chế độ nào cho anh ấy lên bệnh xá vào giờ nầy, sáng mai anh xuống đưa anh ấy lên bệnh xá.

Sáng hôm sau, sau khi điểm danh vào buổi sáng, NT Hiếu xuống cỏng tôi lên bệnh xá. Hơn 3 tháng rưỡi qua bệnh xá không còn thuốc, mới lảnh được thuốc ngày hôm qua thì tôi được đưa lên bệnh xá. Bệnh xá có tất cả là 3 chai nước biển, khi cỏng tôi đến nơi mạch tôi rất yếu. Nhưng thật là may cho tôi sáng hôm ấy tên cán bộ phụ trách bệnh xá vào trại rất sớm. Sau khi xem mạch xong, tên cán bộ bảo NT Hiếu chuyền cho tôi một chai nước biển. Khi chai nước biển hết, mạch tôi còn yếu, anh ta cho thêm một chai nữa. Còn chai thứ 3 thì mang vô cho một chị hình sự đang bị xuất huyết tử cung. Nhờ hai chai nước biển mà tôi thấy khỏe hẳn lại. Trong thời gian nầy, hai người bạn cùng khóa là Trần Công Hạnh và Nguyễn văn Loan nằm trên bệnh xá lo cho tôi mọi thứ từ miếng ăn và giặt quần áo. Cơm nước thì có bạn Hạnh lo, giặt giũ làm vệ sinh thì bạn Loan giúp đỡ. Khi tôi bắt đầu phục hồi, khoảng hai tuần sau, tên cán bộ phụ trách cấp cứu đêm đến bệnh xá, gặp tôi hắn nhìn tôi và hỏi:

Sao anh khỏe chưa?

Tôi chưa kịp trả lời, tên ấy lại nói:

Gớm đêm đó anh chửi chúng tôi quá.

Tôi nhìn hắn và làm bô ngạc nhiên tôi nói:

Uả sao lạ vậy cán bộ, tôi không biết gì hết.

Sau đó tôi ngỏ lời cám ơn hắn về sự cấp cứu tôi trong đêm đó. Hắn chúc tôi mau bình phục và không nói gì thêm. Sau đêm tôi trối trăn và có lời chửi bới, bạn bè hầu như ai cũng nghĩ rằng tôi sẽ không qua khỏi cơn bệnh và nếu có qua thì không tránh khỏi những hậu quà về những lời chửi bới của tôi trong đêm. Nhưng như một sự nhiệm mầu của Ơn Trên che chở, mọi chuyện đều bình yên cho tới ngày tôi được ra trại. Một sự nhiệm mầu nào đó mà tôi vẫn tin

tưởng mình đã được sự độ trì của Ơn Trên.

Niên Trưởng Hoàng Gia Hiếu nói với tôi:

Anh là người quá may mắn, tôi chưa thấy ai là người may mắn như anh. Rất may cho anh là tên cán bộ đó trực tại bệnh xá đêm hôm đó, mà tên nầy là một tên rất tốt, nó rất có lương tâm, mấy chị hình sự ra máu, nó không hề sợ dơ và giúp rất tận tình. Nếu anh gặp người khác là rồi đời!

C-Ly cam vắt nhớ đời.

Sau hai ngày nằm trên bịnh xá thì được tin vợ tôi ra thăm. Tôi thật không ngờ vì không đươc thông báo trước. Nhưng khi nhận được tin thông báo tôi chuẩn bị ra nhà thăm nuôi để gặp người nhà. Lúc ấy tôi vẫn còn mệt lắm và ngại đoạn đường rất xa từ trong trại ra nhà thăm nuôi. Bạn Trần Công Hạnh phải dìu tôi. Dọc đường có một cô hình sự thấy tôi quá xanh xao, cô ta bảo tôi vịn vào vai cô ta và cô ấy đi một bên để cùng tôi và một người bạn cùng khóa ra nhà thăm nuôi. Khi đến nhà thăm nuôi, sau mọi thủ tục, tôi ngồi đối diện với vợ tôi và người chị ruột của tôi. Chị tôi là môt y tá lâu năm làm việc tại bệnh viện Chợ Rẩy. Vợ tôi đươc người nhà của bạn bè tôi đi thăm nuôi về thông báo rằng tôi đang bị bệnh nặng, sức khỏe yếu lắm nên vợ tôi và chị tôi vội vã ra thăm. Khi nhìn thấy tôi, bà xã tôi, sau nầy cho tôi biết, bà ấy rất lo vì tôi hoàn toàn xuống sắc, mất sinh lực. Vợ tôi nói tôi uống ly cam vắt mà bà ấy làm sẵn. Phần tôi lúc ấy khá mệt nên ngồi vào bàn mà chưa nói gì được. Tôi cầm ly cam vắt và hớp môt ngụm. Thật là tuyệt vời tôi nghe nước cam chạy ngọt ngào xuống cổ họng, uống thêm vài ngụm kế tiếp tôi có cảm giác tỉnh táo hẳn ra. Tôi như có thêm « power », tôi như đươc phục hồi sức khỏe nhanh chóng chẳng khác nào cây cỏ trên sa mạc gặp được cơn mưa rào. Ly cam vắt sao mà thần diệu quá \! Nó như tiếp thêm sinh khí cho tôi và tôi ngồi kể lại cho vợ và chị tôi một cách cặn kẻ về cơn bệnh của tôi.

Sau khi nghe tôi kể, chị tôi mới lần lượt lấy thuốc mà vợ và chị mang cho tôi, chị tôi nói:

Em về để dành thuốc của trại cho, chỉ uống thuốc của chị, nếu cơn sốt giảm đi từ từ thì tốt. Nếu cơn sốt tăng, giảm bất thường thì nguy hiểm. Chị ấy chỉ cho tôi rất chi tiết cách xử dụng của từng loại thuốc mà chị ấy mang cho tôi.

Khi nhìn thấy tôi lúc thăm nuôi, bà xã tôi rất lo trên đường về nhà. Bà ấy rất lo sợ khi nghe tin chẳng lành về tôi, vì khi nhìn thấy tôi rồi bà khó tin tôi có thể vượt qua căn bênh hiểm nghèo. Bà chỉ biết cầu nguyên cho tôi và hy vọng với thuốc men mà gia đình mang ra cho tôi, tôi sẽ mau bình phục.

Sau khi hết giờ, tôi trở về trại và uống thuốc theo lời dặn của chị tôi và tôi dần hồi phục. Mọi cơn bệnh hoạn đã vượt qua và sức khỏe trở lại bình thường. Tôi được trả về đội cũ lao động trở lại bình thường...

Tại trại Z30D hai biến cố xảy ra cho tôi vừa kể ở trên có thể nói rất nguy hiểm cho tôi, nhưng có lẻ nhờ Ơn Trên che chở nên cuối cùng tôi đều vượt qua một cách thật là may mắn. Bây giờ ngồi nghĩ lại tôi không thể nào ngờ được...

6-Sum họp gia đình:

Vào những ngày cuối năm 1984 và đầu tháng năm 1985, những tin tức do gia đình thăm nuôi liên tục vô trại là phía Mỹ và Việt Nam cộng sản liên tục gặp nhau về việc Mỹ sẽ rước các người tù chánh trị đang học tập cải tạo. Chánh phủ của hai nước vẩn đang tiếp tục đàm phán. Tin tức nầy là một niềm tin mà mọi người tù đều hy vọng sẽ thành sự thật. Cứ vào cuối tuần, anh em trong tù thường quây quần cùng nhau nhỏ to những chuyện chung quanh việc Mỹ sẽ nhận những người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Hình như trên gương mặt ai cũng rạng rỡ khi tiếp nhận tin tức trên và ai cũng sống trong hy vọng từ những tin tức từ nguồn thăm nuôi của gia đình. Bên cạnh đó, tại trại có nhiều tin đồn sẽ có những đợt phóng thích một số đông các tù chánh trị. Thỉnh thoảng cũng có những đợt phóng thích lai rai nhưng không nhiều lắm.

Ngày 6-1-1985, nhằm ngày chúa nhật, chúng tôi được

lệnh tập trung lên hội trường để nghe đọc lênh tha. Tất cả đều lên hội trường. Riêng tôi như mọi khi tôi không đi nghe, ở lại phòng nằm nghỉ vì tôi không nghĩ mình có tên. Khi nghe tiếng nói ồn ào bên ngoài tôi biết việc đọc lênh tha đã xong, tôi ra ngoài để xem coi có ai quen được về lần nầy hay không. Khi tôi vừa bước ra tới cửa thì gặp anh Thã cùng đội, một người bạn tù vừa về tới. Khi thấy tôi anh chạy ngay lại, anh nói:

Anh Trực hảy cởi áo ra cho tôi, cởi, cởi cái áo ra cho tôi mau.

Vừa nói anh vừa đưa tay cởi nút áo tôi.

Tôi ngạc nhiên hỏi lại anh ta:

Làm gì kỳ cục vậy anh Thã?

Anh ta nói:

Anh được đọc tên để về rồi, phải để cái áo nầy lại cho tôi chứ.

Tôi nói với anh ta:

Thôi đừng giởn chơi ông nội, phá tôi hoài!

Anh nói với tôi vẻ mặt nghiêm nghị :

Tôi nói thiệt đấy, anh được đọc tên sớm nhất. Anh nên lên hội trường ngay đi, những người có tên ở lại hội trường làm thủ tục ra trại ngay đấy. Anh lên trên hội trường ngay đi!

Tôi còn đang bán tín, bán nghi thì môt chú tù hình sự chạy về nói:

Chú Trực, chú đi lên ngay hội trường, những người có tên đang tập trung để làm thủ tục ra trại đấy.

Khi nghe chú bé tù hình sự nói tôi mới tin là thật và tôi cởi cái áo ra trao cho anh Thã, vào lục một cái áo cũ mặc vào và đi lên hội trường. Khi tới hội trường tôi gặp anh Đức, anh ấy cũng có tên như tôi, người bạn nằm bên cạnh cùng đội, anh ấy ôm tôi và nói:

Anh Trực xong rồi, lát nữa anh em mình về một lượt nhé.

Khi nghe như vậy tôi mừng lắm và tôi nói với anh ấy:

Hồi nảy tôi không có lên nghe, anh Thã về phòng gặp tôi và mới nói cho tôi biết nên tôi mới vừa lên đây.

Anh Đức xác nhận:

Đúng rồi, bây giờ mình đang chờ làm thủ tục rồi về ngay hôm nay.

Khi làm giấy tờ xong, tôi nhận lại cái đồng hồ seiko cũ mà tôi gởi lại trại khi mới vào, nhận một ít tiền làm lộ phí và một tờ giấy ra trại. Đợt tôi được tha khoảng hơn 50 người, coi như là đợt đông nhất và được cho ra trại sau khi đọc lệnh tha. Từ trước tới giờ chưa có lần nào như thế, nhiều khi phải ở lại một vài ngày, một tuần và đôi khi cả tháng với lý do lao động lưu niêm.

Anh Đức, một đại úy làm việc tại phòng nhì Tiểu Khu Gia Định, một người Việt gốc Hoa, anh nói:

Anh nhớ lấy theo đôi đũa khi ra khỏi trại, nhớ nhé!

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

Mình được về rồi mà mang theo đôi đũa làm gì?

Anh giải thích về sự thắc mắc của tôi:

Bà ngoại tôi lên thăm, bà dặn tôi khi ra về nhớ mang theo đôi đũa để khi ra khỏi cổng trại tù, mình bẻ nó ra làm đôi và liệng nó lại. Như vậy mình sẽ không bao giờ trở lại vào trại tù nửa.

Nghe như vậy, tôi lấy đôi đũa cầm theo khi ra khỏi trại.

Tôi và anh Đức từ giã các bạn còn lại, nhìn các bạn mà lòng buồn buồn. Tôi soạn những gì còn lại như hai con gà mái, một con gà đang đẻ trứng mà các bạn giao cho tôi giữ và bàn giao lại, tất cả những gì còn xài được chia hết cho các bạn. Nhận địa chỉ nhà các bạn để về nhắn tin giùm và siết tay từng người. Anh Đức và tôi lên đường ra cổng trại với lòng hân hoan vô cùng. Thât không ngờ tôi có ngày gặp lại vợ con sau 10 năm xa cách!

Khi ra khỏi cổng trại, cả hai bẻ đôi đũa và liệng về phía cổng trường. Anh Đức nói với tôi, anh cho tôi ghé vào một vài nhà dân gần đây mà tôi quen biết để tôi từ giả họ vì họ rất tử tế với tôi. Tôi và anh Đức lần lượt vào 3 nhà gần trại, họ rất mừng khi hay tin chúng tôi được về với gia đình. Họ đề nghị chúng tôi ở lại qua đêm và sáng sớm mai lên

đường vì bây giờ đã hơn 4:30 chiều sợ không còn xe. Tôi cám ơn, và xin phép đươc cáo từ. Từ trại ra đến quốc lộ cũng khá xa, khi chúng tôi ra đến nơi thì thấy lố nhố trên quốc lô là người tù đón xe dọc hai bên đường. Cuối cùng chúng tôi được một chiếc xe đò chạy đường Phan Thiết – Saigon dừng lại dù xe đã khá đầy người.

Khi lên xe, người tài xế biết tất cả chúng tôi là những người tù ở trại Z30D mới được tha. Anh ta nói:

Xin chúc mừng tất cả các anh được về đoàn tụ với gia đình. Chúc các anh mạnh khỏe và được nhiều may mắn. Các anh khỏi phải trả tiền, chúng tôi chỉ mong cho các anh luôn được an lành.

Xe về đến bến xe miền Đông hơn 10 giờ đêm. Tôi lên một chiếc xe xích lô máy chạy về nhà bà chị vợ tôi ở đường Trần Bình Trọng. Tôi nghỉ rằng theo sinh hoạt hằng ngày, vợ tôi gởi các con ăn học và mỗi buổi tối vợ tôi mới đón chúng về ở nhà tôi. Khi tôi về đến nơi, tôi trả tiền xe xong và bước vào nhà bà chị vợ của tôi, thật may số tiền mà trại phát chỉ vừa đủ trả tiền xe xích lô. Nhà chị vợ tôi đã đóng cửa nhà và đèn nhà đã tắt, chứng tỏ vợ tôi và con tôi đã về nhà tôi rồi. Tôi gọi chị tôi, chị ấy không nghe, nhưng một đứa cháu nhà kế bên nghe tiếng tôi khi mở của ra thấy tôi cháu rất mừng và gõ mạnh cửa. Chị tôi mở cửa ra nhìn thấy tôi chị ấy ôm tôi và mừng đến rơi nước mắt. Người cháu kế bên nhà vôi lấy xe gắn máy chạy lên nhà tôi chở vợ tôi tới nhà bà chị. Tôi vào nhà và ngồi nói chuyện với người chị vợ trong khi chờ đợi vợ tôi. Một lát sau, cháu Ẩn chở vợ tôi tới nhà bà chị, bà xã tôi ôm chầm lấy tôi và cả hai chúng tôi mừng như rơi nước mắt...

Sau cùng vợ tôi và các con tôi nhìn thấy tôi hiện diện tại nhà sau 10 năm xa cách. Khi về tới nhà, tôi nhìn vợ và các con, nhìn lại căn nhà mà như một giấc mơ. Tôi không thể tưởng tượng mình đã trải qua 10 năm xa cách căn nhà thương yêu. Tôi mừng vì thấy các con hiện nay đã lớn hẳn ra và còn được đi học. Tôi hiểu rằng vợ tôi phải cố gắng

hết sức trong suốt thời gian vừa qua cho nên các con tôi mới được như vậy. Hàn huyên tâm sự với vợ và các con rồi cũng phải đối đầu với một thực tế trong cuộc sống sắp tới trong tương lai. Tôi phải trình diện chánh quyền địa phương và chịu sự quản chế trong thời gian một năm.

Hàng ngày phải viết mọi hoạt động của chính mình trong cuốn sổ và hàng tuần phải trình diện tại phường. Đi đâu hoặc vắng mặt thì phải báo cáo với công an khu vực theo một quy chế tạm trú, tạm vắng. Thỉnh thoảng tên công an khu vực đến nhà như để kiểm soát hoặc hỏi thăm các hoạt động của mình chưa kể là phải sinh hoạt họp tổ dân phố, một hình thức kiểm soát ngầm.

Những người có lý lịch là sĩ quan «Ngụy» như tôi hầu như không xin được việc làm ở các cơ quan nhà nước. Bạn bè tôi, người thì đạp xích lô, người thì chạy xe ba gác, người thì đi dạy Anh văn chui, người thì vá xe đạp. Còn tôi nhờ gia đình nên làm công nhân cho một tổ hợp làm nước đá bên Gia Định, làm công nhân cho một công ty xuất cảng gạo qua ngày.

7-Huynh đệ chi binh hay tình tự Võ Bị

Đối với tôi một trong cái quý nhất của con người là sự tự do, cái mà tôi và cả dân tộc Việt Nam, miền Bắc kể từ năm 1954 và miền Nam từ sau ngày 30-4-75 đã bị mất hoàn toàn. Mất tự do là mất tất cả. Hệ thống công an kìm kẹp khắp nơi trong đó công an phường xã và công an khu phố luôn luôn theo dõi mọi người kèm theo tổ dân phố. Những gia đình dính líu đên chế độ miền Nam được đặc biệt quan tâm kèm theo một chế độ phân biệt đối xử. Lý lịch con cái tù chánh trị là một trở ngại trong việc học hành. Mọi cuộc sống đều bị đảo lộn và thật nhiều vất vả khó khăn. Trong hoàn cảnh nầy nhiều gia đình rơi vào cảnh bần hàn: Chạy cơm hằng bửa toát mồ hôi! Hoàn cảnh anh em chúng ta thật là bi đát vì cuộc sống gia đình, chúng ta phải làm bất cứ công việc gì. Nhiều người hàng ngày phải đạp xích lô, đạp xe ba bánh, mua bán thuốc tây chui, bán thuốc lá, dạy

Anh văn, giữ xe đạp và xe gắn máy hoặc hàng ngày lăn lóc chợ trời...v.v...

Ngày xưa chúng tôi cùng một quân trường cùng được huấn luyện gian truân để trở thành một quân nhân. Tình huynh đệ trong đời lính đã làm cho chúng tôi thương nhau như anh em ruột cùng chung mái nhà, mái nhà đó chính là trường Mẹ, trường Võ Bị Quốc Gia. Chính vì vậy mà chúng tôi sát cánh nhau ngoài chiến trận, chẳng nề mọi hiểm nguy giữa lằn tên mũi đạn của kẻ thù để yểm trợ cho nhau, cái sống gần với cái chết. Chúng tôi lo lắng thương yêu nhau từ trong nhà tù chia từ mẩu sắn miếng khoai.

Ngày giờ nầy, buông súng và sống trong sự mất tự do trong và ngoài nhà tù, chúng tôi càng thương nhau hơn; và vì vậy chúng tôi lại càng tìm đến nhau dù rằng hệ thống nhà cầm quyền luôn luôn theo dõi.

Tình bạn, tình chiến hữu như anh em ruột thịt. Do đó trong nước chúng tôi thường tổ chức gặp gỡ và thăm viếng nhau, chia sẽ buồn vui, lo lắng tương trợ lẫn nhau. Ngoài nước các bạn tôi, những người bạn may mắn thoát được lưới cộng sản và hiện định cư ở nước ngoài, nhiều nhất là ở Mỹ, dù còn nhiều khó khăn vẫn dành dụm, gói từng gói quà gởi về Việt Nam cho những thằng bạn đang gặp khốn khó. Những gói quà với tên Nguyễn Hữu Thọ, Đặng Đình Trí sao mà quý giá vô cùng cho những thằng bạn trong nước, những thằng bạn trong tù. Các bạn nên biết thêm rằng anh Nguyễn Hữu Thọ, người bạn cùng khóa của chúng tôi đã bị mất một chân tại chiến trường. Mặc dù tàn phế, anh vẫn nhen nhúm tí tiền còm để mua quà gởi về những người bạn khốn khó ở quê nhà. Qua đó các bạn thấy thật là cao quý thay cho những người chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Sự hy sinh, lòng hào hiệp của họ thật sáng ngời...

Tuy nhiên vì hình thức của gói quà làm rất giống nhau, nhất là cùng để tên một người gởi, những người đi nhận quà từ bưu điện không qua được con mắt của đám công an kiểm soát tại bưu điện và chúng sinh nghi ngờ nên bắt

đầu lưu ý người đi nhận quà. Một số người bị phiền toái khi nhân quà. Vì vậy, anh em còn ở Việt Nam mong muốn có những gói quà để cầm hơi, nhưng từ khi bọn Việt cộng sinh nghi anh em rất lo ngại khi có gói quà dưới cái tên là Nguyễn Hữu Thọ.

8-Tình thương yêu của các nàng dâu Võ Bị nói riêng và của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nói chung.

Trong phạm vi Saigon và Chợ Lớn, anh em khóa 20 thường xuyên gặp gở, nay tại nhà người nầy, ngày hôm sau tại nhà người khác. Tuy rằng họp mặt đông người thường bị theo dõi, nhưng không vì thế mà anh em chúng ta e ngại. Chúng ta biết điều này, nhưng vì cái tình huynh đệ, tình chiến hữu nhất là cái tình đồng khóa đã không làm cho chúng ta e ngại mọi hiểm nguy. Đây là một sợi dây thiêng liêng của những chàng trai Võ Bị, một truyền thống của những người con cùng xuất thân nơi trường Mẹ Võ Bị Quốc Gia. Nhớ lại thời gian qua, chúng ta không bao giờ quên những địa điểm họp mặt rất vui, một cách kín đáo tại nhà anh chị Ngô Văn Niếu, tại nhà bạn Lê Quang Liễn, tại nhà bạn Hoàng Văn An, tại nhà chị Hoàng Đình Đạt, chị Nguyễn Phú Hữu, chị Lê Xuân Trạch, hoặc kéo nhau lên Tây Ninh thăm viếng hai bạn Võ Công Danh và Nguyễn Hữu Phước và nhất là tại tổ hợp nước đá ở đường Nguyễn Duy, Gia Định, nơi tôi làm việc là trạm liên lạc thường xuyên...v.v... Những kỷ niệm nầy tôi không bao giờ quên, đối với tôi nó vô cùng có ý nghĩa và tôi không bao giờ quên khi chúng ta phải đau buồn tiễn đưa hai bạn Ngô Văn Niếu và Phạm Gia Quang, những người bạn chưa bao giờ được thở không khí tự do sau ngày mất nước 30-4-75...

Chúng ta những người chiến binh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, không hoàn thành chí tang bồng như mong ước, trên bước đường chinh chiến giữa đường gảy gánh, sa cơ thất thế buông súng theo vận nước, đành cam cảnh cá chậu chim lồng, mang tấm thân sống kiếp tù đày, nhưng

lòng vẫn không hề nguôi chí đấu tranh. Nếu không có sự thủy chung, chịu đựng bao gian truân, nuôi chồng trong tù và săn sóc con thơ cùng cha, mẹ già của vợ hiền thì người tù chính trị đã bỏ thân ở chốn rừng núi âm u giá lạnh. Các chị em, nàng dâu Võ Bị của khóa 20 nói riêng và của Trường Võ Bị Quốc Gia hay nói rộng ra của các nàng dâu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa rất đáng trân quý.

9- Trở lại trại tù Z30D thăm bạn:

Mặc dù được sống ở lớp tù ngoài để gần với gia đình, tôi không vì thế mà quên các bạn còn trong tù, nó như cái tình cảm không thể thiếu. Tôi nghĩ rằng, ngày còn mang hia đội mão, với lon lá trên vai, chúng tôi đến với nhau không có được cái ý nghĩa bằng trong tình trạng tất cả đều ngã ngựa. Chính lúc nầy, đến với nhau còn quý biết bao. Tôi lại quay trở về trại Z30D cũ để thăm các bạn trong tù hầu tiếp tế cho bạn. Tôi xin giấy phép thăm nuôi và đề tên một người bạn cùng khóa là Nguyễn Văn Măng. Tôi mang quà lên trại thật sớm để kịp giờ thăm nuôi. Khi đến nhà thăm nuôi, tôi gặp Trung Tá Lê Xuân Quang, một niên trưởng khóa 12, NT Quang lại làm chung một đơn vị với tôi tại Võ Phòng Phủ Phó Tổng Thống. NT Quang được cán bộ chỉ định làm tại nhà tiếp thân nhân thăm nuôi. Khi thấy tôi NT Quang mừng lắm và hỏi tôi:

Anh lên thăm ai?

Tôi nói:

Thưa NT, tôi lên thăm các bạn khóa 20, tôi xin gặp thằng Măng cùng khóa 20 để trao quà cho nó mang vào chia cho anh em.

Nghe như vậy, NT Quang vội nói với tôi như sau:

Trực ơi, cẩn thận, tụi nó đang nghi ngờ chúng mình tiếp tế cho nhau nên khóa 20 đang bị cùm tùm lum, trong số có thằng Măng, như vậy không xin gặp được nó đâu vì nó đang trong cùm. Trực nên cẩn thận đó!

Nghe tin nầy tôi buồn vô cùng, như vậy việc tiếp tế cho bạn bè coi như không còn hy vọng. Tôi suy nghĩ không biết

làm sao sửa đổi tên người khác, một trong các thằng bạn không bị cùm để thay thế thằng Măng. Tôi hỏi NT Quang:

NT Quang ơi, còn thằng khóa 20 nào chưa bị cùm hay không?

NT Quang cho tôi biết như sau:

Tính hết khóa 20 chỉ còn một mình Lê Hữu Chí thường gọi là Chí Bệu mà thôi.

Nghe vậy nhưng tôi không biết làm sao có thể gặp được Chí vì tên trong giấy thăm nuôi là tên Nguyễn Văn Măng, giấy trắng mực đen ghi trong sổ tại phường công an thì làm sao thay đổi bây giờ, nếu tùy tiện sửa ẩu thì vô tù lại như chơi.

Lúc bấy giờ tại nhà thăm nuôi chỉ có mình tôi và NT Quang mà không nghĩ được cách nào khác. Lòng tôi buồn vô hạn, chắc là phải mang quà trở về xin cái đơn thăm nuôi khác mà không biết có được hay không!

Không còn cách nào hơn, tôi kể như vô vọng đành quay trở về! Nhà thăm nuôi mỗi lúc một đông hơn. Trong khi NT Quang bận làm thủ tục ghi tên các thân nhân và tên người tù được thăm nuôi ngày hôm ấy.

Giờ thăm nuôi sắp tới, đầu óc tôi đang suy nghỉ xem có ai quen biết nhờ gởi vào cho các bạn, nhưng trong danh sách ngày hôm đó toàn là người không quen.

Chợt tên cán bộ phụ trách nhà thăm nuôi ra đến. Nhìn tên nầy tôi mừng lắm vì với tên nầy tôi biết chỗ ngứa của nó, tôi rất bực tên nầy mỗi lần ra thăm nuôi vì tên nầy bố láo. Hắn ta cứ khoe với thân nhân là các anh tù nầy là học trò của hắn. Nhưng lần nầy tôi sẽ gãi đúng vào chỗ ngứa của nó để tôi tiếp tế cho bạn bè. Vì vậy khi gặp nó, tôi lấy sẵn một gói thuốc ba số 555 và chạy ngay lại nó trước nhất. Tôi làm như thật mừng rỡ, tôi nói với nó một cách vồn vã như sau:

Chào thầy, hôm nay em lên thăm thằng bạn may quá em lại gặp được thầy, thầy còn nhớ em không?

Vừa nói tôi vừa đưa gói thuốc ba số 5:

Mời thầy hút thuốc.

Hắn ta nghe tôi nói, mặt thật hớn hở và hỏi tôi:

Anh tên gì, trước ở đội nào, hôm nay lên thăm ai?

Khi nghe tôi trả lời xong, hắn quay về phía thân nhân khoe khoang với tất cả thân nhân với một giọng lớn tiếng:

Anh Trực nầy là học trò của tôi, anh ấy cải tạo tốt và đã được tha nay anh ấy về trại thăm tôi. Đây là cách tên cán bộ nầy thường làm tại nhà thăm nuôi. Nó thường khoe nó là thầy của các người tù. Đôi khi một vài thủ thuật nhỏ khiến cho ta làm nên việc, phải không các bạn?.

Nghe hắn ta rêu rao như vậy chắc trong số các thân nhân cũng giận tôi. Nhưng tên cán bộ nầy muốn nói gì thì nói, miễn là tôi thăm được bạn tôi là đủ rồi.

Sau khi chờ tên cán bộ nói xong, tôi nói với hắn:

Thằng Măng bê bối quá, nó làm gì để bị kỷ luật thật là bê bối, xin thầy cho tôi thăm người bạn khác tên Lê Hữu Chí nha thầy.

Hắn trả lời tôi một cách vui vẽ:

Ừ được rồi, để tôi gọi anh ấy ra cho anh gặp

Quay sang NT Quang hắn nói:

Ghi tên anh Lê Hữu Chí cho ra gặp anh Trực.

Thế là tôi thở ra một cái nhẹ nhỏm và sau đó bạn Lê Hữu Chí ra gặp tôi. Khi gặp tôi Chí Bệu rất ngạc nhiên và nói nhỏ vừa đủ cho tôi nghe:

Trực ơi, cẩn thân nha, tụi nó đang nghi ngờ tụi mình tiếp tế cho nhau, đám mình lần lượt vào cùm, còn một mình tao không biết lúc nào. Lúc nầy căng lắm!

Thật là một kỷ niệm khó quên trong đời.

10-Rời quê hương tìm tự do và tương lai cho con cái:

A-Cái LOI

Sau khi ra khỏi tù, tôi phải trải qua một năm gọi là quản chế tại địa phương. Hàng ngày tôi phải ghi lại những gì tôi đã làm. Đi nơi đâu phải ghi lại, hàng tuần phải trình diện tại phường công an với cuốn sổ. Công việc nầy kéo dài một

năm cho đến khi tôi nhận được tờ giấy xác nhận phục hồi quyền công dân. Rời khỏi tù trong, tôi đang sống tại lớp tù ngoài với đầu óc lúc nào cũng căng thẳng. Tôi muốn vượt biên nhưng không có điều kiện. Tôi và gia đình tôi chỉ còn một hy vọng cuối cùng là được ra đi chính thức theo con đường HO do chánh phủ Mỹ bảo lãnh.

Lúc bấy giờ, tình hình về vấn đề HO càng ngày càng sáng tỏ hơn giữa chánh phũ Hoa Kỳ và CS Việt Nam. Việt Nam đã tiến hành các trung tâm dịch vụ xuất cảnh và cho nộp đơn một cách chánh thức. Đây là một niềm hy vọng, một cái phao nhân đạo kéo tôi và gia đình tôi về ánh sáng tự do.

Cái may mắn cho tôi là vợ tôi sau ngày 30-4-75 vẫn còn giữ cho tôi thật đầy đủ hồ sơ quân bạ, bằng cấp tôi du học tại Mỹ cùng đấy đủ hình ảnh, Vì vậy sau khi gởi chui hồ sơ qua Tòa Đại Sứ Mỹ tại Thái Lan thì chẳng bao lâu sau tôi nhận được một thư của Tòa Đại Sứ Mỹ tại Thái Lan cấp cho tôi một cái Letter of Introduction thường gọi tắt là cái LOI. Khi nhận được cái LOI, đối với tôi lúc bấy giờ không có cái mừng nào hơn. Tôi đọc đi đọc lại không sót một chữ và thấy đầy đủ tên họ vợ con. Lòng tôi rộn lên một niềm vui khôn tả, một niềm hy vọng dâng lên và mong cho tới ngày nộp đơn để xin xuất cảnh.

B-Rời quê hương ra đi

Thời gian nôn nóng chờ đợi lâu dài, từ khi nộp hồ sơ tại quận 10, chạy dịch vụ để lấy xuất cảnh, qua phỏng vấn, khám sức khỏe thật là nhiêu khê và thật tốn kém. Gia đình chúng tôi rất vui mừng chờ đợi ngày lên đường sau khi đã tiễn đưa một vài người bạn lên đường tại phi trường Tân Sơn Nhất. Khóa 20, tại Saigon có lẻ bạn Hoàng Văn An lên đường sớm nhất HO/1.

Lúc bấy giờ, tại Chợ Lớn, nhất là dọc đường Nguyễn Trãi mọc ra một số tiệm đóng thùng thiếc. Những chiếc thùng vuông vức bên ngoài ghi địa chỉ người đi và địa chỉ đến cùng với hai chữ HO. Hầu ai ra đi cũng có ít nhất hai

thùng thiếc nầy, gia đình tôi sau khi qua phỏng vấn để làm thủ tục xuất cảnh cũng làm 3 thùng như thế. Bây giờ nghĩ lại cũng thấy vui vui khi nhắc tới kỷ niệm nầy...

Chương trình HO được tiến hành theo từng đợt, gia đình tôi may mắn như bao gia đình cải tạo khác được chánh thức ra đi theo diện HO/ 7 vào ngày 28-8-1991. Ngày chúng tôi ra đi, ngôi nhà của tôi bị tịch thu, dù rằng tôi để lại cho người nhà nhưng không được. Tôi hoàn toàn mất căn nhà thân yêu của hai vợ chồng tôi để đánh đổi sự tự do cho gia đình và cho tương lai các con tôi.

Không còn cách nào hơn, vì sự tự do và tương lai con cái chúng tôi đành phải rời xa đất nước thân yêu, rời xa nơi chôn nhau cắt rún. Ngày nay, nhìn lại quê nhà mà lòng vẫn còn mang một nổi buồn nặng trĩu dù rằng ngày nay cuộc sống của gia đình tôi 20 năm đã đi vào ổn định. Hai vợ chồng chúng tôi và gia đình bây giờ trở thành công dân Mỹ, các con tôi đã tốt nghiệp đại học nhờ sự cố gắng và đã có công ăn việc làm ổn định. Nước người không có chánh sách phân biệt đối xử, mọi người được bình đẳng trước pháp luật, nhân tài được trọng dụng, vì vây mà họ trở nên một nước hùng mạnh về mọi mặt. Trong khi nhìn lại quê hương mình với một chế độ độc tài đảng trị, mọi người dân không có dân chủ tự do thật sự. Nhục nhã hơn nữa là nhà cầm quyền CSVN hầu như khiếp nhược trước sự xâm lăng thô bạo của bọn bành trướng phương Bắc.

11-Cuộc chiến chưa tàn

Đảng cộng sản Việt Nam đã lừa dối người dân suốt ba mươi sáu năm qua sau ngày 30-4-75, gây một hậu quả thật nghiêm trọng. Dân Việt Nam trong nước càng ngày càng nghèo khó trong khi ba triệu đảng viên cộng sản Việt Nam càng ngày càng giàu. Nạn tham nhũng càng ngày càng trầm trọng. Nhất là đảng cộng sản Việt Nam đã âm thầm dâng cả đất nước, hải đảo cho Tàu Cộng. CSVN đối với Trung Quốc thì hèn nhát, nhưng đối với dân trong nước thì đàn áp thẳng tay những người dám lên tiếng chống Trung Quốc

xâm lược đất nước Việt Nam. Sự thật không bao giờ che giấu được trước lịch sử. Những gì không phù hợp với lòng dân sẽ bị đào thải, dù dưới bất cứ bạo lực như thế nào. Đảng cộng sản Việt Nam sẽ không tồn tại, vì hiện nay người dân trong nước đã thật sự chán ghét rồi. Sự chống đối đang dâng trào với bao làn sóng ngầm vì mọi thành phần dân chúng đã không còn sợ hãi trước bạo lực khi mà người dân đang bị dồn vào con đường cùn...

Trong hình trên bọn công an cộng sản Việt Nam đành gục mặt trước những câu hỏi đanh thép của người thanh niên trẻ yêu nước trong cuộc biểu tình bộc phát vào ngày 5-6-11 tại Saigon và Hà Nội. Đây là sức mạnh của lòng dân báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn một chế độ độc tài đảng trị cộng sản Việt Nam, đang làm điêu đứng người dân Việt Nam trong nước...

Hiện nay các chế độ độc tài trên thế giới mang lại cho người dân sự bất hạnh, nghèo đói triền miên. Mặc khác họ luôn bị đàn áp, phân biệt đối xử một cách bất công. Sự chịu đựng đau khổ thường có giới hạn với sức chịu đựng của con người. Hơn nửa, thế giới ngày nay không còn là một thế giới đóng kín trong bức màn sắt ngày nào. Khoa học kỷ thuật trên phương diện truyền thông tiến rất xa. Mọi biến động trên thế giới không còn che mắt được ai nữa, nhất là các cao trào tự do dân chủ đang nở rộ và là nền tảng cho sự tiến bộ của con người. Tức nước thì vỡ bờ khi mà người dân đang bị dồn vào chân tường. Cuộc cách mạng nhanh chống tại Tunisia là một điển hình Cuộc cách mạng Hoa Lài tại Tunisia, thêm một lần nữa, đã cho chúng ta tin tưởng rằng mọi chế độ độc tài đảng trị đi ngược lại nguyện vọng của số đông quần chúng trước sau gì cũng bị sụp đổ, bởi những cuộc đột biến xảy ra từ sự căm phẫn tột cùng của người dân. Những hy sinh và những nỗ lực tranh đấu của các nhà dân chủ tại Việt Nam trong thời gian qua, đã và đang tạo những chuyển động lớn mà chính chế độ Hà Nội đang rất lo sợ. Trong đó, việc Hòa Thượng Thích Quãng Độ, Linh Mục Nguyễn Văn Lý, BS Nguyễn Đan Quế, luật sư Lê Thị

Công Nhân..v..v..và rất nhiều trí thức, sinh viên học sinh, nhất là gần đây Luật Sư Cù Huy Hà Vũ đã đưa ra Lời Kêu Gọi đồng bào trong và ngoài nước, cùng tranh đấu, giành lại quyền dân làm chủ đất nước thật sự từ cuối năm 2010. Đây chính là những làn sóng ngầm và nó sẽ làm sập chế độ bất cứ lúc nào. Sự sụp đổ của chế độ cộng sản Việt Nam là điều tất yếu và không tránh khỏi được. Sinh viên, học sinh và mọi thành phần trí thức yêu nước đã xuống đường biểu tình mặc cho rừng công an dày dặc theo dõi. Khí thế đang dâng trào trông nước vào ngày 5-6-11 vừa qua. Điều nầy là dấu hiệu cho thấy sự sụp đổ của chế độ cộng sản Việt Nam chỉ là vấn đề thời gian không còn bao lâu nữa. Khi lòng dân nổi dậy thì không có sức mạnh nào có thể ngăn cản được. Trong đó, chế độ độc tài cộng sản Việt Nam trong nước cũng không tránh khỏi. Cuộc chiến chống cộng sản Việt Nam vẫn đang tiếp tục không ngừng. Cuộc chiến nầy vẫn tiếp tục cuộc chiến trước ngày 30-4-75 và sẽ chấm dứt khi nào đảng cộng sản Việt Nam bị tiêu diệt hoàn toàn. Đó là một điều hiển nhiên và tất yếu.



Nguyễn Chánh Trực K20



Quyển ngoại sử viết về chiến tranh Việt Nam

Nguyễn Đạt Thịnh K6

Tôi biết, có 4 độc giả Việt Nam không coi trung úy Bernard de Lattre de Tassigny, con trai duy nhất của thống chế Jean de Lattre de Tassigny, là một quân nhân anh hùng, trong lúc cả thế giới ngưỡng mộ cái chết của anh trong cuộc giao tranh tại Ninh Bình, giữa năm 1951 Bernard, một quân nhân COCC (con ông cháu cha) chính thống, có thừa điều kiện ngồi mát tại Hà Nội mà vẫn thăng cấp nhanh hơn những bạn đồng đội khác lặn lội, sống chết trên chiến trường.

Bốn độc giả đó là cô Quỳnh Như, và các cậu Khôi, Tuấn, Lân, là những người con anh Quang được đặc quyền đọc chiến sử Việt Nam qua một tác phẩm ngoại sử, viết với góc nhìn vô cùng gần với họ, quyển ngoại sử mà họ yêu thương hơn cả chính sử, quyển sách dầy và cao như núi xương, ghi chép cuộc nội chiến Việt Nam dài 7,300 ngày, ngày nào cũng đầy những con số khô khan, những giao tranh đẫm máu, và làng nào, quận nào, tỉnh nào cũng chỉ trắng xóa mầu khăn tang.

Tôi muốn giới thiệu với bạn đọc quyển "TỪ SÔNG NHUỆ TỚI BỜ MISSISSIPPI", tác phẩm mà anh Vũ Quang bảo riêng tôi, "sách không bán, tôi viết để lại cho các cháu biết bố chúng nó suốt đời làm gì," nói cách khác, nội dung sách mô tả cuộc chiến tranh nhỏ của một con người Việt Nam, bên trong cuộc chiến tranh lớn của cả một dân tộc.

Các cháu Quỳnh Như, Khôi, Tuấn, và Lân chỉ cần biết bố chúng, thiếu úy Vũ Quang, đã phục vụ trong một đơn vị tác chiến mà Bernard đã tử trận, và chính bố chúng đã cất giữ những kỷ vật của người tiền nhiệm, những thứ "vật bất ly thân" như khẩu súng cá nhân, vài tấm ảnh, lá cờ đại đội, quyển "nhật ký hành quân" của đơn vị, mà sau này mẹ của Bernard, bà góa phụ Simonne de Lattre de Tassigny, tìm kỷ vật của con để cất giữ những hình ảnh cuối cùng, xin anh Quang trao lại qua Bộ Tư Lệnh Đệ Tam Quân Khu (trước 1954).

Tôi thích thú đọc ké tác phẩm Vũ Quang chỉ viết riêng cho các con, và rất xúc động trong những đoạn anh kể lại một vài tình cảm đặc sản Việt Nam, không thể tìm được trong xã hội Mỹ.

Một thí dụ: anh viết, "Mười tháng sống trong quân trường với bao kỷ niệm rồi cũng qua mau. Tháng tháng chúng tôi được lãnh khoảng trên ngàn bạc. Tôi gửi về nhà một nửa, nửa kia cúng câu lạc bộ của ông Già Gân. Tốt nghiệp (giữa năm 1952) tôi chọn ngành Giang Thuyền."

Tôi không tin có anh sinh viên West Point nào gửi nửa lương về nhà biếu cha mẹ, dù anh đó gốc Việt.

Chọn ngành Giang Thuyền, nhưng cuối cùng Vũ Quang vẫn trở về ngành Bộ Binh trong phương vị một sĩ quan tác chiến, vì 2 năm trước Điện Biên Phủ, chiến trường Bắc Việt chuyển động mạnh, tổn thất của cả đôi bên đều nặng nề, nhu cầu sĩ quan bộ binh rất cao. Anh đặc cách lên trung úy tại mặt trận và chỉ huy một đại đội tác chiến của tiểu đoàn 56 bộ binh.

Tiểu đoàn cấp cho anh trên chục lao công chiến trường, những nghi phạm cộng tác với địch, để anh sử dụng trong việc tải đạn; trong số lao công có một ông cụ trên dưới 60, Quang thương hại nhìn cụ còng lưng vác đạn súng cối, trong lúc ống chân gầy ngập dưới 3 tấc nước; anh cho ông cụ về làm việc nhẹ: phục vụ những nhu cầu riêng của anh, nấu nướng, dọn dẹp, để tránh công tác tải đạn nặng nhọc.

Nhưng rồi, thấy ông cụ vẫn còn khổ sở, thương vợ, nhớ con, trong kiếp tù lỏng, anh quyết định trả tự do cho ông ta, việc làm vượt trên quyền của anh.

Vũ Quang viết, "Tôi rút trong túi ra một ít tiền, dúi vào tay ông, cảm ơn ông đã chăm sóc tôi trong thời gian qua, và chúc ông sớm được đoàn tụ với gia đình. Tôi tưởng ông cụ sẽ vui mừng ra đi, nhưng cụ lắc đầu bảo tôi, “tôi đi, ai lo cho trung úy?”

Tôi chắc Quỳnh Như, cô con gái duy nhất của anh Quang, thích đoạn này lắm: bố cô vẫn đầy tình người, dù mỗi ngày mỗi phải giết địch để không bị địch giết.

Nhưng đoạn mà những độc giả con anh Quang phải vừa khóc vừa đọc là đoạn chót cuộc chiến Việt Nam của riêng đại tá Vũ Quang.

Anh viết, "Tới bến Khánh Hội, xe ghé vào cổng số 5, bấm còi hiệu: cổng được hé mở, chỉ đủ cho chiếc xe lách vào rồi lại khép kín. Mọi người ngơ ngác, tài xế hất tay làm hiệu chỉ chiếc phà đậu sát bờ. Chúng tôi mạnh ai nấy chạy; các con ông Trạc, đang tuổi tráng niên mạnh khỏe, cõng hộ 3 cháu nhỏ, tôi đi sau với nhà tôi và ông bà ngoại.

Nhà tôi nóng ruột kêu lên, 'sao anh không chạy theo các con.' Như người chợt tỉnh, tôi chạy ra bến, nhẩy lên đúng

lúc chiếc phà từ từ rời bến.

Nhà tôi và ông bà ngoại còn kẹt lại trên bờ. Thấy chiếc phà thứ hai, không người, còn đậu tại bến, nhà tôi định leo lên; có thể nhà tôi nghĩ bề nào phà này cũng theo phà kia ra biển để rồi cùng cập vào một bến nào đó. Tuy nhiên, nhìn ra thì thấy khó lòng leo lên nổi, vì phà không cập ngang bến, mà chĩa mũi vào bờ; muốn lên phà phải leo qua một lỗ hổng tròn, vừa đủ một người chui lọt. Thất vọng nhà tôi quay trở lại chỗ cũ thì gặp gia đình anh bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng (đang ở Canada), cũng cùng hoàn cảnh và đang ngồi bên đống va li, vẻ mặt buồn rầu.

Nhà tôi than, "Anh ơi, anh Quang và các con tôi đang ở cái phà kia, anh bảo tôi làm sao bây giờ?" Anh Hồng an ủi một câu rất "huề vốn": "thôi, chẳng qua số anh chị nó như vậy. Tôi không thể đi kiểu này. Chúng tôi sẽ đi về đây."

Nhà tôi không bỏ cuộc; nhìn bờ sông phía trước có một bãi trống, nhà tôi bèn kéo 2 cụ chạy ra phía đó, với ý định, nếu không lên được phà thì thuê thuyền nào gần đó đi theo. Phần tôi, sau khi lách qua rừng người, tôi mới trèo lên được chỗ cao làm hiệu cho vợ tôi ráng chạy theo, đồng thời lên phòng lái, năn nỉ anh tài công người Phi cho tầu tấp trở vào bờ. Anh ta lắc đầu.

Đứng trên mũi tầu nhìn vợ tôi, người đã bé nhỏ, lại vừa chạy vừa kéo bố mẹ, tôi chỉ còn có cách trở lại năn nỉ anh tài công. Có lẽ thấy có khoảng trống trước mặt có thể ghé vào được, hay cũng có thể vì thấy chỉ có 3 người đơn độc, anh ta bẻ lái vào bờ.

Cũng vừa chạy tới, nhà tôi nhẩy xuống trước, hai cụ theo sau. Phà lại rời bến trước khi hàng trăm người ùa tới."

Tôi nghĩ không bao nhiêu người trẻ của thế hệ tị nạn thứ nhì biết rõ cái giá mà bố mẹ chúng phải trả để chúng đang có cuộc sống hoàn toàn tự do, mà đa số thành công trên mức trung bình của xã hội Hoa Kỳ, như các con anh Quang.

Dù không có cuồn phim giúp chúng nhìn lại cảnh chị Quang dắt ông, bà ngoại chạy đua với xà lan, cảnh anh Quang năn nỉ người tài công ngoại quốc, nhưng đoạn viết

của anh cũng đủ làm chúng khóc thương bố, mẹ, và cả ông bà ngoại nữa.

Anh Quang vô cùng thành công với 4 độc giả mà anh nhắm vào khi viết lại binh nghiệp chỉ dài 23 năm, nhưng vẫn chiếm trọn cuộc đời anh. Các con anh biết bố thương yêu gia đình bên nội đến mức chia đôi số lương lính bé nhỏ để gửi về; chúng cũng biết bố thường xuyên đồng hành với tử thần trong suốt những năm chinh chiến, khi đọc chuyện một người bạn đồng khóa thiếu úy Phan trọng Thiện, anh ruột trung tướng Phan Trọng Chinh mà Việt Cộng bỏ lại chiến trường, nơi chỉ cách đồn của bố chưa đầy 2 cây số, vì tưởng Thiện chết thật, trong lúc anh chỉ bị trọng thương mà bố không thể đến tiếp cứu.

Tôi chỉ đề cập đến góc cạnh "ký thác để lại cho con" của tác phẩm anh Quang viết, trong lúc quyển sách 236 trang còn rất giá trị đối với quân sử, chiến sử, vì anh Quang quen biết và đề cập đến nhiều nhân vật có trách nhiệm trong cuộc chiến Việt Nam.

Chỉ riêng giá trị "ký thác" tôi cũng đã thấy vài trăm ngàn cựu quân nhân chúng ta "thiếu nợ" các con một cuộc tường thuật đầy đủ về cuộc chiến tranh Việt Nam riêng của bố chúng, mẹ chúng; trong số những con nợ này, có tôi.

Độc giả của Vũ Quang không giới hạn vào 4 đứa con như anh tưởng: người độc giả thứ 5 của quyển ngoại sử, nguyên là một tiên nữ trên tiên cảnh Đà Lạt Hoa Đào, gọi điện thoại bảo tôi bà không tin là đã xuống trần gian làm bạn với anh Quang đến gần 60 năm; thời gian bà thấy chưa đủ dài để hai người viết chung một chữ YÊU.

Bà bảo, bà đã hẹn Quang gặp nhau thêm một kiếp nữa.

Và bài báo ngắn này xin chấm dứt bằng lời mời vô duyên của người viết: xin mời độc giả tìm đọc quyển sách quý vị không thể nào tim ra trong mọi nhà sách.

Nguyễn Đạt Thịnh, K6

THÁNG NGÀY CUỐI TRONG CUỘC CHIẾN CỦA SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH TẠI LAI KHÊ, BÌNH DƯƠNG

"Tôi viết những dòng này để tưởng nhớ cố Chuẩn tướng LÊ NGUYÊN VỸ, Tư lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã tuẫn tiết khi QL/VNCH bị bắt buộc tan hàng. Ông tự sát để bảo toàn tiết tháo và danh dự của một Tướng Lãnh ngoài mặt trận, nêu cao tinh thần vì Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm của một quân nhân trong QL/VNCH. Khí tiết anh hùng và bất khuất đó để lại cho hậu thế danh thơm ngàn đời".

Từ Vấn, K12/TVBQGVN

I. PHỐI TRÍ LỰC LƯỢNG NHIỆM VỤ

Sư Đoàn 5 Bộ Binh là một trong 3 Sư Đoàn chủ lực của Quân Doàn 3, có nhiệm vụ phòng thủ phía bắc của Thủ Đô Sài Gòn yểm trợ an ninh lãnh thổ cho 3 tỉnh Bình Dương, Phước Long và Bình Long. Với địa hình phức tạp của khu vực trách nhiệm, phần lớn là rừng rậm, đồi núi, đồn điền cao su bạt ngàn, chạy dọc theo quốc lộ 13 từ Nam lên Bắc qua Chơn Thành, An Lộc, Lộc Ninh tới biên giới Miên. Sự phối trí lực lượng dựa trên các nguyên tắc: tình hình, địa thế, nhiệm vụ đồng lúc phòng thủ vững và có thế công phản kích khi tình thế đòi hỏi. Sư Đoàn tổ chức thành 3 Chiến Đoàn được phân nhiệm như sau:

1. Chiến đoàn 9: Do Đại Tá Trần Phương Quế chỉ huy, phòng thủ mặt Tây và Tây-Bắc, bảo vệ Chi khu Bến Cát, hành quân thám sát trong khu vực trách nhiệm củng cố hệ thống phòng thủ và đặt Bộ Chỉ Huy tại căn cứ Hoả Lực Rạch Bắp.

2. Chiến đoàn 7: Do Trung Tá Đỗ Đình Vượng chỉ

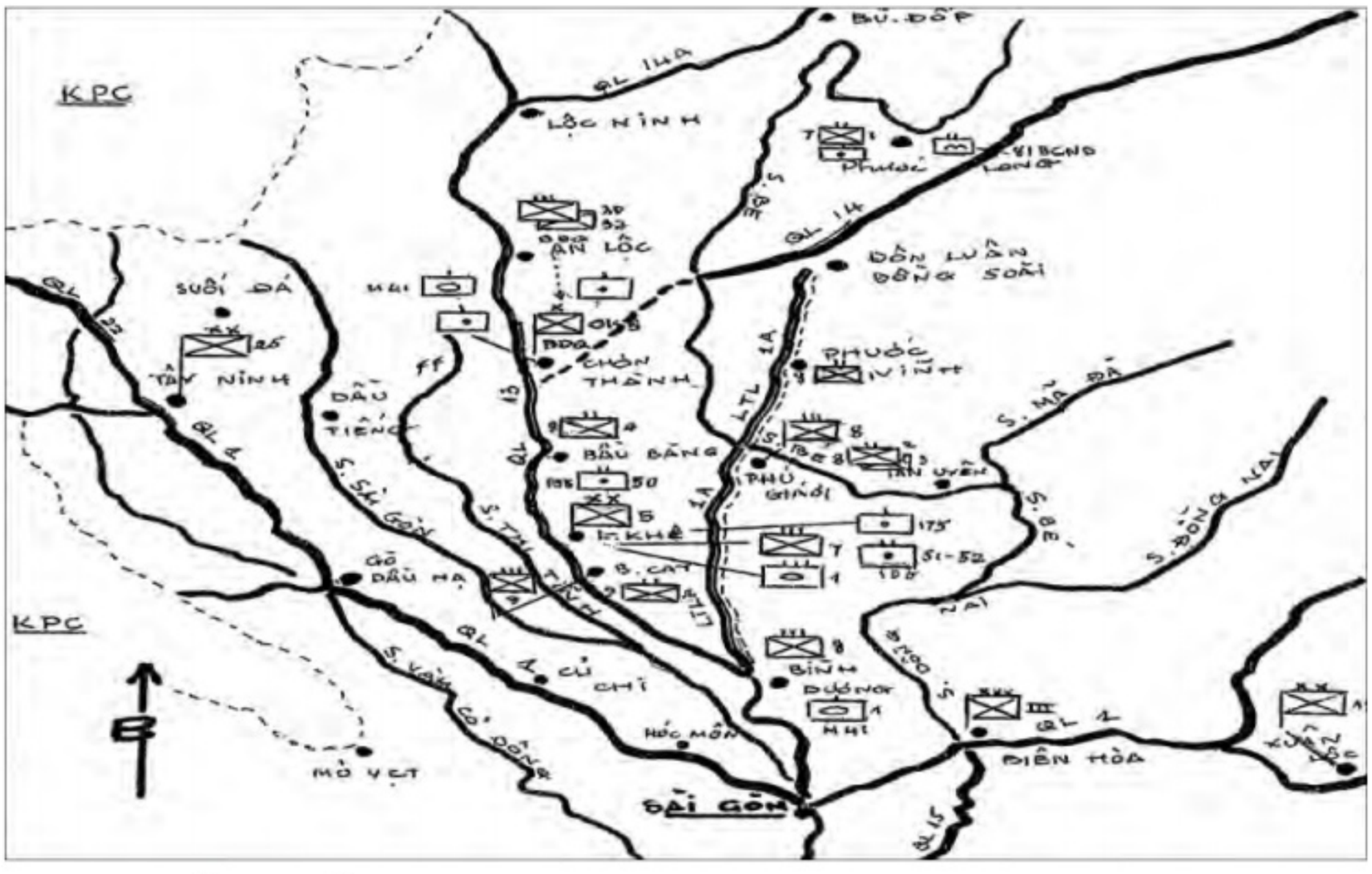
huy, làm thành phần trừ bị cơ động, rải quân phía nam của Sư Đoàn tại Lai Khê, phối hợp chặt chẽ với Chiến đoàn 8 và 9 thiết lập các căn cứ hoả lực để có thể yểm trợ cho 3 hướng tạo ra những hoả lực tiên liệu sẵn sàng di chuyển khi có lệnh.

3. Chiến đoàn 8: Do Trung Tá Nguyễn Bá Mạnh Hùng chiếm lĩnh vùng Phú Giáo, Phước Vĩnh, phòng thủ và hành quân ở mặt Bắc và Đông-Bắc, ngăn chận địch xâm nhập từ hướng Sông Bé và có thể yểm trợ tiếp cận cho Đồng Xoài, Phú Giáo an ninh lộ trình từ Phú Giáo về Lai Khê Bình Dương.

4. Thiết đoàn 1 Kỵ binh: Do Trung Tá Nguyễn Văn Tánh chỉ huy, làm thành phần nòng cốt phản kích của Sư Đoàn tại Lai Khê được tùng thiết bởi Trinh Sát 5 và 7.

Hoả lực pháo binh của Sư Đoàn được phân nhiệm cho các Chiến đoàn để yểm trợ trực tiếp gồm Tiểu Đoàn 51, 52, 53. Tiểu Đoàn 50 pháo binh 155 ly yểm trợ tổng quát, thêm vào đó có hoả lực của 2 khẩu pháo 175 ly được tăng cường đặt tại Lai Khê. Với hoả lực mạnh và chính xác, toàn hệ thống phòng thủ tuyến đầu của Sư Đoàn được bảo vệ vững chắc.

Trong khu vựa trách nhiệm của Sư Đoàn, tình hình địch



Sơ đồ phối trí lực lượng SĐ5/BB tại Lai Khê (không vẽ theo tỷ lệ)

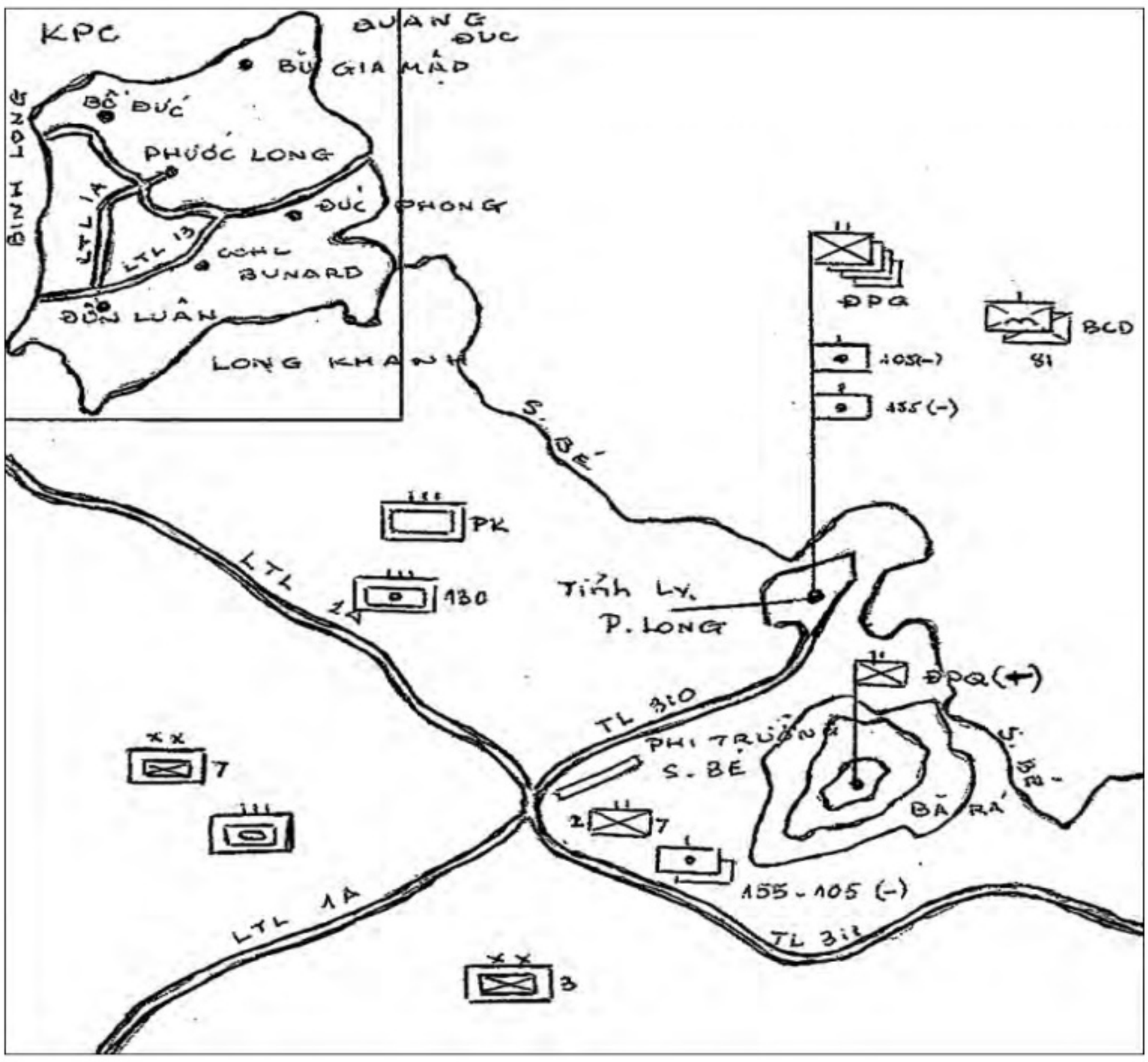
đã gia tăng hoạt động từ tháng 8 năm 1974. Ở phía Bắc Chơn Thành và Đông-Bắc Phú Giáo, Phước Vĩnh. Riêng vùng An Lộc địch chỉ hoạt động lẻ tẻ ở phía Bắc. Các đơn vị chính qui Bắc Việt gồm có Sư Đoàn 7, Sư Đoàn 9, một Trung Đoàn chủ lực miền, một số đơn vị pháo hạng nặng, xe thiết giáp và đặc công xuất hiện ở Đông-Bắc Chơn Thành và QL 14 và 14A bao quanh Đôn Luân và Phước Long.

II. TRẬN CHIẾN ĐỒNG XOÀI PHƯỚC LONG

Tình hình địch gia tăng được ghi nhận tới tấp gởi về Sư Đoàn cuối tháng 12/1974. Sư Đoàn 3 Cộng Sản Bắc Việt xuất hiện trong khu vực Đồng Xoài Quốc lộ 14 Bắc Phước Vĩnh có ý định tấn công 2 địa điểm trên. Do vậy, BTL/Sư Đoàn dự trù tăng cường cho chi khu Đôn Luân một đại đội trinh sát. Đêm 25 tháng 12/1974, Việt Cộng tấn

Sơ đồ trận Phước Long (1/1/75-6/1/75)

công Đồng Xoài nhưng đã bị quân phòng thủ đẩy lui,



chúng bỏ lại nhiều xác chết và vũ khí. Nhưng, với ý định lấy cho bằng được chi khu này, ngày 26/12/1974 chúng lại tấn công tiếp bằng một trung đoàn với sự yểm trợ dữ dội của pháo 130 ly và cối. Chi khu bị yếu dần và xin Sư Đoàn tăng viện. Sư Đoàn quyết định thả Đại Đội 5 Trinh Sát vào để trợ giúp quận tái phòng thủ. Tôi hướng dẫn hợp đoàn trực thăng trực chỉ quận Đồng Xoài vào vùng. Trrước khi cất cánh, tôi đã thuyết trình tình hình địch và bãi thả cho phi hành đoàn cùng ĐĐT/Đ5 Trinh Sát biết để thi hành. Ngoài ra, tôi còn căn dặn kỹ lưỡng ĐĐT/TS liên lạc trực tiếp với Chi khu trưởng để phối hợp hành quân. Khi xuống bãi tới vùng hành quân, tàu chỉ huy hạ dần cao độ, bay sát ngọn cây để dễ bề qua sát và tránh hoả lực phòng không của địch, bay nhiều vòng nhưng không liên lạc được với chi khu. Quang cảnh bên dưới vắng lặng đáng nghi ngờ. Điểm quan trọng nhất là bãi thả quân chưa được trực thăng bắn dọn bãi nên tôi càng cẩn thận hơn. Khi hợp đoàn trực thăng gần tới mục tiêu, đột nhiên hoả lực phòng không của địch bắn vào đội hình trực thăng dữ dội. Phi hành đoàn vội lánh khỏi vùng để chờ lệnh. Với tình hình đó, tôi cho lệnh không đổ Đại Đội Trinh Sát xuống đó nữa. Hợp đoàn bèn quay về Lai Khê. Chuẩn Tướng Tư Lệnh cũng đồng ý với quyết định nêu trên. Nếu thả thì cũng mất và có thể thiệt hại nhiều đến hợp đoàn trực thăng. Địch có thể đã lấy được quận và chờ viện binh đến để tiêu diệt. Ngoài ra địch còn phục kích khi Sư Đoàn mở cuộc hành quân tiếp cứu từ hướng Phước Vĩnh lên.

Đồng Xoài mất vào ngày 27/12/1974, từ Quốc lộ 14 chạy về Phước Long địch đã hoàn toàn kiểm soát. Phước Long sẽ hứng chịu nhiều áp lực địch trong những ngày sắp tới.

Trung tuần tháng 12/1974, Bộ Tư Lệnh QĐ III ra lệnh cho SĐ 5 chuẩn bị tăng viện cho Phước Long một trung đoàn. Nhưng khoảng 20/12/1974, lệnh thả một tiểu đoàn xuống trước cùng 4 khẩu 105 ly và 2 khẩu 155 ly. Nhận

lệnh, tôi cùng Trung Tá Vượng, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 7 bay lên Phước Long gặp Đại Tá Thành, Tiểu Khu Trưởng để cho ông biết kế hoạch tăng viện và các chi tiết khác nếu Trung Đoàn 7 hiện diện đầy đủ. Cuộc đổ quân tại sân bay Phước Bình được an toàn theo như kế hoạch đã định. Trong những ngày kế, Chuẩn Tướng Vỹ Tư Lệnh Sư Đoàn có lên Phước Long xem xét tình hình, hầu lượng định khả năng tăng viện của Sư Đoàn như thế nào. Trong thời gian này, tình hình Phước Long đã nguy ngập, các điểm tựa chung quanh đã bị mất: Đồng Xoài, căn cứ hoả lực Bunard, Bù Đốp và Bù Gia Mập tạo cho Phước Long bị cô lập, bị bao vây. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đã nhiều lần nhắc Quân Đoàn kế hoạch đổ Trung Đoàn 7 vào tăng viện, nhưng Quân Đoàn nói chờ lệnh Tổng Thống. Rồi chuyện gì xảy đến nó sẽ phải đến. Ngày 28/12/1974, địch bắt đầu tấn công chi khu Phước Bình và sân bay, nhưng bị các chiến sĩ phòng thủ đẩy lui, nhất là hướng của tiểu đoàn 2/7 phòng thủ. Với quyết tâm, các chiến sĩ 2/7 đã truy kích đập tan ý định của địch, chúng phải để lại 4 tank T54 cùng nhiều vũ khí đạn dược. Sau đợt tấn công phủ đầu dữ dội nhưng lại bị tổn thất nặng, địch vẫn không chùn bước. Dựa vào sự vượt trội về quân số và hoả lực, chúng liên tiếp tấn công với cường độ pháo 130 ly 120 ly càng lúc càng ác liệt. Hệ thống phòng thủ của ta yếu dần, chi khu và tiểu đoàn 2/7 phải rút lui về tỉnh lỵ cố thủ. Chi khu và sân bay lọt vào tay địch ngày 29/12/1974.

Tỉnh Phước Long nằm trên một dãy đồi cao, phía trên là núi Bà Rá, rộng chừng 4 cây số vuông. Bao quanh về phía Bắc và Đông là Sông Bé, phía Nam là khu Sơn Giang, suối Dung và hồ Lạng Thuỷ. Hệ thống phòng thủ của tỉnh Phước Long tuỳ thuộc vào cao điểm núi Bà Rá do 2 đại đội Địa Phương Quân trấn giữ, nếu để địch lấy thì Phước Long khó đứng vững. Tiếc thay đêm hôm sau, CS/BV sử dụng một tiểu đoàn đặc công tiến đánh cao điểm này và chúng thành công.

Ngày 2/1/1975, địch tung 5 trung đoàn của công trường

7 và 3 với sự yểm trợ của pháo hạng nặng tấn công nhiều hướng vào tỉnh, nhưng địch vẫn bị đẩy lui. Hệ thống phòng thủ của tiểu đoàn 2/7 bị co cụm lại về toà tỉnh. Trong thời gian này, không quân được gọi tới để yểm trợ trên 50 phi tuần. Kết quả súng phòng không của địch bị tiêu diệt gần hết. Nhưng một quả bom thả lầm đã làm xập hoàn toàn trung tâm hành quân của tiểu khu, sự liên lạc vô tuyến với bên ngoài bị cắt đứt. Phước Long bị hoàn toàn cô lập, chờ quân tăng viện.

Ngày 4/1/1975, Trung Tướng Dư Quốc Đống, Tư Lệnh QĐ III Xin Bộ TTM/QLVNCH tăng viện để giảm áp lực địch bằng một BCH/Chiến Thuật, 2 biệt đội BCND được trực thăng vận xuống phía đông tỉnh. Đợt đầu an toàn, nhưng đợt 2 bị địch pháo kích và tấn công, một số chạy thoát vào trong tỉnh lỵ bắt tay với toán đầu lập tuyến phòng thủ mới. Vị trí này còn có tiểu đoàn 2/7 và một số anh em ở chi khu Phước Bình rút lui về đang có mặt tại đó.

Ngày 6/1/1975, địch dốc toàn lực bộ binh, chiến xa, dưới sự yểm trợ của pháo, nã hàng ngàn trái vào vị trí phòng thủ của ta. Với ý chí chiến đấu kiên cường, dũng mãnh, ta đã đẩy lui được nhiều đợt xung phong biển người. Nhưng với quân số áp đảo 10 chọi 1, địch dần dần kiểm soát toàn bộ tỉnh lỵ. Phước Long chìm trong khói lửa đạn pháo của địch, mất vào ngày 6/1/1975.

Trận chiến kết thúc, Sư Đoàn 5 Bộ Binh mất một nửa tiểu đoàn 2/7 cùng 6 pháo và một số vũ khí. Các đơn vị bạn cũng cùng chung số phận.

Mất Phước Long, điểm tựa chính yếu cho tỉnh Quảng Đức, Bình Long, Chơn Thành, Bình Dương, Quốc Lộ 14 14A và các giao lộ khác, CS/BV tự do di chuyển người và vũ khí để đánh chiếm Ban Mê Thuột, tiến về Nha Trang, Phan Rang và Biên Hoà. Các điểm chiến lược quan trọng bị mất dần, hệ thống phòng thủ bị co cụm, gần nửa lực lượng tinh nhuệ của ta bị tổn thất. Mất QK1, QK2, kéo dây chuyền QK3, hệ thống chỉ huy không còn hữu hiệu, tuyến phòng

thủ co cụm quanh Sài Gòn, và ngày 30/4/1975 ập tới một cách nhanh chóng.

III. CUỘC LUI BINH CỦA BĐQ/QĐIII và TIỂU KHU BÌNH LONG – AN LỘC

Trong tháng 3 năm 1975, tình hình chiến sự tại QKI và QKII càng ngày càng xấu đi, bỏ Huế, Đà Nẵng, QKIII mất Ban Mê Thuột, bỏ trống Kon Tum, Pleiku. Bao nhiêu máu và nước mắt của quân dân ta đổ xuống một cách tức tưởi. Hơn nửa lực lượng cơ hữu của QĐII rút lui theo tỉnh lộ 7B từ Cheo Reo về Tuy Hoà. Kết quả thê thảm đã xảy ra, 2/3 đơn vị bị tổn thất cùng quân trang quân dụng.

Rút tỉa những khuyết điểm của cuộc lui binh kể trên, Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã nghiên cứu và đạt được một kế hoạch lui binh cho các đơn vị Biệt Động Quân QĐIII và tiểu khu Bình Long ra đi an toàn.

Vào khoảng 15/3/1975, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu Và Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư Lệnh QĐIII tới thăm SĐ5 tại Lai Khê nhưng sau đổi ý, đến thẳng BCH Hành Quân của Trung Đoàn 9 tại căn cứ hoả lực Rạch Bắp. Tại đây, sau khi nghe Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ thuyết trình về tình hình địch, bạn và diễn tiến hành quân trong vùng trách nhiệm, Tổng Thống ra lệnh rút bỏ An Lộc, lui về giữ Chơn Thành. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 có nhiệm vụ đặt kế hoạch thi hành.

Vì tầm quan trọng của một cuộc hành quân lui binh, Chuẩn Tướng Vỹ ra lệnh trực tiếp cho Bộ Tham Mưu gồm: Đại Tá Trần Văn Thoàn, Tư Lệnh Phó, tôi Tham Mưu Trưởng, Đại Tá Nguyễn Mạnh Tường, Sĩ Quan phụ Tá hành quân và Trung Tá Tống Mạnh Hùng CHT/Pháo Binh Sư Đoàn, phác hoạ kế hoạch hành quân lui binh tổng quát bao gồm các yếu tố căn bản: bí mật, bất ngờ; lừa địch, nhanh gọn và hợp nhất chỉ huy kế hoạch được chia ra làm 3 giai đoạn:

1/ Chuẩn bị:

- Thiết kế 10 khẩu pháo 105 ly và 155 ly giả bằng các vật liệu tự chế trông như súng thật.

- Mở 3 cuộc hành quân nghi binh Bắc-Tây Bắc Bình Long, Đông Bắc Chơn Thành, và Tây Bắc Rạch Bắp và Bầu Giang.

- Loan tin tăng cường 1 LĐ/BĐQ cho An Lộc P2 + Biệt Đội Quân Báo thi hành.

2/ Thi Hành:

a- Ngày N-1 chuyển toàn bộ trang thiết bị cao cấp từ An Lộc về Lai Khê (hoả tiễn Tow, dụng cụ điện trì, dụng cụ phòng mổ, v.v...).

- Trực thăng vận từ Lai Khê lên An Lộc sẽ mang 8 khẩu 105 ly giả lên lấy 8 khẩu thật về.

- Ngày N-2 chuyển 1 LĐ/BĐQ và BCH/BĐQ/QĐIII về Chơn Thành thiết lập tuyến phòng thủ và lập đầu cầu để đón các đơn vị rút bằng đường bộ.

- Ngày N-3 chuyển thương bệnh binh và đơn vị còn lại về Chơn Thành. Khi trực thăng lên An Lộc sẽ câu hết số pháo và mang súng thật về. Ngày giờ sẽ thông báo sau. Hợp đoàn trực thăng có mặt tại Lai Khê để lãnh nhiệm vụ không vận.

b- Ngày N+1

- Liên Đoàn BĐQ và tiểu khu sẽ di chuyển vào đội hình rút lui. Liên Đoàn Trưởng BĐQ chỉ huy tổng quát.

- N+1 cũng là ngày rút toàn bộ lực lượng ra khỏi An Lộc, phá huỷ tất cả các kho tàng (Quân Đoàn biệt phái một toán Công Binh chuyên môn phá huỷ đạn dược và công sự sẽ có mặt tại BCH/BĐQ/QĐIII tại An Lộc).

3/ Thiết lập tuyến phòng thủ tại Chơn Thành với 2 Liên Đoàn BĐQ và Chi Khu (gồm 2 tiểu đoàn Địa Phương Quân). Bộ Chỉ Huy BĐQ/QĐIII có nhiệm vụ phân nhiệm các tuyến phòng thủ cho các đơn vị trực thuộc, chỉ huy trực tiếp vào hệ thống chỉ huy khi có lệnh

Sơ đồ lui binh của BĐQ/QĐIII

Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng từng giai đoạn, tôi và Đại Tá Tường lên An Lộc gặp Đại Tá Chuẩn CHT/BĐQ/QĐIII để thông báo kế hoạch hành quân (bỏ An Lộc) và bàn luận một vài chi tiết giữ bí mật tuyệt đối lệnh hành

quân lui binh này.

Theo kế hoạch dự trù, ngày 18/3 bắt đầu cuộc không vận từ Lai Khê lên An Lộc và ngược lại, từ trang thiết bị điện tử, hoả tiễn Tow cho tới 10 khẩu 105 ly và 155 ly đều hoàn tất tốt, các đơn vị vào vị trí ấn định. Cuộc triệt thoái bằng không vận chấm dứt vào ngày 21/3/1975.

Cùng ngày đó, cuộc triệt thoái bằng đường bộ cũng tiến hành. 7 giờ tối ngày 21/3, tất cả các đơn vị vào đội hình di chuyển. Giờ xuất phát đúng, gọn nhẹ, bất ngờ, di chuyển nhanh, yên lặng tuyệt đối. Với đoạn đường dài hơn 20 cây số, trực diện với bao nguy hiểm, vượt qua một số vị trí mà ta nghi có chốt của địch canh chừng, nhưng thật may mắn, đoàn quân thoát đi được hết.

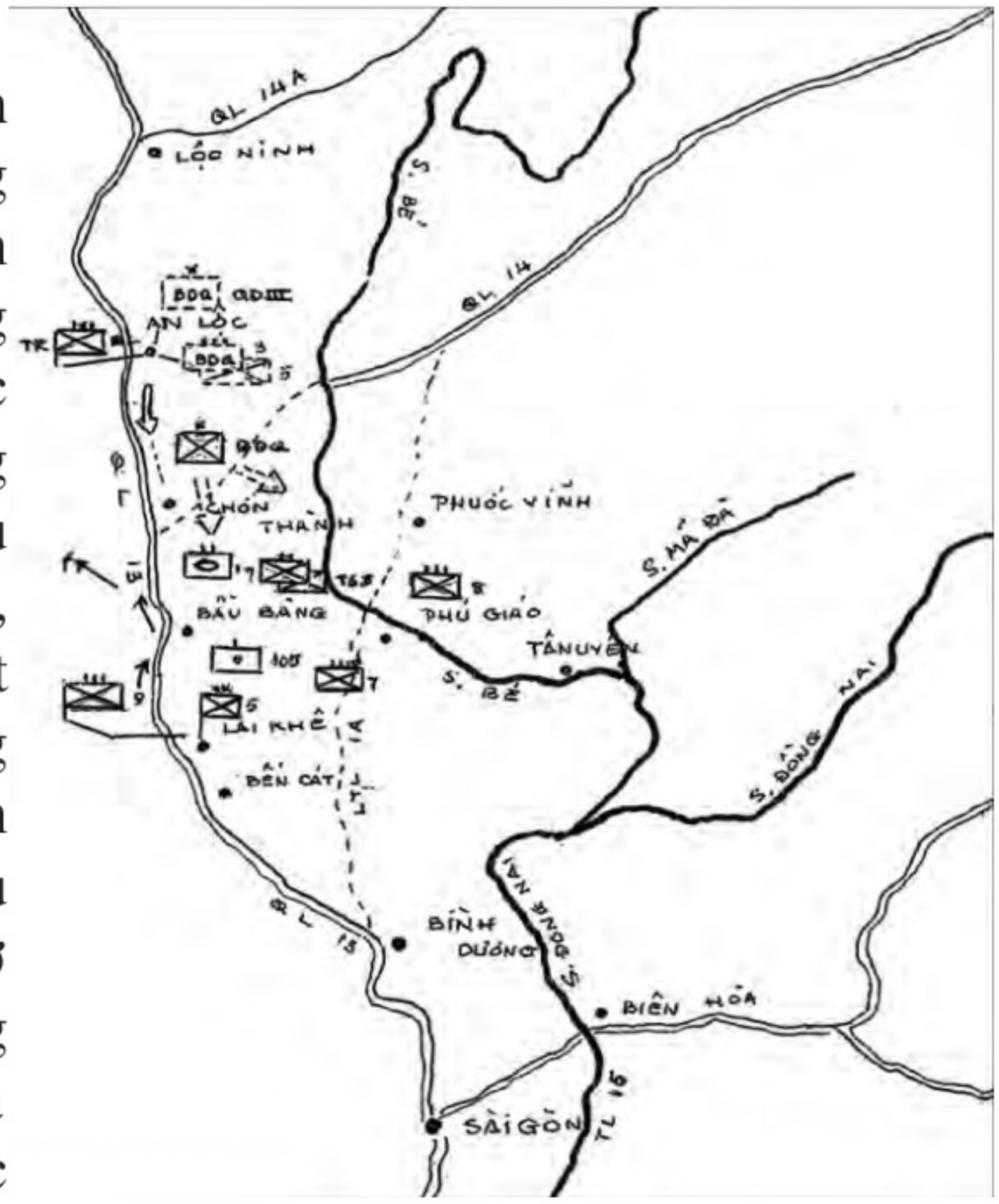
Với tinh thần kỷ luật cao độ, đoàn quân tới Chơn Thành vào trưa ngày 22/3/1975. Cuộc hành quân lui binh thành công ngoài sức tưởng tượng nhờ những yếu tố mà Chuẩn Tướng Vỹ và Ban Tham Mưu đã ước tính, nhờ đó hoàn tất nhiệm vụ cấp trên giao phó. Chỉ có 5 binh sĩ bị thương do lựu đạn nổ bất ngờ, tất cả được đưa về Chơn Thành an toàn.

IV. BỎ CHƠN THÀNH DIỄN TIẾN CUỘC TRIỆT THOÁI LẬP TUYẾN PHÒNG THỦ MỚI

Sau khi hoàn tất cuộc hành quân lui binh khỏi An Lộc, Bộ Chỉ Huy BĐQ/QĐIII đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của SĐ5/BB điều động trong khu vực trách nhiệm. Tuyến phòng thủ Tây Bắc Chơn Thành do một tiểu đoàn BĐQ trấn giữ cùng với lực lượng phòng thủ của chi khu Chơn Thành ngăn chận địch xâm nhập và tấn công. Các tiểu đoàn 52, 31, 36 trấn giữ phía Đông Bắc và Đông Nam. Đại Đội Trinh Sát bảo vệ BCH Liên Đoàn và BCH/BĐQ/QĐIII tại khu sân trực thăng. Một Liên Đoàn nằm án ngữ tại mặt Tây và Đông Nam dọc Quốc Lộ 13 về hướng nam. Những ngày đầu các đơn vị ra sức củng cố vị trí phòng thủ, đào hào chống tăng, đặc biệt tuyến phòng thủ của tiểu đoàn 52 và chi khu. Giúp đỡ dân chúng sửa chữa nhà cửa và trường học. Cuộc

sống đã hồi sinh.

Theo tin tình báo, địch tập trung một lực lượng lớn chuẩn bị tấn công Chơn Thành. Các đơn vị ta đã ở trong tư thế chiến đấu tốt. Ngày 6/4/1975, cộng sản Bắc Việt mở cuộc tấn công thăm dò vào tuyến phòng thủ của tiểu đoàn 52 BĐQ. Nhờ hệ thống phòng thủ vững chắc và hoả lực mạnh, các chiến sĩ tiểu đoàn



52 và Địa Phương Quân đã đẩy lui nhiều đợt tấn công ồ ạt của địch. Cùng thời gian, BCH/BĐQ/QK và BCH/LĐ30 cùng bị pháo kích nặng nề vào sân trực thăng và vị trí pháo đội 105 ly có nhiệm vụ yểm trợ trực tiếp cho các tiểu đoàn. Cộng quân tiếp tục tấn công mặt Bắc với sự trợ giúp của chiến xa T54 và pháo 130 ly. Tiểu đoàn 52 xin yểm trợ pháo nhưng không được thoả mãn vì pháo của Sư Đoàn ngoài tầm yểm trợ, chỉ còn 175 ly có thể với tới nhưng không có hiệu quả cao. Tuyến phòng thủ Tây Bắc và Bắc của tiểu đoàn 52 co cụm lại để tải thương và cố thủ. Phi cơ quan sát được gởi tới, tôi là người bay để xem có thể giúp dược gì cho tiểu đoàn 52 hay không. Khi vừa mới vào vùng thì hoả lực phòng không 37 ly của địch bắn chận dữ dội. Phi công phải rời vùng ngay nên khó bề quan sát. Tôi liên lạc được với tiểu đoàn 52 qua hệ thống L19, xin phi tuần oanh kích. Nhưng có lẽ phi cơ bay quá cao nên thả bom không hiệu quả. Tôi bay hơn một tiếng đồng hồ bao vùng rồi trở về báo cáo cho Chuẩn Tướng Tư Lệnh hay. Theo lời Thiếu

Tá Trần Đình Nga cho biết cộng sản Bắc Việt tấn công nhiều lần bằng chiến xa và bộ binh, nhưng bị các chiến sĩ tiểu đoàn 52 sử dụng M72, hoả tiễn Tow, 105 ly trực xạ hạ nhiều xe tăng địch. Một số nằm ụ dưới giao thông hào, không di chuyển được, làm mốc cho hoả lực của ta tiêu diệt.

Ngày 8/4/1975, BTL/QĐIII ra lệnh rút rút một Liên Đoàn BĐQ về tăng cường cho mặt trận Xuân Lộc bằng trực thăng từ Chơn Thành về Lai Khê. Lợi dụng cơ hội này, BCH/BĐQ/QĐIII đưa một số thương binh về Lai Khê chữa trị và chuyển về Quân Y Viện. Tình hình chiến sự càng ngày càng xấu đi. Các tuyến phòng thủ bị bỏ trống, lùi dần về phía sau. Vào khoảng 11/4/1975, Quân Đoàn ra lệnh rút bỏ Chơn Thành. Đại Tá Tường, Sĩ Quan Phụ Tá Hành Quân có lên gặp Đại Tá Chuẩn để bàn soạn kế hoạch triệt thoái, BCH cùng Liên Đoàn 30 BĐQ, chi khu ra khỏi Chơn Thành được an toàn. Bộ Tư Lệnh SĐ sẽ tổ chức một cuộc hành quân cấp Chiến Đoàn, sử dụng Thiết Đoàn 1 làm nỗ lực chính, tiến theo QL13 lên hướng Chơn Thành để làm đầu cầu tiếp đón các đơn vị triệt thoái. Thiết lập căn cứ hoả lực ở Bầu Bàng yểm trợ trực tiếp cho cuộc hành quân. Ngoài ra, một tiểu đoàn của trung đoàn 7 được tăng cường ĐĐ5 Trinh Sát, tiến song song với thiết đoàn để yểm trợ và tùng thiết. Trong thời gian này, chiến đoàn 9 mở cuộc hành quân thám sát phía Bắc và Tây Bắc căn cứ Rạch Bắp. Cuộc hành quân khai diễn vào ngày 12/4/1975 sau một này có lện rút bỏ Chơn Thành.

Cuộc triệt thoái các đơn vị ra khỏi Chơn Thành không theo như kế hoạch đã định, vội vàng, hệ thống chỉ huy không thống nhất, tin tức bị tiết lộ, do đó cộng sản Bắc Việt bám sát các đơn vị triệt thoái gây nhiều thiệt hại đáng kể. Đơn vị tiền đạo của BĐQ rời vị trí sớm hơn dự định, các đơn vị sau như tiểu đoàn 52 không theo kịp và mất liên lạc. Tình hình mất ổn định, các đơn vị mất phương hướng rút lui, cứ hướng đông mà chạy nên gặp nhiều nguy hiểm. Đại Tá Tường, Đại Tá Thoàn thay nhau bay đi tìm kiếm các đơn vị, đặc biệt không liên lạc được với Đại Tá Chuẩn, Đại Tá

Biết, LĐT/LĐ30/BĐQ. Nhưng đến ngày thứ 4 thì phát hiện được vị trí của các đơn vị triệt thoái, trong đó có BCH/BĐQ/QĐIII. Sau đó, các sĩ quan và binh sĩ được trực thăng bốc về Lai Khê an toàn. Riêng các cánh quân của thiết đoàn cũng tiếp nhận được một số đông các quân nhân đi lạc sau gần 5 ngày ở trong rừng.

Chơn Thành lọt vào tay địch ngày 13/4/1975, vòng đai phòng thủ thu hẹp, cửa ngõ vào Biên Hoà Sài Gòn xích lại gần. VC sẽ di chuyển về hướng Tân Uyên Dĩ An, uy hiếp các giao lộ để về Biên Hoà Bình Dương một cách dễ dàng. Theo ước tính của SĐ, cộng sản Bắc Việt sẽ không tấn công tuyến phòng thủ của ta mà đi hướng khác thuận lợi hơn, tránh đụng độ với Sư Đoàn 5 Bộ Binh tại Lai Khê.

GIỜ PHÚT SAU CÙNG CỦA CHUẨN TƯỚNG LÊ NGUYÊN VỸ, TƯ LỆNH SĐ/5BB TẠI LAI KHÊ – BÌNH DƯƠNG

Tình hình chiến sự càng ngày càng sôi động và xấu đi sau khi tuyến phòng thủ Long Khánh rút bỏ, Quốc Lộ từ Tây Ninh về Sài Gòn bị bỏ trống. Quân Đoàn III bỏ Biên Hoà về trú đóng tại trại Thiết Giáp ở Gò Vấp. Tuyến phòng thủ của Sư Đoàn 5 tại Bắc Sài Gòn vẫn nguyên vẹn. Ngày 28/4/1975, Sư Đoàn mất liên lạc với Quân Đoàn, may nhờ Trung Tá Tánh, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 1 liên lạc với Lữ Đoàn 3 Thiết Giáp, khi đó mới biết Bộ Tư Lệnh QĐIII đã về Gò Vấp. Trước tình hình nguy ngập đó, Chuẩn Tướng Vỹ điều động Trung Đoàn 8 tăng cường một Chi Đoàn chiến xa 41, pháo binh về Bình Dương lập một tuyến phòng thủ mới, cản bước tiến của cộng sản tấn công Bình Dương. Bộ Tư Lệnh nhẹ, do Đại Tá Thoàn, Tư Lệnh Phó, sẽ chỉ huy toàn bộ lực lượng này. Để trám vào hệ thống phòng thủ quận Phú Giáo và vùng phụ cận, tỉnh Bình Dương di chuyển một Liên Đoàn Địa Phương Quân lên thay thế do Trung Tá Khổng Trọng Uy đảm trách. Đường từ Bến Cát về Bình Dương đã bị Việt cộng đóng chốt, giao thông tạm

gián đoạn. Ngày 29/4/1975, mọi liên lạc trong nội bộ Sư Đoàn vẫn tốt. Riêng cuộc họp tham mưu bị bãi bỏ vì tình hình quá căng thẳng. Sáng sớm, tôi qua Trung Tâm Hành Quân, đã thấy Chuẩn Tướng Vỹ ngồi đó với Đại Tá Tường. Trông ông có vẻ lo lắng, suy tư nhiều, nhìn lên bản đồ hành quân toàn vùng với nhiều ước tính: những gì sẽ xảy đến với đơn vị bạn. Cuộc mạn đàm diễn ra cả tiếng đồng hồ rất sôi nổi, song không có câu trả lời nào rõ nét cho từng sự kiện. Buổi chiều, sau một cuộc họp ngắn với sĩ quan tham mưu, Chuẩn Tướng Vỹ tuyên bố tử thủ tại Lai Khê. Hai ngày trước, tôi và Đại Tá Tường có trình một kế hoạch rút quân về vùng IV, sử dụng toàn lực lượng cơ hữu của Sư Đoàn để triển khai kế hoạch, nhưng ông không chấp thuận. Tôi và Bộ Tham Mưu luôn nghĩ rằng ông không bao giờ đầu hàng địch, nên quyết định ở lại cho tới giờ phút cuối cùng. Ngay sau đó, tôi ra lệnh cho Phòng 1, 2, 3, Thanh Tra SĐ, An Ninh Quân Đội tiêu huỷ tất cả hồ sơ mật, hồ sơ SQ, hồ sơ tù hàng binh, chiêu hồi. Riêng Phòng 3 chuẩn bị bản đồ vùng Sài Gòn Chợ Lớn, các tỉnh vùng IV Chiến Thuật.

Sáng 30/4/1975, trời Lai Khê có vẻ khác lạ, quang cảnh im lìm, sinh hoạt của BTL/SĐ như lắng đọng lại, thỉnh thoảng nghe tiếng pháo vọng về. Chiến tranh đã đeo đuổi mảnh đất này đến bao giờ. Sáng nay, tôi nhắc nhở Đại Uý Nguyên, Chánh Văn Phòng là súng lục của Chuẩn Tướng Tư Lệnh nên cất đi, khi nào ông đi đâu hãy đưa.

Mười giờ rưỡi sáng, đột nhiên đài Sài Gòn phát bản tin của Tướng Dương Văn Minh ra lệnh Quân Đội đầu hàng và giao nộp vũ khí cho Việt cộng. Khi nghe xong, ai nấy đều bàng hoàng, xúc động, uất hận. Tại sao lại như vậy? Tất cả đều xụp đổ. Người lính đã mất một cái gì thiêng liêng nhất trong cả cuộc đời binh nghiệp. Sau đó ít phút, Chuẩn Tướng Tư Lệnh cho họp các sĩ quan cao cấp của Sư Đoàn lại và tuyên bố giờ phút này ông không còn chỉ huy anh em nữa. Tiếng nói rõ ràng và dứt khoát, ông ra lệnh riêng cho tôi ở lại coi sóc anh em, xong đi về hướng Trung Tâm

Hành Quân. Vẫn vóc dáng nhanh nhẹn, gọn ghẽ, đầy nghị lực, bóng ông xa dần. Khoảng nửa tiếng sau, ông mời một số sĩ quan ăn cơm tại TTHQ/SĐ, gồm có tôi, Đại Tá Tường, Trung Tá Văn, Trung Tá Hùng, Trung Tá Tánh, Trung Tá Chánh Thanh Tra SĐ, đến sau có Trung Tá Vượng và Đại Tá Quế. Không khí trong bữa ăn vẫn đượm tình chân thực của một người anh cả trong gia đình, vẫn nói chuyện nhưng không ai đả động gì đến lời tuyên bố của ông Dương Văn Minh. Với gương mặt trầm lặng, vầng trán cao vuông thể hiện một con người cương quyết làm hết sức mình, trọn tình trọn nghĩa với anh em. Đang ăn, ông đứng dậy nói:

- Anh em cứ ăn, tôi xuống nhà có chút việc.

Khoảng 15 phút sau, Đại Uý Nguyên, Chánh Văn Phòng Tư Lệnh hớt hải chạy lên báo cho biết Chuẩn Tướng Tư Lệnh đã tự sát rồi. Khi đó là 12 giờ 45 trưa 30/4/1975. Mọi người chạy vội xuống trailer, tôi là người đầu tiên bước vào căn buồng nhỏ, trong đó có đặt một chiếc giường lớn. Ông nằm đó với tư thế của một người đang nằm ngủ. Chân duỗi thẳng còn mang giày trận, cả thân hình nằm ngay, tay trái duỗi theo chiều xuôi, đầu nghiêng về bên phải, kê trên một chiếc gối màu trắng. Tay phải vung về phía trên. Gương mặt bình thản, đầy cương nghị, sự kiện đó nói lên lòng can đảm bất khuất, tự chọn cho mình một cái chết vinh quang. Ông nằm đó với nguyên bộ quân phục mà trước đó còn ngồi chung bàn ăn với chúng tôi, một vài vết máu vương trên gối và đầu giường. Một vết thương nhỏ từ cằm trở lên đầu, đường đạn đi thẳng, mạnh, đủ gây tử thương cho ông. Tôi lại gần và sờ tay thì còn hơi nóng, vội gọi Bác sĩ Đàm Quang Hiển, Tiểu Đoàn Trưởng TĐ5 Quân Y lại. Sau khi xem xét vết thương và bắt mạch, Bác sĩ Hiển nói: Chuẩn Tướng chết rồi. Trong bầu không khí đau thương đó, ai nấy bàng hoàng đau xót, mất đi người anh cả của Sư Đoàn. Anh em quân y làm phận sự lau chùi vết máu còn đọng lại trên mặt, da cổ và băng bó xong đặt nằm ngay ngắn trên giường. Tôi lệnh cho Đại Uý Nguyên thay quân phục mới, đeo huy chương cho Chuẩn Tướng. Trong giờ phút tang thương, thời gian như đọng lại.

Tất cả anh em lặng nhìn Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ nằm đó, tất cả đứng nghiêm, chào tay lần cuối, vĩnh biệt người anh hùng. Sau đó, trung đội Chung Sự của Sư Đoàn đến tẩm liệm và mai táng cạnh sân bay trực thăng. Được biết, 10 ngày sau, gia đình của Trung Tá Văn, Tham Mưu Phó CTCT/SĐ là anh em cột chèo của Chuẩn Tướng Vỹ lên lấy xác ông về và mai táng tại nghĩa trang Gò Vấp.

Trong Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn lúc này vẫn vắng lặng, cổng Nam và Bắc vẫn đóng, Việt cộng chưa thấy xuất hiện. Các sĩ quan đơn vị trưởng vẫn ở cùng đơn vị, sự kiện này nói lên tinh thần kỷ luật của quân đội được duy trì tới phút chót. 2 giờ 30 chiều ngày 30/4/1975, tôi ra lệnh cho Chỉ Huy Trưởng căn cứ Lai Khê mở cửa phía Nam cho tất cả anh em ra đi, chấm dứt ngày đau buồn nhất của SĐ5 nói riêng và toàn QL/VNCH kiêu hùng nói chung. Tôi vào văn phòng rồi ghé qua nhà lấy ít quần áo và tập họp anh em cùng qua Thiết Đoàn 1 do Trung tá Tánh chỉ huy di chuyển về hướng sân bay Phú Lợi. Đi nửa đường thì Thiết Đoàn liên lạc và đón nhận Chi Đoàn Thiết giáp M41 từ Bình Dương di chuyển qua, hợp lực đi về hướng Phú Lợi với ý định nếu thuận lợi thì đi về vùng IV. Nhưng tiếc thay, gần đến sân bay Phú Lợi bị kẹt lại vì một cây cầu sập gây gián đoạn cuộc di chuyển.

7 giờ 30 tối ngày 30/4/1975 tôi và các sĩ quan BTL/SĐ5 bị cộng sản bắt, chấm dứt 20 năm trong đời binh nghiệp đã từng chiến đấu khắp 4 vùng chiến thuật.



Tiểu sử Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh

Cố Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ (1933-1975)

Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ sinh năm 1933 tại Sơn Tây, Bắc Việt, xuất thân khoá 2 (Lê Lợi) Trường Võ Bị địa

phương Đập Đá Huế (1950-1951).

Ông ra trường từng phục vụ tại tiểu đoàn 19 Việt Nam tại miền Tây do Đại Uý Đỗ Cao Trí chỉ huy (cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí đã tử nạn vì máy bay nổ tại Trảng Lớn, Tây Ninh năm 1971). Tiếp đó, đi học nhảy dù tại Pháp. Về nước, ông được điều động về Lữ Đoàn Nhảy Dù. Ông từng giữ những chức vụ Đại Đội Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng. Năm 1969, ông về Sư Đoàn 5 làm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8. Năm 1971 là Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 21. Ông luôn giữ được lòng kính trọng của thuộc cấp. Năm 1972 tử thủ An Lộc, ông là người đầu tiên sử dụng M72 bắn cháy xe tăng địch, tạo một luồng gió mới cho binh sĩ các cấp thi nhau tìm tăng địch để hạ, làm thay đổi cuộc chiến tại An Lộc.

Năm 1973, trong một cuộc hành quân, trực thăng của ông bị rơi làm ông bị thương phải vào điều trị tại bệnh viện. Khi vết thương lành, ông được chỉ định đi học chỉ huy tham mưu cao cấp tại Mỹ. Trở về, ông phục vụ tại QĐIII với Trung Tướng Dư Quốc Đống. Năm 1974, ông được cử giữ chức Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh thay thế Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch. Sau nhiều chiến công oanh liệt tại Rạch Bắp, Phú Giáo, ông được thăng cấp Chuẩn Tướng tại mặt trận. Ông làm việc hăng say, bất kể giờ giấc, ra sức củng cố đơn vị, đặc biệt xin thượng cấp một số sĩ quan ưu tú về Sư Đoàn giữ những chúc vụ quan trọng. Với tính tình cởi mở, kiên trì, can đảm, ông đã vượt qua nhiều thử thách khó khăn để Sư Đoàn mạnh về mọi phương diện: tinh thần tác chiến cao, tổ chức đơn vị chặt chẽ về kỹ thuật, thống nhất chỉ huy tạo dựng một Sư Đoàn có tiếng trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.

Từ Vấn, K12

Sinh Hoạt Võ Bị Khắp Nơi



Buổi họp mặt Võ Bị Tại Detroit ngày 7 tháng 5 năm 2011

Michigan đang trong mùa xuân. Những ngày tháng lạnh lẽo của mùa đông đã qua đi và bầu trời bây giờ đang bắt đầu trở nên ấm áp, với các hoa đủ loại nở rộ trên khắp

các nẻo đường. Không gian và thời gian này thật lý tưởng cho một buổi gặp mặt giữa các người bạn, các người anh em đồng môn để kết chặt thêm tình thân và lòng quí mến.

Và như thế, buổi họp mặt của các Cựu SVSQ trường VBQGVN tại Detroit và các vùng phụ cận đã được diễn ra tại tư gia của Cựu SVSQ K23 Lê Khoa Toàn.

Vùng đất Detroit không có gì đặc biệt để quyến rũ các chàng Cựu SVSQ trường VBQGVN nên quân số ở đây thật khiêm nhường, chỉ có 6 anh và dĩ nhiên, cùng với các anh là sự hiện diện và hậu thuẫn đắc lực của các chị.

Hôm nay anh niên trưởng đầu đàn Nguyễn Khoa Lộc K18 và chị cùng hai cháu nội tới sớm nhất. Rồi sau đó lần lượt tới vợ chồng NT Hồ Hạc K19, vợ chồng NT Phạm Yêng K20, vợ chồng NT Nguyễn Văn Gio K19, sau cùng là người em út NĐ Vũ Tiến Hỷ K29. Hỷ đáng lẽ phải đi làm nhưng đã gọi điện thoại vào sở xin nghỉ để đến góp phần chung vui cùng các đàn anh.

Các món ăn ngày hôm nay do bà xã của Cựu SVSQ Lê Khoa Toàn phụ trách, với cháo gà thì sắp khét, thịt nướng thì khô chỉ có sườn nướng còn tạm tạm được... Để giúp đỡ, chị Lộc phải đổ cháo qua nồi khác cho bớt khét, chị Gio sửa lại nước mắm pha cho bớt mặn, chị Yêng phụ luộc bún, chị Hạc xấy bún trong microware cho bớt nước và điều khiển chương trình nhà bếp...

Thức ăn dù không xuất sắc nhưng tình nghĩa đồng môn thật đã tuyệt vời. Các anh cùng nhau hàn huyên, kể chuyện đời xưa, đời nay, ôn cố tri tân. Các chị nấu nướng, chọc ghẹo lẫn nhau. Sau bữa ăn, trong khi các anh tiếp tục bàn chuyện thời cuộc, các chị trổ tài ca hát. Chị Hạc với bản Niệm Khúc Cuối não nề làm cho những người đang sống trong hạnh phúc cũng phải cố gắng tưởng tượng ra một người tình đã mất để có một chút đau...

Cũng trong buổi tiệc anh Hồ Hạc đã nhắc nhở mọi người mua vé ủng hộ buổi gây quỹ giúp các Thương Phế Binh đã

không được may mắn như chúng ta, còn đang nghèo khổ, bị bạc đãi và sống với mặc cảm của người bại trận tại quê nhà.

Anh Hạc, xin cám ơn anh vẫn luôn giữ vững lập trường yêu nước, một nước VN tự do và không Cộng Sản. Xin cám ơn anh đã nhắc nhở mọi người phải nhớ đến và giúp đỡ những chiến sĩ đã một thời cùng chiến đấu với các anh cho một lý tưởng chung và đã hy sinh một phần thân thể của họ cho chính nghĩa Tự Do.

NT đàn anh, Nguyễn Khoa Lộc, cũng đã hứa sẽ giúp Ban Tổ Chức gây quỹ TPB làm một slideshow để chiếu trong đêm Văn Nghệ Tình Thương sẽ được tổ chức vào ngày 4 tháng 6 sắp tới tại Warren Michigan. Xin cám ơn anh Lộc.

Với lời nhắc nhở của NT Hạc, mọi người đều vui vẻ hưởng ứng việc mua vé ủng hộ TPB.

Xin cám ơn các NT, NĐ. Xin cám ơn ngôi trường Mẹ đã đào tạo ra những người chiến sĩ này. Vẫn còn trong tim các anh một nước VN tự do và độc lập cần phải bảo vệ. Vẫn còn trong các anh tình huynh đệ chi binh. Vẫn còn trong các anh bổn phận và lòng biết ơn đối với các Thương Phế Binh đã một thời cùng các anh chiến đấu cho một lý tưởng chung, lý tưởng giữ gìn tự do và độc lập cho một nước Việt Nam không Cộng Sản.

Buổi tiệc nào rồi cũng có lúc tàn. Mọi người ra về với những con tim ấm áp hơn, lòng thấy vui hơn và cùng hẹn gặp lại trong một tương lai thật gần.

Tạp ghi.

Đỗ Minh Nguyệt, K23B

Đại Hội Khóa 22 Võ Bị "46 Năm Hội Ngộ" Thành công rực rỡ

HOUSTON (TMN News).- Lúc 8:51G tối Chủ Nhật ngày 24 tháng tư 2011, Cựu Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận (Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Khóa 22) đã cắt bánh mừng sinh nhật năm thứ 46 kỷ niệm ngày nhập quân trường của các SVSQ/VB cuối năm 1965, giữa tiếng đồng ca vang dội bởi hơn 80 cựu SVSQ và Nàng Dâu Võ Bị Khóa 22. Họ quy tụ về thành phố Houston (Texas, USA) từ nhiều nơi, như Canada, Úc Châu, Na Uy, Pháp, Hoa Kỳ và Việt Nam.

Vị Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN cũng đặt vòng hoa tưởng niệm 108 Sĩ Quan K.22 đã khuất bóng, sau nghi lễ truy điệu các anh hùng tử sĩ xuất thân quân trường bậc nhất Đông Nam Á này.

Trong bài diễn văn, cựu Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận nhấn mạnh rằng: "Lịch sử của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (TVBQGVN) là lịch sử của môt thực thể gắn liền với lịch sử cận đại của dân tộc, của lịch sử chiến tranh VN nói chung và của giòng Quân Sử Việt nói riêng. Khóa 22 nhập học đúng vào thời điểm TVBQGVN chuyển mình trở lại Chương Trình Huấn Luyện 4 năm theo tiêu chuẩn của Trường Võ Bị Westpoint Hoa kỳ. Hãy trân quý tinh thần TỰ THẮNG ĐỂ CHỈ HUY, phương châm tu thân hàng đầu của TVBQGVN, bởi đó là điều kiện tiên quyết để thành công. Hãy giữ vững ý chí thực thi Lý Tưởng Quốc Gia Dân Tộc (QGDT). Con người có lý tưởng là người có ý chí quyết tâm thực hiện cho bằng được lý tưởng mà mình đã chọn lựa. Hãy ngẩng mặt hãnh diện về sự chọn lựa gia nhập TVBQGVN của đời mình để phụng sự Tổ Quốc. Hãy giữ vững niềm tin vào tiền đồ dân tộc, bởi lẽ cuối cùng thì chính nghĩa QGDT sẽ

thắng, và sự nghiệp cán bộ của chúng ta, thế hệ con cháu chúng ta, sẽ thành đạt".

Đại Hội Khóa 22 Võ Bị 46 năm hội ngộ kéo dài trong 2 ngày 23 & 24 tháng tư năm 2011, tại thành phố Houston tiểu bang Texas (USA).

Ngày đầu, các cựu SVSQ hiện diện đã bầu cử Tân Ban Đại Diện Khóa 22 gồm: Đại diện Lê Viết Đắc, Phó đại diện Huỳnh Kim Chung, Thư Ký Giang Văn Nhân & Thủ quỹ Đỗ Văn Chánh. Sau phần phát biểu của một số bạn đồng khóa, thi sĩ Quốc Nam (cựu SVSQ Đại Đội C22) lên tiếng mong mỏi tất cả các SVSQ cùng Khóa hãy cộng tác tích cực để sớm hoàn thành quyển Kỷ-Yếu đặc biệt dành cho gia đình và lưu lại cho các thế hệ tương lai. Theo ông, Ban Biên Tập hiện gồm 4 cựu SVSQ cầm bút là Cả Cần ĐVC, Kiều Công Cự, Giang Văn Nhân và Quốc Nam.

Tiếp theo là tiệc thân mật cùng phần văn nghệ, điều khiển bởi 2 cựu Sĩ Quan Nhẩy Dù gốc Võ Bị là Phạm Ngọc Đăng & Trương Văn Út.

Chương trình Dạ Hội tổ chức tại nhà hàng Ocean Palace tối 24/4 được ghi nhận là thành công tốt đẹp. Sân khấu trang trí đầy màu sắc mỹ thuật, với hình ảnh người SVSQ Võ Bị đang giương cung bắn tên đi 4 phương trời. Nhiều người trong Dạ Hội đã chú ý tới tấm biểu ngữ ghi hàng chữ lớn "Chúng tôi không tìm an lạc dễ dàng, mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm". Hai cựu SVSQ/K22 Nguyễn Ngọc Khoan (Biệt Động Quân) và Phạm Ngọc Đăng (Nhẩy Dù) cùng giới thiệu toàn bộ chương trình rất nhịp nhàng và sinh động.

Dịp này, 3 quả phụ Võ Bị K.22 được choàng vòng hoa danh dự bởi Đại Diện Khóa là ông Lê Viết Đắc. Đồng thời 34 Nàng Dâu Võ Bị cũng được các phu quân choàng vòng hoa yêu thương.

Chương trình ca nhạc và dạ vũ khá đặc sắc. Ngoài một số tiếng hát của gia đình Võ Bị K.22 và các nam nữ ca sĩ của Ban Nhạc Maxim, còn có 2 ca sĩ đến từ California là Trần Thái Hòa & Ninh Cát Loan Châu.

Phái viên chúng tôi ước lượng 500 quan khách và gia đình Võ Bị K.22 hiện diện trong Dạ Hội. Các Hội Đoàn Quân Đội tham dự đông đủ, gồm: Nhẩy Dù, Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Lực Lượng Đặc Biệt, Sư Đoàn Bộ Binh, Không Quân, Hải Quân, Quân Cảnh, Pháo Binh, các Khóa Võ Bị Dalat v.v... Quan khách đặc biệt có mặt ông bà Lê Văn (nguyên Giám Đốc chương trình Việt Ngữ Đài VOA), bác sĩ Phạm Gia Cổn (gốc Nhẩy Dù VNCH, giáo sư Đại Học UCLA), ông Lý Văn Mẹo (nguyên Sĩ Quan Cán Bộ SVSQ Đại Đội C Khóa 22), ông Trần Ngọc Toàn (cựu SVSQ K.16 VB, Hội Trưởng Hội cựu SVSQ/ TVBQGVN Houston), ông Trương Văn Cao (cựu SVSQ K.18 VB, Tổng Hội Trưởng T.H. Quân Cảnh), giáo sư VB Dương Văn Lý v.v...

Được biết Ban Tổ Chức Đại Hội Khóa 22 Võ Bị 46 năm hội ngộ, gồm: Huỳnh Kim Chung (Trưởng Ban), Trương Văn Út, Nguyễn Ngọc Khoan, Nguyễn Kim Chung, Trần Đình Ấn, Giang Văn Nhân, và bà Quả Phụ Đặng Sanh Hải.

Theo sự tìm hiểu của phái viên chúng tôi, tổng số 276 thanh niên nhập học Khóa 22 TVBQGVN năm 1965, thì 259 Sĩ Quan tốt nghiệp, và 151 cựu Sĩ Quan còn sống sót. Tại hải ngoại, nhiều cựu Sĩ Quan K.22 đã tốt nghiệp Đại Học, trong nhóm này một số có học vị Tiến Sĩ.

Một số khuôn mặt trong Khóa này nổi bật là ca sĩ Phạm Ngọc Đăng (Sĩ Quan Nhẩy Dù, Tài Tử chính trong phim "Một Trang Nhật Ký Quân Trường" với nữ tài tử Hồng Quế), nhà văn Kiều Công Cự (Sĩ Quan Thủy Quân Lục Chiến, người đang soạn thảo Quân Sử của Sư Đoàn TQLC), thi sĩ Quốc Nam (Sĩ Quan Quân Báo, nhà thơ nhà báo kỳ cựu, tác giả duy nhất trong 31 khóa viết sách về tâm tình người SVSQ Võ Bị Dalat với thi tập "Tình Ca Lính Alpha

Đỏ" xuất bản năm 1968, hiện là Tổng Giám Đốc Global SRBS-HD Radio 24/7) v.v...

Chú thích 2 tấm hình.-

- Toán quân quốc kỳ K.22 chuẩn bị chào cờ Việt-Mỹ. Photo by TMN News





- Cựu Đ/T Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN (giữa) cùng các cựu SVSQ & Nàng Dâu Võ Bị. Photo by TMN News.

Hội Võ Bị Houston Mừng Xuân Tân Mão



Đón chào Xuân Tân Mão, Hội cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia VN tại Houston đã long trọng tổ chức Buổi Dạ Tiệc Mừng Xuân tại nhà hàng Kim Sơn Bellaire, vùng Tây Nam Houston, lúc 6 giờ chiều Chủ Nhật ngày 27 tháng 2 năm 2011.

Buổi họp mặt đầu Xuân đã thu hút hơn 400 người hiện diện; ngoài đại gia đình Võ Bị Houston còn có một số các cựu SVSQ từ xa đã đưa gia đình về họp mặt để đón chào năm mới đồng thời tìm lại tình cảm thân thương và kỷ niệm của một thời trai trẻ. Buổi Họp mặt còn có sự tham dự nhiều hội đoàn quân đội đang sinh hoạt trong thành phố Houston như Hội cựu SVSQ Trường Võ Khoa Thủ Đức, Thiếu Sinh Quân, Gia Đình Mũ Đỏ, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Không Quân, Hải Quân, Liên Đoàn 81 Biệt Cách

Dù, Quân Cảnh..v.v.

Về phía quan khách, có Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thọai và phu nhân, Đại tá Liêu Quang Nghĩa, Dân Biểu Hubert Võ... Không kể trong hàng đại niên trưởng của trường còn có N/T Thiếu Tướng Mạch Văn Trường K12 và phu nhân, N/T Đại Tá Từ Nguyên Quang K3, N/T Đại Tá Tô văn Kiểm K3. Đặc biệt trong dịp này, Hội Võ Bị Houston hân hạnh được đón tiếp CSVSQ Tổng Hội Trưởng Nguyễn Văn Chấn K9 và Phu nhân đến từ California.

Chương trình khai mạc lúc 7:00 giờ, với nghi thức chào cờ Mỹ-Việt và dưới sự điều động của MC CSVSQ Hồ Sắc K21.Tất cả cựu quân nhân mặc quân phục binh chủng được mời lên làm toán dàn chào để cử hành nghi thức rước Quốc Quân Kỳ. Màu Alpha Đỏ chen lẫn với màu áo xanh hoa rừng, Kaki vàng, Hoa Dù làm cho hội trường có màu sắc rực rỡ, ấm áp giữa khi trời vào Xuân vẫn còn mang hơi lạnh.

Trên sân khấu, Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên Houston hôm nay xinh xắn trong chiếc áo dài xanh màu ma non và quàng



dây mang tên Phụ Nữ Lâm Viên. Một đời thanh xuân bên

chồng, nay tuổi đã cao, vẫn một lòng gắn bó, ở đâu có anh, là ở đó có em. Các chị lúc nào cũng bên cạnh yểm trợ các anh trong mọi hoàn cảnh.

Ban Hợp Ca gồm Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên và toàn thể cựu SVSQ Võ Bị cùng hát bài "Võ Bị Hành Khúc". Hát hay không bằng hay hát, đây là dịp để mọi người nhớ lại mái trường xưa, đồng đội cũ sau hơn 30 năm lưu lạc xứ người, qua bài hát tiêu biểu của trường mẹ.



Mở đầu phần phát biểu là lời chào mừng và cám ơn của CSVSQ Hội Trưởng Trần Ngọc Toàn K16. Niên Trưởng HT đã chân thành cám ơn các hội đoàn bỏ thì giờ quí báu đến vui xuân cùng Hội, thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó. Đồng thời ca tụng và giới thiệu các goá phụ của Hội Võ Bị đang hiện diện trong hội trường. Những phụ nữ một đời tận tụy bên chồng. Khi chồng vị quốc vong thân, đã tần tảo, nuôi con thành danh. N/T Hội Trưởng đã không quên giới thiệu các hậu duệ của gia đình Võ Bị, trong tương lai sẽ là Đoàn Thanh Niên Đa Hiệu, tiếp tục sứ mạng dang dở của cha, ông và cám ơn sự cộng tác của toàn thể Ban Chấp Hành

Kế đến là phần phát biểu và chúc Tết của CSVSQ Chủ tịch Hội Đồng Tư Vấn, Thiếu Tướng Mạch văn Trường K12. Niên Trưởng CT/HĐTV đã ngõ lời khen ngợi sự làm việc của Ban Chấp Hành đương nhiệm, đã đi đúng Nội Qui, đường lối, xây dựng tinh thần đoàn kết của anh em cùng mái trường Mẹ. Niên Trưởng CT/HĐTV đã kêu gọi tập thể Võ Bị cần đề cao cảnh giác về tình hình địa phương đang có biến động, đối phương đang tìm cách chia rẽ khối người Việt tị nạn, nên đoàn kết giử vững lập trường của người Việt quốc gia, trước sau như một. Và ông kết luận:

"Chế độ CS trước sau gì cũng đi tới cáo chung, chỉ còn là thời gian sớm hay muộn. Từ hơn nửa thế kỷ qua, quyết định chọn ý thức hệ của anh, em chúng ta rất đúng. Trong chiến tranh chúng ta đã dũng cảm chiến đấu chống CS bảo vệ Quốc Gia VN do ông cha để lại, là việc làm có chính nghĩa, đã đi vào lịch sử được sự ngưỡng mộ và thương mến của toàn dân. Ngày nay, quãng đời còn lại, sống lưu vong hải ngọai, dù tình huống nào, anh em chúng ta hãy nêu cao tinh thần Võ Bị: Luôn luôn nuôi chí hiên ngang. Không sờn nguy hiểm, không màng hiển vinh".

CSVSQ Tổng Hội Trưởng Nguyễn Văn Chấn K9 cũng đã được BTC mời lên phát biểu ý kiến. Sau phần chúc Tết quan khách và gia đình Võ Bị Houston, Niên Trưởng THT cũng không quên nhắc đến đời sống đau khổ của anh em Thương Phế Binh ở quê nhà, cho nên gia đình Võ Bị hải ngọai, đã chia xẻ chút quà "Cây Mùa Xuân" cho anh em TPB và cho các qủa phụ Võ Bị, đó là do sự đóng góp của gia đình Võ Bị toàn cầu, các đoàn Phu Nữ Lâm Viên, các hội đoàn ân nhân. Niên Trưởng THT cũng nhắc đến thành phố Đà Lạt, nơi có ngôi trường Mẹ thân yêu. Ở hải ngọai, mỗi khi xuân về, nhìn hoa đào nở rộ, là thấy bao nhiêu kỷ niệm thời trai trẻ hiện về. Năm nay tết Tân Mão, với những biến động chánh trị xảy ra tại Trung Đông đang lan rộng trên toàn cầu, chúng ta mong năm mới, sẽ là năm toàn dân Việt sẽ có cuộc sông ấm no, thanh bình hạnh phúc và có

tự do, nhân quyền.

Đúng 8:00 giờ, cơm tối đã dọn ra và phần văn nghệ bắt đầu với phần Hợp ca của Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên và CSVSQ Khoá 25 Houston do sự hướng dẫn của Chị Vĩnh Quốc K16 và CSVSQ Lê Tùng K25. MC CSVSQ Nguyễn Ngọc Khoan K22 điều khiển phần văn nghệ cho đêm họp mặt Mừng Xuân năm nay đã được mọi người tán thưởng nồng nhiệt. Các giọng ca chuyên nghiệp đã xen lẫn vào các tiết mục văn nghệ "cây nhà lá vườn" của gia đình quân đội Houston làm cho chương trình thêm phong phú và hấp dẫn. Chín giờ ba mươi, khi đèn trong hội trường tắt bớt, nhịp điệu Paso bắt đầu cho chương trình dạ vũ vui tươi mừng năm mới.

Buổi Dạ Tiệc đã chấm dứt lúc 11:00 giờ đêm như dự trù của BTC. Khi ra về tất cả còn mang theo nụ cười với niềm lưu luyến khi chia tay trong tiếng thì thầm:"Buổi Họp Mặt Mừng Xuân năm nay của Hội Võ Bị Houston đông đảo hơn, các "cùi" Võ Bị trong bộ Jaspé dạo phố mùa đông nhiều hơn ...và nhất là không khí ấm áp và thâm tình hơn những năm trước đây...".

Tường Thuật từ Houston, Texas

Nguyễn Xuân Thắng K25, Hội Phó Nội Vụ











Chúc Mừng

Nhận được hồng thiệp báo tin Anh Chị Lê Nguyễn Thiện Truyền cử hành Lễ Thành Hôn cho con trai là cháu:

ANDY VĨNH ĐẠO LÊ NGUYỄN

Đẹp duyên cùng cô:

JUDY THẢO TĂNG

Hôn lễ được cử hành vào ngày Chủ Nhựt, 17 tháng 4 năm 2011, tại tư gia.

Đại Gia Đình K20 xin chia vui cùng Anh Chị Truyền, và thương mến chúc hai cháu Andy Vĩnh Đạo & Judy Thảo

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC
SẮT CẦM HÒA HỢP

Lê Tấn Tài
Đại Diện K20

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cựu SVSQ NGUYỄN KIM TRIỆU
Khóa 10/TVBQGVN
Vừa qua đời ngày 9 tháng 5 năm 2011
(Nhằn ngày 7 tháng 4 năm Tân Mão)
Tại An Giang, Việt Nam
Hưởng Thọ 87 tuổi
Tổng Hội/CSVSQ/TVBQGVN chân thành chia buồn
cùng Tang Quyến và Đại Gia Đình CSVSQ/K10
Nguyện cầu Hương Linh CSVSQ Nguyễn Kim Triệu
sớm được về nơi Cõi Vĩnh Hằng

Ban Chấp Hành Tổng Hội

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cựu SVSQ NGUYỄN VĂN KHUYẾN
Khóa 5/TVBQGVN
Vừa qua đời ngày23 tháng 6 năm 2011
(Nhằn ngày 22 tháng 5 năm Tân Mão)
Tại San Jose, California, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 80 tuổi
Tổng Hội/CSVSQ/TVBQGVN chân thành chia buồn
cùng Tang Quyến và Đại Gia Đình CSVSQ/K5.
Nguyện cầu Hương Linh CSVSQ Nguyễn Văn Khuyến
sớm được về nơi Cõi Vĩnh Hằng

Ban Chấp Hành Tổng Hội

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cựu SVSQ NGUYỄN QUANG MINH
Khóa 20 /TVBQGVN
Vừa qua đời ngày 21 tháng 5 năm 2011
(Nhằm ngày 19 tháng 4 năm Tân Mão)
Tại Bến Tre, Việt Nam
Hưởng Thọ 71 tuổi
Tổng Hội/CSVSQ/TVBQGVN chân thành chia buồn
cùng Tang Quyến và Đại Gia Đình CSVSQ/K20
Nguyện cầu Hương Linh CSVSQ Nguyễn Quang Minh
sớm được vãng sanh An Lạc Quốc

Ban Chấp Hành Tổng Hội

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cựu SVSQ TRẦN QUỐC DÕNG
Khóa 17/TVBQGVN
Vừa từ trần ngày 27 tháng 5 năm 2011
(Nhằm ngày 25 tháng 4 năm Tân Mão)
Tại Đà Nẵng, Việt Nam
Tổng Hội/CSVSQ/TVBQGVN chân thành chia buồn
cùng Tang Quyến và Đại Gia Đình CSVSQ/K17
Nguyện cầu Hương Linh CSVSQ Trần Quốc Dõng
sớm được vãng sanh An Lạc Quốc

Ban Chấp Hành Tổng Hội

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cựu SVSQ TRẦN PHƯƠNG QUẾ
Khóa 10 Phụ/TVBQGVN
Vừa qua đời ngày 6 tháng 4 năm 2011
Tại Florida, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 85 tuổi
Tổng Hội/CSVSQ/TVBQGVN chân thành chia buồn cùng Tang Quyến và Đại Gia Đình CSVSQ/K10 Phụ Nguyện cầu Hương Linh CSVSQ Trần Phương Quế sớm được vãng sanh An Lạc Quốc

Ban Chấp Hành Tổng Hội

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cựu SVSQ LÊ VĂN HUYÊN
Khóa 18/TVBQGVN
Pháp Danh TÂM TÍCH
Vừa từ trần ngày 16 tháng 4 năm 2011
Tại New York, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 72 tuổi
Tổng Hội/CSVSQ/TVBQGVN chân thành chia buồn cùng Tang Quyến và Đại Gia Đình CSVSQ/K18 Nguyện cầu Hương Linh CSVSQ Lê Văn Huyên sớm được vãng sanh An Lạc Quốc

Ban Chấp Hàng Tổng Hội

CẢM TẠ



Gia đình Ông Trần Phương Quế xin chân thành cảm tạ

- Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam
- Các Liên Hội, Hội, Khóa và các CSVSQ/TVBQGVN
- Quý Vị đại diện Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù
- Quý Vị đại diện Trung Đoàn 9 Sư Đoàn 5 Bộ Binh
- Quý Vị các gia đình Thông Gia
- Quý thân bằng quyến thuộc và các thân hữu gần xa đã thăm viếng, phúng điếu, phân ưu, cầu nguyện, điện thoại, điện thư, gởi vòng hoa, tới dự lễ an táng và tiễn đưa linh cữu Chồng, Cha, Ông của chúng tôi đến nơi hỏa táng là:

TRẦN PHƯƠNG QUẾ

(Cựu SVSQ/K10 phụ /TVBQGVN)

Cựu Đại Tá Trung Đoàn Trưởng/TĐ9/SĐ5/BB

Mệnh chung ngày 6 tháng 4 năm 2011 tại Florida, Hoa Kỳ

HƯỞNG THỌ 85 TUỔI

Lòng ưu ái của Quý Vị đã an ủi gia đình chúng tôi thật nhiều

Ân tình đó chúng tôi xin suốt đời ghi nhớ.

Trong lúc tang gia bối rối, chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính xin Quý Vị niệm tình tha thứ

Tang Gia Đồng Cảm Tạ

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn cậu của bạn Vương Mộng Long K20/TVBQGVN là:

Đại Tá TRẦN PHƯƠNG QUẾ

(Khóa 10 Phụ/TVBQGVN)

Trung Đoàn Trưởng/TĐ9/SĐ5/BB

Đã qua đời ngày 06/4/2011 tại Florida, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 85 tuổi

Toàn thể Đại gia Đình K20 xin chân thành chia buồn cùng Anh Chị Vương Mộng Long & Tang Quyến. Nguyện cầu Hương Linh Đại Tá TRẦN PHƯƠNG QUẾ sớm được vãng sanh An Lạc Quốc

TM. Ban ĐạiDiện Khóa

Cựu SVSQ Lê Tấn Tài

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Khóa 20 rất đau buồn nhận được tin:

CSVSQ NGUYỄN QUANG MINH

Khóa 20/TVBQGVN

Đã từ trần ngày 21 tháng 5 năm 2011

(*Nhằm ngáy 19 tháng 4 năm Tân Mão*)

Tại Quới Sơn, Bến Tre, Việt Nam

Hưởng Thọ: 71 tuổi

Toàn thể Đại Gia Đình K20/TVBQGVN chân thành xin chia buồn cùng Tang Quyến. Nguyện cầu Hương Linh bạn hiền NGUYỄN QUANG MINH sớm được vãng sanh Cực Lạc Quốc

TM. Ban Đại Diện Khóa

Cựu SVSQ Lê Tấn Tài

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cựu SVSQ NGUYỄN KIM TRIỆU
Khóa 10/TVBQGVN
Vừa qua đời ngày 9 tháng 5 năm 2011
(Nhằm ngày 7 tháng 4 năm Tân Mão)
Tại An Giang, Việt Nam
Hưởng Thọ 87 tuổi
Liên Hội CSVSQ Úc Châu thành kính chia buồn
cùng Tang Quyến và Đại Gia Đình CSVSQ/K10
Nguyện cầu Hương Linh người Qúa Cố
sớm được yên nghỉ nơi Cõi Vĩnh Hằng

Liên Hội CSVSQ VB Úc Châu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Thân Mẫu Cựu SVSQ HỒ VĂN CÁC
Khóa 21/TVBQGVN là:
Cụ Bà NGUYỄN THỊ CHÂU
Đã mãn phần ngày 9 tháng 5 năm 2011
(Nhằm ngày 7 tháng 4 năm Tân Mão)
Tại Sydney, Úc Châu
Hưởng Thọ 93 tuổi
Liên Hội CSVSQ Úc Châu thành kính chia buồn
cùng Cựu SVSQ Hồ Văn Các và Tang Quyến.
Nguyện cầu Hương Linh Cụ Bà NGUYỄN THỊ CHÂU
sớm được tiêu diêu nơi Miền Cực Lạc

Liên Hội CSVSQ VB Úc Châu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Thân Mẫu Bạn Đào Thanh Nhã B30 là:
Cụ Bà LÂM THỊ TÚ
Pháp Danh DIỆU THẠNH
Đã từ trần ngày 22 tháng 5 năm 2011
(nhằm ngày 20 tháng 4 năm Tân Mão)
Tại Sacramento, California, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 90 tuổi.
Gia đình K30 Thành Kính Phân Ưu cùng Anh Chị Nhã,
các cháu và Tang Quyến.
Nguyện cầu Hương Linh Cụ Bà
sớm Siêu Thăng Tịnh Độ.
Gia Đình K30/TVBQGVN

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Thân Mẫu Bạn Nguyễn Thanh Liêm C30:
Cụ Bà LÊ THỊ CHẤN
Phẩm Vị GIÁO THIỆN
Đã từ trần ngày 10 tháng 6 năm 2011
(nhằm ngày 9 tháng 5 năm Tân Mão)
Tại Tây Ninh, Việt Nam
Hưởng Thọ 93 tuổi.
Gia đình K30 Thành Kính Phân Ưu cùng Anh Chị Liêm, các cháu và Tang Quyến.
Nguyện cầu Hương Linh Cụ Bà sớm vào Nơi Thái Bình Cực Lạc.

Gia Đình K30/TVBQGVN

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Khóa 20 vô cùng đau buồn nhận được tin:
Giuse ĐOÀN XUÂN TẢI
Khóa 20/TVBQGVN
Đã từ trần ngày 5 tháng 7 năm 2011
(Nhằm ngày 5 tháng 6 năm Tân Mão)
Tại Sàigòn, Việt Nam
Hưởng Thọ: 73 Tuổi
Toàn thể Đại Gia Đình Cựu SVSQ/K20/TVBQGVN
Chân thành chia buồn cùng chị Tải,
các Cháu và toàn thể Tang Quyến.
Nguyện cầu Linh Hồn Giuse ĐOÀN XUÂN TẢI
sớm được hưởng Nhan Thánh Chúa
THÀNH KÍNH PHÂN ƯU
TM. Đại Gia Đình Cựu SVSQ/K20/TVBQGVN
Cựu SVSQ Lê Tấn Tài

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động nhận được tin buồn:

Bạn Giuse LÊ ĐÌNH HƯƠNG
CSVSQ/K16/TVBQGVN
Đã từ trần ngày 13 tháng 6 năm 2011
Tại Phoenix, Arizona, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ: 73 Tuổi
Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Chị Lê Đình Hương và Tang Quyến. Nguyện cầu Linh Hồn Bạn Giuse sớm được hưởng Nhan Thánh Chúa.

Đại Gia Đình Cựu SVSQ/K16/TVBQGVN
Thành Kính Phân Ưu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Hiền Nội Bạn Ngô Phùng Cần G30:

Bà MARTHA NGUYỄN THỊ LỘC

Đã qua đời ngày 27 tháng 6 năm 2011
(nhằm ngày 26 tháng 5 năm Tân Mão)
Tại Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
Hưởng Dương 57 tuổi.

Gia đình K30 Thành Kính Phân Ưu cùng Bạn Cần, các cháu và Tang Quyến.

Nguyện cầu Linh Hồn Martha sớm được hưởng Thánh Nhan Chúa.

Gia Đình K30/TVBQGVN





Lời Cuối

Ban Biên Tập Đa Hiệu xin chân thành tri ân quý giáo sư, quý NT, quý tác giả, và toàn thể đại gia đình Võ Bị đã đóng góp tài chánh, bài vở, bỏ nhiều công sức, và thì giờ để đặc san Đa Hiệu 94 đến được với bạn đọc bốn phương.

Vì số trang có hạn và do đòi hỏi của BBT, một số bài gửi đến toà soạn đã không được chọn đăng trong số này, xin quý NT và các bạn thông cảm. Chúng tôi vẫn mong được đón nhận những sáng tác mới của quý vị.

Mặc dù BBT đã rất cố gắng nhưng chúng tôi biết vẫn còn nhiều thiếu sót trong việc in ấn, những lỗi phạm về chính tả, lỗi đánh máy và layout v.v... xin quý tác giả và bạn đọc niệm tình bỏ qua.

Sau hết, toàn Ban Biên Tập Đa Hiệu xin kính chúc quý giáo sư, quý NT cùng toàn thể bạn đọc xa gần những khoảnh khắc thật thú vị bên những trang Đa Hiệu nồng ấm tình chiến hữu của một thời chinh chiến đã qua.

Thân chào Đoàn Kết và Quyết Thắng.

Hẹn một ngày tái ngộ.

BBT/ĐH

